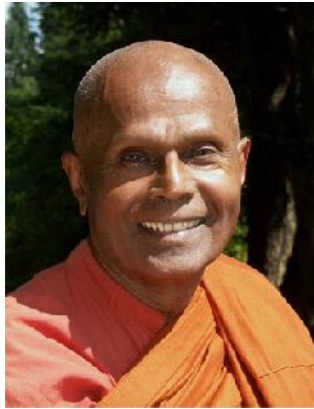


HÀNH TRÌNH TÂM CHÁNH NI M



Bhante Henepola Gunaratana

Địch giả: Di u Liên Lý Thu Linh

Nguồn: www.budsas.org

Ng i th c hi n: Thu i nh – Di u H ãng Th y - thuhoaidinh.hn@gmail.com

Chuy n sang ebook 26-04-2014

Ng i th c hi n: Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio T i Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

M c L c

CÁC TÁC GI

L I N Ó I U

L I N G I D C H

Ch ãng 1: Kho báu nh

Ch ãng 2: Cu c s ãng không nhà

Ch ãng 3: M t cu c ch y tr n

Ch ãng 4: Xu t gia l n n a

Ch ãng 5: Tr ãng Ph t h c

- Chương 6: Thi sĩ ghi i
- Chương 7: Thu c ch a cu i cùng: Thi n quán
- Chương 8: Ph n u c h c
- Chương 9: Th y truy n giáo
- Chương 10: V t i d ng n n
- Chương 11: Xá l i Ph t và c t Lai L t Ma
- Chương 12: Gi a nh ng ng i h ti n
- Chương 13: D i cây i B
- Chương 14: Hành trình tr l i nhà
- Chương 15: á m tang cha
- Chương 16: Malaysia
- Chương 17: L i m i n ph ng Tây
- Chương 18: n M
- Chương 19: Ngh a v lao kh
- Chương 20: B l m là ph n
- Chương 21: Viên ch c Bhante G.
- Chương 22: G p m l n cu i
- Chương 23: Ông có ph i là ngài Gunaratana?
- Chương 24: Ra riêng
- Chương 25: Xây tu vi n
- Chương 26: Vô giá
- Chương 27: Tr ng t ng oàn Nayaka
- L i cu i

CÁC TÁC GI

Bhante Henepola Gunaratana, ng ười Tích Lan (Sri Lanka), là tác gi ả của hai quyển sách do nhà xu ất b ản Wisdom Publications ấn hành, Mindfulness In Plain English (Chánh Ni ệm - Th ực T ập Thi ết Quán, d ịch gi ữ Nguy ễn Duy Nhiên) và Eight Mindful Steps to Happiness: Walking The Buddha's Path (t ạm d ịch: Bát Chánh ạo: B ậc Theo D ạo Chân Ph ật). Là m ột tu sĩ Ph ật giáo trong g ần 65 n ăm, S ẽ t ừ c ả danh hi ệu cao nh ất B ậc M ười a phái Siyam Nikaya, thu ộc Ph ật giáo Nguyên Th ật. Sau khi qua M ỹ n ăm 1968, S ẽ l ập b ằng Ti ết s ỹ v ị trí th ầy i ả h ọc American ở Washington, D.C. S ẽ ẽ qua các n ước châu Âu, châu Á, Úc và Nam M ỹ h ướng d ẫn các khoá an c ử tu thi ết. N ăm 1988 S ẽ th ành l ập H ội Bhavana, m ột tu vi ện/trung tâm tu thi ết ở West Virginia, n ơi S ẽ hi ện ảng sinh s ống.

Jeanne Malmgren, là m ột Ph ật t ử thu ần th ành. Cô là phóng vi ên báo và t ập chí 23 n ăm nay. Các bài vi ết c ả cô ều gi ữ i ả th ờng Florida Society of Newspaper Editors (H ội Biên T ập Báo Chí Florida), và Society of Professional Journalists (H ội Nhà Báo Chuyên Nghi ệp). Cô s ống ở Seminole, Florida, v ị ch ợng, và ba con gái ều sinh ra ở Campuchia.

---o0o---

L ỜI NÓI Ữ

V ị t ất truy ền có l ẽ không ph ải là chuy ền m ột v ị t ể k ẻo, m ột nhà s ư Ph ật giáo nên làm, vì các t ể k ẻo chúng tôi ph ải luôn ph ấn ữ đi t ừ ã, không ph ải ộtôn vinh nó. Qua thi ết quán và chánh ni ệm chúng tôi mu ốn tu ập buông b ỏ ái l uyến, th ực hành vô ã. V ậy thì t ừ i ả sao tôi l ẽ i ả vi ết c ả m ột quyển sách v ề mình?

C ồng khá l ẽ l ười là ý t ừ ãng y ả i ả trong nh ững khoá thi ết c ả a tôi.

B ất c ả khi nào h ướng d ẫn m ột khoá thi ết, tôi th ờng yêu c ầu các thi ết sinh vi ết các câu h ỏi ra gi ữ, r ả i ả vào trong m ột cái h ộp. M ột i ả, sau bu ổi thuy ết pháp chính th ực c ả a tôi, gi ữ ãng v ề nh ững i ả d ục n ữ b ữ c ả a ều Ph ật, tôi b ữ c ả m ột vài t ừ gi ữ ó ra kh ỏi h ộp, t ừ ãng cái t ừ ãng c ả i ả, và tr ả l ẽ i ả b ữ c ả a câu h ỏi gi ữ ó.

Th ờng các thi ết sinh mu ốn bi ết v ị c ả hành thi ết: làm th ế nào ều ãng trì c ả m ả c ả mà h ẽ th ực hành ều c ả các k ẻo hoá tu; h ẽ ph ải làm gì khi quá ph ấn n ữ n ữ i ả không th ờng i ả yên; làm th ế nào ều th ực hành n ữ h ữ không có m ột v ị th ực t ừ c ả nh ữ bên. Tuy nhiên, ời khi c ả ãng có ãng i ả h ữ i ả v ị c ả c ả i ả tôi:

“Th ả, S ẽ tu ừ c ả bao lâu r ả i ả?”

“Th ả, là ãng i ả sinh ra và tr ờng th ành ười Tích Lan, S ẽ có c ả m ả giác th ế nào?”

“Th ả, làm sao S ẽ có th ể gi ữ c ả các gi ữ i ả lu ật c ả ãng i ả tu trong cái th ể gi ữ i ả ãng nh ữ ãng c ả ãng d ẫn y ả?”

Khi tr l i nh ng lo i câu h i này tôi th ng lan man, dông dài. Tôi k nh ng câu chuy n v i tôi và các thi n sinh có v r t thích thú. Thi n ng, th ng là n i yên t nh, l i y vang ti ng c i. Các thi n sinh th ng nói, “Bhante, S nên vi t quy n t truy n c a mình”.

Tôi ã c m t vài câu chuy n i c a các v th y tâm linh nam c ng nh n , và trong ó, lúc nào hình nh c ng có nh ng vi c m u nhi m, l th ng x y n cho nhân v t chính. ôi khi, nhân v t chính có th là ng i ã t o ra nh ng phép m u ó.

c nh ng câu chuy n y n t ng này, ng i ta có th k t lu n r ng nh ng ng i s ng v tâm linh đ u g i c ng r t khác v i ng i bình th ng. Nh ng i v i tôi, tôi không th k v m t s m u nhi m nào. Su t cu c i, tôi ch là m t ng i bình th ng. Ngay t th i tr , tôi ã c đ y r ng, n u siêng n ng làm vi c thì tôi s c nh ng k t qu t t - không có gì là th n k v i u ó. Có th đ i nhi u cách nhìn, cu c i c a tôi c ng r t gi ng cu c i c a b n.

Vì th tôi r t do đ khi vi t quy n sách mà các t c a tôi ã ngh . Tôi lo âu r ng nó s là m t bi u hi n c a ngã m n, lo s r ng ng i ta có th ngh tu i già, tôi ã tr nên r đ i và quá ch p ngã.

“Không nh t thi t là v y,” m t ng i b n ã b o tôi. “Có th qua câu chuy n i mình, S s l i m t bài h c gì ó”. Tôi ã suy ngh v i u n y. Tôi ã quán sát v cu c i mình và nh n ra r ng, vâng, ây th t s có th là m t c h i m i ng i th y r ng giáo lý c a c Ph t là nh ng l i h ng đ n tuy t đi u, khi n cho m t ng i t m th ng nh b n thân tôi có c m t cu c i tràn y h nh phúc, tràn y t t i.

Là m t tu s , tôi ã hi n dâng cu c i mình b o v và duy trì giáo lý c a c Ph t. Ng c l i, Ph t Pháp c ng ã b o v và duy trì tôi. ó là nh ng gì tôi ã h c c trong su t 75 n m c a cu c i. C n b n ó là nh ng gì tôi mu n chia s v i b n trong nh ng câu chuy n dông dài v cu c i tôi.

Thí d , tôi có th nói m t cách thành th t r ng b t c khi nào tôi c m th y t cao, t i trong cu c i mình, thì tôi ph i lãnh ch u nhi u au kh . Khi còn là m t tu s tr trong các Ph t h c vi n, tôi th ng dò xét các huynh khác, tôi nói lén, tôi luôn tìm l i c a ng i. Và vì th , tôi luôn au kh .

úng ra, tôi ph i nói r ng ó luôn là y u i m l n nh t c a tôi: xét l i c a ng i. Thoát kh i c tính x u ó đ u ch chút ít, tôi c ng ph i m t r t nhi u n m, qua r t nhi u c g ng và l m l i. Ngay chính bây gi ôi khi tôi v n còn ph i tranh u v i nó. Nh ng đ u ít hay nhi u, tôi c ng r t h nh phúc nói r ng, bây gi tôi có th ch p nh n ng i khác nh h là. Và cu c i tôi (không, k c c a h !) ã tr nên thanh th n h n c ng nh ó.

N ng t a vào nh ng i u đ y c a c Ph t, tôi ã tu t p đ n đ n tránh xa nh ng xung t h n là t o ra chúng, hay t h n n a, i tìm chúng. i u ó ã khi n cho cu c i c a tôi c yên n không th k xi t.

Vì sự thất bại của Phật pháp và sự thất bại của hành chánh ni m, tôi thay đổi nhận thức mà tôi đã làm việc cho bản thân, tôi nghĩ, đó là gì tôi có thể dâng tha thiết cho người, bất kể là họ đã làm gì, và hãy tin tôi, thì nên tánh nết tốt không phải là điều mà có thể! Tôi đã phải thất bại hành sự lâu, rất tinh tế nhưng

c. Nhưng sâu sắc hơn, tôi mãi và tánh hay phán đoán của tôi là những mặt mà tôi thất bại. Vì một người đã trở thành tu sĩ, không có nghĩa là người ấy lập tức thoát khỏi những tính cách xấu ni m hay không quan tâm đến chuyện thế gian. Như bản thân tôi trong sự quy định sách, ngay chính trong thời gian coi là cao thượng của tâm linh, tôi đã từng cảm nhận – nhận thức chính bản thân hay những người khác – những sự ganh tỵ ghen ghét, hึง người, sự thất vọng và lòng căm ghét.

Giờ khi nghĩ lại, tôi thấy rằng tất cả những việc đã xảy ra từ lúc đó, đều cùng chung một tính chất. Tất cả những người hay những hoàn cảnh mà tôi đã nghĩ là chính đáng, thì tất cả đều là những việc thực tế xảy ra với tôi con người đã chọn, chỉ cho tôi những gì tôi cần tu tập để đạt được hạnh phúc.

Nhìn ngắm lại, tôi rất mang ơn những chủ nhân quốc gia đã đưa tôi ra trong cuộc đời tôi, mà đúng lúc đó, khi tôi đã khi nào cảm thấy vô cùng đau khổ, bất hạnh. Nếu cha tôi không phải là một người quá khờ khạo nghĩ, có thể tôi đã không bỏ nhà đi tu. Nếu các vị thầy của tôi đã không phải quá nặng nề, tôi đã không tìm kiếm các thầy tu truyền giáo. Nếu tôi đã không bỏ mất trí nhớ và cảm thấy ‘thực sự’, có thể tôi chẳng bao giờ quan tâm đến thế gian. Nếu tôi không cảm thấy chán làm việc vì những người không tin tưởng, tôi đã không bỏ nhà sang Malaysia. Nếu visa của tôi về gia đình Malaysia, có thể tôi sẽ chẳng bao giờ đi du lịch đến Mỹ. Và nếu tôi đã không tan vỡ mất cách nhận thức của chùa Phật giáo Washington (Washington Buddhist Vihara), có thể tôi đã không thi pháp hành Bhavana. Nhưng đó là cuộc đời tôi và tôi biết tất cả.

Đuối ý, tôi vẫn thấy đau khổ khi viết về những sự kiện này, ào ào xilic ni m của những người khác, nhưng không. Nhưng tôi nghĩ không còn ý chí và đã muốn bỏ ý nghĩ hoàn thành sách. Trong những khoảng thời gian khi hoài nghi đến với tôi, tôi luôn nhớ câu nói của Mark Twain: “Chỉ có người chết mới nói sự thật.”

Tôi đã nghĩ về những sự thất bại khi rời xa trong đời tôi, và tôi cảm thấy lo lắng. Nếu tôi viết về chúng một cách thành thật, tôi sẽ phải bày ra những ưu điểm, những thiếu sót của mình. Nhưng che giấu sự thật – điều đó không đúng. Nhưng tôi, tính cách của một tu sĩ không phải là viết những lời nói hay hoàn cảnh không thể chấp nhận đưa ra hàng thế kỷ trước, thì tất cả về những người không tin tưởng với tôi, nhất là khi những người trong số họ không còn sống để bào chữa.

Bên cạnh những nỗi lo sợ nCoV và phong tục nCoV sinh ra, không
ngờ vì công khai các cuộc tranh chấp, xung đột. Khi các cháu ng
Sinhala của tôi c b n th o u tiên của quy n sách này, h r t kinh hoàng.
“S không th nói v ng i ta nh v y,” h phê bình. “T i sao S mu n b i
l i nh ng v n c ? Chúng ch em l i phi n nã cho S .”

Ng i c s Tích Lan không mu n nghe v nh ng l m l i hay thi u sót c a
ng i tu. H thích ngh v ng i tu nh là m t ng i thánh thi n, cao th ng
mà h có th bá l y v i lòng cung kính. Trong m i liên h tâm linh gi a
ng i tu và hàng c s Ph t giáo Á châu, vi c bày t lòng kính tr ng m t v t
kheo b ng cách cúng d ng hay giúp v y, em l i nh ng ph n th ng
tâm linh. Vì th n u h khám phá ra m t v t kheo có nh ng i u không
x ng áng, s làm o l n c m giác v tôn ti tr tt c a ng i c s.

Nh ng trong n n v n hoá Tây ph ng, s th tr t c cao. Vì th tôi
không th k câu chuy n c a i mình, mà b qua nh ng i u không t t p;
ó s là m t b n th o c ‘l c b t’ và có th s b coi là gian d i. Và n u
tôi t h a mình nh m t ng i ch a bao gi phi ng u v i nh ng khó
kh n, y u kém, thì câu chuy n c a tôi ch c ch n không th giúp ai nhìn th y
c giá tr c a Ph t pháp, trong vi c giúp tôi ng u v i nh ng làn tên,
m i n c a cu c i.

Chân lý u tiên trong T di u c a c Ph t là cu c i ch a y au kh .
Chúng ta không th thoát kh i kh au. S ch n l a duy nh t c a chúng ta là
ph i c g ng ch ng các u nhi m: tham, sân và si, n i b n thân là nguyên
nhân gây ra m i au kh . Ch ng c các u nhi m này là công phu tu t p
c a c m t i, mà tôi hy v ng là câu chuy n i t m th ng c a tôi, cu c
hành trình i n chánh ni m c a b n thân tôi, s ch ng t i u ó. Và tôi
c ng mong, câu chuy n c a tôi s minh ch ng r ng, d u nh ng kh au c a
b n có mãnh li t t i âu, b n c ng s ch ng c chúng.

---o0o---

L I N G I D C H

Tôi có thú i nhà sách. Tr c ây thì là nh ng góc sách v n h c. Gi m i l n
c vào nhà sách Barnes & Nobles, tôi l i th ng tìm n góc sách Ph t
h c.

L n ó, tôi b thu hút b i quy n sách có màu bìa t i, ch tr ng en. Th t
không có gì h p d n ngoài g ng m t c a m t nhà s . G ng m t hi n t , v i
ôi m t sáng, và n c i m m y ‘ch t thi n’ ó ã khi n tôi ph i mang
quy n sách v nhà.

V nhà, l t ôi ba trang, m i hay ó là tác gi c a m t quy n sách thi n mà
tôi r t thích khi c b n Vi t ng c a d ch gi Nguy n Duy Nhiên: Chánh

Ni m -Th c T p Thi n Quán. Th là tò mò c h t quy n sách, th là b ng mu n d ch quy n sách y.

Vài ba tháng sau, m t ng i b n o, ch Tâm H nh b ng g i i n. ôi ba chuy n, r i ch b o s i d khóa thi n c a S Gunaratana. A, nh ra quy n sách. Nh n ý nh s d ch sách. Ch Tâm H nh b o s h i S cho mình c d ch. Ch v y. Mà r i sau ó nh n c th c a S hoan h cho phép mình c d ch. Th t úng là duyên lành!

Quy n T Truy n c a S Gunaratana, d nhiên không ph i là m t tác ph m v n ch ng. Nh ng ó là m t câu chuy n i r t th t c a m t ng i r t bình th ng nh chúng ta. Có nh ng lúc tôi ph i g p sách l i c i kham m t mình. Mà c ng l m khi l i th y ngh n ngào, t c t i. Không ph i là cách k chuy n, mà là nh ng câu chuy n khi n ng i c thêm v ng lòng tin vào Ph t Pháp.

Quy n sách d ch này còn l i trong riêng tôi nh ng k ni m không th bao gi quên. ó là khi tôi d ch ch ng 22 c a quy n sách, khi tác gi k v l n th m vi ng m l n cu i, c ng là lúc tôi nh n c tin m tôi b nh n ng. R i S l i k v tâm tr ng c a ng i con, không c bên m vào giây phút cu i. Ôi, trang sách là c a S , mà n i lòng là c a ng i d ch, nên n c m t tôi c ng t d m.

Xin chân thành c m n S Gunaratana ã b qua nh ng áy náy ban u hoàn thành quy n t truy n này. G p sách l i, ng i c không h th y ni m tin c a mình b lay ng b i nh ng i u không hay c k trong sách, mà ng l i là m t t m g ng sáng quy t tâm tu hành c a m t b c chân tu. Và càng th y g n g i, thông c m, yêu kính h n nh ng v tu s mình v ng p hàng ngày.

Mong là b n c ng c nhi u ni m vui khi c quy n T truy n này. Xin h i h ng công c d ch thu t n t t c m i chúng sanh, n cha m ã quá c c a tôi. c bi t xin c m n ch tôi, Ch n ng Lý Thu Lan, vì ã gánh vác h t m i vi c th i gian m tôi n m b nh, tôi có th hoàn t t vi c d ch quy n sách này.

Ch c ch n là b n d ch v n còn nhi u thi u sót. Mong nh n c nh ng s ch giáo c a các b c tôn s , quý o h u và c gi , nh ng l n tái b n sau c hoàn ch nh h n.

---o0o---

Ch ng 1: Kho báu nh

Tôi sinh ngày b y tháng m i hai, 1927, Henepola, thu c Ceylon¹, là m t hòn o có hình d ng gi ng nh m t gi t n c b bi n ph ía ông Nam c a n . ó là m t n i r t p v i nh ng ng n núi ph y cây xanh m t, nh ng ng lúa và nh ng n i n cao su c ng nh trà.

Vào thế kỷ cuối của thế kỷ 19, ngôi làng bé nhỏ Henepola là chôn cất của kho báu mới gia đình. Không có đường vào làng, không trường học, không nhà thờ, không quán xá. Tất cả chỉ có những mái nhà tranh xúm xít bên nhau, và chắc chắn là một ngôi chùa Phật giáo, nơi công cộng duy nhất mà dân làng tôi có thể họp lại. Không có ai ở Henepola có tiền hay nhiều của cải, nhưng có một dòng sông nhỏ chảy qua làng. Đó là thành phố gần nhất cách phía bắc khoảng ba dặm (ND: 1 dặm = Mile = 1,6 kilômét), trên một con đường đất đỏ xung quanh những rừng cây đước, những cây chuối, và một ngôi làng gần nhất cách phía đông nam một cây số.

Ngay từ khi tôi chỉ còn nghe pháp danh của tôi, Henepola Gunaratana, thì họ cũng biết tôi đã sinh ra. Theo phong tục của người Sinhala thì lúc xuất gia và tu sĩ sẽ nhận một tên mới: tên họ thì có ý nghĩa và tâm linh, và tên gọi là tên sinh của người.

Khi tôi còn là một trẻ con, Ceylon là một thuộc địa của Anh, nơi trồng trà, cao su, gia vị, đá quý, cũng như văn trí chỉ cần cần nó trên con đường từ Ấn Độ và Trung Quốc. Phần lớn 1.5 triệu dân số là nông dân, và gia đình tôi cũng không ngoại lệ. Chúng tôi trồng lúa, đước, cà phê, và những loại cây trồng khác trên những mảnh đất nhỏ, đôi khi là của chúng tôi, đôi khi là của một nhà của Anh.

Gần như tất cả những người trong làng của tôi đều nghèo, nghèo quá sức. Nhưng niềm tin vào một Phật giáo Nguyên thủy đã tạo cho chúng tôi sự tin tưởng vào cuộc sống, mà không gì có thể lay chuyển được. Theo triết lý, những luật của nhân quả, nhưng hoàn cảnh hiện tại là kết quả của những hành động trong quá khứ. Quan trọng hơn, nhưng hoàn cảnh trong tương lai sẽ là kết quả của những hành động của chúng ta trong hiện tại. Do đó, chúng tôi đã tin rằng tất cả những gì là cố gắng hết sức và tận tâm sống, bất chấp những khó khăn trong cuộc sống.

Thật ra, trong những kỷ niệm xa xưa nhất của tôi tràn ngập đức Phật giáo. Nơi chôn cất của làng là ngôi chùa. Ngay từ khi tôi còn nhỏ vì những việc các vị sư, thỉnh thoảng tụng kinh hay tham vấn với Phật Pháp, gần như cho tất cả mọi sự kiện: đám cưới, sinh nhật, đám tang, và tang chế. Quý sư là người thầy, là người giảng dạy hay nhà tư vấn, và đôi khi còn là y sĩ nữa. Dân làng cũng rất thích trao đổi thân mật với các sư vào bất cứ giờ nào trong ngày hay đêm. Chùa luôn mở cửa.

Một tháng ba lần - vào ngày 14, ngày rằm, ngày 30 và ngày mùng 1 - dân làng thỉnh thoảng lên chùa cầu nguyện. Hình thức khá đơn giản. Có người thì niệm; người thì tụng kinh hành họ cũng tụng bên cây bồ đề linh thiêng cũng tụng. Quý sư và các sư thay phiên nhau thuyết giảng trong giờ tụng, nơi người thì có thể

ng i hay n m trên n n nhà mát l nh. Tôi còn nh lúc nh , tôi th ng thi p ng trong lòng m trong nh ng th i gi ng này.

M tôi tên là Herat Mudiyansele Lokumenike. Tên g i và tên lót c a bà có ngh a là “ng i thu c v giai c p cao nh t (hay giai c p vàng), và tên h c a bà có ngh a là ‘viên ng c l n.’ Ceylon vào th i ó, ph n v n gi tên th i con gái c a mình khi l p gia ình. Ba tôi tên là Ekanayaka Mudiyansele Puncibanda. Tên g i và tên lót c a ông có th d ch là ‘m t ng i thu c giai c p th ng l u,’ và tên h c a ông có ngh a ‘kho báu.’ Ch l à m t s trùng h p khi tên lót c a m tôi l y theo tên ông ngo i tôi, thì c ng gi ng nh tên lót c a cha tôi.

Tôi là áp út trong b y ng i con. N m 37 tu i, m sinh tôi. Tôi có hai ng i anh và ba ng i ch . M t ch l n h n tôi nhi u; ch ã l p gia ình v à ra riêng tr c c khi tôi c sinh ra. Hai em gái c sinh sau tôi, nh ng m t ã ch t lúc s sinh. Có m t bà m khi tôi c sinh ra, bà ã c th ng m t s g o và d a cho công s c c a bà. Tôi ã n v i cu c i này trong m t c n l u v i ánh sáng l m và không có c a s . Trong khi chuy n b ng, m tôi lúc thì ng i chòm h m, khi thì n m trên chi c chi u làm b ng lá cây d ng x c tr i trên sàn nhà. Theo t c l , bà m ã c t m t s i dây trên xà nhà, th dài xu ng n chi u c a m bà có th n m l y nó khi c n au tr nên không ch u ng n i. Bà ã sanh t t c tám a con nh th ó.

Sau hai tu n, khi tôi có v kh e m nh s ng sót, cha tôi n vi ng tr ng làng m t làng bên c nh. T t c chuy n sinh n hay tang ma u ph i trình báo m t cách chính th c v i tr ng làng a ph ng, nh ng vì Henepola quá nh nên không có tr ng làng riêng, vì th cha tôi ph i i b g n cây s n ngôi làng g n nh t, Dehideniya. ó ông thông báo cho v tr ng làng tên mà ông ã t cho ng i con trai th ba c a ông: Ekanayaka Mudiyansele Ukkubanda.

Ukku có ngh a là nh và *banda* có ngh a là kho báu. ó là m t cái tên r t d th ng, mà ng i l n th ng dùng âu y m g i m t a bé. Th ng là cái tên, d u nó c dùng cho m t a bé, c ng s theo nó cho n lúc tr ng thành.

Tuy nhiên, khi tôi l n h n, cha m tôi quy t nh g i tôi là *Kudabanda*, i khái có ngh a là ‘c u bé tí.’ Tôi ngh c ng có lý, vì tôi là con trai út trong gia ình. Nh ng tôi c ng ch ng bao gi h i t i sao h l i g i tôi nh th , thay v i cái tên chính th c c a tôi.

C n nhà c a chúng tôi là do chính ba tôi t xây. Chi u ngang ba m i, chi u dài b n m i phít (ND: 1 Foot Anh = 0,3048 mét). Mái làm b ng r m, c ng lá d a khô, và các m nh thi c. T ng b ng bùn c ch n thêm nh ng cây

tre cho ch c. Phía tr c và sau nhà là m t kho ng hiên tr ng, phân n a d i là vách bùn, n a trên là rào g .

So sánh v i nhi u ngôi nhà tranh trong làng, thì nhà tôi r t r ng. Có n hai phòng. M t là nhà b p nh , t i t m; phòng kia là nhà kho ch a gi y t , sách báo và đ ng c c a cha tôi. c không có gì nhi u, và t t c u làm b ng tay, g m có vài gh u nh , óng s sài, và m t cái gh c an b ng nh ng c ng lát. Tôi nh cha tôi sau m i b a n, ng i nh c trong chi c gh ó, hút thu c hay nhai tr u cùng lúc k chuy n, hay r y đ y chúng tôi. M t tôi ng i trên m t chi c gh u, không bao gi ng i trên gh c a cha tôi. L tr chúng tôi thì ng i trên sàn nhà.

Sàn nhà c làm b ng bùn, gi ng nh t ng, nh ng th nh tho ng m và các ch em gái tôi l i trét phân bò t i lên ó, b ng nh ng ôi tay tr n c a h . Phân bò c coi là có th sát trùng, mùi c a nó em l i s s ng khoái. Chúng tôi hàng ngày v n i chân không trên sàn nhà ó.

Ch có hai cái gi ng, m i cái là m t b c g thô, trên ph nh ng bao v i n h i v d a khô. Nh ng ‘t m n m’ này ch m m h n á m t chút. Ng i anh l n nh t c a tôi, Tikiribanda, ng trên gi ng, hiên tr c. Anh k tôi và tôi ng g n bên, trên sàn nhà. Chi c gi ng còn l i, hiên sau, là c a cha tôi. Ch ng bao gi dù ch m t l n, tôi th y m t tôi n m trong gi ng ó v i cha; bà ng trên sàn v i các ch em gái c a tôi. Tôi c ng ch ng bao gi th y cha m t tôi âu y m hay hôn nhau, hay ngay c có m t cu c chuy n trò riêng t nào.

D u v y, cha m chúng tôi chia s m t lòng tin sâu s c vào Ph t giáo. M i sáng l tr chúng tôi u th c đ y b i ti ng t ng kinh Pali c a h . Nh ng bài kinh t ng hàng ngày c ng là nh ng bài hát ru c a chúng tôi vào ban êm. Ngay tr c khi h c ánh v n, chúng tôi ã có th c thu c lòng các o n kinh c u nguy n ti ng Pali, và chúng tôi ã hi u nh ng ch nh *kamma* (nghĩ p) và *rebirth* (tái sinh) có ngh a là gì.

Ngày này qua ngày khác cha m chúng tôi làm các công vi c nh t c a h không chút phàn nàn. M i sáng cha tôi u ra làm vi c ngoài ru ng lúa hay khu v n cao su nh c a chúng tôi. M t tôi nhà, ch m lo nhà c a và con cái. Khi cha tôi tr v , bà ã đ n s n c m n c cho ông.

C cha l n m t tôi u bi t c và vi t ti ng Sinhala², là i u hi m có trong làng c ng nh ph n l n nh ng vùng quê c a Ceylon. Vì c ha tôi có h c, và c bi t n nh m t ng i có ph m cách, o c nghiêm ch nh, ông là ng i c kính tr ng nh t Henepola. Nh ng ng i dân làng khác th ng tìm n ông nh gi i quy t nh ng cu c tranh cãi c a h . Tuy nhiên, trong chính gia ình c a mình, thì cha tôi có th là m t hung th n. ôi khi b ng đ ng ông ki m chuy n cãi c v i m t tôi, mà tôi ch ng bao gi hi u t i sao.

Và ông th ng bi u l tính khí c a mình m t cách b o ng. Hình ph t cho nh ng a tr chúng tôi thì r t au n, quy t li t, ôi khi ông còn ánh c m tôi. Khi i u ó x y ra, t t c chúng tôi u l n tr n. Chúng tôi s r ng n u hó hé, ông s trút c n gi n lên chúng tôi.

M tôi ch ng c i h c chính th c, nh ng bà r t thông minh. Bà t h c c và vi t, và bà bi tr t nhi u v các cây th o d c. Kh n ng tr c giác c a bà r t nh y bén.

Tôi r t thân v i ng i ch l n nh t c a mình, Dingiriamma. Khi tôi kho ng hai tu i, thì ch sanh a con th hai, m t bé gái nh ng nó ch t vài tu n sau ó. D u ã b t u n c th c n bình th ng, tôi v n còn r t thích u ng s a, nh ng gia ình chúng tôi không có bò, và s a c a m tôi thì ã d t lâu r i. Vì th g n c n m sau khi em bé c a ch ch t, Dingiriamma v n cho tôi bú s a, gi ng nh tôi là con c a ch . Ch và ch ng s ng trong m t làng g i là Gunadaha, cách chúng tôi kho ng ba d m, và m i tu n, ôi ba l n ch i b n nhà chúng tôi cho tôi bú. Cho n ngày nay, tôi v n coi ch nh ng i m th hai c a mình. Có l chúng tôi thân v i nhau h n là v i t t c n m ng i anh ch em còn l i.

M và các ch em gái tôi có nhi m v i l m c i n u n. Trong m t n i mà ph n l n ch có cây d a và cây ca cao (cocoa), thì c i r t hi m. Th ng h ph i b nh ng cành cây cao su khô.

Vì không có i n, chúng tôi ph i d a vào ánh sáng lù mù c a m y cây èn d u d a. ôi khi chúng tôi c ng không có d u t èn, m tôi ph i t u c t nh ng h t cây kekuna. Bà bác l p v c ng c a kho ng 10 hay 15 h t và r i xâu chúng lên m t que c i. L p d u t nhiên trong các h t này s cháy hàng gi .

D u làng chúng tôi không có n c máy, nh ng gia ình tôi khá may m n có c m t cái gi ng riêng, cách nhà kho ng hai tr m th c. N c t m t dòng su i ch y vào gi ng quanh n m. D u gi ng ch sâu kho ng m t th c r i, nh ng có chi u dài kho ng hai th c, chi u ngang h n m t th c hai. Chúng tôi dùng n c này n u ng, t m và gi t gi qu n áo.

M và các ch em gái tôi h ng n c su i em v nhà trong nh ng bình t l n, b ng bình tròn to và mi ng bình nh . Tôi v n nh n c ch a trong nh ng bình này m i mát l nh làm sao!

t m gi t, chúng tôi dùng nh ng chi c thùng thô s , làm b ng s i c a nh ng tàu cây cau, ôi khi dài n m t th c r i, ngang g n c th c. Chúng tôi b n chúng thành hình d ng nh cái thùng, có th ch a m i hai, m i ba lít n c trong ó.

Dù chúng tôi gìn giữ thân thể, quần áo và chén cơm thức ăn, chúng tôi vẫn phải khổ vì những cơn rận ngứa. Tôi vẫn còn nhớ rõ đã gặp những ngứa, mà những cơn rận ngứa đã cấn trên người tôi. Dù sống a ngáy rất kinh khủng, tôi chẳng bao giờ mong muốn ngứa nữa; đó chính là một phần của cuộc sống. Ruồi và muỗi cắn, những chúng tôi có thể trừ chúng bằng cách đốt các vệt da. Tuy nhiên vì rận ngứa thì khác, gần như không có cách chữa trị cho chúng. Chúng khó chịu, làm phiền trong những đêm ngủ. Dù chúng tôi vẫn thường giặt quần áo, tắm rửa, rửa quần áo này, rửa quần áo ngoài người, những cơn rận ngứa luôn có mặt. Có những dấu hiệu như tắm nước ấm, xoa ra khắp vách nhà, hay tắm nước nóng thì chẳng có ích gì, những cơn rận ngứa vẫn không chịu thua. Nếu chúng không thể leo lên tóc chân ngứa, chúng sẽ bò lên vách, rửa sạch trên nhà thì mình xuống như những chàng phi công cụt tay hơn.

Đa số là một vấn đề. Bất cứ khi nào anh tôi và tôi đi đâu đó, chúng tôi luôn trở về nhà vì những cơn ngứa bám vào chân, hay các kẽ chân của chúng tôi. Chúng tôi rất ngứa, những ngón tay ngứa như những chú cào cào đã dính cấn trong da thịt chúng tôi. Vài ngày sau đó những ngứa sẽ biến thành những vết ngứa lồi. Đôi khi muỗi con ruồi xanh làm phiền vào đó. Trứng sẽ thành giòi, làm cho các vết ngứa thêm tồi tệ.

Có thể vì thiếu dinh dưỡng, có thể tôi không sạch sẽ vì muỗi con vì trùng trong các vết ngứa đó, nên chúng rất chậm lành và đau đớn. Tôi vẫn còn nhớ về vết ngứa trên chân.

Cha tôi cũng đã học nghề nông vài công việc: một công việc trồng cao su, một công việc trồng trà, và một công việc ruồng, còn một công việc trồng thì ông xây nhà trên đó. Ngoài việc làm ruộng, trồng trà và cao su, cha tôi còn thích chơi môn võ thuật. Ông cũng trồng quanh nhà, ông trồng hoa giấy và bông bụt. Bên nhà, ông làm một hàng rào hoa lài và hoa hồng, mà ông khéo cắt tỉa vì một con dao cắt cỏ. Ông cũng trồng một số hoa màu như huê lily như: khoai lang tây, khoai mì, đậu, cà, đậu bắp, khế, bắp cải và cà phê. Tuy nhiên, vì bao nhiêu hoa màu cũng trồng đó, đáng như cũng chẳng bao giờ cho tất cả chúng tôi.

Bên cạnh những tài sản trên, chúng tôi còn có hai con trâu nhà, mà cha tôi dùng để kéo cày ngoài ruộng. Cũng may là chúng tôi không phải nuôi trâu bằng các hoa màu trong vườn hay ngoài ruộng; chúng ăn cỏ hay các vết cỏ gai ngứa của ta và của bò.

Cha tôi dùng hoa màu để lấy cá khô, gia vị, gừng, muối, đậu đen, và những thứ khác mà chúng tôi không thể trồng hay trồng được. Trong những cuộc trao đổi như vậy, ông phải đi bán những cây sắn tím thành phẩm là Galagedara, nếu có thì sẽ buôn bán do người Hồi giáo và Tamil Ấn

làm ch. Thế ông cũng không tìm các th ông c n; t t c d ng nh u thi u hàng hóa.

nuôi b y a tr luôn ói khát, cha tôi còn làm thêm hàng m c cho m y ng i hàng xóm. Ti c là, nh ng ng i này c ng ít khi s c tr công ông. Có th là nh ng n i lo v tài chính luôn canh cánh trong lòng ã khi n ông tr nên r t c c c n. Ông là ng i ch p hành nguyên t c r t kh t khe. Ông gi u m t cây roi trên tr n nhà và th ng dùng nó tr ng tr chúng tôi r t n ng trong ch p m t, vì b t c l i l m nh nh t nào. Ti ng la m ng c a ông làm chúng tôi s n run b n ng i lên m i khi nghe. Anh tôi, Rambanda, và tôi r t quen thu c v i s la r y n y c ng nh là cây roi, vì chúng tôi c ng khá qu y phá.

M t trong nh ng trò tinh ngh ch tại h i nh t c a chúng tôi là ch i á chim và bò. M t ngày kia chúng tôi g p m t con chó m v i b y chó con. Anh tôi l m m t n m tay y á, r i b o tôi trèo lên m t cây g n ó. Anh d nh là s ch c phá con chó trong khi chúng tôi ã trèo lên cây an n. Tôi nói v i Rambanda r ng cây cao quá, r ng tôi quá nh không trèo lên c.

“ ng, ng làm v y,” tôi nài n . “Nó s c n em”.

Nh ng anh r t b ng b nh. Anh phóng mình lên cây r i b t u ném á lo n x vào con chó. Tôi ch y th c m ng v i t t c s c l c c a mình, nh ng con chó còn nhanh h n. Tôi té ngã và nó nhào t i c n tôi.

Khi anh và tôi v n nhà, chúng tôi ph i gi i thích t i sao tôi b th ng. Cha ã ánh c hai vì t i ác c v i con chó.

Rambanda và tôi hình nh lúc nào c ng ói khát. Các lo i trái hay h t n c, mà chúng tôi tìm th y khi i ch i là nh ng ni m vui l n. N u chúng c tr ng trên t c a ng i khác, chúng tôi s x in phép ng i ch . N u h không cho, chúng tôi v n hái. M t ngày kia anh tôi và tôi trên ng n v n cao su c a gia ình. Gi a ng, chúng tôi i qua m t khu v n nh c a m t gia ình nghèo h n chúng tôi. Có kho ng n m m i cây b p tr ng trên khu t. M t cây g n ng có trái b p chín treo l l ng. Anh tôi nhìn quanh không th y ai, nên anh hái trái b p, b ra làm hai. M t ph n cho anh, m t cho tôi: Thi t là ngon!

Trên ng v , chúng tôi l i i ngang qua v n b p. L n này, vì m t lý do nào ó, chúng tôi quy t nh ph i t ra th t thà. Anh tôi vào nhà ng i ch v n và xin phép bà c hái m t trái b p. Bà ch nói chúng tôi có th hái trái b p ngay c nh bên ng. Bà ra v n ch cho chúng tôi trái b p âu, nh ng khi ra ó, bà th y r ng trái b p bà nh cho chúng tôi ã bi n m t. R i

bà ý th y nh ng v t chân nh trong bùn. Bà b o anh tôi t chân vào ó. Anh tôi t vào, và úng là d u chân anh.

Rõ ràng là chúng tôi ph m l i nh ng ng i àn bà không t v gì gi n. Bà nói, “Hai a v nhà i. Tôi s mang thêm b p qua cho.”

Chúng tôi vui v ra v . Tuy nhiên khi chúng tôi v n nhà, ng i àn bà ã có m t ó. Bà ã k cho cha tôi nghe t t c câu chuy n và ông ang i chúng tôi, v i cây roi trong tay, gi n d h n lúc nào h t.

ó là m t hành ng x u, th t x u. Không ch là chúng tôi ã ph m gi i lu t c a Ph t là không c n c p, mà chúng tôi còn n c p c a m t gia ình th p kém, không d d .

Cha tôi ánh cho n khi l ng chúng tôi b t u r m máu. M tôi c ng n ông l i nh ng ông c ti p t c ánh. Ngay chính ng i àn bà, n n nhân c a t i l i c a chúng tôi, c ng n n n ông d ng l i. M i ng i u khóc, nh ng cha tôi không mu n nghe ai. Ông ánh chúng tôi cho n lúc ông ki t s c, không th ánh ti p n a.

Ngày nay, d nhiên vi c ó s b coi là hàn h h tr em. Nh ng b y m i n m v tr c Ceylon, ch là m t chuy n bình th ng khi cha m tr ng ph t con cái b ng cách ánh chúng. Là m t Ph t t tín tâm, cha tôi quy t d y chúng tôi bi t i u sai trái, và ph ng cách c a ông ch là làm theo nh ng gì th h c a ông, và phong t c th i ó cho phép. Th t s , tôi không trách ông v i u ó.

Lúc nh , tôi th ng m c áo chemise dài b ng v i cô tông (cotton) thô, có s c xanh, s c , và ph n g i. ó là lo i qu n áo các em bé trai và gái th ng m c. N m m i m t tu i, tôi b t u m c nh ng b có hai m nh: m t áo chemise thông th ng và m t cái xà rong gi ng nh m t cái váy. Su t th i th u, tôi ch ng bao gi mang giày, ngay c dép c ng không; vì nh ng th này r t t ti n. M y a tr chúng tôi ph i r t c n th n v i qu n áo c a mình, vì chúng tôi ch c m t b m i vào m i u n m, mà ng i Ceylon t ch c vào gi a tháng t .

Các anh em chúng tôi c ng không có ch i gì. Chúng tôi ch i v i m y que c i, nh ng b d a khô, v d a, và nh ng s i dây c x xác ã b ng i ta v t b . Sân ch i c a chúng tôi là bãi t cát tr c nhà, ngoài ru ng lúa, hay sân p lúa, n i các nông dân su t lúa kh i nhánh. Tôi c ng thích trèo cây và i d o trong r ng.

M t l n khi tôi ra ngoài i d o và khám phá ra m t l u g c trong r ng. Tôi tìm vài s i dây, qu ng lên xà c a c n l u, làm cái u. Tôi vui v c kho ng ba m i giây. R i ngay khi tôi b t u ong a, cái xà n t r n, g y

làm ôi, r t xu ng u tôi. Lúc u, tôi không có c m giác gì, sau ó, m t dòng n c m b t u ch y xu ng trán và m t tôi. Tôi lo ng cho ng b c ra ngoài, tìm c m t lá cây cau trên m t t. Tôi dán ch t nó lên u, ngh r ng b ng cách nào ó tôi ph i ch n máu l i. M t tôi, ng i d ng nh có giác quan th sáu luôn bi t khi nào tôi g p n n, ã nha nh chóng tìm ra tôi. Bà em tôi v nhà, c n th n r a v t th ng và dán lên ó m t trong nh ng lo i th o d c c a bà.

Bu i chi u, các anh ch em tôi th ng ch i tr n tìm cho n gi n, th ng là kho ng chín gi t i. Ngay sau b a n, chúng tôi ng thi p i trên sàn nhà tr ng, không có g i hay m n. Không có nh ng chuy n nh là ánh r ng hay t m r a tr c khi i ng . d ng chúng tôi, m th ng k nh ng câu chuy n r t hay, ôi khi là chuy n c tích dân gian, ôi khi là chuy n ti n thân c a c Ph t trong nhi u ki p.

Lúc còn nh , m t trong nh ng câu chuy n ti n thân c a c Ph t mà tôi thích nh t là v Sasa, m t con th t t b ng ã nh y vào l a hy sinh thân m ng c u m t ông lão ói nghèo, không có gì n. Tôi ngh là tôi ã thích câu chuy n ó vì tôi th ng ng m tr ng tròn, và th y nh ng hình nh trên ó gi ng nh m t con th . Tôi m m ng r ng mình c ng có th t t b ng nh th , c lên m t tr ng, n i tôi có th ng i bên c nh con th ó và nhìn xu ng m t t. Cha m t tôi luôn k r ng c Ph t r t hi n lành t t , gi ng nh ánh sáng m t tr ng chi u soi trên t t c m i ng i, không phân bi t. Vì th khi tôi ngh n m t tr ng, tôi ngh n con th trên m t tr ng, n Sasa, con th l ng và n c Ph t- c ba quy n l n vào nhau trong tâm trí tôi.

Th t là oái m; trong khi tôi thích câu chuy n v con th l ng, thì b n thân tôi th t s l i r t tham lam, nh t là tham n. Tôi luôn gi u n c a mình, s ng i khác giành n. N u có ai nhìn vào d a c a tôi, tôi s n i gi n và h t nó xu ng t. M t hành ng r d i, d nhiên r i, vì th c n quá quý hi m tôi hoang phí nh th . Nh ng tôi là ng i có tính khí nóng n y, có l gi ng nh cha tôi, và tôi c ng không th ki m ch c nó gi i gì h n ông.

ôi khi các anh ch tôi nhìn ch m b m vào d a n c a tôi ch ch c gi n tôi. M t l n, khi i u ó x y ra, tôi gi n n n i tôi v t d a n ra c a. Cha ánh cho tôi m t tr n r i b t tôi i l m d a lên, và d nhiên là b a ó tôi không c n th gì.

M t ngày, ng i ch th ba, l n h n tôi b n tu i, l y m t chi c a, v hình m t trái bí lên t. Tôi l y chi c a khác, xoá i. Ch gi n quá l y ch i ánh tôi. Tôi ch p cái gh u, r t ch ch y kh p nhà, r i ch i cái gh vào ng i ch . Cái gh trúng ngón chân cái c a ch , làm tét móng. Máu tuôn ra, và ch l p t c gào khóc. Khi m t tôi nghe ti ng, bà l làng ch y vào giúp ch , còn tôi ch y ra ngoài.

Tôi nhớ là lần đầu tiên tôi đã làm một việc không phải, vì việc đó trong những anh chị em của mình. Lúc đó tôi không biết, tám tuổi. Cũng may, lúc đó cha tôi không có mặt nhà, và mẹ và chị tôi đều không dám kể cho ông nghe về chuyện gì đã xảy ra. Tôi đoán là gì chăng nữa, họ cũng chẳng cần biết. Nhưng cho ông biết ngón chân bị gãy của chị tôi là do tai nạn xảy ra.

Khoảng thời gian trước đó, trong làng không có xe đạp, ngay cả xe đạp cũng không có; cuộc sống là phần lớn đi bộ. Vì vậy, chúng tôi phải đi bộ khoảng ba cây số xuống thị trấn để đi học, hay khoảng năm cây số đi bộ theo một hướng khác. Khi có ai bị bệnh, không thể đi bộ, họ sẽ được đưa vào một chiếc ghế hay một tấm ván và khiêng đi bằng những chiếc đòn gánh như ở Galagedara.

Năm 1933, khi tôi còn nhỏ tuổi, một trận dịch đã tràn lan khắp Ceylon. Chính phủ Anh đã phát thuốc ký ninh (quinine), cũng như phát chẩn gạo và các loại nhu yếu phẩm khác, vì không ai có thể làm việc. Tuy nhiên, có điều khó là: mọi người chúng tôi phải đi bộ khoảng năm cây số để lấy lương thực của mình. Chúng tôi thay phiên nhau đi; người nào ít bệnh nhất sẽ đi. Tôi còn nhớ phải đi bộ năm cây số để lấy lương thực cao, nhưng cũng có thể ăn và thu hoạch.

Tôi nhớ là hai trường học khác.

Đó là khi tôi khoảng tám, chín tuổi, tự nhiên tôi bắt đầu đi vào ban đêm, có thể do thói quen đi ngủ. Khi đi ngủ, tôi giật mình tỉnh giấc. Tôi không thể thấy gì cả, dường như ánh sáng từ đèn đã tắt.

Các anh chị em tôi về quê, vì họ cho rằng tôi đi bộ, những người tôi rất yêu mến. Bà họ thì thấy lang thang trong làng; ông cho bà một lọ thuốc để em về cho tôi. Đó là một lọ thuốc, nhưng ông không cho bà biết tên lọ thuốc. Nhiếp ảnh tin rằng các lọ thuốc có những sắc màu huyền bí, và các thành phần của chúng thường rất bí mật.

Một hôm phải xây dựng nên ra, rồi cho tôi uống mỗi ngày, cho đến khi thấy khỏe lại. Thuốc kháng khi đi, sau khi họ nhận ra là tôi còn phải uống vào sáng sớm, khi bắt đầu.

Tôi phải uống thuốc, mẹ tôi đã dùng những sắc màu của tình thương. Trước khi đi ngủ khác trong nhà bếp, bà sẽ bắt tôi đi trên giường. Bà ôm tôi, hôn tôi, thì thầm kể chuyện cho tôi nghe. Sau vài phút tôi cảm thấy dễ chịu, hình như những nỗi sợ hãi của tôi sẽ biến mất về phía yêu cầu.

ó là lúc bà s b thu c vào mi ng tôi và b o tôi nu t nhanh. Bà luôn tr n ph n thu c ng ó v i ng, v y mà nó v n không b t ng. Nghi th c ó di n ra m i ngày, sau vài tháng tôi hoàn toàn ph c h i th l c.

n gi , nhi u n m sau, tôi m i hi u c s c m nh c a *metta* hay lòng t bi. Ph n nào ó, nó giúp chúng ta ch u ng c nh ng cay ng c a cu c i. Nó xoa d u nh ng khó kh n, th t v ng, au n. c Ph t c ng ã dùng s c m nh c a t bi ‘chi n th ng’ bao k thù. Ngài còn khuyên các v s s ng trong r ng, ph i s d ng tâm t bi khi i m t v i nh ng con r n c. Và kinh T Bi là m t trong nh ng bài kinh tuy t v i nh t c a c Ph t.

ó là m t bài kinh r t ng n, nh ng là m t trong nh ng bài kinh mà quý s th ng t ng c các bu i l . Kinh ch bày cho ta cách suy ngh và hành ng, có th mang l i h nh phúc cho chính b n thân ng i th c hành, và cho t t c m i ng i quanh h .

c Ph t ã d y r ng th c hành t bi là m t hành ng áng tán thán. Do ó khi phát tri n nh ng t t ng v lòng t bi, chúng ta th t an l c, c m nh n c m t ni m h nh phúc sâu xa t v i c t o c công c. ó là c m giác c a s thanh t nh.

B t c khi nào tôi khuyên ng i ta th c hành tâm t bi m t cách nghiêm ch nh, tôi u d y h l p l i nh ng câu sau ây:

Nguy n cho b n c kho m nh, h nh phúc, và bình an.

Nguy n không có i u r i ro nào x y n cho b n.

Nguy n không có nh ng khó kh n nào n v i b n.

Nguy n cho b n không b não phi n.

Nguy n cho b n luôn c thành công.

Nguy n cho b n có lòng can m, kiên nh n, hi u bi t, và quy t tâm ng u và ch ng nh ng khó kh n, nh ng phi n não, và th t b i không th tránh kh i trong cu c s ng.

Ng i u tiên mà chúng ta nên h ng tâm t n là b n thân chúng ta: *Nguy n cho tôi c kho m nh, h nh phúc, và bình an. Nguy n không có i u r i ro nào x y n cho tôi. Nguy n không có nh ng khó kh n nào n v i tôi.*”

T i sao l i b t u v i b n thân? Có ng i h i. Nh th không ph i là ích k l m sao? Th ng yêu b n thân tr c t t c m i ng i sao?

Không hẳn là vậy. Hàng tâm t bi nên bản thân chúng ta là vì c d làm nh t, vì gì a muôn lo i chúng sanh trên trái t n y, chúng ta yêu b n thân mình nh t. (Thì ph n l n chúng ta là th !) Vì th chúng ta có th d dàng phát kh i nh ng tình c m th ng yêu m áp n v i b n thân. Chúng ta có th t m m trong ó, chan hoà thân tâm trong ó.

R i khi tình th ng yêu ã tràn y trong ta, t nhiên nó s lan t a sang ng i khác. Chúng ta có d th a chia s . Và chúng ta làm th v i nhóm ng i k ti p, thích h p nh t là: nh ng ng i g n và thân thi t v i ta. Nh v ch ng, con cái, cha m , anh ch em, bà con quy n thu c, b n bè thân thi t, ho c có th là ng i h ng d n tâm linh. Chúng ta t ng ngh n h trong tâm mình, và l p l i nh ng l i nguy n c u, mà h là i t ng th h ng tâm t c a chúng ta.

Nhóm k ti p thì r ng l n nh t. Bao g m t t c nh ng ng i mà chúng ta g p g hàng ngày, nh ng không thân thi t. Nh ng ng i quen bi t qua ng - ôi khi hoàn toàn xa l - nh ng ng i n và i qua cu c i chúng ta. B n h c, ng nghi p, hàng xóm, ng i bán hàng, ng i ng i trên xe u k bên ta m t ngã t , m t chú chó áng yêu, ng i ch y l t qua b n trên ng. Chúng ta tr i r ng tình th ng yêu n t t c nh ng chúng sanh n y, ng i hay v t, và u c u nguy n cho h c t t p.

Nhóm cu i cùng thì có th là m t nhóm nh , hy v ng th . Bao g m nh ng k thù c a ta, nh ng ng i xu t hi n gây khó kh n cho cu c i ta, mà ta nói m t cách l ch s là 'th thách' chúng ta. ó là nh ng i t ng mà s th c hành tâm t bi tr nên r t khó kh n i v i nhi u ng i.

C u nguy n i u t t lành cho k thù c a ta c sao? Mong cho h c thành công, khi h c ng mu n ch c v mà b n ang h ng t i? Dành cho h nh ng ý ngh thân thi n khi h v a hi p áp con b n, hay v a ch y xe l n l t b n?

úng v y, c Ph t đ y. Và ây là lý do t i sao: N u chúng ta c u mong cho ng i ó c t t p, hy v ng r ng anh ta c thành công, có th là anh ta s phát tri n tâm linh. ó là th thành công mà chúng ta mong c u cho ng i ó - s thành công v tâm linh. Và n u anh ta t i n b v m t tâm linh, có th anh ta s không còn là k thù c a ta n a. Không còn m u c u làm nh th . Anh ta s tr nên hi n lành h n; nh ng c tính cao quý c a anh ta s hi n l . T t c chúng ta s có th s ng chung hoà bình.

Nh ng s th c hành tâm t bi không ch bố h p trong s l p i l p l i nh ng câu kinh ó. c Ph t đ y chúng ta c n ph i vun tr ng tâm t trong ý ngh , l i nói, và hành ng. M i b c i, m i hành ng, m i ngh suy ph i phát xu t t tâm t bi. Nh ng gì mà ta huân t p nhi u l n s tr thành tr ng thái

tâm của ta. Nhưng luôn thể hành tâm t bi, thì chính bản thân bản thân y t bi. Nó sẽ trở thành cá tính của bản. Và bản thân này khác nhau khác nhau có những cá tính d u dàng, tốt đẹp bên trong họ.

Một hôm tôi và sống theo những lý do của Phật. Bà muốn chứng tỏ, tốt đẹp con cái của bà muốn nghe những câu chuyện về cuộc đời của Phật, và để duy trì trí tuệ và lòng t bi của Ngài. Chính bản thân bà là một người sống lòng t bi, luôn đi x v i b t c ai bà gặp những sự d u dàng và lời nói nh nhàng. Xét đi thì hiểu khía cạnh, tôi xem bà gần như là một vị thánh.

Giờ mà tôi sau cùng bản thân không thể sống vào ban đêm lúc của tôi, mà tôi bị mất tại nơi này làm thay đổi cuộc đời của bà.

Một ngày kia bà trèo lên cây cao hái trái, là vì của bà vẫn thế làm. (Rất thích trái ra, lý thuyết học về những mặt trái của nhân, phật ngoài những). Cha tôi sẽ mang ra bán, không nên mua ký. Hôm cao không thể ngon vì người ta có thể giã ra thành bột cao.

Ngày hôm đó, công việc thế này của tôi đã biến thành thảm họa. Khi bà đã trèo cao lên cây, cành cây gãy khi bà rơi xuống. Tôi nghe tiếng kêu của bà, và khi chạy đến, tôi thấy bà nằm ngửa trên mặt đất, bất tỉnh. Hai người của tôi chạy đến và khi nhìn thấy bà, họ bắt đầu gào khóc.

Hình như là các nhà hàng xóm nghe tiếng các chị tôi khóc, họ chạy đến, cố gắng giúp chúng tôi. Khi mà tôi tỉnh lại, một người hàng xóm đưa cho bà một lọ thuốc dân gian: một lọ nước uống pha rượu quy y vì trông trông trong đó. Bà tỉnh lại không uống. Cuối cùng, bà đã gọi gọi luật Phật giáo, bao gồm gọi không uống rượu. Bà không muốn phá gì, ngay như như rượu đó sẽ làm gì mà không của bà.

Có người đã chạy gọi cha tôi sang làm việc ngoài ruộng lúa. Cha tôi liền chạy đi tìm người thợ thu hoạch trong làng.

Một số người giúp khiêng tôi vào nhà; lúc bà bắt đầu thế này quá nặng nên bà không thể đi được. Vợ tôi thu hoạch sai người túa ra nhiều hàng hái các lá và rễ của cây thuốc chữa bệnh. Khi họ trở về, ông giã nh các loại thuốc xoa lên lưng tôi. Khi ra về ông liền cho chúng tôi ít thuốc đó và bảo chúng tôi mỗi ngày xoa cho mình hai lần.

Một ngôi làng ở Ceylon có nhà sư Phật giáo và một vị thầy thuốc, và cả hai đều hợp tác làm việc với nhau. Trước khi chúng tôi bắt đầu thu hoạch nào, vị thầy thuốc sẽ tụng kinh Phật trước bàn thờ ông. Ông không tính tiền công việc dân làng, những thứ ông mang đến cho ông rau cải, dưa, trà, gia vị, hay trái cau. Người ta tin rằng nếu vị thầy thuốc là một Phật tử tận tâm,

thì thu c c a ông s hi u nghi m h n. Do ó, kh n ng ch a tr c a ng i th y thu c tùy thu c vào vì c ông có là m t ng i Ph t t g ng m u hay không.

Ngay c sau khi ng i Anh ã thi t l p m t h th ng chính quy n a ph ng v i ng i s p (chief) cai qu n m i làng, thì th y thu c và v s v n có quy n l c cao nh t. Ng i s p luôn tham kh o ý ki n v i nhà s và th y thu c, tr c khi quy t nh m t hình ph t hay dàn x p m t tranh ch p nào.

Hai ba ngày sau tai n n, m tôi v n không khá h n. Bà không th c ng ôi chân hay ng d y; bà ch có th n m rên vì au. Bà không n u ng c th gì, tr m t ít cháo và n c cam. Rõ ràng là bà c n c ch a tr t t h n, nh ng cha m tôi không tin t ng b nh vì n.

M tôi b o mu n tr v nhà cha m bà, cách làng tôi kho ng b n m i hai cây s . ó là m t cu c hành trình dài, nh ng ng i th y thu c làng ông bà ngo i tôi hình nh gi i h n, và m c ng nói bà s c m th y d ch u h n trong ngôi nhà th i th u c a mình. Vì th cha tôi và m t vài ng i n a khiêng bà t lên m t t m ph n, r i khiêng bà n thành ph g n nh t. ó, cha m n xe ch m tôi v nhà ông bà ngo i.

Khi h i xa, nh ng a tr chúng tôi ph i nhà m t mình. Ng i ch l n th hai c a tôi lúc ó ã m i tám tu i, nên ch lo vì c n u n ng và ch m sóc chúng tôi, nh ng a nh h n.

Vài ngày sau ó, cha tr v m t mình. M tôi ã l i nhà ông bà ngo i đ ng b nh. Nh ng bà ch ng bao gi hoàn toàn lành m nh tr l i. Vài tháng sau ó khi bà tr v nhà, bà ph i i n ng, v i cái l ng còng. Chân trái c a bà không co l i c, và bà không th i b n c ngôi chùa g n nh t.

N m b y tu i tôi b t u i h c. Ngôi tr ng g n nh t là Medagama, cách nhà chúng tôi kho ng h n n a cây s , c i u hành b i các v n tu truy n giáo Thiên Chúa. Tôi r t thích, chính là vì m i ngày h u cho chúng tôi n nh ng b a n tr a r t ngon. Tr c khi n, chúng tôi ph i c kinh Thiên Chúa, chúng tôi cúi u tr c nh ng chỉ c mâm nh ng th c n t trên bàn. Tôi nh m m t, l m th m c, nh ng tâm c a tôi thì ang kh n kh vì mùi th m ang x c lên m i tôi.

Tôi h c tr ng Thiên Chúa giáo c kho ng m t n m, tr c khi ngôi chùa Ph t giáo Dehideniya m tr ng ti u h c. T t c tr em Henepola, kho ng ba m i, b n m i a chúng tôi l i i tr ng. N m u tiên h c tr ng Ph t giáo khá ông úc. Gi ng ng c a chùa, ngoài tr i, c s d ng làm l p h c duy nh t, luôn n ào vì có quá ông h c sinh đ n vào m t ch .

Một năm sau, chính phủ huy động tất cả nhân công bên chùa xây một ngôi trường tách biệt. Dân làng họp nhau lại xây ngôi nhà một phòng, hình chữ nhật bốn góc vuông ba mét bốn mét dài, và bốn mét ngang. Trường cao gần hai mét, cửa sổ, cửa chính trường không, còn mái thì làm bằng nhúng công lá dừa. Ngôi trường mới có những dãy bàn và ghế dài bằng gỗ công nghiệp. Năm đầu tiên ngôi trường mới, chúng tôi dùng bàn ghế và những viên gạch nền lát bài. Tuy nhiên qua năm thứ hai, chính phủ huy động tất cả và giao làm bài tập, thì tất là sung sướng!

Một buổi sáng khi thầy giáo vào lớp, chúng tôi đứng dậy khi ghế, cúi đầu, khoanh tay trước ngực.

“Chào thầy ạ,” chúng tôi đồng thanh nói, và ông công nghiệp đáp lại chúng tôi bằng cái chào tập thể.

Sau đó là thời gian kiểm tra. Thầy giáo đi dọc theo các dãy bàn học sinh, xét xem răng và móng tay chúng tôi có sạch gìn giữ sạch hay không? Tất cả mọi thứ đều phải gọn gàng, sạch sẽ áo quần. Nếu có gì không ổn, chúng tôi sẽ bị phạt. Thầy trả lời bất cứ lời gì, mong chúng tôi công nghiệp học giỏi. Ông khi thầy giáo còn dùng tay chỉ cho chúng tôi. Không ai nghĩ đó là ác hay có gì khác thường.

Trước khi bắt đầu học, tất cả chúng tôi đều quy y tam bảo bằng tiếng Pali- quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng - và năm gì đi kèm trong Phật giáo. Ngay cả các em nhỏ cũng lòng nguyện bài kinh này, vì chúng tôi đã nghe cha mẹ tụng niệm nhà mình ngày. Chương trình học trường gồm văn phạm tiếng Sinhala, lịch sử, khoa học, toán và dĩ nhiên, Phật giáo.

Một ngày trên đường đi trường và về nhà, chúng tôi đi qua một con lạch nhỏ, nước chảy xiết. Cả tôi và anh tôi đều không biết bơi, vì thế mỗi tháng sẽ rớt xuống một ngày nào đó chúng tôi sẽ bắt đầu đi lạch nước đó. Một ngày bà sống của tôi chúng tôi đi học về. Bà bắt trường con lạch đó giúp đỡ những đứa trẻ học chữ mới bắt đầu, bắt trường anh tôi và tôi rớt xuống vớt sách xuống nước, rồi ra nhẩy vào dòng nước mát đó. Ông khi, chúng tôi thức ăn làm thế! Một tôi, lúc nào công nghiệp theo dõi xa, hết năm vì lòng công nghiệp ngay khi chúng tôi vấp chân xuống nước, còn chúng tôi thì chực chờ bắt đầu ra khỏi đó.

Tuy nhiên, có lần chúng tôi qua một đầm lầy. Chúng tôi nhẩy vào nước mà không thấy. Gần như lập tức tôi bắt đầu vào trong một vòng xoáy nước dòng nước chảy đi một bên bờ. Tôi vùng vẫy hai tay, cố ngoi lên khi mất năm, những dòng xoáy cứ kéo tôi xuống vì mất sức mạnh khi đi. Không biết bắt đầu cách nào mà anh tôi nắm lấy tôi kéo lên. Anh ấy cứu sống tôi.

Nhưng nó không phải là kinh nghiệm sắp đặt cụ thể cùng cả tôi. Cho tới ngày nay, dù tôi đã chu du khắp thế giới, vẫn thấy bao nhiêu dòng sông không biết bao nhiêu lần, tôi vẫn còn sống sót.

Một ngày, lúc tôi khoan đục túp lều, trên sông có vài chiếc thuyền nhỏ trong lúc mưa bão lớn. Chúng tôi phải đi qua một rừng lúa có những đống phân cách hàng rào giữa các luống lúa, vì những đống phân chia đôi các đống phân cách. Chúng tôi đi một rãnh đã bị các trâu bò làm xói lồi ra. Nó trở thành giống như một con sông nhỏ, vì dòng nước chảy xiết. Tôi cảm thấy thoải mái như đi qua rãnh, nhưng tôi còn do dự, ôm ghì tập sách trên ngực.

Cùng khi đã thu hết can mành qua, tôi lật trở chân trên bờ rãnh và té xuống nước. Sách vở, băng đĩa và các dụng cụ của tôi trôi trong khi tôi cố gắng ngoi lên khỏi mặt nước. Tôi càng cố gắng bơi, thì hình như tôi càng chìm nhanh hơn. Anh tôi, Rambanda, nhảy xuống nước và kéo tôi lên. Tôi bám chặt phen sồi và thở nhem, nhưng cảm thấy an toàn.

Chúng tôi chẳng bao giờ kể cho cha mẹ nghe chuyện đó. Chúng tôi biết điều gì sẽ xảy ra nếu chúng tôi kể.

Ngôi chùa Phật giáo cách nhà chúng tôi khoảng nửa cây số, là trung tâm làng. Có một trường và thế giới của ông, một trường, một ngôi chùa.

Khuôn viên chùa bao gồm một giếng nước, một chánh điện, một căn chòi nhỏ phía bên ngoài, các sư dùng làm nhà bếp, và một nhà vệ sinh. Một góc sân là cây bồ đề, giống cho chúng tôi như những cây bồ đề mà Phật Thích Ca Mâu Ni đã đi qua đó, khi Ngài đạt giác ngộ. Một bức tường gạch xung quanh cây bồ đề không cho trẻ con trèo lên như cành cây thiêng liêng này.

Có một ban quản lý chùa và những người tình nguyện đóng góp công sức. Dân làng luôn vui vẻ góp tay vào việc xây dựng, dọn dẹp, nuôi ngựa và xếp đặt các buổi lễ. Các Phật tử tin rằng những việc làm tốt sẽ giúp họ được phước đức hiện tại và tương lai. Nhiếp ảnh viên chùa gần như mỗi ngày, dù họ chỉ là một cuộc sống bình thường.

Thật khó khăn ngày cả chùa cũng như những người sống hàng ngày cả chúng tôi. Mỗi ngày lúc 6 giờ sáng, tiếng chuông đánh một cái chuông lớn giống như cái chuông trong sân chùa. Đó là dấu hiệu cho buổi lễ kinh sáng. Có nghĩa là vẫn chưa hoàn tất buổi lễ thì những người khác ở ngoài, và giờ ông đi qua chánh điện tụng kinh cầu nguyện. Tôi cảm thấy trong lòng có thể nghe tiếng chuông. Khi nó vang lên, chúng tôi biết đó chính là thời gian dành cho những nghi thức cá nhân chúng tôi nữa.

Chúng tôi s bày hoa t i trên bàn th trong nhà, t nhang và ng i xu ng t ng kinh.

Chuông chùa l i vang lên l n n a lúc 11 gi , khi v s b t u dùng b a chánh trong ngày. Tì ng chuông là cách duy nh t chúng tôi bi t gi gi c vì không ai có ng h treo t ng ho c ng h eo tay.

M i chi u, Rambanda và tôi u n chùa. Chúng tôi r t thích ó. V s cho phép chúng tôi ch i trong sân chùa, và th ng cho chúng tôi k o hay n còn th a.

úng ra, chúng tôi không c n n c a chùa, vì ó là do dân làng cúng đ ng cho v s dùng. Cha m chúng tôi ã đ y r ng n n c a chùa s t o ra nghi p x u cho chúng tôi, khi n chúng tôi b a a ng c. Nh ng v s quá t t , và cái ói c a chúng tôi c ng quá m nh, n n i chúng tôi quên c a ng c. Chúng tôi h m h n b t c th gì mà v s cho: c m, cá, u n u, bánh b t g o, hay m t trái xoài chín.

Cha tôi ã xây đ ng gi ng ng c a chùa, m t c n phòng v i chi u dài m i th c, chi u ngang m i th c, n n xi m ng, t ng g ch và mái ngói. Bên trong có m t cái b c vuông, cao kho ng m i l m centi mét, v i b n tr cây cao b n góc. Trên b c g , ch có m t cái gh , bao quanh b i nh ng l i g , và c che b i m t t m màn v i ph c ng trên m y cây tr .

Vào ngày r m và mừng m t, các c s s c ngày và êm trên chùa. Các v s nh ng làng g n bên c ng n chùa chúng tôi, và thay phiên nhau an v trên chi c gh ó thuy t pháp.

Vì c u tiên m i bu i sáng là v s s t ng m t trong nh ng bài kinh c a c Ph t b ng ti ng Pali. Vì ti ng Pali g n gi ng nh ti ng Sinhala, nên ph n ông các c s u có th hi u. Th i kinh sáng th ng ng n ch kho ng m t ti ng, vì các s còn ph i th c hi n nghi l cúng ng tr c khi th th c, kho ng 11 gi sáng.

Bu i chi u, m t v s khác s thuy t gi ng v ý ngh a c a bài kinh Pali ã c t ng ban sáng. Sau ó khách vi ng chùa c t do vài ti ng ng h ng i thi n, th a h i o v i quý s , hay c các kinh sách.

Bu i t i s có nghi l tr ng th h n. Sau khi t t c các c s ã t t p vào trong gi ng ng, m t v s cao o c ki u vào b i hai ng i àn ông trên cánh tay x p b ng c a h . Các v s c cung kính n m c ó không nhi u. M t s v có th t ng thu c lòng c b t ng kinh ti ng Pali, c ng nh thông hi u t t c nh ng bài bình lu n v kinh. H r t khéo léo trong vi c phân tích, gi ng gi i t ng chi ti t trong m t bài kinh, có nh ng bu i gi ng có th

kéo dài n m i ti ng ng h . H c ng th ng n i ti ng v kh n ng k
chuy n và gi ng t ng c êm m c a h .

Các nghi th c n y th ng c i kèm theo b ng ti ng ánh tr ng, th i c ng,
ch i sáo và nh ng ti ng ng thanh h tr nh là “*Sadhu! Sadhu!
Sadhu!*”, có ngh a là ‘Lành thay! Lành thay! Lành thay!’”

V s t t n ng i vào chi c gh c a ông trên b c g , r i ph v i tr ng lên
ng i n t n c . M t b c màn c kéo tr c m t ông, ch còn ch a l i
khuôn m t. Các c s mang trà dâng cho v s , hay là m t mâm y k o mía
ng, tr u cau, vôi và thu c lá. M t ng nh c t tr c m t v s .

Tr c h t v s s c kinh quy y Ph t, Pháp và T ng (tam b o trong Ph t
pháp). Gi ng m i c a ông nghe r t hay, cách c t ng nh hát, có s c thoi
miên n n i d ng nh nó t phía sau b c màn bay b ng ra.

Namo tassa bhagavato Arahato Sammasambuddhasa.

Namo tassa bhagavato Arahato Sammasambuddhasa.

Namo tassa bhagavato Arahato Sammasambuddhasa.

(Cung Kính nh L c Th Tôn, B c ng Cúng, Chánh ng Giác)

Buddham saranam gacchami.

(*Con nguy n quy y Ph t.*)

Dhammam saranam gacchami.

(*Con nguy n quy y Pháp.*)

Sangham saranam gacchami.

(*Con nguy n quy y T ng.*)

Dutiyam pi Buddham saranam gacchami.

(*L n th hai con nguy n quy y Ph t.*)

Dutiyam pi Dhammam saranam gacchami.

(*L n th hai con nguy n quy y Pháp.*)

Dutiyam pi Sangham saranam gacchami.

(L n th hai con nguy n quy y T ng.)

Tatiam pi Buddham saranam gacchami.

(L n th ba con nguy n quy y Ph t.)

Tatiam pi Dhammam saranam gacchami.

(L n th ba con nguy n quy y Pháp.)

Tatiam pi Sangham saranam gacchami.

(L n th ba con nguy n quy y T ng.)

Sau ó, v s s truy n n m gi i cho các dân làng, m t nghi th c truy n th ng b t c cu c h p Ph t giáo nào. V s t ng các câu kinh b ng ti ng Pali, và các c s l pl i theo s .

Sau nh ng nghi l kh i u này, bài thuy t pháp s c b t u vào kho ng tám gi t i. ôi khi kéo dài c êm. Tr em ng thi p i trên sàn nhà bên c nh cha m chúng. Tuy nhiên, ng i l n thì ph i th c. h tr h , m t v tr ng lão v i chòm râu b c tr ng, ng i phía tr c b c g . M i l n v s d ng l i ngh , thì v tr ng lão s x ng to lên, “Vâng, th a i c!”

ôi khi tôi th c gi c lúc n a êm, thì th y c phòng u ng , tr v s và ông lão. Tôi th t s ng c nhiên r ng ai còn có th th c vào gi ó.

Vào kho ng n m gi sáng, nh ng ng i ánh tr ng s b t u n i tr ng lên, và các Ph t t b t u chuy n ng. Lúc ó nhà s ã ph n cu i c a bài thuy t Pháp, gi i thích t i sao c Ph t Di L c, v Ph t t ng lai, s xu th i n khi giáo Pháp c a Gotama, v Ph t hi n t i, không còn c truy n hành.

Kho ng sáu gi , v s s m c a màn, du i ôi chân ã x p b ng trong m t t th su t êm. Vài v t mang m t thau d u d a m n bên s . H xoa bóp d u ó lên chân ông trong kho ng m i l m phút. R i v s b c xu ng kh i b c g , lui v phòng chu n b dùng b a i m tâm.

Quán sát t t c nh ng nghi th c n y t lúc còn tr , tôi th t s n t ng. Thái quý m n và trân tr ng c a gi i c s i v i quý s th t áng ng ng m . Tôi b o v i cha m r ng tôi mu n tr thành m t tu s : tôi mu n thuy t pháp và c công kênh n gh ng i b i các t tín tâm.

Không ch có th , mà tôi còn s gi ng Pháp b ng ti ng Anh, tôi ba hoa. Ng i anh c ã d y tôi v n ti ng Anh, c ng nh m t vài t ti ng Anh. Không có ai trong làng c a chúng tôi bi t chút ti ng Anh nào, d u ó c coi là ngôn ng

‘chính thức’ của Ceylon để thi cai trị của ngài Anh. Dân làng chúng tôi
c quy n s đ ng ti ng Sinhala, nh ng ti ng Anh thì úng là ngôn ngữ của
gi i th ng l u -nh ng ng i làm vì c v i chính ph , ng i t ng l p xã h i
cao, hay ng i khá gi có ti n i du l ch. Vì th , tôi ã ngh là tôi có th h c
ti ng Anh, và tôi s là m t tu s th t s thông thái.

Cha m tôi l ng nghe nh ng gi c m tr con c a tôi và h ch m m c i.

---o0o---

Ch 2: Cuộc sống không nhà

Khi tôi l n h n, ý mu n c tr thành m t ng i tu s càng t ng lên. Tr c
khi xu t gia, tôi r t thích gi b tôi ã là m t tu s. Tôi s qu n quanh mình
m t mi ng v i tr ng, gi ng nh các v s qu n y quanh mình, r i ng i xu ng
m t g c cây trong r ng. Tôi t ng t ng r ng các cây chung quanh là ng i,
r i thuy t cho ám ông thính gi th m l ng ó, hay c t ng l i m t vài
on kinh b ng ti ng Pali mà tôi ã nghe chùa. R i tôi c ng ng i xu ng, gi
v nh mình ang l ng sâu trong “thi n nh”, d u lúc ó tôi ch ng bi t thi n
là gì.

T thu ó, tôi ã tin r ng nghi p c a tôi là ph i tr thành ng i tu s. i u
ó không có ngh a là “s ki p” c a tôi ph i là nh th , vì trong Ph t giáo
không có nh ng quan ni m nh th . úng h n, ó là vì t t c các nhân ã
tích l y trong quá kh , không bi t là ã bao lâu r i, khi n bây gi tôi l i mu n
tr thành m t tu s Ph t giáo. Có th tôi ã là m t tu s trong m t ki p tr c -
không c thành công l m, vì rõ ràng tôi v n ch a t c giác ng trong
ki p này, nh ng c ng không hoàn toàn th t b i, vì tôi ã có duyên lành c
tái sinh làm ng i, c có thêm c h i hoàn thi n công phu tu t p c a
mình. D u không ph i nh th , thì s thôi thúc c xu t gia, ni m khao khát
sâu xa c m c chi c áo nhà tu c ng ã ch m n trong tôi r t s m.

Kho ng n m m i m t tu i, tôi ã không còn thích thú gì trong nh ng trò
qu y phá và ánh nhau c a ám con trai, mà tôi và Rambanda th ng a
thích, và tôi c ng không còn h ng thú trong chuy n h c. Tôi ch mu n c
gia nh p vào t ng oàn Ph t giáo, theo truy n th ng Á châu c x a c a h n
hai ngàn n m tr m n m tr c. Nh ng câu chuy n c a các thi u niên vào th i
c Ph t còn t i th , v i nh ng c mu n tr thành ng i tu t ng t nh
tôi, làm tôi say mê. M t trong nh ng câu chuy n nh th là v m t c u bé tên
g i là Culapanthaka.

Culapanthaka c sinh ra ven ng, khi m c u trên ng tr v quê
ngo i. n vào th i c x a, ng i ph n có thai, theo truy n th ng,
ph i tr v nhà cha m ru t sinh con, và th ng nh ng nh c nh n trong

cưc hành trình đ n n vi c sinh con trên ng v . Thái t Siddhattha Gotama (g i trong ti ng Ph n là Siddhartha Gautama), ng i mà sau này tr thành c Ph t, c sanh trong m t khu r ng nh bên ng vì m c a thái t , hoàng h u Mahamaya ang trên ng tr v nhà cha m ru t.

M c a Culapanthaka có hai ng i con trai, c hai u c sinh ra b ng cách ó, ven ng. Ng i u tiên bà t tên là Mahapanthaka –“ng i l hành l n”. Ng i th hai tên là Culapanthaka, có ngh a là ng i “l hành tí hon.” Vì ng i m r t nghèo, bà hai con trai l i cho cha m bà nuôi Rajagaha.

Mahapanthaka th ng i theo ông ngo i n nghe c Ph t thuy t pháp, và i u ó lòi cu n ông đ n đ n tr thành m t t ng s . Vài n m sau, ng i em Culapanthaka c ng i theo b c chân anh.

Mahapanthaka mu n d y Pháp cho em mình, nh ng th y c u bé là ng i quá kém thông minh. Culapanthaka không th nh n m t câu kinh n gi n trong m y tháng tr i. Mahapanthaka r t th t v ng và ã ngh r ng n u em mình không th h c Pháp thì không th ti p t c làm t ng s .

“Em nên c i b y áo r i v nhà i”, ông b o v i em trai mình.

Culapanthaka r t bu n kh . Ông r t thích cưc s ng tu hành và c làm t c Ph t. Ông không bi t ph i làm gì, nh ng bi t r ng ông không mu n ph i hoàn t c.

Không lâu sau ó, Jivaka Komarabhacca, ng i th nh tho ng làm l ng y cho c Ph t, yêu c u Mahapanthaka th nh c Ph t và t ng oàn tu vi n n dùng b a tr a t i nhà ông. Mahapanthaka thay m t t ng oàn ch p nh n l i m i, r i nói thêm, “ n ngày mai Culapanthaka s không còn tu vi n n a. Tôi ã yêu c u th y y hoàn t c nh ng tôi s n cùng v i c Ph t và t ng oàn”.

Nghe gi ng nói quy t li t c a anh mình, Culapanthaka au bu n th m thi t, v i ôi m t m l , ông thu x p v t đ ng r i r i tu vi n. Nh ng khi ông v a i ra, c Ph t th y ông và h i t i sao ông bu n v y, ông k cho Ph t nghe nh ng gì ã x y ra.

c Ph t nói: “Th y không c n ph i c i b y áo, t b i s ng tu s ch vì th y không th thu c m t câu kinh. ây, tôi có th ch cho th y m t vi c mà th y có th hi u m t cách d dàng”.

c Ph t a cho ông m t mi ng v i tr ng và nói, “Hãy c m m nh v i này ra ng i ngoài sân. Tay trái th y c m m nh v i, lau lên bàn tay m t, l p i l p l i câu ‘Chùi s ch, chùi s ch, chùi s ch’”.

Culapantakha làm úng nh li Ph t d y. Ông ng i d i n ng, c m m nh v i lau vòng vòng trên bàn tay m t, l p l i câu chú b t th ng mà c Ph t ã d y cho ông th c hành chánh ni m.

Sau m t lúc ông nhìn li. Mi ng v i tr ng ã tr thành en, lem lu c b i m hôi trong tay ông. M c d u c câu chú v làm s ch, nh ng ông ã làm d h t mi ng v i!

B ng nhiên, Culapantakha ch ng ng r ng t t c u vô th ng. T t c nh ng gì ông a thích, t t c nh ng gì ông ã n m tr i, ã ch ng i, không có gì là ngo i l , t t c u vô th ng nh mi ng v i tr ng s ch ó. Ngay lúc ó, Culapantakha ã tr nên giác ng , nh n th c rõ ràng c s vô th ng c a v n v t. Ông tr vào tu vi n ng i d i m t c i cây và dùng n ng l c tâm linh huy n bí c a m t ng i ã hoàn toàn giác ng , t o ra hàng tr m t ng s gi ng h t nh ông.

Trong lúc ó, các v t ng khác tu vi n ã i v i c Ph t n nhà Jivaka. c Ph t không th y Culapantakha, do ó Ngài ã t ch i th th c.

“B ch c Th Tôn, có chuy n gì?” Jivaka lo l ng h i. “Còn thi u gì n a ch ng?”

c Ph t h i: “Ông có ch c r ng t t c t ng oàn ã n ch ng?”

“B ch c Th Tôn, con ch c r ng t t c ã n. i c Mahapanthaka ã xác nh n i u ó”.

“D u v y,” c Ph t t t n nói, “hãy cho ng i tr l i tu vi n xem còn có t ng s nào l i phiá sau”.

Jivaka sai ng i tr l i tu vi n. Ng i ó nhanh chóng tr l i m t xanh nh ng i ch t.

“B ch c Th Tôn c tu vi n y t ng s!”, ông th a. “Ng i thì ang hành thi n, ng i ang vá áo, ng i lau chùi, ng i gánh n c, ng i kinh hành, ng i c t ng kinh pháp.”

c Ph t b o ng i kia tr l i tu vi n tìm th y Culapantakha. Ông ta làm theo. Và khi ông làm th , thì t t c tu s -hàng tr m ng i- tr l i, trong m t gi ng, “Tôi là Culapantakha.”

Ng i àn ông kinh hoàng. Ông tr v nhà Jivaka, báo l i nh ng gì ông ã ch ng ki n. Sau ó c Ph t d y ông tr l i, n m l y áo m t v. “N u ng i làm th ,” c Ph t nói, “các tu s khác s bi n m t.”

Ngài ó ã y theo l i Ph t đ y. Và ông ã a v tên là Culapantakha v
th th c. Sau khi th th c, c Ph t yêu c u Culapantakha thuy t m t bài
Pháp. Ng i anh, Mahapanthaka và các v t ng còn l i u ng c nhiên. T i
sao c Ph t l i tr n tr ng m t ng i y u kém nh th , m t v tu s t i t n
n i không nh n m t câu kinh?

Nh ng Culapantakha ã thuy t m t bài Pháp tuy t di u, d a ngay trê n s
ch ng nghi m c a mình v vô th ng. M i ng i u bàng hoàng tr c s
hi u bi t sâu r ng c a ông.

Theo câu chuy n này, trong ti n ki p ông ã là m t v s r t thông minh,
nh ng ã ch ng o m t huynh kém thông minh, ang c g ng v i nhi u
khó kh n h c thu c lòng m t o n kinh. Cho nên trong ki p k ti p c a
Culapantakha, nghi p c a ông ã tr qu : M t m t ông không th h c m t
câu kinh trong b n tháng, m t khác ông l i có th t c giác ng và th n
thông. C hai u là k t qu c a nh ng nghi p tr c ó, t t và x u. M t câu
chuy n v i hai ch ích: v a sách t n, v a c nh cáo!

C ng gi ng nh Culapantakha, tôi r t kiên quy t theo u i m c ích c a
mình. Tôi van nài cha m tôi c i tu mãi, n n i d n d n h c ng coi
i u yêu c u c a tôi là nghiêm ch nh, ch không ph i là b c ng thoáng qua.
Tôi còn r t tr có th c xu t gia ngay, nh ng tôi có th trong chùa và
h c t p làm chú ti u. Nhi u c u bé ã làm nh th , và nhi u ng i trong s h
ã tr thành tu s khi h l n lên.

Gia ình nào có m t trong nh ng ng i con trai c a h gia nh p t ng oàn thì
c coi là r t vinh d . Khi m t ng i xu t gia, t t c h hàng u c công
c tâm linh. Ngay chính nh ng i thanh niên ã l p gia ình, khi anh ta
quy t nh xu t gia, b v l i nhà c ng không b khi n trách. Ng i v c ng
c công c b i s xu t gia c a ch ng.

Vì th d u ng n ng i, cu i cùng cha tôi c ng ng ý tôi th s ng chùa.
M tôi khóc vì bà không mu n tôi r i xa nhà, nh ng bà th y không th lay
chuy n quy t nh c a tôi -ngay chính t vi c a tôi c ng ã tuyên oán nh
th ! Và m tôi ch c ch n không ph i là ng i m duy nh t Ceylon ph i a
a con trai nh nh t c a mình vào i s ng tôn giáo; vì Ph t giáo quá ph
bi n trong n n v n hoá c a chúng tôi, i u ó x y ra luôn

Cha tôi i h i m t v chiêm tinh gia trong làng ch n m t ngày may m n
cho tôi r i nhà. Th i ó, thu t chiêm tinh quy t nh nh ng bi n c quan
tr ng trong cu c i c a chúng tôi. Ng i ta xem sao quy t nh khi nào
xu ng gi ng, khi nào l p gia ình, khi nào chôn ng i ch t, khi nào c t tóc
cho a tr l n u tiên, khi nào b t u m t công vi c quan tr ng, k c khi
ào móng xây nhà.

M c d u s tiên oán c a thu t chiêm tinh có v trái ngh ch v i giáo lý Ph t giáo v nghi p lu t c a nhân qu , ni m tin vào thu t chiêm tinh v n hi n h u bên c nh Ph t giáo, và không ai ngh i u ó có v n gì.

Vào ngày ã ch n, m tôi n u m t ít c m s a cho tôi. ó là m t s chiêu ã c bi t. Khi a tr h c ánh v n l n u tiên, bà m n u c m s a. Hay khi a tr l n u tiên n tr ng, bà m n u c m s a. m ng sinh nh t hay n m m i, ng i ta c ng n u c m s a. Hàng n m, v mùa u tiên th ng c dùng n u c m s a dâng cúng cho các v s .

Và d nhiên, ó chính là c m s a mà cô thôn n Sujata ã dâng cho thái t Siddhattha Gotama g y y u, sau khi Ngài quy t nh t b cách tu kh h nh. Ngài ã nh n s cúng d ng ó. Chén c m s a ã giúp Ngài h i s c có th d ng mãnh to thi n d i g c cây b và t c giác ng , r i sau ó gi ng d y v con ng trung o.

Khi ang n chén c m s a mà m ã n u cho ngày r i xa nhà c a tôi, tôi nhìn th y nh ng gi t n c m t b t u l n trên m t m và các ch tôi. Rambanda c ng ang ki m gi nh ng gi t n c m t.

Khi th i i m ph i r i nhà n g n, cha tôi xu t hi n, trong b xà rộng và áo s mi tr ng t t nh t c a ông. Ông b o tôi ã n lúc ph i i. Tôi c ng m c vào chi c áo s mi và cái xà rộng tr ng.

Lúc ó thì anh tôi oà lên khóc, và b ng nhiên tôi c m th y r t khó ra i. Nh ng tình c m l n l n làm tôi ngh n ngào. Tôi r t h nh p húc, vì cu i cùng c ng c n chùa, nh ng tôi c m th y r t bu n vì ph i xa gia ình. V i s ra i này, tôi coi nh ã t b cu c s ng gia ình theo m t cu c s ng c g i là ‘vô gia c ’, cu c s ng c a m t v tu s Ph t giáo.

C gia ình t ra tr c nhà ti n tôi i. Tôi qu g i tr c m t m , và ch m trán xu ng t d i chân bà.

Bà vu t u tôi b ng c hai tay.

“Nguy n c u Tam B o phù h cho con,” bà th m thì, gi ng nói ngh n ngào. “C u ch thiên phù h con. C u cho con c s ng lâu s c kho . C u c ho con kh i m i tai nạn”.

Và r i bà b t u khóc.

Tôi ng d y và m tôi hôn lên trán tôi, ôm ch t l y tôi.

Cha tôi và tôi i b hàng gi trên con ng b i b m n ngôi chùa, n i s là mái nhà m i c a tôi. Chúng tôi không có h n tr c, cha tôi ã không báo

vì nhà chùa rưng tôi s...n. Các vì sao ã báo rưng ó là m t ngày t t...tôi
r i nhà, và úng nh...th.

G n cu i ngày, chúng tôi...n thành ph...Kosinna, qu n Rambukkana. Ngôi
chùa n m trong m t...n i n d a cu i con...ng...t. Khuôn viên chùa bao
g m m t gi ng...ng, khu n i vi n c a các t ng và m t chánh...i n riêng
bi t. Ngoài sân có vài chi c gh...và r t nhi u cây hoa, c ng nh...là các lu ng
tr u cho ra nh ng lá tr u mà các v s...th...ng nhai vì ch t gây nghi n nh...c a
chúng.

Cha d n tôi...n tr...c v s...tr...trì, là m t ng...i àn ông nh...thó, kho ng sáu
m...i tu i. Sau này tôi...c bi t r ng ông ã l p gia...ình tr...c khi xu t gia,
ã s ng trong ngôi nhà...c nh v...n d a, và có...c m t ng...i con trai l n.

Cha...l i chùa v i tôi kho ng hai ti ng...ng h...; r i ông v...Tôi r t m t và ch
mu n...i ng...Gia...ình và th...i th...u c a tôi d...ng nh...ã xa th m.

Sáng hôm sau v s...tr...ng...a cho tôi m t quy n sách ti ng Pali c n b n,
ngôn ng...mà...c Ph t...ã s...d ng và...c dùng trong các kinh...i n Ph t
giáo nguyên th y. S...b o r ng tôi ph i thu c lòng t t c...m i th...trong sách
chu n b cho s...xu t gia c a tôi, và s...ho ch ra nh ng b n ph n tôi ph i
làm.

Tôi và ba c u bé khác...chùa ph...i i vòng quanh...n i n...l m nh ng trái
d a r ng và...em ch t chúng...nhi u n i. Chúng tôi c ng ph...i quét nhà, l...m
c...i...n u n, kéo n...c, r a chén, và gi t...C n b n chúng tôi là nh ng
ng...i lao...ng không công -c ng m t lo i nô l.

Nh ng b n ph n thu c v...tôn giáo c a chúng tôi bao g m hái hoa...ch ng
trên bàn th...trong chánh...i n, và d...các bu...i...c kinh m...i sáng chi u.

Các c u bé khác thì n u...n m i ngày. Công vi c c a tôi là...n nhà c...c a v
s...tr...ng, mang nh ng th c n...c bi t do ng...i v...tr...c c a ông chu n
b...Ch...có ông...c quy n dùng các món này.

Ba c u bé...trong chùa t t c...u l n và to con h n tôi. Nh ng 'c u bé
chùa' n y không ph...i là các chú ti u, nh...tôi s...tr...thành sau n y, nh ng h
c có c...h...i...lãnh h...i m t n n giáo d c tôn giáo b ng cách s ng...chùa, và
làm vi c...bù cho ti n...n...c a h...M t c u ph...i coi sóc các lu ng tr u. C u
n a qu n lý nhà b p...a th...ba thì trông ch ng nh ng con chó ch y rong
trong khuôn viên chùa. Th...ng h...làm nh ng vi c mà m t v...tu s không
c phép làm do gi...i lu t, thí d...nh...là n u...n hay...i ch.

ây s...là cu c s ng m...i c a tôi.

Nhưng tôi chỉ sống chùa ở cách kho nông ba tháng.

Một ngày kia tôi đang trong nhà bếp rảnh rỗi. Hai đứa trẻ khác đang ngồi cãi nhau đả đả. Một đứa trẻ kia chạy đến nắm lấy tay tôi. Bàn tay tôi lật ngược lên và rơi xuống.

Tôi vội cho cha mẹ lá thư và kêu ông nghe câu chuyện. Vài ngày sau đó, cha mẹ đến tôi. Ông nói, ‘Tôi không muốn con trai tôi bỏ đi chùa nào mà có những người khác.’ Ông cho rằng cha có thể đánh con, nhưng tôi hiểu lý do, nhưng không nên làm như vậy. Tôi chỉ có thể ở trong chùa. Tôi trở về nhà với cha.

Mẹ và các chị tôi rất vui mừng gặp tôi, và thật tuyệt vời khi trở về ở Rambanda. Tất cả chúng tôi lại tiếp tục sống như trước kia.

Phấn khởi gian khổ của tôi là chạy qua chợ làng nhà cha mẹ, và nhà nường chị cả tôi sống với chị em và đứa con gái. Họ nói với tôi rằng họ rất thích có một đứa con trai trong nhà, thì thì sao tôi không sống với họ?

Tôi hiểu thật rõ. Tôi thấy hai đứa trẻ, và cháu gái tôi cũng giống như là em tôi. Hoàn cảnh của tôi, lúc đó có vẻ rất bất hạnh. Tôi đã sống với hai đứa trẻ và đã nghỉ học ba tháng rồi.

Nhưng mẹ muốn trở thành một tu sĩ vẫn còn cháy bỏng trong tôi. Tôi rất nhớ những ngày sống ở chùa. Vì thế tôi xin cha tìm một ngôi chùa nào khác chấp nhận tôi.

Vài tháng sau, vào tháng giêng năm 1939, anh trai tôi nói với cha rằng anh có nghe về một ngôi chùa khác, làng Maladeniya, đang tìm một cậu bé cho xuất gia. Chùa ở cách là Sri Vijayarama, cách nhà tôi khoảng chín kilômét, nhưng họ không chấp nhận vì cha có ai trong chúng tôi đã từng ở đó.

Lần đầu tiên tôi rời nhà cũng giống như lần đầu tiên: cảm xúc ấm áp; và rộng rãi; niềm vui và cảm giác về một khởi đầu mới cho tôi. Tôi cảm thấy hạnh phúc khi nghĩ đến tương lai của mình. Nhưng tôi nhớ lại những kinh nghiệm của tôi ở ngôi chùa trước, lòng tôi vẫn âu lo khi nghĩ đến những mất mát, và những nỗi đau.

Lần này, mẹ và anh trai cùng đi với tôi trong chuyến đi này. Khi chúng tôi rời đi, mẹ bảo với anh trai rằng, ‘Hãy chăm sóc con trai mình. Vì con sống ở chùa, hãy báo cho mẹ biết tin tức của nó.’

Rồi chúng tôi c t b c, khi m ng bên c a nhà. Tôi c ngoái u l i nhìn bà, và m i l n nh th , bà v n còn ng ó, xa d n xa d n, cho n khi tôi không còn nhìn th y m n a -và còn lâu h n n a nh ng gi t n c m t trên má tôi m i khô i.

Không có con ng nào t làng tôi d n n Malandeniya. Chúng tôi ph i i d c theo nh ng l i i b ng qua ru ng lúa, qua các dòng su i nh và các n i n cao su. Th nh tho ng, chúng tôi i qua nh ng ngôi làng nh khác. M i l n nh th , chúng tôi l i h i ng n Malandeniya, ng i ta l i b o chú ng tôi i xa thêm chút n a.

Cu i cùng thì chúng tôi c ng n c m t ngôi chùa có dây thép gai rào quanh. Sau này chúng tôi bi t r ng ng i ta làm v y không cho trâu bò trong xóm vào chùa n nh ng cây d a non trên m t t. c ng, có m t hàng rào tre, che dây thép gai chúng không làm v ng xà rồng khi ng i ta b c qua ó.

Khi chúng tôi b c vào, m t àn chó ùa ra s a nh chào ón chúng tôi, sau ó là m t vài c u bé, và cu i cùng là v tr trì, m t ng i có t m cao trung bình, v i ôi m t sáng và m t chi c m i dài. Ông c i, l hàm r ng b n en vì tr u cau.

Cha, anh r và tôi l p t c qu xu ng d i t và l bá i ba l n. Nhà s ra d u cho chúng tôi i vào bên trong chùa và ch chi c chi u trên sàn nhà n i chúng tôi có th ng i xu ng.

Danh x ng c a S là Kiribatkumbure Sonuttara Mahathera. Mahathera, 'tr ng lão,' hàm ý r ng S ã là m t v t kheo ít nh t ba m i tám n m. Gi S ã g n sáu m i tu i và có v r t thân thi n; n c i th ng trên môi.

Cha gi i thi u v tôi và th a v i S r ng tôi mu n n s ng chùa và xu t gia. Nhà s nhìn tôi t u n chân, r i g t u.

Th t n gi n. Tôi ã c ch p nh n.

Cha và anh r tôi nán l i kho ng m t ti ng ng h ti p chuy n v i S r i cáo t . Ngay khi h v a i kh i, tôi c m th y m t làn sóng cô n ph trùm l y tôi. Tôi mu n ch y theo h và b o r ng tôi ã thay i ý nh, r ng tôi mu n v nhà.

Tôi b t u khóc, và không th d ng l i sau hàng gi .

S Sonuttara an i tôi, b o r ng chùa, tôi s có c m t mái m, tôi s c h c Pháp t các v th y uyên thâm. R i S a cho tôi m t manh chi u c và m t cái g i d tr i trên n n nhà c ng làm gi ng.

Chánh i n g m có m t sàn g d ng trên b n cây c t cao kho ng h n m t th c. Gi a sàn là m t t ng Ph t b ng t sét c k và x u xí. Tôi nh t ng Ph t ó có ôi m t nhìn d t n, ghê khi p, không gi ng chút nào v i nh ng t ng thanh thoát th ng th y h u h t các chùa. Rõ ràng là ng i n n t ng ch a t ng h c qua v nh ng ph m ch t c a c Ph t, mà h ph i bi u hi n trong các b c t ng c a Ngài.

m t bên t ng Ph t d t n ó là hình c a v th n da xanh Vishnu, m t trong nh ng v th n l n c a n giáo. Bên kia là hình c a Humiyam Devata, m t v hung th n mà cho n ngày nay v n còn m t s ng i Sinhala tôn th . Ng i ta c u nguy n v th n này nh uy l c c a th n ch ng l i k thù c a h . Vishnu và Huniyam có m t trên bàn th c a m t ngôi chùa Ph t giáo, là m t s ch n l a l l ùng, nhìn chung ba hình nh n y th t i ch i nhau.

Trong m t gian nhà khác, cách chánh i n kho ng sáu th c, có ba phòng, t t c u d b n, u ám: ó là ch ng c a s tr ng, m t phòng khách dành cho các s vãng lai, và m t c n phòng ch a . Bên ngoài có m t hành lang, nh d n n nhà b p. Có m t kho ng đi n tích h p là góc n u ng, c ng r t d b n, và m t b p lò b ng g v i ba hòn g ch lên trên, n i ng i ta có th t nh ng chi c n i lên ó n u.

Phía sau nhà b p là c n nhà v sinh, ch dành riêng cho s tr ng s d ng. M y a tr chúng tôi c b o ph i gi i t a ngoài ng tr ng, phía sau khuôn viên chùa. Và khi nào chúng tôi làm vi c ó, là m y con heo hàng xóm s n và i s ch cho chúng tôi.

C ng gi ng nh ngôi chùa u tiên, tôi c ng có r t nhi u b n ph n ph i làm. Tôi ph i b a c i n u n, gánh n c t gi ng lên, quét sân, hái hoa ch ng bàn Ph t, n u n, r a chén, và cho h n c ch c chó mèo ch y rông trong chùa n.

Bên c nh nh ng công vi c này tôi còn ph i h c thu c lòng nh ng bài kinh ti ng Ph n t các sách g i là Sataka, ngh a en là “m t tr m” nh ng th ng ám ch “m t tr m câu th tán thán c Ph t.” Khi thu c lòng h t m t quy n sách, chúng tôi sang qua quy n khác. M t trong nh ng quy n sách Sataka gi i thích v m t tr m l tám danh hi u c a c Ph t, quy n khác l i gi i thi u v chín ph m ch t áng ng ng m c a c Ph t, vân vân.

M c ích c a vi c b t m y a tr chúng tôi h c thu c nh ng bài kinh n y là vì ba vì c: d y chúng tôi phát âm ti ng Ph n úng; gi i thi u v i chúng tôi v nh ng ph m ch t c a c Ph t; và quan tr ng h n c , theo tôi, là phát kh i s t n tâm, thành ý trong nh ng u óc non tr c a chúng tôi.

M i chi u, khi chúng tôi ph i tr bài h c thu c lòng trong ngày, S Sonuttara s v n nh ng n èn d u xu ng chúng tôi không th n gian b ng cách c t trong sách ra. N u tôi sai hay không thu c các bài kinh, S s n i gi n và ánh tôi. Nh ng cái ánh c a S thì gi ng nh ‘d ng c h tr h c t p’, không hoàn toàn gi ng nh s b o l c, ã khi n tôi ph i r i ngôi chùa u tiên.

Tuy nhiên, th ng thì tôi h c khá thu c bài. Tôi có v là ng i h c mau hi u bi t, và th y tôi r t v a lòng. Trong ba tháng, S ã tuyên b r ng tôi ti n b nhi u, và ã s n sàng c làm l th gi i Sadi.

S Sonuttara c ng xem l ch ch n m t ngày gi t t cho bu i l . R i ông gi l i m i cha m tôi và kho ng hai m i t ng s t các chùa khác trong vùng. V s tr ng lão nh t trong vùng, S Alagoda Sumanatissa Nayaka Mahathera, s ng ra ch l và truy n gi i cho tôi. Ngày hôm tr c bu i l , c chùa b n r n v i các sinh ho t khi các v khách l n l t n, và dân làng Maladeniya chu n b th c n cho các khách t ng.

R t nhi u bà con c a tôi c ng n trong ngày tr ng i ó, k c cha, anh r , và Rambanda, ng i anh trai thân thi t c a tôi. M tôi không th i xa nh th vì au l ng. Bà r t au kh vì không th có m t ây, cha ã nói v i tôi nh th , và tôi c ng r t bu n.

Vào lúc m i gi sáng, t t c m i ng i u t l i tr c hiên c a khu n i v i n t ng. Thông th ng l xu t gia s c t ch c trong chánh i n, nh ng vì có quá nhi u khách d , th y tôi quy t nh làm l m t n i r ng rãi h n.

Tôi m c áo chemise và xà rông tr ng. Cha cùng v i tôi ti n n ch quý s ang ng i trên sàn nhà c nh bên m t bàn th v a c d ng lên, i m t v i ám ông.

Tôi qu xu ng tr c v lão s , Sumanatissa, và nh l S ba l n. S b o tôi xin phép cha c b c vào cu c s ng không nhà c a ng i tu. Vì th tôi qu xu ng tr c m t cha và l p l i nghi l vái l y ba l n, m i l n u trán ch m xu ng n n nhà ngay ch chân cha, bày t lòng kính tr ng. Tôi v n còn nh g ng m t nghiêm trang c a cha khi nhìn xu ng tôi.

Khi tôi quay tr l i phía các s , S Sumanatissa l y kéo c t m t vài l ng tóc c a tôi, và d y tôi l p l i theo S : “Tóc trên u, lông trên thân, móng tay

chân, r ng, da.” Các b ph n thân th là nh ng i t ng thi n quán u tiên c a tôi. ây là l i ch giáo truy n th ng dành cho t t c nh ng ai v a xu t gia, ph n nh lãnh v c u tiên trong T ni m x c a c Ph t, ó là thân v t ch t.

Trong kinh Mahasatipatthana, bài kinh v T Ni m X , m t trong nh ng bài kinh chánh y u c a c Ph t, ã ch bày cho chúng ta b n lãnh v c mà ta c n chú tâm th ng n: thân, th , tâm và i t ng c a tâm.

N u th t s quán sát b n lãnh v c n y v i s chú tâm hoàn toàn, không xao lãng, và rõ ràng, chúng ta b t u th y r ng chúng luôn bi n i v i th i gian. Chúng chuy n bi n, thay i t phút này qua phút khác, khi n ta không th bám vào kho ng kh c c a chúng. Quán t ng v b n i t ng không ng ng chuy n i n y, ta s th y s vô th ng c a v n v t th hi n trong chính s hi n h u c a chúng ta.

H n th n a, chúng ta s th y r ng không có s khác bi t gi a chúng ta và tha nhân. M i ng i và t t c chúng ta, là m t t ng th c a thân, th , tâm và pháp. Hi u c nh th , chúng ta s tr nên ng c m v i ng i khác. Lòng ganh t và chia r s tan đ n, và c thay th b ng lòng bi m n và tâm t bi.

Nh ng ó không ph i là i u dành cho m t a tr m i hai tu i ang trong bu i l xu t gia c a mình – t t c nh ng i u ó, v n còn là m t m c ích xa v i trong ngày mà chú sadi nh n ch thi n quán u tiên c a mình. Các v tr ng lão c ng có th h ng đ n cho các chú sadi n b t c lãnh v c nào c a t ni m x , nh ng h luôn ch n thân, vì lãnh v c ó r t đ , ngay chính ng i s c c ng có th c m nh n. Thân thì, có th nói là ngay ây, v i t t c nh ng ham mu n, au kh , kiêu m n phát kh i ngay n i thân. Nh ng khi qu g i tr c th y tôi, tôi hoàn toàn mù m t v nh ng gì tôi s tu t p sau n y, v ni m x u tiên n y.

V lão s b m y l ng tóc vào lòng bàn tay tôi. ó là d u hi u m t v t ng tr b c n, đ n tôi ra ngoài c o h t p h n tóc còn l i trên u tôi.

Nghi l c o tóc, bi u t ng c a m t ng i tu s t b nh ng bám víu v t ch t th gian, lúc nào c ng c đi n ra n i kín áo, tránh xa s ch ng ki n c a các c s . Khi u tôi ã c c o s ch tr n, tôi i t m gi ng chùa, sau nhà b p. Sau ó tôi m c l i b qu n áo tr ng.

Khi quay l i phòng h p, tôi i trên u m t b c v i ã c x p l i - ó là y c a tôi. Tôi qu tr c th y tôi. T ng b ng ti ng Pali, tôi th nh c u S ch p nh n b y mà tôi có, và truy n gi i cho tôi làm sadi, tôi có th ch m đ t m i kh au và t c Ni t Bàn.

Tôi l y ba l y n a.

R i S Sumanatissa làm l quy y tam b o và truy n m i gi i là nh ng o c c n b n trong cu c s ng m i c a tôi. S c t ng b ng ti ng Pali và tôi l p l i theo S :

Con nguy n quy y Ph t.

Con nguy n quy y Pháp.

Con nguy n quy y T ng.

(c t ng ba l n)

Con xin gi gi i không sát h i.

Con xin gi gi i không tr m c p.

Con xin gi gi i không tà dâm.

Con xin gi gi i không nói d i.

Con xin gi gi i không u ng r u và các ch t gây nghi n.

Con xin gi gi i không n sái gi .

Con xin gi gi i tránh xa s múa hát, ch i các nh c c , xem múa hát.

Con xin gi gi i không eo tràng hoa, thoa n c th m, trang i m, làm p thân th .

Con xin gi gi i tránh xa ch n m ng i quá cao sang và p .

Con xin gi gi i không nh n vàng b c.

Sau khi c t ng nh ng l i này, tôi th nh c u th y tôi hãy chia s công c mà tôi ã có c do xu t gia: “B ch S , xin hãy hoan h ch p nh n m i công c mà con ã có c, và cho phép con c chia s nh ng công c c a S .”

R i tôi nh l S ba l n, c ng nh nh l t t c các v t ng s khác.

Cu i cùng, S Sumanatissa ban cho tôi danh hi u m i: Gunaratana, “Báu v t c a Gi i h nh.”

Gi thì tôi ã là m t Sadi.

Tôi thích cho một cái ghế và cũng thích các đồ khác, dù không quá giá! Tôi thích và một nhóm như các cô bé này, mình thích cái ghế và một món quà như một cái gối. Có khăn lông, xà phòng, một cây dù - những vật thật hữu dụng cho tôi trong cuộc sống, những ngày này.

Ngày lễ cũng thức vì một bữa ăn thịnh soạn. Tôi cùng dùng bữa với các cô bé khác, ngồi trên sàn nhà. Thực phẩm do các cô bé cúng dường chùa dành cho các tu sĩ, vì thực ra tôi chưa bao giờ có phép niệm qua. Thức ăn là ngon.

Ngày hôm đó thức làm một cái gối trong cuộc sống của tôi. Tôi thích và tuy vậy, chỉ một vài cô bé thích yêu cầu tôi vẽ một cái gối. Tôi nhớ rất nhiều.

Hai tuần sau đó tôi cũng vẽ thêm một cái. Bà quá vui mừng về cái gối của con trai út của mình, gửi vài chiếc cho cô bé, mình mặc bộ váy màu vàng của mẹ và tu sĩ xuất gia.

Bà trích một cái khăn sạch để chân tôi, và sau đó xin vẽ vài chiếc gối. Các cô bé này, trán bà cũng xinh đẹp lắm.

Ngày lễ và ngày tôi rời nhà ra đi, khi ấy tôi đã chào mẹ. Gửi một lời bày tỏ lòng kính trọng vì tôi. Thức ăn là một giây phút xúc động mãnh liệt cho cả hai chúng tôi.

“Chú thích yêu cầu mẹ,” mẹ nói, một lần nữa, “con không bao giờ hoàn toàn. Cuộc sống là một thử thách cho con. Đó là một cuộc sống để giải thoát. Nhưng bao giờ nghĩ đến việc bố tu.”

Kể từ ngày hôm đó, mỗi lần tôi vẽ thêm nhà, mẹ tôi luôn phải nghĩ và lời khuyên đó, lúc nào cũng nói, “Con trai, nhưng bao giờ bố tu.”

Sau lễ xuất gia, các cô bé chùa lý ra phải thay đổi, vậy mà không phải thế. Vẫn còn những bài kinh phải học, các công việc phải làm, những hình thức phải học nữa. Tuy nhiên các bữa ăn thì khác. Giờ, theo giờ lễ, tôi không cần sau giờ ngủ. Các cô bé này là chúng tôi có một bữa ăn chính trong ngày. Bữa ăn có một vài cô bé khác thì quanh làng. Là ngày và mọi người xuất gia, đó là niềm vui của tôi.

Một ngày, sau khi xong việc buổi sáng, tôi rời chùa không chỉ vì buổi sáng. Một bình bông đẹp, không cần một cái gối, một cái gối vào một cái gối và một cái gối, treo quanh tôi, một bình bông và một cái gối.

Bên phên cửa tôi là thềm nhện thóc n cho c hai, s tr ng và tôi, t m i nhà trong sáu m i hay kho ng ó nhà trong làng. Dân làng ng tr c c a nhà h , v i nh ng tô c m hay rau hay bánh ng t trong tay. Khi tôi ch m rãi b c qua, trong im l ng và tránh giao ti p b ng m t, h s t m t mu ng y th c ph m cúng đ ng c a h vào bình bát c a tôi.

Ngày nay, vì c kh t th c v n còn c th c hành các làng kh p Á châu. Th t là m t c nh t ng p - m t hàng dài các tu s i trong im l ng, chân tr n và đ ng l i tr c nhà c a các c s . Dân làng thành kính ch p tay vái chào khi t th c n vào bình bát. Không m t l i trao i.

S th c hành này là m t truy n th ng lâu i c áp đ ng t o ra s liên h t ng quan gi a ng i tu và c s . Các tu s , nh ng ng i vì gi gi i không n u n, ti p nh n s nuôi đ ng t các c s . Ng i c s , b ng cách cúng đ ng th c ph m cho ng i tu, c công c tâm linh và h tr s ti p n i con ng c a c Ph t.

Nh ng i v i tôi, vì c i kh t th c bao gi c ng y c ng th ng. Tôi ph i n t t c sáu m i nhà và tr v chùa úng m i m t gi sáng. N u tôi ch tr n m phút, th y tôi c ng nh t quy t không n. Gi i lu t t ra cho ng i tu là ph i xong b a tr c ng , và th y tôi không mu n ph i n m t cách h i h . Vì th tôi ph i nhanh chân i qua làng, không dám thi u sót nhà nào, vì nh th s khi n cho ng i nhà ó không c có công c cúng đ ng th c ph m, r i h s than phi n v i th y tôi và tôi s b qu ph t.

Trong làng có r t nhi u chó, chúng c ng ói. Khi nhìn th y m t a tr mang bình bát y th c n nóng s t, th m l ng, chúng tr nên r t hung t n. Tôi c g ng xua u i chúng b ng cây dù tôi mang theo b o v tôi kh i ánh n ng m t tr i thiêu t. Nh ng tôi khó mà thành công.

ôi khi tôi c g ng ch y tr n l chó, nh ng v i chi c bình bát n ng treo quanh c , i u ó không d dàng. Không th tránh c tôi b v p ngã, th c n ra t. L chó s r t theo tôi, g m g c n tấp. Nhi u khi tôi tr v chùa v i ôi chân ch y máu và m t bình bát ch còn m t n a n.

Vài ng i dân làng hình nh c m th y t i nghi p cho tôi. B t c khi nào có m t con chó nào ó c n tôi, vài ngày sau h s n chùa và tuyên b r ng con chó ó ã “ch t”. K t c c nh th không ph i là i u tôi mu n x y ra chút nào, nh ng dù sao nó c ng ã x y ra.

M i ngày sau b a n, tôi ph hai c u bé chùa đ n đ p nhà b p, r i tôi ph i i b g n ba cây s n m t ngôi chùa làng k bên, n i v tr trì ó s đ y ti ng Pali cho tôi. Tôi có th h c thu c kinh m t cách d dàng, vì th v th y này r t thích tôi. R i sau bu i h c, tôi l i nhanh chóng tr v chùa c a

tôi, làm các công việc trong chùa và công phu chi u, m t nghi l tán t ng các ph m ch t c a Ph t, Pháp, và T ng.

Sau bu i l , chúng tôi dùng trà và tôi ph i h c ti p n a. Th ng chúng tôi i ng lúc chín gi ba m i t i. Chuông ánh th c s n i lên lúc b n gi sáng hôm sau.

Gi ng nh cha tôi, S Sonuttara r t nóng tính. S dùng ngôn ng không t nh ch i r a tôi và m y c u bé trong chùa. N u chúng tôi ph m b t c i u lu t gì, hay xao lãng công vi c hàng ngày, dù ch chút ít, S c ng không ng n ng i gì ánh chúng tôi v i b t c th gì trong t m tay: á, roi, g ch, ch i, hay ngay c dao.

Vì th tôi h t s c c g ng tuân theo các lu t l . Ngay khi v a th c d y lúc b n gi m i sáng, tôi b t u chu n b i m tâm và un n c. n n m gi , th y tôi c n n c r a m t. Sau ó tôi ph i i hái hoa t i và ch ng trên bàn th , chu n b cho công phu bu i sáng lúc n m gi r i.

i m tâm s ph i s n sàng úng sáu gi . S Sonuttara mu n m y cái a cho chó n ph i c nh bên ch s ng i, chính tay s có th cho chúng n. Chúng tôi không c n cho n khi s ã dùng xong, r i chúng tôi ph i ng n v i th c n có th nhanh chóng b t tay vào các nhi m v khác. Sau khi ã th gi i làm sadi, tôi c phép ng i c nh s n, nh ng s ng i trên gh v i a th c n trên bàn. Tôi g n bên, ng i trên sàn nhà, v i a n trên m t chi c gh u th p tr c m t tôi.

Khi tôi i kh t th c v lúc m i m t gi , chúng tôi l i tr i qua m t nghi l t ng t ph c v bu i tr a, r i ng n v i b a n c a chính mình.

M t gi tr a là lúc th y chúng tôi ph i có trà trên m t chi c bàn c bi t. Sau ó tôi i qua chùa kia h c ti ng Pali, và không c v tr h n ba gi chi u.

V n cây và hoa ph i c t i xong lúc n m gi r i, sau ó tôi có thì gi v i v i t m, tr c th i khóa t ng kinh bu i chi u lúc sáu gi . Sáu gi r i, tôi châm trà cho S . B y gi tôi tr bài thu c lòng cho s . Sau ó, tôi chu n b tr u cau cho s n lúc b y gi r i. R i là d n d p l n cu i tr c khi i ng .

Vào ngày r m và mừng m t, chúng tôi r t thích c kh i làm nh ng công vi c hàng ngày n y. Thay vì là các lao ng chân tay, chúng tôi tr thành ch i v i nh ng ng i dân làng n l i chùa vào ngày c bi t ó. Ph n ông h là nh ng ng i già c , không bi t c hay vi t. h u h t các chùa,

quý s s c các câu chuy n Jataka và gi i thích v ý ngh a quan tr ng c a chúng cho các c s nghe.

Jataka là nh ng câu chuy n v ti n thân c a c Ph t. C b sách có kho ng 550 câu chuy n. M i câu chuy n bi u hi n l i cho ta th y c Ph t trong nh ng ki p s ng tr c ã có các ph m ch t cao th ng nh th nào: r ng l ng, o c, x ly, trí tu , tinh t n, nh n n i, chân th t, kiên quy t, t bi, và h x . ôi khi trong các câu chuy n n y, c Ph t có th trong ki p thú; nh ng Ngài luôn là m t v B Tát, hay ng i trong giai o n chu n b thành Ph t.

Vì ã h c n l p b n, tôi tr thành nh là m t ng i hùng i v i nh ng ng i dân làng th t h c n chùa. H thích l ng nghe tôi c các câu chuy n b ng cái gi ng m i l n, nh con gái.

M t ngày kia, tôi nh ang k m t câu chuy n t ti n thân c a c Ph t. Tôi nói r ng sau khi r i cung i n c a vua cha và c t tóc, hoà ng t Siddhattha tr thành m t nhà tu kh h nh. Ngài qu n y vàng quanh ng i và kh t th c trong bình bát.

M t trong nh ng ng i dân làng ang l ng nghe, m t ông lão gi ng nh ông n i tôi, nói, “Này chú ti u, tôi ngh chú sai r i. Y vàng và bình bát ch a có m t trên th gian này cho n khi thái t Siddhattha tr thành Ph t và b t u thi t l p T ng oàn.”

Tôi tr l i ông: “Th a ông, cái bình bát trong ti ng Ph n là patra, có ngh a là b t c m t ch a gì có n p trên. Ch c ch n r ng nh ng v t d ng nh th ã c s d ng tr c khi c Ph t có m t. Nh ng ng i n xin th ng s d ng chúng. Và ti ng Ph n cho y vàng là kashaya vastra, ch b t c m nh v i vàng nào. V y t i sao thái t Sidhattha không th qu n y áo màu vàng?”

Theo tôi nh , câu tr l i c a tôi ã làm ông lão r t v a lòng.

Nh ng không ph i m i th chùa u trôi ch y nh th . M t ngày kia m y c u bé trong chùa, chúng u l n h n tôi, m i tôi hút thu c v i chúng. Tôi hút, và th là m t thói quen nghi n hút ã thành hình. Chúng tôi không có ti n mua thu c lá, vì th chúng tôi ã l y c p thu c lá t phòng c a s tr ng, n i s c t khi nhai tr u, s tr n v i tr u cau. Chúng tôi cu n thu c lá trong nh ng m nh gi y báo và bí m t hút. Th nh tho ng s b t g p chúng tôi hút thu c và ánh chúng tôi vì t i ó. Nh ng i u ó c ng không làm chúng tôi suy chuy n; chúng tôi ch tr nên c n th n h n không b b t g p.

Một ngày kia sau khi khiết thức trở về, tôi đi tìm thú về tròn nhai trong nhà bếp và bắt đầu hút. Thấy tôi xuất hiện, ông bắt đầu nói cái thau trên tay ra gì ngấm.

Sáng hôm sau, nhìn thấy ông vào tôi: tôi đã bắt đầu quàng. “Sợ không ảnh hưởng con này,” ông nói. “Nhưng nếu Sợ bắt đầu con hút lá thì sợ sẽ phải làm gì với con? Con nói cho tôi nghe đi.”

Tôi ngần ngại. Sợ nghĩ đến cách tôi rất đáng sợ. Tôi biết là chỉ có một câu trả lời cho câu hỏi đó.

“Nếu Sợ thấy con hút thuốc lá, Sợ ảnh hưởng con bao nhiêu cũng được,” tôi trả lời.

Nhưng tôi không bắt đầu; tôi đã bắt đầu đi. Vài tuần sau tôi lại bắt đầu. Sợ Sonuttara ảnh hưởng tôi bằng tay không.

Sau đó, sợ khóa thuốc lá chúng tôi không thể lấy được. Lần nữa, chúng tôi cũng không nhìn lòng mà chỉ nên mua một chiếc: chúng tôi bán đi, khăn lông, khăn tay, và gạo, bắt đầu nhìn tay chúng tôi -thực là vật thể của các sự cố định - mua thuốc lá.

Khi gần đến tuổi dậy thì, tôi cảm thấy rất buồn cười. Tôi không còn quá sợ hãi gì nữa không oán trách ai cả Sợ Sonuttara. Nhưng hình phạt quá khắt khe của Sợ dường như bắt công và tàn nhẫn quá nên tôi bắt đầu oán hận.

Tôi cũng bắt đầu cảm thấy tôi không thể hành động. Tôi đã mua đi bán lại mà chỉ mua một chiếc xong lập bản -mặt thành một trong những ngày đó, nhưng tôi vẫn vẫn chưa. Thấy tôi lần đầu tiên ở chùa làng bên, nghĩ đến tôi thì nghĩ Pali, tôi không thể hành động hoàng. Tôi mua thêm nữa, mặt của tôi theo tôi suốt đời.

Tôi bắt đầu cảm thấy chùa gì nghe từ. Đây không phải là tiếng tôn giáo hay hoàng mà tôi đã mua nó.

Một ngày, sau khi thức dậy, Sợ Sonuttara đi ngủ trưa. Một trong những cây chuối kia mua hái trái cam trên cây bên ngoài phòng Sợ. Nó bắt đầu chĩa lên cây trái cam rơi xuống.

Tiếng gõ ảnh hưởng chúng tôi. Sợ bắt đầu ra khỏi phòng, nghĩ đến mua đi bán lại là nghĩ đã làm huyền ảo. Cuộc sống đó là tôi, là tôi đã chia sẻ.

Và bằng nhiên lúc đó tôi cảm thấy gì nữa. Tôi hiểu cuộc sống, bằng tiếng nói rất khó nghe, thì sao nó nói đi Sợ. Sợ Sonuttara quay qua tôi. Sợ bắt đầu vô lý.

S b o s không c n bi t ai ã ch i á, nh ng vì tôi vô l , tôi là ng i p h i b ph t.

S v i l y cây ch i và ánh tôi t i t p, cho t i lúc tôi ngã ra sàn nhà. Tôi không còn th n i.

ó là gi t n c tràn ly cho tôi.

Chi u hôm ó, tôi thu gom sách v nh th ng l khi tôi ph i n chùa KEBILITIGODA h c ti ng Pali. Tôi b t u ra c a, úng lúc th y tôi và nh ng a tr khác i v h ng phía sau chùa, ào m t nhà v sinh m i. Tôi canh cho h i qua, r i tôi l ng l tr vào bên trong, v t sách xu ng.

Tôi vào phòng n i m y c u bé chùa , tóm l y m t cái áo chemise và xà rồng tr ng. Không m t chút nu i ti c, tôi c i y ra r i m c áo chemise và xà rồng vào.

M t ni m h ng ph n tr i d y trong lòng, tôi l n ra c a tr c chùa, b c qua c ng hàng rào dây thép, i trên con ng g gh .

Tôi không còn là m t chú ti u n a. Tôi ã c t do.

---o0o---

Ch ng 3: M t cu c ch y tr n

Khi c i b y áo r i chùa, trong u tôi ch có m t ý ngh : v nhà.

Tuy nhiên, tr c h t, tôi ghé qua nhà ch gái. Anh r tôi hình nh ch h i ng c nhiên khi th y tôi. Anh ã nghe k v nh ng khó kh n c a tôi, nên anh m m c i nói: “Em r i ch ó là úng r i. C ây m t lúc, anh s tìm cho em m t ngôi chùa khác.” Nh ng tôi lo s r ng n u tôi ó, i c Sonuttara s n tìm tôi. Vì th tôi ch y v nhà cha m tôi.

M tôi b s c khi nhìn th y tôi. Bà h i t i sao tôi b chùa, vì th tôi k cho m nghe nh ng gì ã x y ra. Bà không nói gì nhi u, ch b t u khóc.

Bu i t i cha tôi t ngoài ru ng lúa tr v nhà. Tôi k v i ông v nh ng s ng c ãi mà tôi ã ph i ch u ng chùa. Nhìn nét m t cha, tôi bi t r ng ông không tin tôi, nh ng ông v n gi bình t nh. Các anh ch em tôi, t t c u r t vui c g p l i tôi, nh ng không ai nói gì nhi u. H ch ch p nh n s có m t c a tôi ó.

Tuy nhiên, tất cả chúng tôi dường như bị trừng phạt vì việc này không thể kéo dài lâu hơn. Vì căn nhà sẽ bị cháy là điều chắc chắn. Nó sẽ mang lại những hậu quả đáng sợ, hay ngay bây giờ, cho gia đình.

Ngày hôm sau, thầy tôi đã có mặt ở nhà tôi. Cha mẹ tôi, vì lòng kính trọng vị thầy, đã không đòi ông gì thích thì sao tôi phải chịu trách nhiệm. Họ nghĩ rằng không biết bắt tôi đi đâu nữa.

Sau vài phút chuy nhiên trò chuyện, sư Sonuttara yêu cầu tôi trở về chùa với ông. Tôi nhìn cha mẹ, cầu khẩn trong im lặng giúp đỡ họ, họ vẫn lặng lẽ đứng lên bỏ đi, và nói rằng họ muốn tôi ở nhà với họ.

Nhưng không ai nói gì trong những giây phút đó. Hoàn toàn im lặng. Cha mẹ hình như không dám nhìn tôi. Sau đó thầy tôi lập lại yêu cầu của ông.

Cha tôi gật đầu, nói rằng, "Con phải đi theo Thầy."

Tim tôi chùng xuống. Tôi bị trừng phạt nếu tôi chối từ, thì cha tôi cũng sẽ dùng sức mạnh để bắt tôi về chùa ngày hôm sau, hay ngày hôm sau nữa. Và tôi không muốn mang lại sự thất vọng cho gia đình.

Vì thế tôi ra đi theo sư Sonuttara. Ngay khi chúng tôi rời khỏi chùa, Sư lập làm lễ xuất gia cho tôi lần nữa, trong một buổi lễ kèm quan trọng hơn lần trước. Lần thứ hai trong cuộc đời, tôi làm lễ lên mình bằng vàng. Tôi chỉ có thể hy vọng rằng lần này nó sẽ thật.

Sư Sonuttara, thầy tôi, là một thành viên của hội đồng Tăng già, bộ phận quản lý tông phái của chúng tôi, phải đi qua một tháng giêng và tháng sáu và rằm tháng bảy Kandy. Trong tháng đó, hội đồng Tăng già tổ chức các buổi lễ cúng dường cho các sadi, đôi khi truy tặng lễ vật cho những người sống trong một ngày. Trong lúc thầy tôi vắng mặt, tôi đảm nhiệm việc quản lý chùa, dù rằng tôi chỉ mới ba tuổi và hãy còn là một Sadi.

Một ngày kia, khi thầy tôi vắng mặt, và tôi coi sóc chùa, có một người đàn ông đến chùa xin cam. Chúng tôi có hai cây cam trong khuôn viên chùa, vì thế khi nào dân làng cần cam, họ đến xin chúng tôi. Anh ta trả cho tôi khoảng một rupee, một đồng tiền vàng hai mươi lăm xu của Sri Lanka.

Một trong những người đến chùa để xin cam là Kandy sư Sonuttara, vì thế chỉ còn một người đàn ông, tên là Hinnimahattaya. Thế nhưng chúng tôi chia sẻ với nhau một thứ gì đó như một bài tụng. Vì thế ngay khi người đàn ông đó rời đi với một bao cam, Hinnimahattaya đòi tôi phải chia phần cho anh.

"Ông ta chỉ cần cho tôi hai mươi lăm xu," tôi nói với Hinnimahattaya, "mà trong đó chúng ta phải mua gạo, trà, và một ít đồ ăn cho anh ta." "

Hinnimahattaya r t b c mình. H n x ra m t tràng ch i r a t c t u, nên tôi ánh h n m t tr n.

M t l n khác, chúng tôi không còn diêm t èn d u. Tôi b o Hinnimahattaya ch y qua nhà hàng xóm m n m l a. ó là vi c r t th ng vào th i y, ‘ i m n’ l a t nhà hàng xóm.

Nh ng Hinnimahattaya t ch i không i. Nên tôi e d a h n: n u h n không i l y l a, tôi s không chia cho h n n a i u thu c c a tôi. (Th ng thì chúng tôi chia nhau thu c hút; tôi s hút m t n a r i a cho h n m t n a.) Nh ng Hinnimahattaya không nghe. Nó thà là không có n a i u thu c h n là ph i ch y i công vi c.

Vì th tôi ph i t i, và khi tôi tr l i v i cây l a, tôi t m t i u thu c. Hinnimahattaya nhìn tôi nôn nóng. Khi i u thu c v a h t m t n a, nó òi tôi chia phân n a còn la .

"Hãy quên i," tôi nói. "Lu t là lu t. Tao ã ph i ch y i l y l a, thì m y ng hồng c hút chút thu c nào.'

Hinnimahattaya b t u ch i r a tôi. Quá t c gi n, tôi y nó vào t ng, r i dí thu c vào hai khớp mi ng c a nó.

C ng có chuy n x y ra n a là, trong lúc Th y tôi i Kandy, có vài thi u niên trong làng lên chùa v i chúng tôi. Chúng tôi bày ra nhi u trò ch i. D nhiên là m t sadi, áng lý ra tôi không c tham d nh ng trò ch i này, nh ng ai mà bi t c khi th y không có nhà?

M t trong nh ng trò ch i mà chúng tôi r t thích, c g i là *panca ganahava*, có ngh a là ‘trò ch i n m s’. Chúng tôi th y các v sò trên sàn nhà và tính i m tu thu c vào s v sò l t úp hay ng a.

M t ngày kia ng i hàng xóm k bên n, b o r ng anh ta mu n d y chúng tôi ch i ánh bài. Anh ta ch cách ch i, và t t c chúng tôi u thích. Anh ta cho chúng tôi th ng liên ti p m y ván, r i nói, "N u m y em có ti n, thì t c c trong ván bài này. Hôm nay là ngày may m n c a m y em. M y em ch c s th ng."

Tôi nói r ng tôi ch có m t rupee. Anh ta nói, "T t. Hãy ch i b ng ti n."

Tôi cá ng rupee c a mình và l p t c n c thêm hai cái n a! Tôi khoái quá. Anh ta khuy n khích tôi ch i n a. D nhiên, sau ó tôi thua. Ng i hàng xóm b túi ba ng rupee r i ra v , m m c i.

V y là k t thúc s nghi p c b c ng n ng i c a tôi, và tôi ã c m t bài h c ch trong l n th duy nh t ó.

Chi u hôm ó th y tôi t Kandy tr v , vì c u tiên s làm là xem xét cái tô chúng tôi dùng ng th c n cúng Ph t trong chánh i n. Chúng tôi ã c d n là ph i r a s ch nó m i ngày tr c ng .

Ngày hôm ó, s Sonuttara th y là nó v n còn y th c n lúc m t gi tr a. Lúc ó tôi ang trong b p, chu n b trà cho s . S g i tôi và tôi b c ra kh i nhà b p, b t u b c xu ng nh ng b c th m vào gian nhà chính.

B ng nhiên tôi th y m t v t ang bay v phía mình -cái tô ng th c ph m trong chánh i n! Th y tôi quá gi n n n i ông ã li ng cái tô v phía tôi ngay tr c khi h i t i sao nó v n còn y. Cái tô trúng ngay trán tôi, r t m nh, và tôi ngã xu ng t, ch y máu u.

Cho n ngày nay tôi v n còn v t th o trên trán.

Th y chúng tôi c ng th y v t b ng quanh mi ng c a Hinnimahattaya.

" ã x y ra chuy n gì?" S h i tôi.

Tôi ã d n Hinnimahattaya không c nói v i th y v v hút thu c. N u nó nói, c hai chúng tôi s b ph t vì ã hút thu c. May m n thay, Hinnimahattaya ã không nói gì.

Tôi th a v i s Sonuttara r ng th ng bé ã ch i tôi, vì th tôi châm l a vào mi ng h n ph t. Ng c nhiên thay, hình nh S ã tin nh th , nên không nói gì thêm n a.

Tuy nhiên, ó ch là m t trong nh ng tr ng h p hi m hoi mà tôi có th tr n tránh t i mình. Tánh th y tôi nóng n y, ít khi ki m ch c, và vì c ánh p v n ti p di n, ôi khi ch vì nh ng s vi ph m lu t l nh nh t nh t. S là m t nhà c tài, và chúng tôi ph i thi hành t t c m nh l nh c a s mà không c th c m c hay bàn cãi.

Ngoài tính c oán và nóng n y, s Sonuttara th t s c ng có nh ng i u t t . c bi t, s r t th ng thú v t; ó là lý do t i sao s cho t t c ám mèo chó hoang trong vùng c n. Và n u có nh ng ng i b nh tìm n chùa nh giúp , s c ng cho h thu c, mi n phí. Th nh tho ng có nh ng a tr trong chùa ch y tr n, em theo m t v t gì ó có giá tr , nh là m t cây èn d u b ng ng hay ngay c m t trong nh ng b c t ng Ph t.

"Hãy tha cho nó," th y tôi s nói. "Nó c ng nghèo.

Nó có thể bán nhúng thỏ ki m chút tí n. Chúng ta có thể mua cái khác thay cho cái ã b l y i."

Gi xét li nh ng hành ng c a s Sonuttara, tôi ngh r ng s th c s ch mu n tôi tr thành m t ng i tu s t t, không b lồi cu n theo các b n n ng c a tu i tr , ch mu n c t do, c l p. Và s 'khuy n khích' thì n tánh b ng cách dùng nh ng hình th c tr ng ph t ph bi n th i ó: s ánh p.

Đ nhiên, tôi không th hi u c nh th cho n mãi sau này, khi tôi ã tr ng thành. Còn lúc tôi là sadi, s ng chùa c a s , thì tôi r t kh au. Tôi luôn b hành h d i s cai qu n c a s .

n m t lúc, tôi b t u bàn v i m t trong nh ng a tr chùa v vi c b tr n. Nó c ng r t b t mẫn. C hai chúng tôi u dành tí n, và tích tr èn c y, chúng tôi đ nh êm nào ó s b tr n. M t ngày kia c hai chúng tôi ng ý s tr n i êm ó. Ngày hôm ó c hai chúng tôi u làm vi c ch m ch h n ngày th ng, c g ng làm v a lòng s ông không nghi ng gì.

êm ó, sau khi m i ng i trong chùa ã i ng , tôi c i y ra, m c tr l i áo s mi và xà rong. Tôi và ng i b n ng lửa lén lút ra i b ng c a sau.

Tr c h t chúng tôi ph i i qua m t ngh a trang, là vi c c hai u r t s . R i chúng tôi i trên m t chi c c u g b c qua m t con su i nh . Chúng tôi ã nghe nhi u câu chuy n t dân a ph ng, r ng ây là n i mà nh ng con qu đ và ch ng tinh th ng n th t ng i. Truy n thuy t c ng nói r ng đ u hi u u tiên v s có m t c a chúng, s là m t con chó en to l n.

Thông th ng, n u ng i ta ph i i qua chi c c u ó, h s i thành t ng nhóm, m i ng i s nói l n tí ng, và c m nh ng bó u c cháy bùng xua u i l qu . Nh ng vì ang ch y tr n, chúng tôi ph i im l ng và không th t èn c y mà chúng tôi ã mang theo mình, vì s r ng ai ó s phát hi n ra chúng tôi.

Chúng tôi i qua c u úng lúc gi a êm. Chúng tôi run r y, mi ng khô ng. Tóc đ ng ng. Chúng tôi không th nói l i nào v i nhau, ch ch m ch m b c i trong bóng t i dày c.

Thình lình, m t con chó en to l n hi n tr c m t chúng tôi, và tim tôi b t u p m nh h n. R i c hai chúng tôi u b t át vào m t, m nh n n i suất té kh i c u, và r i xu ng n c.

Thì ra con chó en to l n ó là con chó chùa và nh ng cái tát tay là c a th y chúng tôi, ng i ã nghe c chúng tôi lén lút tr n i c a sau, nên ã i theo chúng tôi n t n cây c u. Theo l nh c a ông, chúng tôi ành theo ông tr l i chùa, n i tôi l p t c c th gi i l n th ba, gi a êm khuya.

Không có một ai khác chùa bi-t-v chuy-n này, c dân làng c ng th . Ngày hôm sau, m c tr l i chi c áo ng i tu, tôi ôm bình bát vào làng kh t th c nh l th ng.

Khi tôi c m i l m tu i hay kho ng ó, tôi b t u ý n m t cô gái trong làng kho ng tu i tôi. M i ngày cô ng tr c c a nhà khi tôi ôm bình bát i ngang qua. Cô cao g n b ng tôi, v i mái tóc en dài. Cô c ng có khuôn m t tròn nh tôi, v i màu da tr ng h n da c a ng i Sinhala b ình th ng, và m t hàm r ng hoàn h o c phô bày m i khi cô c i. Theo tôi cô r t p. M t ngày kia, khi cô b g o vào bình bát c a tôi, chúng tôi th m thì trao i vài l i ng n ng i -m t i u r t trái v i gi i lu t ng i tu.

T i hôm ó, khi ra gi ng t m, tôi c ý va m nh chi c thùng vào thành gi ng gây ti ng ng l n cho cô có th nghe th y t nhà. ó là tín hi u mà chúng tôi ã ng ý v i nhau.

Ch m t lúc sau cô ã ch y ra gi ng, mang theo m t chi c bình nh th cô c n l y thêm n c. Tôi r t sung s ng th y cô n.

Chuy-n nh th kéo dài kho ng m i ngày. Tôi s va thùng vào gi ng; cô ta s ch p l y b t c bình n c nào trong nhà và n u nó còn y n c thì cô s n c i có lý do ra gi ng. D u còn e dè ch a dám bày t tình c m thân thi t dành cho nhau, nh ng chúng tôi c ng có nh ng bu i chuy-n trò r t lâu, r t d th ng, và càng ngày chúng càng dài h n. Tôi k v i cô r ng cu c s ng chùa gi ng nh tù. Chúng tôi c ng nói chuy-n ng i khác trong làng. Cô k cho tôi nghe v cu c s ng nhà cô.

D n d n th y tôi c ng b t u th c m c t i sao tôi t m quá lâu, và m t ngày ông ra ó xem, b t g p chúng tôi ang nói chuy-n và c i ùa.

D nhiên là ông r t gi n. T ng s b t c tu i nào c ng không c ti p xúc thân m t v i n gi i. Ông c m cô gái không c ra gi ng khi tôi ó. Tr v chùa, ông n ng l i r y la tôi, và ra l nh cho tôi ph i i t m tr h n, vào lúc mà ông ngh r ng s quá tr cho cô gái ra gi ng.

Th c ra, i u ó còn t t h n vì tôi bi t r ng chúng tôi s c trò chuy-n kín áo lúc êm khuya, khi không ai có th th y chúng tôi bên nhau. Vì th chúng tôi ti p t c nh ng cu c g p g th m lén này.

D nhiên, th y tôi l i b t g p chúng tôi l n n a, và l n này s ph n kháng c a ông còn m nh m h n. Ông c m cô gái không bao gi c ra gi ng n a. Ông d a r ng ông s báo cho cha m cô bi t v nh ng hành ng c a cô.

Cô gái khóc, van xin ông ng nói cho cha m cô bi t. Cô h a không ra gi ng n a và cô ã gi l i. Tôi ch ng bao gi g p l i cô n a.

Gi khi nhìn l i s vi c ó, sau nhi u n m h c và th c hành pháp, tôi th y rõ ràng là ng i ta không nên xu t gia quá s m, nh th ng x y ra vào th i c a tôi. Tr c h th c n c h c th h c, c phép ch i th thao, trò ch i, b n bè và h i h e - t t c nh ng th mà ng i tr th ng ham thích. R i khi ã tr ng thành, h có th ch n l a m t cách chín ch n v i c có nên xu t gia hay không. Gia nh p T ng oàn là m t vi c r t nghiêm tr ng, và tôi không ngh r ng m t ng i còn nh tu i có th s n sàng ch n l a m t cách úng n. Và c ng ít có a tr nào có th chu n b tinh th n, s n sàng ch p nh n nh ng gian kh và trói bu c c a i s ng xu t gia.

Cách suy ngh c x a x tôi là các chú bé, v i tâm nh y bén tr trung, có th h c thu c các thánh i n d dàng h n là ng i l n. Cá tính c a chúng c ng có th c u n n n và rèn luy n có c phong thái t t i c a m t t ng s thi n nh. Nh ng gi tôi c ng không dám ch c r ng i u ó là úng. Tôi c ng ã th y r t nhi u ng i tr ng thành xu t gia tu i trung niên hay l n h n th n a, sau khi ã l p gia ìn h, có con cái, và h c ng là nh ng t kheo xu t s c. Ng c l i, tôi c ng ã th y r t nhi u v tu s xu t gia tr c tu i tr ng thành, v n ti p t c c x nh tr con.

Sau khi s Sonuttara c t t s lãng m n thân thi t c a tôi v i cô gái bên gi ng, thì s b t mẫn v i i s ng chùa trong tôi càng sâu n ng h n. Tôi là m t thi u niên, v i tâm tính b ng b nh và c mu n c giáo d c m t cách chính th ng h n là nh ng gì mà th y tôi có th mang n cho tôi. Tôi v n mu n làm ng i tu s nh ng không ph i d i s cai qu n c a v th y này. Tôi không th tìm ra gi i pháp nào ngo i tr l i ch y tr n l n n a, nh ng i âu ch ? Tôi bi tr ng tôi không còn th nào tr l i nhà c n a. Cha m tôi s r t au lòng n u tôi l i hoàn t c. Tôi không th mang l i s t i nh c cho h n a.

Vào kho ng th i gian ó, có hai cha con ng i kia n s ng chùa. a con trai tên là Gunawardhena, và tôi v i nó tr thành b n t t c a nhau. Nó luôn nói v i tôi r ng nó bi t m t n i t th n là chùa này, vì th chúng tôi l i r p tâm chu n b ch y tr n v i nhau. L n này, tôi quy t nh ph i làm cho ch c n. Tôi ph i ch y tr n làm sao mà không ai có th tìm c tôi.

Vào ngày ã nh, tôi nh ng i th h t tóc trong làng c o tóc cho tôi nh th ng l . C ngày hôm ó tôi luôn trong tình tr ng ph n ch n v i nh ng d tính c a mình; và Gunawardhena c ng th . M i m t gi êm hôm ó, tôi i nhà v sinh, và khi tr l i tôi c a tr c h i hé m .

Kho ng m i hai gi r i khuya, chúng tôi nghe ti ng s ph ã ngáy ng . Chúng tôi l y m t ít èn c y r i xu ng nhà b p, n i tôi l i c i b y áo và m t l n n a l i m c vào chi c áo s -mi và cái xà rong.

Riêng khi khuôn viên chùa, chúng tôi đi vào hàng ngả cây cối mà tôi đã đi trong lần chuyến trước. Vì tất cả các cây, chúng tôi chỉ đi qua như những ruộng lúa ra con đường chánh, cách đó khoảng ba cây số. Chung quanh chúng tôi chỉ có âm thanh của các con chim đi kiếm, cóc nhái, dế, và tiếng chó sủa xa.

Khi ra khỏi ngôi làng, chúng tôi bắt đầu đi. Chẳng lâu sau chúng tôi thấy hai người cầm đèn đi về phía chúng tôi. Đó là năm 1942, thì thì chỉ hai người, và lúc đi nghiêm túc áp dụng khế độ trên Ceylon.

Gunawardhena run rẩy nói với tôi, không dùng pháp danh như gọi tên thật của tôi. "Ukkubanda, đó là cảnh sát. Họ sẽ tra vấn chúng ta về các câu hỏi này. Chúng ta phải nói với họ làm sao?"

Trong chuyến đi, tôi đã nghĩ ra một câu chuyện hoàn toàn tưởng tượng: "Hãy nói rằng tôi chỉ hôm qua, và đã sai lầm đi vào chùa như tin với chúng ta. Chúng ta trốn chuyện xe buýt đi để tránh tang của bà, nên giờ chúng ta phải đi đi theo đường, hãy vì sáng nay sẽ có thể bắt chuyện xe buýt khác."

Một người cảnh sát nhìn, nhìn tôi một cách nghi ngờ. Tôi đã dùng một khăn tay che mắt quanh cái đầu không tóc của mình, và một cái nĩa để chung quanh. Vì không có dây nịt, nên tôi liền dùng một cái khăn nĩa để ngang thắt lưng để che đi những vết sẹo. Bên cạnh trong tay tôi có một gói trong một chiếc khăn tay.

"Hãy nhìn thẳng qua này," một người cảnh sát nói. "Chúng tôi không sợ ánh mắt của bạn."

Hai người cảnh sát tách tôi ra khỏi Gunawardhena và dẫn chúng tôi ra xa nhau khoảng một trăm thước, rồi hỏi chúng tôi cùng một câu hỏi: Chúng tôi đi đâu giờ đây hôm khuya khế độ này?

Cả hai chúng tôi đều nói gì đó, nên hai người cảnh sát chỉ chúng tôi đi, không bắt giữ chúng tôi về chuyện gì nghiêm trọng. Họ chỉ nói là khi đi chúng tôi cần phải cẩn thận.

Hai tiếng sau chúng tôi đến Kurunegala, cách chùa khoảng hơn một dặm cây số. Giờ thì chúng tôi cảm thấy an toàn hơn, vì chắc chắn rằng Sonuttara không thể nào đi theo chúng tôi xa nữa.

Khi trời bắt đầu sáng, chúng tôi tìm kiếm một nơi trú ẩn bên ngoài, một trong những hình thức thường gặp nhất là những ngôi nhà dành cho người hành hương. Chúng tôi có một người đàn ông, một người đàn ông mà người ta trả tiền để đi lên đó. Phải nói, những người đàn ông, những người này cũng đi hành

s d ng tránh n ng m a và m y gã n mày dùng làm n i n u n ng b t c
th gì mà h ã cu m c.

Gunawardhena và tôi th t may m n. Bu i sáng ó không có ai trong c n l u
n . M ng r , chúng tôi nhào xu ng t và ánh m t gi c ngay t c thì.

Vài gi sau, chúng tôi th c d y r a m t v i n c gi ng l nh. Chúng tôi l i b t
u i ti p, không rõ mình s i v âu. Chúng tôi ch i t i.

C nh v t chuy n i không ng ng. Chúng tôi i qua nh ng hàng d a, nh ng
n i n cao su và trà, nh ng th a ru ng lúa, v n chu i và các khu v n
tr ng rau nh bên ngoài nh ng túp l u m t gian. Hình nh âu c ng có chó
hoang, nhi u con ã hoàn toàn r ng h t lông, và c ng l m con mình y
th ng tích, vì b chó khác c n hay b ng i ta ánh. Chúng tôi c ng th ng
th y kh r ng ong a trên cây hay ch y rong d i t. Th nh tho ng chúng
tôi nghe t xa xa ti ng voi r ng.

ôi khi c ng có xe h i, xe hàng, xe buýt, xe máy và xe kéo, t t c u nh n
kèn c nh báo cho ng i i b và ng i bên ng.

Nh ng ph n l n l u thông trên ng là ng i i b . Chúng tôi ã i qua bao
ng i àn ông, ph n , và tr em i trên ng hay ch n bò, u i gà. Có
ng i ánh nh ng chi c xe bò b ng g thô s .

D c theo ng có nh ng c n nhà nh làm b ng bùn là nh ng ti m buôn bán.
Ng i ta ng i tr c các c a ti m này, nhai tr u, u ng trà và tán g u. Khách
qua ng có th d ng chân mua trà, bánh mì, cau n tr u, khô, dây th ng
làm t các s i dây d a và l ng th c nh ng, mu i, g o, u, và d u l a.

Gunawardhena và tôi ã l y c p c ít ti n trong phòng c a s Sonuttara
tr c khi r i chùa, nên chúng tôi có ti n mua ít bánh mì. Chúng tôi th y
m t trong ng d a trong v n nhà ai ó c nh bên ng. Chúng tôi n c p
m t trái, p xu ng t cho n khi b ra. Th t d a, cùng v i bánh mì, là b a
n u tiên c a chúng tôi trong cu c hành trình này.

Ngày hôm ó chúng tôi ã i ba m i l m cây s . Chi u t i chúng tôi n
m t thành ph g i là Dambulla. Chúng tôi l i tìm c m t nhà ngh cho
ng i hành h ng còn tr ng n a. Chúng tôi tr i vài tàu lá d a trên sàn nhà,
và n m xu ng. Chúng tôi hoàn toàn ki t s c.

Sáng hôm sau th c d y chúng tôi th y c ng i y r n và ru i t. Chúng tôi
ra m t gi ng g n bên, b vài c ng cây trong b i r m và b t u ánh r ng
b ng c ng cây y s .

M t t ng s ti n l i phía chúng tôi, nhìn tôi lom lom. Tôi c g ng ph t l ông.

"Con là tu s ?" ông h i, nhìn cái u không tóc c a tôi.

"Không," tôi nói d i m t cách d dàng. "Tôi b b nh. Tôi v a ra vi n hôm qua."

"Con trông không gi ng ng i b nh," v t ng nói. "S ngh con là tu s . Hãy theo s . S s truy n gi i l i cho con, chùa c a s ."

Tôi suy ngh v i u ó. T áy lòng, tôi v n còn mu n làm ng i tu. Tôi ch c i b y áo vì th y tôi quá ác c. V s này có v t t h n. Nh ng d nhiên là tôi không th i mà không bàn v i b n tôi.

Tôi quay qua Gunawardhena.

"B n ngh sao?" tôi h i nó. "Tôi th t s không mu n hoàn t c. ây là c h i tôi c tr v làm ng i tu s ."

"B n iên à?" Gunawardhena nói. "B n không nh th y mình ã làm gì chúng ta à? T t c các th y u gi ng nhau. H không có trái tim. H ch ngh v lu t l và gi i c m. ng có iên, hãy i thôi."

V t ng s càng d ng t. Ông b o r ng ông quen bi t vài viên ch c ng i Anh m t phi tr ng quân s c nh bên. Ông h a s tìm cho Gunawardhena m t vi c làm ó. C hai chúng tôi u có th s ng chùa, tôi có th là tu s trong khi Gunawardhena làm vi c phi tr ng.

Gunawardhena không mu n nghe b t c i u gì, và tôi không mu n b r i b n mình. Vì th chúng tôi t giã v s và b t u i ti p.

Ngày hôm sau chúng tôi g p m t ng i àn ông, làm vi c cho m t nhà th u xây d ng nhân s . "N u mu n ki m vi c làm thì hãy i theo tôi," h n nói v i chúng tôi. "Chúng tôi có r t nhi u vi c c n ng i làm."

Chúng tôi ng ý.

Công vi c c a chúng tôi th t ra là công vi c lao ng tay chân n ng n . H trao hai cái x ng và hai cái c n xé cho chúng tôi, r i b o chúng tôi i xúc cát d i su i, thành ng l n.

Nhi u tháng qua, chúng tôi ã làm vi c ó trong m t nhóm kho ng hai m i thanh niên, t b y gi sáng n b y gi t i. L ng là m t ch m hai rubi m t ngày, t ng ng v i kho ng n m m i xu. T s l ng ó, ch còn tr hai m i l m xu n u ng. M c dù, i m tâm là m t ly trà v i ng, và bu i t i là c m v i súp. Chúng tôi ng trong nh ng chi c võng c làm b ng cách c t m t bao t i gi a hai thân cây.

Rạng ngày mùa hè. Chúng tôi bắt chúng tôi ngay hôm và không lâu sau đó thì Gunawardhena bắt sự rét. Nó bắt sự cao và không thể làm việc.

Tôi xin ông chỉ hai ngày phép, tôi có thể chăm sóc bản thân mình. Ông ta trả lời.

"Tôi đã làm cho ông hàng tháng, bây giờ ngày mất tuấn, mất hai giờ mất ngày," tôi nói. "Mà tôi chỉ xin mất vài ngày nghỉ."

Ông ta nhún nhún chỉ. Mất là tôi phải tiếp tục làm việc, hai là cả tôi và Gunawardhena phải nghỉ ngơi.

"Đừng lo," tôi nói. "Hãy trở lại công việc cho chúng tôi đi."

Ông chỉ trả lời và chúng tôi rời đi.

Thật là chúng tôi bắt đầu cuộc sống cá nhân ngay hôm nay. Ban ngày chúng tôi lang thang dọc theo những con đường bụi bặm. Ban đêm chúng tôi chia phòng cho những người khác trong các căn lều bên ngoài, rửa bát đĩa, ca hát, nhảy múa và khuấy nhím giết thì giờ.

Một tuần chúng tôi không tắm. Quần áo chúng tôi bẩn và chúng tôi hôi thối. Mất sáng những người khác sợ hãi nhà tôi "làm việc" và hỏi chúng tôi những ngày đó xin rửa sạch nào.

"Không biết," luôn là câu trả lời của chúng tôi. Sự thật là, chúng tôi không xin chùi rửa. Chúng tôi chỉ bắt đầu nghĩ khác nhau chia sẻ với chúng tôi. Chúng tôi là những người xin lỗi bị bắt.

Đến đến Gunawardhena khi bắt sự rét và hỏi phải có chỗ để trú ẩn. Ngay lập tức, mất buổi sáng kia, khi thức dậy tôi cảm thấy đau bụng và gây gây sự. Quan sát kỹ, tôi thấy một vết nứt trên đùi cách ngón tay một centimet. Mất người xin chúng tôi, sự soi xét thức ăn và bệnh tật là vấn đề nghiêm trọng. Sau những cơn đau đớn, và tôi gần như không thể nhấc chân.

Gunawardhena và tôi phải đi phía sau khi những người khác rời đi. Khoảng hai giờ sau đó, tôi cố gắng đứng lên và ngã nhào ra khỏi giường.

Chúng tôi chăm sóc những người khác thì gặp một thanh niên khoảng hai mươi lăm tuổi. Chúng tôi chia sẻ những nỗi đau của anh ta. Vì một lý do gì đó tôi không biết, anh ta và Gunawardhena trở nên thân thiết ngay. Họ bắt đầu cuộc sống chung như những người bạn thân lâu ngày. Có lẽ Gunawardhena cảm thấy tôi và cái chân cằn nhằn của tôi là một trợ giúp cho anh; anh ta như một gánh nặng khi gặp một người vui vẻ hơn.

Ba người chúng tôi đi với nhau, nhưng tôi đi chậm nhất sau. Khoảng chừng năm phút sau Gunawardhena quay lại nói với tôi.

"Ukkubanda, vì bạn không thể đi nhanh, tôi sẽ đi trước vì anh bạn này? Còn bạn, có thông thạo, cần đi chậm thôi. Chúng tôi sẽ đi bên Lovamahapaya."

Ngay lập tức tôi cảm thấy vô cùng sợ hãi. Mẹ tôi Lovamahapaya phải đi sáu năm bằng tay.

"Không, đừng bắt tôi đi một mình," tôi van nài. "Tôi không thể đi một mình. Tôi cần bạn giúp đỡ. Xin hãy đi với tôi."

Rồi thì chuyện không thể hiểu được xảy ra: Gunawardhena phớt lờ tôi và bắt đầu đi với người bạn mới của mình.

Tôi ngồi xuống và bắt đầu khóc. Chân tôi bắt đầu đau. Tôi không thể tin được điều xảy ra.

Gunawardhena thật là vô ơn. Chúng tôi đã sắp xếp tất cả các hành trình này với nhau, nhau tuôn nước mắt, và tôi đã bắt đầu cuộc sống tự hành của mình theo nó. Khi nó bắt đầu trong rừng, tôi đã luôn vì cuộc sống của mình. Bao nhiêu ngày tháng, chúng tôi đi với nhau như bạn bè. Chúng tôi đã dựa vào nhau sống. Vậy mà bây giờ, khi tôi cần nó, nó lại bỏ rơi tôi.

Tôi không có bạn bè, không nhà cửa, không tiền bạc, không lương thực. Tôi tồn tại cùng với cuộc sống và tôi hoàn toàn cô đơn.

Bây giờ tôi phải làm sao đây?

---o0o---

Chương 4: Xuất gia lần nữa

Sau khi Gunawardhena bắt đầu đi, tôi chỉ nghĩ, cô đơn và buồn. Nhưng gì đã bắt đầu như một cuộc phiêu lưu kỳ thú, tất cả bắt đầu khi chùa đã biến thành một thách thức đáng sợ. Chỉ cần chân bước lên đồi, tôi lại cảm thấy khát và nghĩ đến việc hành hương để tìm nước. Hoàn cảnh lúc đó của tôi là như thế! Chưa bao giờ trong cuộc đời, tôi cảm thấy chán nản như thế.

Tuy nhiên, dần dần mọi thứ dường như tốt lên khi tôi nghĩ đến: "Hãy đi thôi," hình như đó là tiếng nói bên trong tôi.

Vì thế tôi đi và bắt đầu đi theo con đường vắng vẻ. Tôi nhìn thấy hàng rào, cho nên khi đi cùng tôi gặp một cô gái đi dưới bóng cây. Cô bán trái cây, bánh mì, trà và rau quả.

Tôi ngồi xuống trên mặt xích gỗ.

"Tại sao anh lê lết như thế?" cô hỏi tôi.

Tôi gật đầu thích rưng rưng con rắn đã cắn chân tôi hôm trước.

Cô gái liếc tôi thêm nhử nhử: tên tôi là gì, tôi từ đâu, và tại sao tôi ở đây. Tôi gật đầu cho cô nghe tất cả câu chuyện.

Cô cho tôi một miếng bánh mì với cà ri rau cải, và một ly trà nóng hơi thơm ngon. Tôi tiếp nhận bằng lòng vô cùng biết ơn.

Cô đi vào cửa sổ như bé cá mình và mang ra một miếng chanh. Cô chà chanh lên vết thương tôi, rồi xát ít dầu lên đó. Cô bảo tôi đi ra cho anh khi cha cô trở về nhà, nhưng tôi báo rằng tôi phải đến Lovamahapaya gặp bố tôi. Tôi van hãy giúp Gunawardhena thật sự giúp tôi.

Tôi đi tiếp tục lên đường, với cái chân lết. Chẳng bao lâu tôi đến một thành phố tên là Anuradhapura. Một trong những người đầu tiên tôi gặp là một quán trọ là khách sạn Siyasiri (thật ra người ta gọi quán là khách sạn). Vợ quán lý chào đón tôi, rồi hỏi tại sao tôi ở đây. Tôi kể về ông và chuyện rùng rợn. Ông hỏi tại sao tôi chỉ có một mình. Tôi báo ông là tôi không theo kế hoạch định hành, vì thế anh ta đã đi trước đến Lovamahapaya.

"Ai đi qua đây có ghé vào quán này," người chủ quán nói. "Hãy đi đây. Nếu họ ngang qua thành phố này, em sẽ gặp họ."

Tôi gật đầu, và ngồi xuống. Tôi không muốn đi thêm, tôi bắt đầu nghĩ về chuyện. Người quán lý có thể thấy là tôi rất mệt mỏi.

Ông nói: "Em hãy đi đêm nay." Rồi ông đưa cho tôi một chiếc chiếu.

Và đó là đi ngủ cùng tôi như cho đến tám giờ sáng hôm sau.

Ngay khi về nhà, tôi đã hỏi người quán lý rằng Gunawardhena đã nhận được chưa?

"Không," ông lắc đầu nói. "Không có ai tìm em cả. Nhưng thôi em hãy đi đây, tôi sẽ cho em một công việc làm."

Tôi không biết phải làm gì khác hay từ đâu, nên tôi chấp nhận lời đề nghị của ông.

Và thế là tôi trở thành một người bị bắt khách sạn Siyasiri Anuradhapura. Công việc của tôi khá nhàn hạ. Có một số thanh niên khác làm quán, và chúng tôi hòa hợp vui vẻ với nhau. Tôi phục vụ khách hàng, lau dọn bàn ghế, và rửa chén.

Một ngày kia, khoảng vài tuần sau đó, tôi bị sốt rét và cảm thấy quá mệt mỏi không thể làm việc. Trong khi nghỉ ngơi, tôi viết cho mẹ một lá thư báo cho bà biết tôi đang ở đâu. Tôi cảm thấy hơi nhút nhát, biết rằng bà có lẽ đã nghe được tin tôi trốn khỏi chùa, và mẹ tôi chắc hẳn đang rất lo lắng vì tôi.

Vài ngày sau đó, khi tôi trở lại làm việc, tôi ra đi ngay ngày hôm đó để đến quán ăn. Có một cậu bé đang ở đó. Tôi mượn cái gàu của nó dùng để kéo nước vào thùng của tôi. Khi tôi trả lại cho cậu bé cái thùng, nó làm rơi tất cả xuống giêng kể dây thừng. Nó bắt đầu khóc, vì đã đánh mất cái thùng thì nó sẽ phải chết.

Nhưng khách hàng quán ăn đang chờ đợi ở ngoài. Tôi phải đi ngay. Tôi bỏ vào túi của cậu bé rồi xách nước về quán rồi tôi sẽ trở lại ngay giúp nó kéo chiếc thùng lên khỏi giếng.

Nhưng khi tôi bước vào quán và chiếc thùng rơi xuống thì anh của tôi, Tikiribanda, đang đứng ở quán. Ngay khi thấy tôi, anh bắt tôi đi về nhà với anh. Mẹ đã khóc suốt, anh nói, kể từ khi bà nghe tin tôi trốn khỏi chùa.

Anh tôi cũng rất giận cha tôi. Tôi không dám cãi lại anh.

Tôi hoàn toàn quên mất cậu bé đang đứng ngoài giếng, giúp nó vớt chiếc thùng ra khỏi giếng. Tôi cũng quên ngay quy định quán ăn đã giúp tôi có chỗ để trú ẩn.

"Anh đã quên mất tôi buồn lắm," anh tôi nói. "Em có thể giúp anh buồn bán."

Sau này tôi bị bắt rượt sau ngày Gunawardhena và tôi rời khỏi chùa, sư Sonuttara đã báo với cảnh sát về sự ra đi của chúng tôi. Cha tôi đã ở chùa và yêu cầu thầy tôi phải tìm tôi về nhà. Tại lúc đó, cha tôi mới nhận ra rằng sư Sonuttara là người nóng tính, tàn nhẫn, và những người ở chùa không phải chỉ là do tôi hành động sai trái. Cha tôi biết rằng câu chuyện về việc tôi xin thầy tôi là sư thầy, những điều hiển nhiên, lúc đó đã quá trễ. Tôi đã trốn khỏi chùa, và lần đó, tôi đã không quay về nhà.

Trong lúc đó, các nhân viên cảnh sát lùng sục khắp nơi tìm tôi.

Rồi khi lá thối của tôi ở Anuradhapura, mẹ và cha tôi lập tức sai anh cả đi tìm tôi.

Cha mẹ tôi, nhất là mẹ tôi quá vui mừng thấy tôi còn sống và khỏe mạnh, nhưng tôi thì không thoải mái khi trở về nhà. Tất cả mọi người láng giềng đều gọi tôi là "tu sĩ hoàn tục," là một sự nhạo cười. Cha tôi không muốn có đứa con 'bất hạnh' này ở gần ông; ông bắt tôi phải xuất gia trở lại.

Để tránh cha, tôi không phải nói chuyện với ông, tôi kể mọi chuyện một mình. Một trong những công việc có lẽ là đào kênh chôn người chết, trên những đồi cao xung quanh nhà chúng tôi.

Trong năm này do một công ty lớn cai quản. Họ trả lương rất tốt mà công việc rất nặng nhọc. Tôi phải xúc đất bằng tay, rồi các công nhân khiêng chúng về nhà. Một lần, một chiếc xe vận chuyển đổ đất trên tay tôi vì phải cẩu xúc đất, nên công việc với tôi. Vì thế xúc đất, còn tôi thì khiêng máy xúc cát.

Sau công việc đó, tôi quay qua hái trà. Công việc là một công việc cần cù, nhằm chán. Dĩ nhiên là tôi thích làm việc thì mẹ của anh tôi hỏi, nhưng anh tôi đã phải đóng cửa tiệm vài tháng sau khi mẹ. Người dân trong làng nghèo quá không thể mua gì thì mẹ của anh. Phần lớn không có tiền mua ngay cả những thứ cần thiết.

Thời gian rời khỏi tôi thì người nhà chị gái của tôi, người đã chăm sóc tôi thuở nhỏ, người mà tôi coi như người mẹ thứ hai. Khi chị ghé thăm tôi, không có người đàn ông trong nhà, chỉ có chị tôi, đứa con trai nhỏ của chị và một đứa con gái, cháu tôi, chỉ lớn hơn tôi một tháng.

Họ rất tốt với tôi và tôi cảm thấy thoải mái bên họ là nhà cha mẹ ruột của mình. Vì thế một vài tuần sau khi trở về nhà, tôi đến thăm nhà cha mẹ và nhà chị gái của tôi. Đó là một sự thay đổi đáng ngạc nhiên, nhưng tôi vẫn thấy sốc không cảm thấy thoải mái vì sự sống trong gia đình. Niềm vui của mẹ của tôi là trở thành một tu sĩ sống vẫn còn nung nấu trong tôi, không bao nhiêu chuyện xảy ra.

Tôi bắt đầu nghĩ về những việc tôi và ngôi chùa tôi đã rời bỏ một tháng trước đây. Tôi cảm thấy hơi buồn vì đã bỏ trốn. Lòng tôi đầy lòng tin vào Sonuttara, và tôi nhớ những tính chất của ông. Tôi đã nghĩ rằng ít nhất tôi cũng phải xin lỗi ông. Một ngày kia, khi chị tôi đã đi vì mẹ con bên chị, tôi quyết định bí mật gặp chị tôi. Cuộc viếng thăm đó phải qua đêm vì mẹ chị xa xôi, nhưng tôi đã tính là tôi có thể trở về nhà trước chị tôi. Tôi bị trượt chân không ngờ ý cho sự thất vọng này. Chỉ mẹ tôi sống nhà chị mãi và tôi bị giam trở thành tu sĩ.

Khi tôi chu n b ra i, cháu tôi khóc, van nài tôi ñng i. Tôi khuyên cháu ñng lo l ñg và r ñg tôi s tr v ñgày hôm sau. Cháu ti p t c kh óc khi tôi r i kh i nhà i v h ñg chùa.

Khi s Sonuttara th y tôi, ông nh trút c gáñh n ñg. M c d u không ph i lúc nào ông c ñg là ñg i th y t t ñh t, ñh ñg ông không mu n tôi b tu, mà tôi c ñg không mu n th . Tôi xin l i s vì ã ch y tr n, và ông h i tôi có s n sàng xu t gia l n n a không.

"D có," tôi tr l i, r t ch c ch n v quy t ñh c a mình. "Nh ñg con không mu n ch làm chú ti u s ñg chùa. Con mu n c i h c tr ñg Ph t h c."

Th y l p t c nh n l i.

Hai ñgày sau ó, sau m t bu i l ñn gi n, tôi l i m c lên mình chi c y màu vàng l n n a. L n này, tôi s không bao gi c i nó ra n a.

S Sonuttara liên h v i m t v s khác, i c Siyambalangamuwe Dhammakhandha, ñg i qu n lý m t ñgôi tr ñg ti u h c nh ñành cho t ñg s huy n Gampaha, cách chùa kho ñg tám m i b n cây s . Vì i c Siyambalangamuwe và th y tôi là b n, ñên ông s n sàng ch p nh n ñn xin nh p h c c a tôi, và vào tháng t ñn m 1944, m t tháng sau l n xu t gia g n ãy nh t c a tôi, tôi b t u ch ñg trình tu h c m t cách chính th c. Tôi h c tr ñg Vidyasekhara Pirivena (*vidyasekhara* có ñg h a là 'v ñg m i n c a s h c,' và *pirivena* có ñg h a 'tr ñg ñành cho t ñg s '). Có kho ñg hai m i v t kheo tr và ba th y giáo th s ñg ó. Chúng tôi h c l ch s Ceylon và các kinh i n quan tr ñg nh là T ñg ñg B Kinh (*Anguttara Nikaya*) và Trung B Kinh (*Majjhima Nikaya*). Chúng tôi c ñg c h c nhi u sinh ñg : Sinhale, Tamil, ñn , Anh, Pali và Sanskrit.

Tôi r t sung s ñg ñgôi tr ñg m i này, s ñg gi a nh ñg v t ñg tr và su t ñgày c h c hành. Nh ñg tôi ó ch a c bao lâu thì i c Siyambalangamuwe ã tìm g p tôi v i m t yêu c u. Ông b o r ñg có m t ñgôi chùa ñàng Napagoda, n i v s tr ñg ã hoàn t c, l i ñgôi chùa không ai trông coi.

S h i tôi có vui lòng ñn ó, qu n lý ñgôi chùa không. Tôi ñg h r ñg ó ch là m t s x p t t m th i, r ñg tôi s ó ch vài tu n r i tr l i tr ñg Ph t h c, ñên tôi ã nh n l i.

Nh ñg mà hoá ra tôi ph i s ñg chùa ó ñn tám tháng.

Không có vi c h c Ph t pháp hay ti ñg Pali ó, ch là nh ñg công vi c th ñg ñh t chùa, ñh ñg công vi c ñhàm chán không ñng ñ t. M t ñgày kia không còn gì ñn. Tôi yêu c u m t c u bé chùa, kho ñg tu i tôi, i

mua bánh mì m t ti m trong làng. Nó t ch i. Tôi l i yêu c u l n n a. L n n a nó l i t ch i. “Tôi s nh ng i khác i mua, nh ng sau ó tôi s không chia cho b n âu,” tôi b o v i nó.

Nó ph n ng l i b ng cách ch i r a tôi. Tôi á cho nó m y cái.

Chi u hôm ó, m t t ng s khác, ng i ã s ng v i chúng tôi ó m t th i gian tr v chùa. Ông l i là anh c a c u bé kia. Ông h i tôi chuy n gì ã x y ra, t i sao c u bé không còn chùa n a. Sau khi nghe tôi k chuy n, ông r t b c t c.

“Vì chú ã u i c u bé duy nh t ây giúp chúng ta, v y thì bây gi công vi c c a chú là trèo lên cây hái m y trái d a xu ng.”

Tôi t ch i. “Ng i tu không trèo cây,” tôi gi i thích. “Làm v y là trái lu t. Ngoài ra, th y tôi không g i tôi n ây trèo cây, hái trái.”

Sau b y tháng s ng trong c ng th ng và nh ng s cãi v nh m n nh th , lòng ham mu n c h c h i khi n tôi không th ng i yên, n n i tôi ph i vi t th cho th y tôi. “Xin th y vui lòng cho con tr l i tr ng h c,” tôi van nài.

Không lâu sau ó, tôi m ng r khi nh n c m t b u thi p t i c Siyambalangamuwe nói r ng, “ c, con có th tr v tr ng.”

Tôi l p t c m n m t chi c xe bò ch tôi ra tr m xe l a Veyangoda, cách ó h n n m cây s . Tôi nôn nóng c tr l i Gampaha ghi danh nh p h c tr l i.

Khi n nhà ga, c bi t chuy n xe l a i Gampaha ph i ch n n m ti ng n a, vì th tôi i vi ng m t ngôi chùa g n ó.

ngôi chùa ó có m t chú i u tr , kho ng tám hay chín tu i, t v r t thích tôi. Chú r tôi i t m v i chú m t con sông c nh bên ga xe l a và tôi m i n c ng nghe theo.

D u ã g n m i b y tu i, tôi ch a bao gi h c b i, nh ng tôi quá t ái thú nh n v i chú i u tr nh th . Tôi không bi t r ng hành ng t ái ó suýt n a là h i i tôi.

Kiêu m n, theo Ph t giáo, là m t trong n m ch ng ng i cu i cùng s b o n đi t khi hành gi t c giác ng . ó là m t trong hai m i b y u nhi m c a tâm, mà c Ph t ã c nh báo r ng chúng có th tr ng i ta. ch ng kiêu m n n i b n thân, c Ph t ch bày m t s quán t ng mà ta c n th c hi n:

Tôi ph i b ho i di t; tôi không th ch ng ho i di t.

Tôi ph i b nh ho n; tôi không th ch ng b nh ho n.

Tôi ph i ch t; tôi không th ch ng cái ch t.

T t c nh ng gì là c a tôi, thân thi t và quý báu, s bi n i và ho i di t.

Tôi làm ch nghi p c a tôi, th a h ng nghi p c a tôi, sinh ra t nghi p, liên h v i nghi p, tôi gánh ch u nghi p c a mình. B t c nghi p gì tôi ã t o ra, d u t thay x u, tôi c ng s là ng i lãnh h u qu .

b sông, chú i u c i áo ngoài ra và nh y xu ng n c. Chú l i nh m t con cá. Tôi ng trên b , ng ng m nh ng sãi tay nhu n nhuyn, i u ngh c a chú. Coi thì không th y khó, nh ng th t s tôi không mu n nh y vào dòng n c c ng u, y bùn ó.

Chú i u th y tôi ng trên b sông ng i ng n, thúc gi c tôi xu ng n c v i chú. Mìn c ng tôi ph i c i áo ngoài ra và c t th t nút chi c áo bên trong nó không t t ra. R i tôi nín th nh y xu ng.

Ngay l p t c tôi b nguy kh n.

Chân tôi ch m tìm áy sông, nh ng ch c m th y bùn nhão. Không có gì c ng r n ng lên ó. Tôi c m th y mình ang chìm xu ng, và tôi b t u vùng v y. S ho ng h t trào dâng trong tôi gi ng nh m t dòng i n. Tay chân tôi ch i v i, và khi há mi ng th , tôi u ng vào dòng n c sông d b n ó.

Chú i u nh bi t chuy n gì ã x y ra, c g ng giúp tôi. Chú b i l i bên tôi, n m c l tai tôi và kéo u tôi lên kh i m t n c – ui da! Nh ng chú y u quá không s c kéo ng i tôi lên kh i m t n c. Tôi ho ng s túm l y áo chú, khi n nó tu t ra.

Ba l n tôi b chìm xu ng, tay n m ch t chi c áo kia nh th nó s c u tôi. Ba l n tôi vùng tr lên, tìm ki m s giúp .

L n cu i cùng, t t c ch là m t màu ph y tr c m t tôi.

Tôi hoàn toàn b t t nh.

Ch ng 5: Tr ng Ph t h c

Khi t nh l i, tôi th y mình ang n m trên m t t bên b sông, m t ng i àn ông ang qu c nh tôi. Tôi b t u ói n c sông ra khi ám ông bu qua nh ng nhìn. Sau ó tôi c k r ng chú i u nh , ng i ã cùng l i v i tôi

không thể bước lên khi sông, vì trong lúc hoảng loạn, tôi đã nắm rách áo quần của chú. Trong trú ngụ, chú phải ngủ nép bên sông, giữ mình khỏi bị ướt và lạc quần áo.

May là có một người đàn ông vác bịch ra khỏi quán trà cạnh bên ga xe lửa, hỏi tôi. Chú nói như đã quên tôi bị chìm xuống.

"Giờ này chắc anh ta đã chết rồi," chú la lên.

Người đàn ông mặc quần áo đơn giản, nhẩy xuống sông, mò mẫm dưới nước. Khi ông tìm được tôi, tôi đã bắt đầu chìm dần xuống sông. Ông kéo tôi lên bờ sông và bắt đầu cứu tôi bằng phương pháp hô hấp nhân tạo trong khi chờ đợi ông tìm kiếm.

Dần dần tôi ngất đi, ho và ói nước. Tôi hít thở sâu, nhưng cảm thấy an toàn. Chú nói như tìm thấy xác mình, và hai người đã đưa tôi trở lại chùa của họ, cách đó khoảng năm mươi dặm. Họ cho tôi một tách cà phê nóng và một ly sữa và một bình nước. Không lâu sau đó thì tôi trở lại bình thường.

Với sự trợ giúp của ông. Ông hỏi tên tôi và nơi tôi ở. Sau khi tôi trở lại, ông sai người ra ga xe lửa mua vé cho tôi đi Gampaha.

Sau một vài giờ nghỉ ngơi, tôi liền ngủ. Trên đường, khi tôi nhận được Phở của Gampaha, người đầu tiên bắt chuyện với tôi, hỏi tôi sao giờ tôi nói gì nghe như người bị chết đuối.

"Tôi chết rồi," tôi trả lời. Tôi quá xấu hổ không thể nói sự thật.

Những ngày hôm sau, trên trang đầu của một tờ báo có tên Ceylon đã có in hình của tôi và câu chuyện về một người sống sót sau sự cố trên sông ga xe lửa Veyangoda. Bên bờ đường Phở của Gampaha đã treo ảnh của tôi và chuyện đó hàng năm trở lại.

Một du khách Phở của miền bắc, những người sinh nghiệp phi lợi nhuận khoảng năm mươi triệu đồng. Tôi thay, tôi không có tiền nào để trả, vì tôi đã cho một con lạc hoang. Con lạc có một tên, tên là ngỗng chèo cao khoảng năm mươi dặm, không có xác. Tôi gom lấy bao tải gạo, vài cây tre và dây nhợ làm một chiếc chèo và chèo trên sông. Có ánh sáng, tôi dùng một cây đèn để bắt đũa. Đó là cái *kuti* đầu tiên của tôi, loại thiết bị mà các người sống sót hay trú ngụ trong đó, và tôi cảm thấy vui mừng.

Phản ứng của tôi hành động trong suốt. Chừng lâu sau, tôi nhận ra là một người sinh sống minh bạch trên đường. Tôi khám phá ra rằng tôi có một trí nhớ như in, rõ ràng là một quà tặng của thiên nhiên. Tôi có thể cảm thấy sự khác biệt.

dài trong mười phút và nhất tể mười th trong ó. Tôi không biết bằng cách nào; chỉ biết rằng mười trang sách trôi trong tâm tôi như một cơn.

Tôi rất hạnh phúc vì khi nhìn thiên phú này của mình, và thấy yêu cầu của nó thách thức tôi, bằng cách đặt những câu hỏi trong sách. Tôi có thể trả lời câu hỏi này trong suy nghĩ, và ngay cả đưa ra một phần trong câu hỏi.

Có lẽ vì vậy, thấy hiểu rằng các trả lời rất thích tôi, cho tôi làm phước cho ông. Tôi cũng cần chú ý làm thế nào, có nghĩa là tôi quên lý, cần gì để tôi tin rằng góp công tôi trả lời, và các vấn đề khác như là ý áo, thu được. Rồi sau đó tôi sẽ phân phát lại cho các tác phẩm của mình.

Vì quy định và bản thân này của tôi mà một số bản học trên nên giành cho tôi, đã thấy, tôi lại còn sanh tánh hay thóc mách khuy tể của các bản khác về thấy hiểu rằng; tóm lại, tôi là một kẻ thất bại. Tôi gửi báo cáo này về báo cáo khác, kể về một người chỉ thấy sai trái của bản bè. Tôi biết rằng, lý ra tôi phải quan tâm về các hành động của mình hơn là tìm kiếm lợi ích của người, nhưng vì mục đích duy trì lòng tin yêu cầu thấy hiểu rằng nên tôi đã làm thế.

Tôi đã không thể hành động của Phật trong kinh Pháp Cú:

Thấy lợi ích thì dể, nhưng lợi ích mình khó thay. Ta sàng lọc lợi ích như rơm rạ, mà lợi ích của mình, hay như bã gạo thì khó giữ. Quy tụ núp sau như cành cây gãy đổ. Người luôn tìm lợi ích, luôn xét nét, (vì thế) ư nhi m của họ càng tăng. Họ rất khó ở trong ư nhi m.

Vào những ngày rằm, tôi cũng gửi pháp kho của ngài để trả lời. Thấy rằng những bài Pháp này dựa trên các sách tôi đã đọc. Những mặt của tôi nghĩ rằng làm thế này khi nhìn cho thấy gì của tôi nhằm chán, vì thế tôi quy tụ như “sáng tỏ”. Tôi chỉ học thuộc một bài kinh dài ba trang, một trong những bài giảng của Phật giáo là kinh Visakhuposatha. Rồi tôi lặp lại về những gì của mình.

Bài thuyết pháp thì nghĩ mà thất bại. Tôi cũng xong bài kinh chỉ trong mười phút, sau đó tôi chỉ làm thêm năm phút nữa về việc gì, tôi cũng không nhận ra. Thất bại. Đó là một bài học quý giá cho tôi về giá trị của sự chú ý của chú ý. Thế đó, tôi luôn chú ý đến những bài thuyết pháp của mình. Tôi thấy rằng một câu trong kinh Pháp Cú rằng ngài nói ra dùng những câu chuyện trong phần chú ý. Kinh Pháp Cú bao gồm 423 câu, phần lớn là về việc gì là tốt và điều gì là xấu. Ngoài ra cũng có hàng trăm câu chuyện rất khác nhau trong tạng kinh Phật giáo minh họa cho các bài học nói trong kinh Pháp Cú. Tôi rất thích kể những câu chuyện này, để cho người nghe mà cần biết về Phật giáo.

Mãi lâu sau này, qua bao năm tu tập, tôi mới cảm thấy thật tin cậy pháp mà không cần chú ý bất cứ.

Trong Phật học, vào tu viện là bắt đầu, cùng tôi cùng bắt đầu hút thuốc lá. Đó là một thói quen tôi đã quen thuộc từ nhỏ, nhưng tôi thay đổi thói quen hút thuốc này bằng thói quen khác. Thói quen mới của tôi là uống trà, uống nước lọc, uống nước, uống nước và uống nước.

Chỉ bao lâu sau tôi trở thành cây hài của trường. Một ngày, tôi bắt đầu bị bệnh, khi chuyển từ lớp học này sang lớp học khác. Tôi rất thích làm hài.

Một trong những câu chuyện tôi kể là về một vị sư ở chùa, người rất tốt vì quý thầy không bao giờ mang cúng dường của ông dâng cho Phật. Vì thế ông cấm tất cả dây quanh cột Phật rồi treo trên xà nhà. Khi các thầy khám phá ra điều đó, hỏi ông tại sao, ông bảo đó là một sự thật. “Thầy Phật không thể sống mà không có thầy,” ông nói.

Công lý là thầy hiểu rằng không phải những câu chuyện tôi kể là bất kính. Thầy nghĩ, sau màn trình diễn của tôi, chúng tôi vào phòng ông, cùng thầy nói chuyện với ông. Ông là một người rất tinh tế trong việc xử lý với các thầy sinh viên. Ông nghiêm túc, nhưng rất hòa nhã. Ông biết cách khuyến khích chúng tôi mà không ép buộc, nếu không, chúng tôi cũng không mang chuyện này ra. Ông khuyến khích chúng tôi trở nên nghiêm túc nghiêm túc. “Các thầy luôn nghiêm túc quý thầy,” ông nói. “Hãy biết rằng quý thầy đã hy sinh các đức hạnh để dâng hiến cho việc hành pháp, vì thế quý thầy phải xứng đáng với lòng kính trọng đó.”

Giống như không bao giờ tôi có công nào, nhưng không hề gì. Chỉ khi nghiêm túc của tôi cảm thấy, thì do điều kiện, và thay vì phải mua sách giáo khoa, tôi mượn các bạn và chép lại bằng cách viết tay. Tôi nghĩ rằng nếu tôi đã có tất cả những điều kiện hoàn hảo thì công việc của mình. Tôi rất tin tưởng bản thân công việc Tam Bảo - Phật, Pháp và Thầy.

Tôi cảm thấy như là Phật vẫn còn sống và ở bên tôi xuyên suốt cuộc đời, nhưng tôi bắt đầu nghĩ gì tôi cần. Tôi tin chắc rằng Phật pháp sẽ bảo vệ tôi vì tôi đã phải uống không ngừng học hỏi những điều Phật dạy. Và tôi nghĩ rằng vì tôi là thành viên của Tăng đoàn, tôi sẽ không gặp khó khăn, nhưng tôi có những điều tôi cần. Ngay bây giờ, nếu không, sau, tôi vẫn cảm thấy Tam Bảo luôn hỗ trợ cho tôi. Tất cả những nhu cầu vật chất của tôi dần dần được thoả mãn, mà không cần vất vả tìm kiếm.

Một ngày kia, một sư huynh nhớ tôi cắt tóc giùm. Đó là vị cư sĩ đang xẩy ra trong tu viện, nhớ rằng tôi chưa bao giờ cắt tóc cho ai, ngay chính cho bản thân. Tôi báo với ông giáo sư, nhớ rằng ông khỉ khỉ nói, “Cẩn thận lúc thay phích.”

Vị cư sĩ râu tóc là một phần quan trọng của giới luật trong các tu viện Phật giáo. Cư sĩ và ni cô phải làm thế. Một chi tiết có nói lên sự sạch sẽ, khiêm cung và nó cũng giúp ta tránh phạm tội phỉ báng chí trên đầu! Đó cũng là biểu tượng của sự thanh tịnh, nhằm giúp tu sĩ bắt đầu vào nếp sống hình thức bên ngoài. Nếu quý tu sĩ không phải bận tâm thì giờ, chi phí, số tiền cắt tóc, thì hãy cố gắng dành thời gian dành cho vị cư sĩ theo đúng như pháp luật tâm linh.

Vinaya hay là giới luật tu viện, độ dài của tóc dài chừng năm centimet. Có người thì cắt tóc mỗi tháng một lần, thì người khác là ngay trước ngày rằm. Người khác thì cắt tóc mỗi tuần, hay có khi mỗi ngày.

Giới luật này quan trọng nhất là giới luật đao cạo bên là một trong tám thứ cấm trong nhóm sự cấm (thứ nhất là nhu yếu phẩm) mà người tu sĩ phải tuân thủ lúc thay phích. (Nhưng với độ khác là ni cô; áo quần quanh mình; áo ngoài hai lớp như một tấm màn; một dây nịt vải; một khăn; một bộ kim chỉ; và một bình bát.)

Khi vị sư huynh nhớ tôi là tôi phải cắt tóc cho ông, tôi nhớ lại và nghĩ làm theo truyền thống. Tôi thốt lên với ông, chà chà bông lên đó, và cảm lạnh làm lên. Ông phía sau ông, tôi kéo lưỡi dao trên da đầu và một miếng da khoanh hai centimet tất cả khi ông! Ngay lập tức máu tuôn ra. Tôi sợ quá nên tôi bắt đầu run lên.

“Thưa thầy, xin hãy tha thứ cho con,” tôi nói, rồi chạy đi tìm một tu sĩ sinh khác. Thầy y mang vào một ít nước lạnh rửa sạch. Rồi trong khi tôi đang nhìn trong gương và sợ hãi, thầy còn phần tóc còn lại của vị cư sĩ không may. Dĩ nhiên vào thời đó chúng tôi không có bệnh cá nhân, nên vị sư huynh kia phải đi khắp thế giới tìm kiếm thuốc dán trên đầu.

Như vào trí nhớ như chớp nhoáng, tôi học rất nhanh. Tiếng Sinhala, Pali và Santrit là những môn bắt buộc. Và tiếng Tamil, tiếng Việt và tiếng Anh là tự chọn. Không cần học ngữ pháp, tôi học tất cả các môn. Nhờ thầy nhớ tôi, cuối cùng tôi được phép vào sống trong ký túc xá với các tu sĩ sinh khác, mặc dù tôi tự biết không có khả năng tự tin. Tôi được phép ở chung phòng với một sư sĩ khác.

Rồi thay, người bạn cùng phòng giành lấy tôi. Một ngày kia tôi kéo trong túi ra một quyển sách giáo khoa tiếng Anh mà tôi đã mua ở chợ.

khác, tôi thấy nó đã khác hẳn. Tôi lo lắng không biết làm sao nên tìm quy nạp sách, và bắt đầu khóc. Một tiếng sinh khác phòng bên cạnh nghe tôi thút thít, đã giúp bằng cách mua một quyển sách khác.

Vài ngày sau đó, người bạn cùng phòng đã thú nhận rằng thấy đã xé sách của tôi vì ganh tỵ vì sự tiến bộ và học giỏi của tôi trong. Chỉ một hôm đó chúng tôi đi quy tập một khúc mễ và đi trở thành bạn tốt của nhau.

Đến đến, ngày thì đi giỏi của tôi cũng đã xong. Đó là ngày 25 tháng 6, năm 1947. Tôi rất phấn khởi và hạnh phúc. Cùng với tôi cũng có một số người làm một vài việc khác nhau, cũng có một người đã thành hiện thực. Trở về một học sinh nghiêm túc, tôi sẽ thực hiện các giờ học một cách nghiêm túc. Thay vì là một sinh viên đi học, giờ tôi sẽ chấp nhận thực hiện 227 giờ học - không học mà một việc khác Phật giáo nguyên thủy phải tuân hành.

Tôi gần như không thể chịu nổi lâu hơn.

Buồn thay, ngay từ ban đầu, đã có một bóng mây trong quá trình đó. Vấn đề không phải là tôi có một cách trở thành một việc khác không, mà là vấn đề chính trị trong học sinh Tăng Già Phật giáo Ceylon. Những vấn đề chính trị này sẽ dẫn đến sự hỗn loạn mà tôi đã phải chứng kiến.

---o0o---

Chương 6: Thời kỳ

Tích Lan, có ba tông phái chánh của Phật giáo nguyên thủy. Tông phái xưa nhất và lớn nhất, mà tôi là một thành viên, là Siyam Nikaya. Tông phái này có nhiều tu viện và chùa chiền là các tông phái khác. Nó cũng có nhiều ngôi chùa của xưa nhất trên thế này. Cái tên Siyam, có thể khi Tăng già, hay là tăng đoàn, đã rời xứ con sông sông Hằng để đi tìm sự thanh tịnh ở Anh Ceylon, và cũng do những người của các nhà truyền giáo ở Hòa Lan và Bồ Đào Nha. Có rất nhiều Sinh viên không còn làm một vài việc khác đã thấy đi về 227 giờ học nào - do đó không thể truyền giáo cho người khác.

Một Sinh viên Ceylon du hành qua Xiêm (Siam), là tên gọi của Thái Lan thời đó (hay "Siyama" trong tiếng Pali), cũng thấy đi làm việc khác. Rồi sau đó ông trở về Ceylon, thì tiếp tục tăng đoàn vào năm 1753.

Chỉ có những người thu nhập cao quý nhất trong xã hội Ceylon, gọi là Goyigama, mới được phép thực hiện trong tông phái Siyam Nikaya. Gia đình của tôi, tuy nghèo, lại thu nhập vào giai cấp này. Ở Ceylon, giai cấp không đi vào sự giàu có, nhưng vào dòng dõi gia đình. Nhiều năm sau đó, một

nhóm Sadi không thu c dòng dõi Goyigama du hành n Amarapura, Burma, và c th i gi i ó. Nhóm ng i này tr l i Ceylon và thành l p tông phái Amarapura Nikaya vào n m 1800. Tông th ba, thành l p vào n m 1810 b i các t ng s ã n khu v c Ramanna c a Burma, tr thành tông phái Ramanna Nikaya.

Lúc u gi a các tông phái có r t nhi u tranh ch p. M i tông phái u ngh r ng tông phái khác không gìn gi các gi i lu t t ng oàn nghiêm ch nh . Các t ng s thu c dòng Siyam Nikaya, thí d , c o c lông mày c ng nh tóc. T ng s thu c các tông phái khác thì không. M t khác, khi ra kh i chùa, t ng s thu c tông phái Siyam c phép m t vai tr n khi h qu n y quanh mình. T ng s thu c các tông phái khác thì ph i che ph c hai vai.

S ph c a tôi, s Sonuttara, thu c v tông phái Siyam Nikaya. Th y c a ông là m t thành viên c a h i ng ch ng minh cao nh t c a tông phái này, hoà th ng Pahamune Sumangala.

N m 1911, lúc th y tôi c hai m i l m tu i, ông c g i n t rông coi m t ngôi chùa làng Maladeniya. L p t c v s tr ng m t chùa trong làng k bên, Kebilitigoda, không b ng lòng. Ngôi chùa Kebilitigoda ã có m t h n m i n m tr c khi th y tôi n Maladeniya. Dù th , v s tr ng này c ng ganh t v i th y tôi, vì th ông khi u n i ra lu t pháp r ng ngôi chùa m i ó thu c quy n s h u c a ông. Do ó, th y tôi ph i n nh l và th m vi ng v s Kebilitigoda m i ngày t lòng kính tr ng.

Thì ra, v s Kebilitigoda là i c Sumanatissa, là ng i ã truy n gi i sadi cho tôi n m tôi m i ba tu i. Ông c ng có th "khi u n i" r ng tôi là t c a ông, nh ng ông không làm th . Tôi óan có l lúc ó tôi không có d u hi u gì là m t t ng s có nhi u tri n v ng.

Qua th i gian, s hi m khích gi a hai chùa càng t ng lên. Và n th i i m tôi th i gi i n m 1947, tôi b v ng vào cu c tranh ch p này.

Theo truy n th ng, khi m t sadi s p th i gi i, thông báo v bu i l c g i n cho b n bè, ng i thân, các v t ng s chùa, và t t c nh ng chùa mà ng i sadi ó ã t ng l u trú. T thông báo c in trên gi y r ti n r i c g i hay a t n tay.

Th y hi u tr ng tr ng Ph t h c vi t t thông báo cho tôi, và theo truy n th ng, tôi ph i mang v cho th y tôi ký. Nh ng vì lý do gì ó, s Sonuttara ng i ngừng khi ph i ký tên ông nh là tr trì chùa Maladeniya.

“Nh ng s b t u chùa này t n m 1911,” tôi nói. “S ã g y d ng nó và s là v t ng s duy nh t s ng ây. Còn ai có th là tr trì c a chùa?”

Sonuttara không nói gì nh ng cu i cùng ông c ng ký t gi y. Tôi làm nhi u b n copy và t tay mang t u tiên n cho i c Sumanatissa, v th y u tiên c a tôi, ngôi chùa trong làng k bên. Ngay khi v a th y ch ký c a s ph tôi nh là tr trì c a ngôi chùa kia, ông n i gi n.

“ i c Sonuttara không ph i là tr trì chùa ó,” ông la to. “Tôi m i là! Và tôi c ng không có tên trong danh sách các s ph c a th y.”

Ông l p t c i ra tr s c a tông phái Siyam Nikaya Kandy và yêu c u hoãn bu i l th gi i c a tôi l i. S ph và tôi c m th y bàng hoàng, nh ng chúng tôi v n ti p t c chu n b cho bu i l, hy v ng r ng s tranh ch p b ng cách nào ó s c gi i quy t.

Vào êm tr c l th i gi i c a tôi, theo t c l, ng i dân làng Maladeniya ã s p x p m t nghi th c tr ng th và m t bu i ti p ón chùa dành cho tôi. M c d u i c Sumanatissa e do s c n tr bu i l, nó v n c di n ra mà không có v n gi.

Ngày hôm sau, 25 tháng 6, chúng tôi n Kandy. Nghi l th gi i s c t ch c trong *simā*, m t tòa thánh trong khuôn viên c a tr s tông phái Siyam Nikaya. Vào ngày ó, hai m i sáu v sadi, k c tôi, c chu n b th i gi i. B n bè, ng i thân và nh ng ng i n chúc phúc ã có m t *simā*.

Nh tôi ã lo ng i, i c Sumanatissa không yên cho vi c này. Ông ã n chính th c khi u n i, ch ng l i s th gi i c a tôi, vì ông, ch không ph i s ph tôi, là tr trì c a chùa Maladeniya. Vì th, s ph tôi không có quy n ký tên vào gi y ch ng nh n th gi i c a tôi v i t cách là “s tr ng.” i c Sumanatissa nh t quy t r ng s ph tôi ch c ký tên v i t cách là v “s th ng trú” t i chùa.

S ph tôi, s Sonuttara, là ng i ít h c, không rành ch ngh a. Ông r t s ph i ch ng i v i b t c v s nào tr ng th ng h n. Nh ng trên t t c, ông không mu n s tranh ch p này s phá h ng c hôi c th gi i c a tôi. Tôi r t gi n i c Sumanatissa, m t ph n vì ông quá khó kh n v i s ph tôi, ph n vì ông ã mu n làm h ng m t ngày quan tr ng nh t trong i tôi. Tôi c m th y tính chính tr trong t t c m i th th t là kinh kh ng, nh ng tôi không th làm c gì h n.

Không m t l i cãi v, s ph tôi ký vào gi y ch ng nh n theo nh i c Sumanatissa yêu c u, v i m y ch ‘s th ng trú’ c nh bên tên ông.

Vài gi tr c khi bu i l b t u, hai v s huynh v n y cho tôi toàn tr ng, v i m t cái m gi ng nh v ng mi n trên u. N u ng i s p th gi i có bà con hay ng i b o tr giàu có, thì có th c i voi, m t bi u t ng c a s oai

nghiêm và nghiêm túc. Vì có thể có hàng trăm người đi theo, ánh sáng, thắp đèn, sáo, và nhạc múa. Vì gia đình tôi không giàu có, nghi lễ dành cho tôi rất đơn giản.

Trong lúc tôi đang thay y áo, bà con hàng và các thầy cô đã chuẩn bị sẵn mâm ngũ quả cho các thành viên của hội đồng. Mâm ngũ quả có trái cau, chuối, đu đủ, mít, cái khế, mít, bánh xà bông, kem đánh răng, bàn chải đánh răng làm từ ngũ cốc và bột gạo.

Có kho ngũ hành và chén sớ : hòa thành một mâm ngũ hành theo phái Siyam Nikaya; hai thầy cô ngài, cúng là nghi lễ cao cấp, uy nghi; mâm ngũ quả, ngũ hành ngũ cốc trong tông phái; và mâm sáu quả khác. Theo một tôn giáo rất đơn giản, tôi phải làm lễ sớ, thắp hương, theo thầy, và dâng cúng cho hội đồng ngũ quả. Nghi lễ này kéo dài khoảng một tiếng đồng hồ.

Một lúc có một cơn mưa, hội đồng và thầy cô đi trú, phải đi tìm chỗ trú ẩn và một chiếc yếm màu vàng chói trong hội đồng phút cuối cùng, trời đổ mưa. Mọi người trở thành một đống tuyết. Mọi người nhìn nhau và nói, một lần nữa, vậy tất cả chúng ta phải đi tìm chỗ trú ẩn. Siddhattha, chủ quán ngũ hành ngài một màu vàng khi ngài bắt đầu cúng không nhà. Nó cũng dùng "lau sạch đi" trong hội đồng và không kịp sám hối vì sự phẫn nộ của mình.

Kho ngũ hành chiếu, buổi lễ kết thúc.

Một số dây ngũ hành tòa *simā* làm hai- một bên dành cho quý sư, bên kia cho các đệ tử. Phía bên sư thì ông nghĩ về hàng trăm khách khứa nào. Trẻ con ùa giỡn, em bé khóc lóc, và ngũ hành trò chuyện vui vẻ.

Cuối phòng họp là mâm ngũ hành Phật toàn. Trên Phật ở trên mâm bàn thờ ngũ hành đã được dọn sẵn, trên yếm ngũ hành dâng cúng và trên một chiếc ghế, các lễ vật ngũ hành ngũ cốc, các bình hoa, các ly nước trái cây, nước trà hay nước lạnh. Một mâm ngũ hành ngũ quả theo truyền thống. Một đôi đèn đỏ ngũ hành ngũ cốc ở hai bên hông bàn thờ, chiếu ánh sáng lung linh trên khuôn mặt trầm tư của Phật.

Ngồi bên phải bàn thờ là vị thầy trưởng môn, hai bên là hai thầy. Các vị khác trong hội đồng ngồi trên sàn gỗ, hai hàng đối diện nhau.

Các sadi chúng tôi c d n ph i ng i trên sàn nhà theo th t tu i tác. Còn sáu tháng n a m i c hai m i tu i, tôi là ng i tr nh t. M t sadi ít nh t ph i hai m i tu i m i c th gi i tr ng, nh ng vì tôi ã hoàn t t m i i u ki n khác, tôi c th gi i sáu tháng s m h n.

u tiên là m t cu c sát h ch b ng mi ng, qua ó m t v s cao niên s h i các sadi, t ng ng i m t, t ng l i các kinh và tr l i câu h i. Ng i giám kh o bu i chi u hôm ó là v s cao niên c p b c th hai, m t ng i c bi t là r t kh t khe. Cách c a ông là c m t dòng u tiên trong các kinh Ph t, r i yêu c u ng i s p th gi i ph i hoàn t t bài kinh.

Ph n ông các sadi khác ch thu c các o n kinh b t bu c. Còn tôi, v i trí nh nh in và lòng mu n ch ng t s v t tr i, ã h c thu c lòng nhi u h n. D u th , tr c ám ông tôi c ng r t run.

Cu i cùng, sau hai m i l m v sadi khác, c ng n phiên tôi. V giám kh o ã làm vi c h n m t ti ng r i r i và ông có v m t nhòai.

Ông yêu c u tôi c m t o n trong kinh Pháp Cú. Tôi hít m t h i th sâu, nh m m t l i và c m t m ch không ng ng tám o n kinh.

"Thôi r i," v giám kh o nói. "Th y r t thu c bài."

K ti p, m i sadi ph i c ch p nh n m t cách chính th c là ng i s c th gi i. Gi ng nh các sadi tr c tôi, tôi ng d y và n tr c m t trong các v s ch ng minh. Ông h i tôi theo nh th th c b t bu c: tên tôi; gi i tính; tên cha m ; tên s ph ; tôi có b nh truy n nhi m gì không; tôi có trong quân i hay là m t ng i th ng dân; và c câu h i v tôi là ng i hay ma qu .

Trong khi ph n l n ch là hình th c, nh ng câu h i này nh m xác nh n r ng, tôi không ph i là m t k t i ang tìm cách tr n tránh pháp lu t b ng màu áo ng i tu. Câu h i v b nh truy n nhi m ch c ch n r ng tôi không có nh ng ch ng b nh có th lây lan cho c ng ng các t ng s . Nh ng câu h i khác, h i k ho c, là nh ng câu h i truy n th ng ã có t th i c Ph t.

Sau khi tôi ã tr l i t t c các câu h i, v s tuyên b v i v tr ng môn r ng tôi h i i u ki n c truy n gi i. Tôi qu tr c v tr ng môn và nh l , ch m trán xu ng sàn nhà tr c m t ông ba l n. L n n a, tôi l i tr l i m t s câu h i, l n này cho v tr ng môn nghe.

Sau ó tôi c d y ng i xu ng v i các sadi khác. Hai v s thuy t gi ng cho chúng tôi nghe v s quan tr ng c a 227 gi i mà chúng tôi ph i tuân gi sau khi th gi i, nh n m nh n b n gi i tr ng: không dâm d c; không l y b t c gì không ph i là cho mình; không sát h i; và không khoe khoang v các kh

ng siêu nhiên. Ngoài ra, chúng tôi cũng cần chú ý vì có vấn đề tâm lý và tư tưởng mà các cấp cũng đang: yáo, thạc phẩm, nỉ và thu c men. Tất cả những lý do này đều xuất phát từ những lý do ban đầu của Phật giáo Việt Nam.

Cùng với chi tiêu bình đẳng mà tinh thần trên đây, chúng tôi nhận thấy rằng sự trong sạch trong chính minh, bất cứ ở đâu và ở đâu. Sau đó chúng tôi cũng đã thành lập hàng dài, và tất cả các cấp xã phường cũng đang vận động cho chúng tôi. Đây là phần vui nhất của buổi lễ. Nó như một niềm tin sự quan tâm từ các gia đình và các cấp. Những cấp khác khi họ cúi chào và tất cả cũng đang chờ đợi chúng tôi.

Nghi lễ cũng đang là một trong những nét văn hóa trong Phật giáo, nhưng đôi khi bị hiểu lầm bị nghi ngờ là cho rằng sự là những hành động lễ nghi, các âm thanh điệu nhạc. Thật ra, điều đó hoàn toàn ngược lại: nghi lễ cho chúng ta thấy những điều mà chúng ta không nói là hành động, nghi lễ vì hành động hành động như thí, hay sự sống.

Bất cứ ai cũng đang cần là đang thực hành tâm nguyện. Các Phật tử đang cách thức hành này là một phần của tín nhiệm vào những điều tham chấp. Trong rất nhiều bài kinh, các Phật tử khuyến khích các Phật tử thực hành hành động như thí, bất cứ khi nào và bất cứ nơi nào có thể:

NH M T BÌNH CH AN C Y,

N U D C N G C BÌNH,

T T C N C CH Y RA

KHÔNG GI GÌ L I C .

H N T H N A, N U B N G P N G I C N GIÚP

D U GIA I C P T H P, TRUNG HAY SANG C ,

THÌ HÃY B THÍ NH CHI C BÌNH D C N G C

KHÔNG GI L I GÌ C .

Trong một bài thuyết giảng khác, các Phật tử đang có ba cách để công đức. Ba cách đó là thí, niệm và bố thí.

Hình thức bố thí giảng dạy và tu tập cũng như những điều kiện khác nhau. Những cấp cũng đang các vận động của tín nhiệm giúp và tu tập có thể

bác trên con đường, mà không phải là lòng vì những gì được nhìn thấy. Áp dụng, ngài đã đưa ra, con người thuyết pháp -là Pháp thí cho chúng sinh.

Trong buổi lễ ghi nhớ tôi, khi các vị đệ tử đứng trên sân nhà trước mặt tôi, tôi nghĩ về và tưởng niệm. Tôi chỉ bà có thể nhìn thấy trong buổi lễ này! Tôi biết nó có ý nghĩa gì đối với bà, và nếu có bà này thì nó có ý nghĩa gì đối với tôi. Nhưng vì lòng tôi bị chấn động, bà không thể nhìn thấy những cây cối làng này, và bà cũng không có bất cứ ai khác có thể nhìn thấy. Nếu bà có mặt Kandy ngày hôm đó, chắc hẳn bà sẽ khóc vì nỗi vui mừng, thấy rằng đã có con trai út của bà, cuối cùng cũng trở thành một vị thầy giỏi.

---o0o---

Chương 7: Thuộc địa của ngài cùng: Thi nhân quán

Một vài ngày sau lễ ghi nhớ, tôi sẽ sẵn sàng tham gia vào một trong những Phết của một vị thầy giỏi, là Phết thật. Nghi lễ này, được gọi trong tiếng Pali là *paritta*, được thực hiện như xưa như ngày xưa, trong những ngôi đền - một thứ khác nhau vì niềm tin dân gian và Phết giáo vẫn có mặt trong nhau. Nếu có người bị bệnh, hay dân làng đang gánh chịu một trận ốm hay hạn hán (như bệnh sốt rét mà có thể là do những linh hồn xấu ác tác oai), ngài đã thực hiện yêu cầu quý sự thực hiện vì lợi ích của người bị bệnh này. Sự kiện này, trong hai tuần luôn phiên thực hiện không ngừng. Mỗi lần, họ thực hiện một giờ, rồi hai giờ khác thay phiên thực hiện. Sự thực hiện này rất nghiêm túc, gần như là hết hạn là xong thực hiện.

Chắc có các vị thầy giỏi trong những ngôi đền, và họ cũng coi trọng vì sự kiện này. Các thực sự thực hiện nên nóng lòng của mình gần như nhóm thực hiện này.

Một người bạn của tôi trong Phết thực hiện nên nóng lòng tham gia nghi lễ này như là tôi. Vào ngày thứ hai tôi mới đến, vì thế hai chúng tôi cùng nhau đi tuần như nhau. Chẳng bao lâu sau đó, chúng tôi tranh nhau nhìn nhau đi tham dự một nghi lễ thực hiện một ngôi chùa gần bên, mà bản thân chúng tôi là sự kiện đó.

Cả hai chúng tôi đều ở, ý nghĩ thực hiện và vì đây là nghi lễ Phết thật của tiên của chúng tôi, nên chúng tôi muốn thực hiện như là một phần. Vì thế, chúng tôi khuyên nhau vài vị thầy như chúng tôi phải thực hiện của họ. Họ đã thực hiện rất nghiêm túc *paritta* nên vui vẻ như nhau, vì thế cuối cùng là chúng tôi thực hiện phần lễ gian. Chúng tôi chỉ nghĩ rằng hay làm công tác từ thiện. Chúng tôi không nghĩ chút nào!

M i ngày lúc sáu gi sáng, m i m t gi sáng, và sáu gi chi u, ng i ta giống tr ng lên báo hi u bu i t ng ni m b t u. H ph i ánh tr ng th t l n có th át ti ng t ng ni m c a chúng tôi. Ng c l i, ch ng t sinh l c c a mình, b n tôi và tôi t ng còn l n h n n a. Vì c g ng át ti ng tr ng, chúng tôi g n nh là hét khan c ph i.

Sau ba ngày b n tôi x u luôn. M y v c s chùa ph i khiêng th y vào phòng và t th y lên gi ng ng . T i chi u t nh l i, th y l i cùng tôi ti p t c t ng ni m.

n cu i tu n thì c hai chúng tôi u không còn s c l c. D u r t c n ngh ng i, chúng tôi không th ng . Chúng tôi c ng không th nu t trôi th gì, và c hai u b nh c u kh ng khi p. Chúng tôi không th ch u ng ai quanh mình. Tôi ngh có l chúng tôi b kh ng ho ng tinh th n.

T h n c là tôi m t trí nh , không ch trí nh nh in mà t t c m i th ! Tôi không th nh n ra m u t c a b t c ngôn ng nào - Sinhala, Sanskrit, Tamil, hay ti ng Anh. Khi m m t trang sách, tôi không hi u trong ó nói gì. N u tôi g p ai ó, r i n m phút sau g p l i, tôi c ng không th nh tên ng i ó. Tôi c m th y r t au kh và bu n b c b i nh ng gì ã x y n cho tôi. T t c ni m hãnh di n v nh ng thành t u trong vi c h c t p c a tôi u tan bi n.

Tr l i tr ng, tôi không làm t t các bài thi cu i khóa. Th y hi u tr ng hoang mang vì ng i h c trò siêu sao c a ông ã làm bài quá t , ông cho g i tôi vào v n phòng. Tôi k cho ông nghe v vi c tôi t ng kinh su t b y ngày êm và trí nh c a tôi ã bi n m t nh th nào. Ông b o tôi hãy tr v chùa ngh ng i và tr b nh.

C n m tr i sau ó, tôi tìm n m i ph ng cách ch a b nh, m t cu c tìm ki m vô v ng cho 'ph ng thu c th n'. u tiên, s ph tôi ch ra m t h n h p thu c t các lo i cây và p lên trán tôi m i sáng. Sau m t tháng tôi c ng không khá h n, d u v y, tôi v n mu n c tr l i tr ng h c. Nh ng ngày huy hoàng c a tôi ã qua i. Gi tôi ph i v t v h c chính nh ng i u n gi n nh t.

Không ch là trí nh nh in c a tôi ã bi n m t, mà tôi còn ph i v t l n v i t ng câu t ng ch , hay ôi khi c t ng m u t . Có nh ng êm, trong lúc c sách, tôi c m th y nh có bao sâu b c n r t óc não tôi. Tôi th t ho ng lo n và b t u ngh n vi c t t . Tôi không mu n s ng trong hoàn c nh nh th này chút nào. Tôi ã nghe ng i ta nói r ng nh ng s i tìm èn d u r t c, vì th tôi b t u thu th p và gi u chúng trong m t chi c h p. May mà các b n tôi bi t c ý ó và ã v t cái h p i.

Có ng i l i khuyên tôi nên tìm m t th y thu c Ayurvedic (ND: gi ng nh thu c nam) qu ng cáo trong báo. Tôi n g p ông, k b nh c a mình, và nói r ng tôi không có ti n. Là ng i t t ; ông ã cho tôi m t th thu c r t quý mà không tính ti n. M i ngày, theo l i ông ch d n, tôi thoa m t ít d u ó lên u, lên m i, và còn u ng c m t vài gi t n a. Nó c ng giúp thông b nh xoang m i c a tôi, và tr l i cho tôi chút ít trí nh ; còn hoàn toàn bình ph c thì con ng còn dài.

R i s ph tôi k t lu n r ng nh ng r i ro c a tôi là do các oan h n ma qu gây ra. “Quý s s t ng kinh su t êm cho con,” s nói. Lúc ó, tôi không ngh l i ngh này khá oái m. Trong lúc tôi n m trên sàn, tám v t ng t ng ni m b ng ti ng Pali su t êm dài. Sáng hôm sau tôi c ng không th y có gì khác.

Cha m tôi c ng ngh r ng có th m t oan h n nào ó ã nh p vào tôi, vì th h g i m t pháp s làm bùa chú. Tôi n g p ng i này nhà cha m tôi. Ông yêu c u cha tôi l y b y trái chanh và b o tôi ng i lên gh trong khi ông c m m t trái chanh và m t cái kéo trên u tôi, r i t ng nh ng câu chú b ng m t th ngôn ng mà tôi ngh là ông ta ã t ch ra ngay t i ch . V a t ng chú, ông v a dùng kéo c t chanh, n c chanh ch y xu ng u tôi. Ông l p l i nghi th c ó v i t t c b y trái chanh. Cu i cùng, ông c t m t dây bùa b ng v i quanh c tôi.

Cha m tôi ch c ch n r ng làm v y s ch a c tôi kh i b nh. Nh ng tôi không kh i, vì th h l i m i m t th y phù th y khác, có l có nhi u oai l c h n.

Th y phù th y và sáu ng i tùy tùng n nhà tôi. Ông yêu c u cha tôi mang n bao nhiêu th : d a, d u d a, cau tr u, hoa dâm b t và ít v i qu n quanh các cành cây khô làm u c. Trong lúc ó, th y phù th y t c m t hình t ng b ng t sét gi ng nh tôi. T ng tròn m p, gi ng nh m t ng i tuy t b ng t nung. Khi m i th ã xong, th y phù th y và oàn tùy tùng v n xà rong, v n kh n tr ng lên u. H d n tôi n m t c n l u nh và tôi ng i tr c t ng t sét mà h ã làm. Các thành viên khác trong gia ình c phép ng i g n bên, trên nh ng chi c chi u tr i trên m t t. Sau khi nhai tr u, b n h b t u t ng chú b ng m t th ngôn ng l lũng. Không ph i ti ng Sinhala, không ph i Pali, c ng không ph i Sanskrit. Tôi ch a bao gi nghe qua ngôn ng này. Ch là m t h n t p c a âm thanh. Trong khi t ng chú, h c m nh ng cây u c l a và vãi b t nhang vào ó làm cho ng n l a bùng sáng h n.

M i l n ng n l a bùng lên, hai ng i trong oàn ng i hai bên tôi s la lên b ng ti ng Sinhala, “Ayu bova!” (C u cho ng i s ng lâu!).

Nghi lễ kéo dài cả đêm, cho đến khi các cây đu c tàn lụi. Rạng sáng, họ xiên đu c vào đu c a hình nộm, rõ ràng là để giết chết tôi khi tôi bước ra ngoài. Rồi họ cõm tôi quanh đu c, giết chết tôi là vậy chứ chứ đâu làm.

Lần này, chúng tôi có kế hoạch gì.

Cha mẹ tôi thì không còn biết phải làm gì nữa, nhưng sắp tôi lại nghĩ ra một cách khác nữa: Ông cho tôi một miếng bùa làm bằng thiếc có chu vi thành một cái vòng khoảng bốn centimet, còn dây viết bùa. Đó là một miếng bùa theo truyền thống Ceylon có gọi là *ratana yantra*, hay là miếng bùa kim loại. Một số người trong kinh Ratana có thể nhìn thấy nó. Người Sinhala tin rằng nếu đeo bùa này có thể quanh đu c hay ngang đu c, nó sẽ xoa dịu đu c ma quỷ. Sắp tôi đeo cái bùa lên đu c tôi.

Tôi rất mừng về cha mẹ, sắp tôi và các linh hồn đã có kế hoạch cho tôi. Nhưng tôi thay đổi, tất cả mọi người đều vô ích. Không có kế hoạch gì. Trí tuệ siêu việt của tôi đã bị mất mất mất.

Thật là kỳ diệu mà tôi hoàn toàn thất vọng, một ý nghĩ lại lừng bùng lên trong đu c tôi. Có thể thần thánh giúp mình. Khi các huynh đệ của tôi nghe về ý tưởng này, họ phá lên cười. Vào những ngày tiếp theo, thần thánh không phải là công phu tu tập bình thường, ngay cả với tôi cũng vậy.

"Huynh yên tâm sao?" mẹ tôi nói. "Thần thánh dành cho những người già yếu không thể làm được gì nữa. Huynh vẫn còn trẻ, quá trẻ để hành thiền. Chúng tôi có thể đi đàng khác."

Đu c tôi rất thông suốt lý thuyết thiền, nhưng cảm nhận lòng tin thì không, tôi chưa bao giờ thực hành thiền, tin hay không. Tôi có rất ít tu tập hành thiền. Họ quá bận rộn thuyết pháp, tụng kinh và thực hành các lễ cầu an. Dĩ nhiên họ cũng nói nhiều về thiền, nhưng rất ít khi thực hành. Có người thực sự còn tin rằng nếu tu tập thiền quá lâu, sẽ bỏ tán loạn tâm thần.

Tôi thì nghĩ rằng tôi đã bỏ tán loạn tâm thần rồi. Vậy thì tôi còn sống gì nữa?

Tôi bắt đầu hành thiền một cách bí mật – đôi khi giữa trưa, đôi khi sáng sớm. Bất cứ khi nào tôi có một vài giây phút yên tĩnh một mình, tôi tập thiền, ngồi trong một góc tối của chánh điện thì tôi hy vọng rằng không ai bắt gặp mình. Tôi biết rằng tôi đang cố gắng huấn luyện một thói quen tâm linh, và có kế hoạch, tôi dành thời gian thực hành mỗi ngày. Đó cũng giống như tập thể dục cho tâm, cố gắng chuyển đổi những thói quen xấu thành thói quen tốt.

Lúc u, tôi ch c g ng an t nh tâm b ng cách nh l i nh ng chuy n th ng tình – tên b n bè, nh ng ngôi chùa ã vì ng th m, tên các quy n sách ã c. Không ph i là i u d dàng, có nh ng kho ng tr ng l n trong ký c tôi. Nh ng tôi ã c g ng không ho ng lo n.

R i d a vào s ch d n trong b n c n b n chánh ni m (t ni m x), tôi b t u theo dõi h i th , các c m th n i thân, các c m giác và ý ngh i qua u tôi.

S quán sát ó d n d n mang n m t c m giác r t an t nh bên trong tôi. Th nh tho ng tôi còn kinh nghi m c nh ng giây phút h l c thoáng qua. D nhiên, nh ng giây phút ng n ng i này khi n cho s hành thi n thêm d ch u và khuy n khích tôi ti p t c.

D n d n nh ng th tôi ã h c trong quá kh b t u tr l i v i tôi. Tôi b t u nh n ra ch cái và con s . Tính khí tôi c ng thay i m t cách không ng . Sau vài tháng kiên trì th c t p, tôi ã có th c và nh nh ng gì ã c. Tôi th t vui m ng và nh nhõm vì tôi ã tìm ra “thu c ch a”.

Thi n ã làm c t t c nh ng gì mà bùa phép và các th d u thu c kh ông th làm c.

Nó ã mang l i s thanh t nh cho tâm tôi.

---o0o---

Ch ng 8: Ph n u c h c

Nh hành thi n, hai n m s ng trong ác m ng vì m t trí nh c a tôi cu i cùng c ng ã ch m d t. Trí não tôi d ng nh c ch a lành kh i c n kích ng gây ra b i b y ngày t ng ni m. Nh ng gi thì, d u tôi ã có th nh m i th g n nh ng i bình th ng, trí nh nh in c a tôi ch ng bao gi tr l i n a.

Hai n m sau, vào n m 1949, tôi ã có th i h c tr l i. i u ó làm tôi r t h nh phúc. Cu i n m h c ó, l n u tiên tôi tham d cu c thi chung cho t t c các tr ng, c bi t nh là cu c thi l y b ng cao c p, t ng t nh nh ng cu c thi cu i n m trung h c. Chúng tôi ph i thi tám môn (Sinhala, Tamil, Pali, v n ch ng Sinhala, l ch s Ceylon, toán, khoa h c s c kh e, và Ph t giáo) và tôi u i m u c .

Tôi r t hãnh di n v thành tích này vì ch vài tháng tr c ó, tôi ã không th c hay nh i u gì.

Tuy nhiên c ng n m ó, tôi g p nhi u khó kh n do nhi t tình mu n h c ti ng Anh c a mình. Tôi tham d m t cu c thi tr ng Ph t h c n i tôi ã là m t

t ng sinh vài n m nay, và i m ti ng Anh c a tôi cao h n i m ti ng Sanskrit nhi u.

Th y hi u tr ng tr ng cho g i tôi n v n phòng. G ng m t không vui, ông nói: "Gunaratana, th y nên nh r ng giáo lý c a c Ph t c l u truy n trong vòng hai ngàn n m tr m n m nay không ph i b ng ti ng Anh mà b ng ti ng Pali và Sanskrit. Tôi khuyên th y nên ý n các ngôn ng này nhi u h n." Vào n m 1950 tôi c nh n vào Vidyalankara Pirivena, m t i h c c ng ng dành cho t ng s g n th ô Colombo, và là m t trong hai i h c có ti ng Ceylon. Ban gi ng hu n g m kho ng m i ng i -nh ng v th y khiêm t n, uyên thâm v tôn giáo, thông su t Pháp, l ch s Ph t giáo, ti ng Pali, Sanskrit, Sinhala, Tamil và n .

Tôi r t h nh phúc c theo h c ây, nh ng tôi l i không có kh n ng tr ti n tr . Tôi không có n i nào t m trú, vì th tôi dành vài tu n th m vi ng nh ng chùa g n ó, mong tìm c n i tr h c. Cu i cùng, tôi tìm c m t ngôi chùa bên b sông Kelaniya, và v tr trì cho phép tôi c d n vào. Tôi tr l i v i nh ng b n ph n c a m t tu s s ng chùa. Kh t th c ngôi làng g n nh t c ng không m y k t qu . Th ng tôi ch nh n c c m tr ng trong bình bát, không có rau hay b t c th gì. Tôi ành tr v chùa, r c y mu i vào c m, r i n.

T chùa n tr ng c ng là m t con ng dài và r t ph c t p. Tr c h t, tôi ph i sang sông trong m t chi c thuy n nh do Jinadasa, m t c s chùa làm ch . M i ngày sau b a tr a, ông s i d i thuy n a tôi sang sông.

Th ng trên nh ng chuy n ò qua sông h ng ngày, tôi l i ngh v kinh Alagaddupama, kinh “ n d v chi c bè” vì, trong bài kinh ó, c Ph t ã so sánh Pháp nh là m t chi c bè: chúng ta có th s d ng Pháp v t qua con sông cu c i y sóng gió, c Ph t d y, nh ng m t khi ã n b bên kia, chúng ta c n chi c bè l i ng sau. Tham ái, bám víu vào b t c i u gì, k c nh ng i u t t, c ng có th khi n chúng ta sanh phi n não.

M i ngày, sau khi qua sông, tôi ph i i b n m t tr m xe buýt l y xe buýt n tr ng trên ng Kandy-Colombo. D nhiên, tôi c ng không có ti n mua vé xe buýt, nh ng ông ch công ty xe buýt ã t t cho phép tôi c i mi n phí.

Cu i tu n, tôi l i i n Yakkala, m t làng g n bên, gi ng Pháp cho tr ng Sunday (ND: các l p giáo lý cu i tu n). Vào nh ng ngày r m, tôi c ng thuy t pháp ngôi chùa tôi ang t m trú. M c d u tôi còn khá tr , ng i ta c ng tôn tr ng tôi và mu n c nghe tôi gi ng.

ôi khi tôi giận vì những việc này quan trọng như là nghi lễ, tái sinh, và lý duyên sanh, nhưng tôi không chắc rằng mình thiếu sự hiểu biết về những việc này vào thời điểm đó. Thế nhưng tôi chắc chắn thu được lòng các môn sinh trong sách, rồi rồi rồi.

Tôi cũng kể những câu chuyện dân gian Phật giáo. Tôi rất thích những chuyện về Đức Phật và Bà t a, và tôi khéo luôn tìm cách ám chỉ Đức Phật. Họ đã là kẻ thù của nhau trong nhiều thế kỷ. Có rất nhiều chuyện kể về những xung đột của họ. Trong câu truyện mà tôi thích, Bà Tát (Đức Phật) tái sinh làm một chú khỉ yêu lòng nhân ái và Bà t a là một loài hành lang lười trong rừng.

Khi trong rừng, ngài đi hành hương và đi xuống một cái giếng bị hoang, và chú khỉ tình cờ đi ngang qua, đã cõng ngài hàng giờ kéo anh ta lên. Sau đó một nhòai, chú khỉ nam xuống giếng. Gã liền hành cõng và nói, đã làm một công việc tốt, đi lên và đi về nhà và nói cho mọi người biết.

Vì vậy ngài, gã ta không giận Đức chú khỉ. Mình thấy máu, chú khỉ chạy lên cây, ngài suy nghĩ: “Mặc dù anh ta vẫn ghét mình, nhưng nếu mình chạy trốn và bỏ anh ta lại,” chú khỉ nghĩ. “Thì anh ta có thể chết đói. Anh ta sẽ không bao giờ có thể tìm được ra trong khu rừng rậm này. Ta cần phải đi tìm anh ta ở ngôi làng gần đây.”

Thật là chú khỉ biết chuyện tốt của cây này và cây khác, nhào lộn như thế nó đang bắt đầu. Gã liền hành nghề rừng con khỉ có thể ngã chết bất cứ lúc nào, nên đi theo nó. Khi nhìn thấy làng, gã ta không nghĩ đến chú khỉ mà vào làng xin thức ăn và nước uống, còn chú khỉ quay trở về rừng.

Câu chuyện này cho thấy những đức tính đáng ngưỡng mộ của Đức Phật, ngay trước khi Ngài có thân người hay có hoàn toàn giác ngộ, và câu chuyện đó lúc nào cũng khi nào cho thấy đức tính của tôi trong Sunday là làm thích thú.

Một ngày kia, Jinadasa nói ông muốn cúng dường cho tôi trong lần thuyết pháp sau. Ông ta hỏi tôi cần gì, nhưng tôi không trả lời, vì biết ông quá nghèo và thiếu không có khả năng mua quà.

Đuổi về, vào ngày rằm tiếp, ông cúng dường cho tôi một cây đèn pin. Cả hai chúng tôi đều không biết món quà đó sẽ đem lại tai hại gì.

Một buổi chiều kia, tôi thuyết pháp trong một phòng họp để trình bày ý kiến. Đó là một dịp quan trọng; tất cả các thầy, các bôn họ của tôi và hàng trăm người sẽ lắng nghe tôi nói chuyện. Bài thuyết pháp của tôi là về kinh Culamalunkya trong Trung Bộ kinh (Majjhima Nikaya), khuyến khích

ta không nên bỏ phí thời gian vào những việc vô ích. Các Phật đấng răn dạy chúng ta cần phải cố gắng nỗ lực tu tập để giải thoát khỏi khổ đau.

Khi bài giảng của tôi chấm dứt và mọi người đã hiểu xong các câu hỏi, thì đã gần trưa. Tôi đã trả chuyện xe buýt cuối cùng nên tôi phải đi bộ gần một cây số bên sông nơi tôi hy vọng Jinadasa sẽ gặp tôi sang bên kia.

Con sông, tràn đầy nước, chảy xiết. Đã gần hai giờ sáng và tôi biết Jinadasa đang ngủ. Tôi bắt đầu gõ cửa mà ông đã thức tỉnh, quét ánh sáng qua bên kia, và réo gọi tên ông thật lớn. Sau một lúc, ông xuất hiện bên kia và xuống dòng. Ông rất bối rối vì bối cảnh thối nát.

Khi ông chèo qua, tôi nghe tiếng nói. Ông ngạc nhiên, nhận ra tôi là ai. Rõ ràng là vì ông nghĩ tôi đã đi để hành hương không đúng với cách mà chúng ta sống, như trò chuyện, đùa giỡn với người khác hay những việc vô nghĩa. Ông không biết rằng tôi vẫn thuyết pháp.

Tôi bắt đầu xin lỗi vì đã làm phiền ông giờ đây. Tôi cố gắng giải thích tại sao tôi bắt đầu như vậy, nhưng ông không muốn nghe. Ông tiếp tục tuôn ra những lời chỉ trích, bắt đầu với tôi về các thói quen mà tôi chỉ bao giờ tự nghĩ mình có thể làm. Rồi ông trao cho tôi cái dũa, bảo tôi phải chèo.

Trước đó, tôi chỉ bao giờ chèo thuyền, và chắc chắn là không bao giờ trên một dòng nước chảy xiết như thế này. Tôi bắt đầu xuống nước và ngay khi tôi làm thế, chiếc thuyền bắt đầu nghiêng trĩu nặng. Tôi thất sảm hãi. Tất cả những kinh nghiệm suốt đời vì nước chỉ nở rộ trước mắt tôi.

Jinadasa giật cây dũa từ tay tôi, lái thuyền ra thêm một quãng nữa khác. Ông bắt đầu chèo dòng nước ngược xuống xiết chảy, cẩn thận, chỉ đi một quãng ngắn. Thuyền chuyển động chậm rãi một phút, nhưng êm dịu một giây hai tiếng. Đó là hai tiếng ngắn ngủi dài nhất trong cuộc đời tôi.

Sáng hôm sau, sau một đêm chấp niệm nghiêm túc, tôi thức dậy và quay trở lại ngôi chùa tôi đang tìm trú, vì không thể chịu đựng cơn mưa chèo qua sông với Jinadasa.

Sau khi hết thức ăn, tôi sắp xếp vài quyển sách vào tay nỉ, rời đi ra bờ sông. Jinadasa đang ở đó, vẻ mặt không vui.

“Tại sao tay nỉ của thầy hôm nay to thế?” ông hỏi tôi.

“Vì tôi không trả về chùa nữa,” tôi trả lời.

Ông hỏi tôi sao nên tôi cho ông biết tình hình của mình, nhưng ông nói rằng ông không muốn nghe. Tôi kể rằng tôi đã suýt bị chết vài lần, nhưng tôi rất sợ hãi và sợ trách nhiệm của ông chỉ làm tôi thêm đau khổ.

Jinadasa chắc hẳn ngạc nhiên. Vì tôi mất xác nhưng ông vẫn nài tôi đi, nhưng ông đã quy thuận.

“Tôi muốn tìm một nơi mà tôi không phải qua sông mỗi ngày,” tôi trả lời.

Và nhất định, một lần nữa tôi lại phải tìm một nơi ẩn trú.

Cuối cùng, tôi tìm ra một ngôi chùa cách trung tâm khoảng mười sáu cây số. Vì sao ông biết tôi có thể ở trong cái thối rữa trong khuôn viên chùa. Cái thối này đã không có ai nhìn thấy từ nay, hoàn toàn trống rỗng, trung tâm của nó chỉ là một đống rêu mốc! Đôi khi, mùi hôi thối quá hôi hám thì tôi không thể chịu được.

Buổi trưa, sau khi hết thức ăn, tôi lên xe buýt đi về nhà. Sau giờ học, khi tôi chuẩn bị về nhà, đó là giờ cao điểm, xe buýt luôn đầy - không có chỗ cho những người không thể trả tiền như tôi - tôi đành phải đi bộ về nhà mỗi ngày.

Khi tôi về nhà thì đã chín hay chín giờ rồi, nên phải đi ngủ. Ông có một thói quen nhân tên là Albert. Ông là người Sinhala, nhưng người bạn của ông là người Anh. Một người Sinhala nói cho con cái họ rằng tên người Anh hay Hà Lan hay Bồ Đào Nha, tu thuộc vào vị trí gia đình nào đang chi phối Ceylon vào lúc đó, vì họ hy vọng rằng họ sẽ giúp con cái họ đi vào các trường Thiên Chúa giáo nơi tốt nghiệp, hay một công việc làm việc chính phủ sau này khi chúng lớn lên.

Albert là một người rất dễ tính. Một hôm, khi nhìn thấy trên tay tôi một chiếc cốc sáng lên, ông sai người giúp việc mang qua cho tôi một tách trà nóng. Dù đó chỉ là trà, nhưng sau một ngày dài, một tách trà nóng bao giờ cũng ngon tuy vậy. Sau đó tôi sẽ học cho tôi ăn uống.

Albert rất quan tâm đến tôi và nói chuyện với tôi xong rồi đi. Ông nghĩ sẽ mang thức ăn cho tôi mỗi ngày, nhưng tôi không phải đi học. Và ông cũng nghĩ về việc trả tiền sách vở cho tôi. Tôi không muốn phải đi vào ông, nhưng là một người không có các kỹ năng, tôi đành phải

nhân bản thể sẽ giúp nào mà các cơ sở có lòng cứng đờng. Vì thế tôi chấp nhận lòng tốt của ông.

Rồi thay, sự hỗ trợ của Albert dần dần đem đến lợi ích cho tôi. Khoảng một tháng sau khi tôi đến vào tháng, Albert bỏ vị trí từ chức của ông nghĩ tôi là một thành viên xuất sắc, có khả năng gì đó Pháp tuy vậy.

Vị trí từ chức trên nên nghỉ ngơi, cho rằng tôi đang toán tính chi mô tả ngôi chùa của ông, vì thế ông sai một trong những người bạn của tôi phớt lờ khi chùa. Ông bắt tôi phớt lờ ngay lập tức, nên tôi không có cơ hội nào chào hỏi Albert. Tôi cố gắng sống một cách bình thường trong ngôi chùa gần đó, nhưng rồi một tháng sau, tôi cũng bắt đầu rời khỏi đó. Tôi đoán là vậy, lòng nghi ngờ của tôi hoàn toàn bị nhai kỹ lưỡng.

May mắn thay, tôi tìm được một niềm vui, một cái gì đó giống như Kandy-Colombo, cách trạm xe buýt một vài dặm. Cái gì đó này là một phần giàu có của chúng tôi cho các thành viên trẻ. Đó là tuy vậy. Tôi bắt đầu thuyết pháp trực tiếp, và người dân địa phương đã nghe pháp. Họ có vẻ rất hoan hỉ vì sự có mặt của tôi, họ còn tặng tôi một cái túi gas của họ.

Buồn thay, tôi cũng chia sẻ nỗi buồn. Vị trí, người đã coi tôi là một mối đe dọa, lại lại phá vỡ tôi nữa. Lần này, ông bố là có hai thành viên khác nhau trong thành phố, nên không thể phân chia cho cả ba người. Vì thế, ông lại tôi phớt lờ. Vị trí của các chùa địa phương rất có quy định về việc này.

Tôi không thể từ chối. 'Gia đình tôi rất nghèo,' tôi nói, 'tôi không có mối liên hệ gì với thành phố này. Tôi chỉ còn sáu tháng nữa là ra ngoài - hãy tôi đây cho bạn lúc đó.'

Đuổi, ông vẫn như một quy tắc tôi ra đi.

Tôi mang sách về từ Yakkala, nơi tôi đã tiếp cận những người bạn của mình. Lần này, tôi cũng có một phòng trong chùa.

Buồn thay, ngay với sự tiếp cận những người khác, tất cả những gì về vị trí này tìm kiếm chính là nỗi buồn về nỗi buồn tâm trí tôi. "Tại sao tôi phải cố gắng như thế này?" tôi hỏi. "Các môn học này không có ích lợi gì về mặt vật chất. Tại sao tôi phải quá vất vả để kiếm được cái gì đó?"

Tôi cũng rất tiếc vì việc phải luôn vay mượn tiền bạc. Không có khả năng mua sách, tôi phải mượn các sinh viên khác mượn sách của họ. Rồi tôi phải trả sách trả lại khi nào xong. Khi cần một vài rupee để sống thì,

tôi cũng phải viết những bài này, bạn sẽ hay nghe tôi nói, xin vài đồng xu. Thế thì là xu hướng, tôi ghét phải xin những người mà chính họ cũng không đồng ý.

Vì thế vào năm 1952, tôi quy tụ những bạn bè, mở một trường còn kỳ thi cuối khóa là tôi hoàn tất chương trình. Lệ phí thi là một trăm rupee, không bằng ô-rí, những người không có tiền. Thế là tôi bắt đầu.

---o0o---

Chương 9: Thầy truyền giáo

Đầu tiên tôi bắt đầu trường kỳ thi cuối khóa, những người niềm hoài vọng tu từ là những người Pháp bằng tiếng Anh vẫn còn mạnh mẽ trong tôi. Tôi không biết chính xác niềm hoài vọng này bắt nguồn từ đâu. Có thể một phần vì tiếng Anh cũng như những người Sinhala thu được giai cấp thượng lưu sống, một nét văn hóa còn sót lại từ thời thuộc địa Anh. Tôi đã từng đi đến Ấn Độ hay Malaysia, nơi tiếng Anh cũng sống rất mạnh mẽ. Nhưng may mắn thay, tôi còn có thể thuyết pháp bằng tiếng Anh quốc, người người đi sứ thần của Anh quê hương tôi.

Chương bao giờ trong những giờ cảm hứng huy hoàng, tôi đã có thể đứng trên ra vì tôi sống ở đất đai của M; vì vì mình thì từ năm Ceylon như tôi, đó là niềm tin cùng của trái đất.

Sau trường Phở, tôi tiếp tục theo học các lớp tiếng Anh bắt đầu từ nào tôi biết, đôi khi phải đi hàng bao nhiêu cây số để đến trường trong một lớp học dạy tiếng Anh. Những người chỉ nhìn vào số lượng học sinh thì nghĩ khó hiểu về họ.

"Này ông thầy truyền giáo," họ nói, "tại sao thầy lại quy tụ những người Anh? Chúng có các sứ mệnh sống tiếng Anh, mà chúng rất ít. Thầy cần một ngôi chùa, và làm tròn bổn phận của mình đó."

"Những ngày nào đó, tôi có thể rời ra ngoài," tôi chỉ nói. "Tôi cần phải biết tiếng Anh."

Hãy nhìn tôi giờ này nhé.

Tôi đã gửi người Pháp cho các lớp học tu nghiệp tại chùa Yakkala trong khoảng thời gian ít nhất là sáu năm. Có hàng trăm các lớp học tu nghiệp (Sunday School) ở Ceylon và trường tôi dạy khá nhiều. Vào mỗi chiều có khoảng hai trăm học sinh, phần lớn là nam giới tám tuổi. Tôi gửi họ về nhà để học: ghi chép, bắt chước, đọc Phở, và lịch sử Phở giáo. Vào thời đó,

các trường không hành động hành thiện, mà tôi cũng không khuyến khích họ đi vào thí nghiệm. Ngày nay thì thí nghiệm là môn dạy chủ yếu của tôi.

May mắn thay, vị trụ trì chùa Yakkala, vị sư Candajoti Thera, rất ngạc nhiên vì học tiếng Anh của tôi. Ông cũng ngạc nhiên là một ngôn ngữ quan trọng của người Sinh và tất cả các cuộc thí nghiệm trung học Sinh tiếng Anh.

Đến đây vì sự giúp đỡ của vị sư Candajoti, anh tôi và tôi mới bắt đầu dạy tiếng Anh nhỏ cho chùa tại Kebilitigoda. Anh tôi giỏi tiếng Anh, vì đã sang và học hành Colombo mấy năm, nên anh làm giám đốc chính. Chúng tôi mới bắt đầu và bắt đầu một chùa khác. Rồi chúng tôi cũng bắt đầu lên, và bắt đầu, hai mươi hai sinh viên! Tuy nhiên, phần ông là con cái của nhà nghèo, nên họ không có tiền đóng học phí. Đó là vấn đề, vì anh tôi cũng có lòng tự tin. Còn tôi, dĩ nhiên cũng chưa học.

Vị sư Candajoti ra số quyên góp cho chúng tôi một ngàn rupee (khoảng ba trăm đô la), thì cũng vậy, trường cũng tiếp tục hoạt động trong ba tháng. Cuối thời gian đó, mới đầu chúng tôi đã gặp khó khăn, cũng không có ai giúp thêm kinh phí. Vì thế chúng tôi đành miễn cưỡng đóng cửa trường, trở lại bàn ghế mà chúng tôi đã mua.

Và rồi tôi trở lại cuộc sống lang thang của mình. Tôi tiếp tục sống ở chùa Yakkala thêm một thời gian nữa, nơi vị sư Candajoti và vị tôi như anh em. Vì ông ngạc nhiên vì học tiếng Anh của tôi, nên ông đã tặng một chiếc phích nước cho tôi khi tôi không có thì giờ đi học. (Lúc đó, tôi đang học trường tiếng Anh Vidyasekhara, một trường học bắt đầu từ trường Vidyasekhara Pirivena, nơi tôi đã học vào cuối những năm 1940 lúc còn là một sadi. Vì không có tiền xe buýt gì cả trường tiếng Anh và chùa Yakkala, tôi đi vào một chùa làng Udugampola. Đó là vấn đề về hai chiếc xe buýt trên đường.)

Năm 1953, vào một buổi tối, tôi nhận thêm các bạn học Vidyasekhara Pirivena. Đó, một tối kia, khi tôi đang vá quần của mình trong ký túc xá của trường, tôi thoáng nghe hai vị tu sĩ nói chuyện ngoài hành lang. Họ đang bàn về một tin tức mà họ đã nhận được từ trường Truyền giáo Phật giáo (Buddhist Missionary School) Colombo. Trường này đang tìm một sinh viên mới có nhu cầu tri nhận thay thế một tu sĩ đã bỏ đi vì phạm tội.

Trường Truyền giáo Phật giáo, đúng như tên gọi của nó, huấn luyện các tăng sinh Phật giáo ở ngoài thụy t Pháp. Tất cả các bắt đầu từ một tổ chức thí nghiệm Phật giáo gọi là Mahabodhi, được thành lập từ những năm cuối 1800.

Trên đó có khá nhiều và rất nhiều. Cũng có một số ít sinh viên từ các quốc gia khác - Việt Nam, Campuchia, Thái Lan và Trung Hoa - nhưng chỉ có một từ tiếng Sinhala ở Ceylon. Vì hiểu từ ngữ của ông, vì có Paravahera Vajiranana, học phẩm từ nền giáo dục Tây phương như một người về lý thuyết cũng như vì có thể hành thiền Phật giáo. Ông là người mà tôi rất ngưỡng mộ.

Ý tưởng về một ngôi trường truyền giáo có thể là vì những người bị từ chối Phật giáo như là một tôn giáo thì giác thì có vài lòng. Tuy nhiên chính của Phật là một nhà truyền giáo. Trong vòng ba tháng sau khi từ chối giáo sư, của Phật đã có sáu mươi người quanh ngài. Sau đó Ngài yêu cầu các vị từ chối này về sáu mươi người khác nhau "truyền bá hết gì của Pháp."

Của Phật khuyên từ chối Ngài rất rõ ràng rằng ông không nên cố gắng thay đổi tôn giáo của ai. Ngài dạy học nên thuyết Pháp và rồi những ai chỉ có "chút ít bị từ chối trong một," những người sẵn sàng muốn nghe, sẵn lòng. Lý do này làm nên một khía cạnh quan trọng trong Phật giáo. Trong một bài giảng của ngài, của Phật đã dạy rằng Pháp như là những gì của ngài. Ngài dạy rằng "nếu bạn thấy," thì ta có thể phán đoán cho mình. Nói như thế Ngài không có ý nói về một lý tưởng mà từ chối nào đó nghe thuyết pháp. Ngài chỉ có ý rằng Pháp luôn có một chỗ cho bất cứ người trí nào muốn tìm kiếm quán sát nó.

Của Phật muốn chúng ta áp dụng những lý do của Ngài vào chính cuộc sống của bản thân để xem chúng có hợp lý không. Bằng cách đó, chúng ta có thể chấp nhận giáo lý của của Phật dựa trên kinh nghiệm bản thân hơn là một lòng tin mù quáng. Diệt Phật pháp như là một người bị từ chối có thể 'nếu thấy' là dựa trên trí tuệ, rằng sự chuyển hóa chỉ có thể xảy ra bên trong ta và không thể ép buộc một cá nhân nào từ bên ngoài.

Khi nghe hai vị sư bàn luận về trường truyền giáo, dù tôi chỉ bao giờ chỉ nghe về một người như thế, nhưng tôi lập tức bị từ chối đó là vì hiểu mà tôi muốn làm. Tôi bắt đầu suy nghĩ và chuyển nhanh ra hành lang.

"Thầy ơi," tôi bắt đầu chuyển về một trong hai vị sư, "tôi muốn nộp đơn vào trường đó."

"Khi nào thầy có thể gặp giám đốc trường?" ông hỏi.

"Ngày mai," tôi trả lời.

Ngày hôm sau, tôi trình bày với giám đốc, vì có Paravahera Vajiranana Nayaka Mahathera, thì sao trường truyền giáo là môi trường rất thích hợp cho tôi. Tôi nghĩ về sự quy tụ của tôi (mà có thể ông là sự liên lạc của

tôi!), ông chấp thu nhận cho tôi vào học. Rồi thay, các sinh viên đã qua gần phân nửa chương trình học ba năm học, vì thế tôi phải vượt qua thi theo cho kịp, nhất là gì tôi không còn trí nhớ nữa. “Đây là một chương trình học khó,” thầy của Vajiranana cảnh báo tôi, “thầy sẽ vào học tiếp. Thầy sẽ phải cố gắng vượt qua thi nếu mong theo kịp.”

Ông nhắc nhở tôi về lý Phật dạy về tinh tấn: “Pháp này chỉ dành cho những ai luôn tinh tấn, không phải cho người lười biếng.” Về giám hộ nói rằng nếu tôi muốn trở thành một thầy truyền giáo tốt, tôi cần phải tuân thủ các hành tinh tấn ba-la-mật (*parami-perfection*). Đó là cách mà các Phật tử giác ngộ, và giám hộ như một minh chứng, bằng cách hoàn thiện tinh tấn của mình cao nhất.

Vì thế tôi đem mình vào việc học và chờ bao lâu đã có thể theo kịp các bạn cùng môn. Cũng may, chương trình học tiếp theo truyền giáo tốt nhất về việc chương trình tiếp theo Phật học mà tôi học tiếp đây. Chúng tôi học tiếng Pali và triết lý Phật giáo, cũng như là tiếng Anh, Anh và Tamil. Sau khi ra trường, phần lớn sinh viên cũng đi sứ mệnh, vì thế chúng có những lập luận mà dĩ chúng tôi những người chưa biết khi sứ mệnh đó. Chúng tôi học về lịch sử, nền giáo và Gia-nai giáo.

Vì trường truyền giáo có nhiều tu sĩ nên tất cả các quốc gia ông Nam Á khác, tôi cũng thành lập Hội Sinh Viên Phật Giáo Quốc Tế. Tất cả mọi hoạt động của Hội đều dựa trên nguyên tắc Anh chúng tôi có thể thực hành ngôn ngữ này.

Tôi có một kiến thức đáng nhớ trong thời gian trường truyền giáo. Hunupitiya, ngoại ô Colombo cách trường tôi khoảng ba bốn cây số, có một ngôi nhà dành cho các nghi lễ tôn giáo của Phật giáo. Mỗi hai tuần, vào ngày trường nghỉ và mừng một, chúng tôi đến ngôi nhà đó để tụng kinh và lễ, 227 giờ sáng. Nghi lễ này có thể thực hiện bất cứ thánh địa nào (nếu dành riêng cho mục đích đó) và chỉ các tu sĩ mới được đi; không có các sinh viên nào được đi.

Riêng ngôi nhà này đã mất từ nhiều năm trước, giờ đã mất hẳn, nằm trên những cây cacti bằng gỗ. Từng bằng gỗ chỉ xây nên phần nửa vì những cây xà cừ che chắn che nắng mát mái ngói. Nhưng cần biết, các tu sĩ chúng tôi phải đi qua một cái cầu bằng gỗ. Sau khi vào ngôi nhà, chúng tôi tháo cây cầu ra, một hành động biểu tượng cho việc tách biệt khỏi thế gian tục tĩu của chúng tôi.

Một lần khi chúng tôi đến ngôi nhà đó, vài cây bé đã cảnh báo về việc chúng tôi rơm rớm trên sàn nhà đã bị tháo dỡ, có lẽ dùng để lau. “Không an toàn đâu,” chúng tôi nói. “Hãy đi lên đó.”

“Ng ý n chúng,” m t v lão t ng ra l nh. “C ti p b c.”

T t c chúng tôi u nghe theo l nh c a ông, và ti p t c b c hàng m t trong im l ng.

Khi ã vào trong nhà l , chúng tôi bi t l tr nói úng: phân n a g trên sàn nhà ã b tháo d . Th ng chúng tôi ng i chia u trên m t sàn s c n ng c a chúng tôi không làm nh h ng n m y cây c t ch ng nhà ã y u. Gi v i phân n a m t sàn ã bi n m t, t t c m i b n ng i chúng tôi ành ph i ng i v m t phía.

Chúng tôi b t u c t ng và gi a bu i l , chúng tôi b ng nghe m t ti ng ng l n. Vài t ng s nhìn quanh lo ng i, nh ng v lão t ng c càng l n h n n a, b t bu c chúng tôi ph i theo g ng ông.

Thình lình t t c m i th phía d i chúng tôi s p xu ng. Th t là h n lo n. Ng i nh y xu ng h . Ng i té nhào xu ng n c vì sàn nhà s p. Tôi c g ng bám vào phân n a t ng và cu i cùng thì là phân n a trong nhà và phân n a ngoài tr i khi mái nhà xu ng ng i tôi. L p t c các v c s xúm n c u chúng tôi. M t s nh y xu ng h , l i v phía chúng tôi kéo chúng tôi vào b . Vài v t ng b gãy x ng; m t m nh x ng s n c a tôi, n i g n tím, b to t ra kh i l ng ng c. Lúc u không au m y, nh ng khi ã hoàn h n, tôi b t u c m th y au bu t ng c. K di u thay, v lão t ng, ng i ã bu c chúng tôi ph i b c t i, l i không b m t v t x c nào. Mái nhà ã r i xu ng ngay ch ông ng i, và do ó b o v ông an toàn.

Còn chúng tôi thì c ch n b nh vi n. Ngày hôm sau tôi c ra vi n, ng c qu n y b ng. Tôi v n còn au hàng tu n sau ó.

Cu i n m 1954, là lúc ph i thi ra tr ng. D u nh p h c tr , tôi ã h c hành r t c g ng theo k p ch ng trình. Và s n l c ó ã c n bù, các bài thi c a tôi u c i m cao.

R i thì c ng n lúc chúng tôi c nh n trách v n c ngoài. Ph t s truy n giáo c a chúng tôi s p b t u. S giám hi u g i tôi n và b o ông mu n g i tôi n Tanzania.

"Tanzania!" tôi th ng th t. "Phi Châu! Cách ây n a vòng trái t." Tôi không ch c r ng tôi ã s n sàng n ó. Tôi ch m i hai m i b y tu i và ch a bao gi b c chân ra kh i Ceylon.

"Tôi mu n c g n nhà," tôi th a v i ông. " n có c không ?"

Ông g t u.

Tôi thức s s n sàng i b t c n i nào. Gi tôi ã ra tr ng, tôi bi t mình không th tr l i ngôi chùa n i tôi ã c th gi i. Vì s tranh ch p gi a s ph tôi và i c Sumanatissa, tôi bi tr ng khi s ph tôi m t i, i c Sumanatissa s ch ng i vì c tôi k t c qu n lý ngôi chùa ó.

Tôi không có ch nào i, và trong tôi v n còn ni m c mu n cháy b ng, là m t ngày nào ó c gi ng Pháp b ng ti ng Anh, m t n i nào ó. th c hi n c i u ó, tôi ph i r i b quê h ng x s n i tôi ã sinh ra v à l n lên. n , là m t kh i u t t c ng nh b t c n i nào khác, và d nhiên là h p d n h n Phi Châu!

Cu c hành trình t Ceylon t i n ch kho ng b n m i m y cây s v t qua bi n n D ng, ch là m t chuy n phà ng n ng i, nh ng i v i tôi ó là m t cu c hành trình v i, và là m t kh i u cho nh ng cu c hành trình i kh p th gi i c a tôi.

---o0o---

Ch ng 10: V t i d ng n n

Chu n b r i Ceylon l n u tiên trong cu c i, tôi c n hai th : ti n và m t h chi u.

Nh ng vì tôi là m t tu s , không có ch ng t thu nh p, tôi không th l y c h chi u. Ch nh ng ng i có óng thu thu nh p m i có th n p n xin h chi u cho b n thân h , vì th v giám hi u tr ng truy n giáo ã nh m t ân nhân giàu có, m t ng i ã óng r t nhi u ti n thu , làm ng i b o tr cho tôi. Ông ã ký nh ng gi y t c n thi t và tôi c ng i ta c p cho m t th g i là công v n kh n. Nh th là tôi c quy n n và i kh i Ceylon trong th i h n hai n m.

Tôi bi tr ng h i Mahabodhi s tr ti n tàu cho tôi n n . D u ó là i u tuy t v i, nh ng tôi c m th y tôi c ng c n có m t ít ti n d n túi khi t chân n n , có th c t l p chút nh. Nh ng m t nhà s mà i xin ti n ng i khác thì không ti n l m, vì th tôi n chùa Yakkala, n i tôi ã s ng m t th i gian, h i ý ki n i c Candajoti.

“Gune !” ông nói, g i tôi m t cách thân m t, “ ng kh v y. S là tu s . M i ng i u bi t s không có ti n, và m i ng i bi t s ph i c n m t ít ti n trong chuy n i này.”

Ông giúp tôi vi t m t lá th nói v chuy n i c a tôi và nh ng th tôi c n cho chuy n i ó. Ông cho in ra b y tr m t copy. Tôi phân phát m t ít t n tay ng i nh n và g i ph n l n qua ng b u i n.

Khi tất cả mọi thứ đã kết thúc, tôi nhận được hai trăm rupee (khoảng sáu mươi lăm đô la), là một khoản tiền khá vào thời điểm đó. Mẹ tôi cũng cho một trăm rupee và cha tôi cho năm. Em gái tôi cho hai rupee, và số phần của tôi gần một trăm rupee tiền cứng đáng mà ông nhận được các cơ sở chùa ông.

Cuộc hành trình của tôi bắt đầu ga xe lửa Colombo vào ngày 15 tháng 1 năm 1955. Không có ai trong gia đình tôi có thể đi kèm trên chuyến đầu tiên của tôi, nhưng số phần của tôi đã cùng đi xe lửa với tôi tới Colombo. Sau khi chúng tôi chia tay, tôi chỉ còn lại một mình. Tuy nhiên tôi không sợ hãi; tôi rất phấn khích bước vào một giai đoạn mới của cuộc đời mình. Cuộc đi cùng thì chân trĩu nặng trĩu trên chuyến đầu tiên của tôi. Dù lúc này tôi khó có thể đứng vững trên đường, nhưng năm bảy mươi lăm tuổi tôi đã đi hàng pháp trên sáu dặm.

Colombo tôi gặp các nhà sư đang đi hành lễ một nhóm Phật tử hành hương trên đường các thánh địa Phật giáo ở Ấn Độ. Chúng tôi đi xe lửa qua miền nam thành phố gọi là Talaimanner, phía bắc của Ceylon. Đó chúng tôi lên một chiếc phà vượt qua hai dặm biển.

Đó là lần đầu tiên tôi trên một chiếc tàu lớn như vậy, và không kinh nghiệm suốt chuyến đi của tôi, tôi không hề cảm thấy lo sợ chút nào. Chuyến đi này đáng ngạc nhiên sau là chúng tôi đã nhận được.

Tàu biển Mandapam, một thành phố ở phía Nam của quần đảo. Ở phần phía bắc của nó là ngôi nhà của một sư; không cây cối, chỉ có một khu vực và ánh nắng mặt trời rực rỡ. Chúng tôi lên một chuyến xe lửa khác.

Trên xe lửa, chúng tôi được nhìn thấy gói bằng lá chuối. Khi chúng tôi vượt qua lá chuối ra ngoài cửa sổ, một số người nhìn thấy như lá chuối đi lên và liếm láp như những hạt ngọc quý cùng. Dù những ngôi làng như Ceylon chắc chắn là không giàu có, nhưng đây rõ ràng là sự nghèo khổ còn tồi tệ hơn nhiều so với những gì tôi đã nghĩ.

Trưa hôm sau chúng tôi đến Madras, trên bãi biển phía đông của nó. Chuyến hành trình của tôi dường như là những người đi tu và làm quen với những trải nghiệm của ngôi chùa mà tôi đã ghé thăm.

Đi đến Batuvangala Jinananda, hỗ trợ của hội Mahabodhi ở Madras, ông tôi tới nhà ga xe lửa. Ông và các vị sư theo đoàn nói tiếng Tamil, nên chúng tôi có thể trao đổi chuyến đi. Tôi trải qua một tuần lễ thanh tịnh, vì ghé thăm các chùa và hội Thiền Học, một trung tâm nghiên cứu chuyên nghiệp về các tôn giáo khác nhau.

Chẳng bao lâu thì đã đến lúc tôi phải đi Sanchi, là nhiệm vụ đầu tiên của tôi. Sanchi thuộc bang Bhopal của Ấn Độ, gần Delhi và Bombay. Bởi giờ thì hôm đó, tôi lên xe lửa Madras. Hai ngày tiếp theo, sau khi xuyên qua gần nửa lãnh thổ Ấn Độ, tôi đến Sanchi. Tôi là người duy nhất xuống ga xe lửa để chờ một chiếc taxi trên bến. Nhà ga không có thang lên xuống; tôi buộc xuống xe lửa và chân tôi chạm ngay xuống đất như một người rớt. Khi xe lửa chuyển bánh đi tiếp, một người đàn ông mặc quần áo giản dị nhìn tôi. Tôi đoán ông là trưởng trạm xe lửa.

Đến gần nửa đêm, tôi đi ngủ và tỉnh dậy là lần đầu tiên kể từ khi rời Ceylon, tôi mới cảm thấy sự thoải mái. Tôi không hiểu gì về chuyến đi này. Mọi người nói rằng đây là lần đầu tiên tôi được nghe một người bản xứ nói tiếng Anh.

Cùng lúc, một người Anh lồm bồm, mà tôi hy vọng là trưởng trạm xe lửa có thể hiểu, tôi nói với ông là tôi đến thăm ngôi chùa tại Sanchi. Hình như ông hiểu khi nói tiếng Anh với tôi. Ông nói là chùa cách đây khoảng hai mươi cây số, trên núi cao, và chỉ có thể đi bằng ngựa. Ông khuyên tôi nên qua đêm ở nhà ga rồi ngày mai hãy đi.

Hôm đó, lần đầu tiên trong cuộc đời tôi cảm thấy thoải mái, một cảm giác hoàn toàn mới mẻ đối với một thanh niên đã sống gần nửa thế kỷ trong khí hậu nhiệt đới của Ceylon. Nhưng tháng giêng miền trung Ấn Độ thì thật khó có thể coi là nhiệt đới.

Chẳng may là các vụ cướp ở Madras đã tấn công tôi một chiếc túi đựng tiền. Tôi rơi nó ra trên sàn nhà ga xe lửa, rồi chui vào bên trong. Sự kiện này không đáng chú ý chút nào, phần vì lo sợ những người khác cũng rơi tiền.

Sáng hôm sau, ông trưởng trạm sai người khiêng hành lý theo tôi lên chùa. Chúng tôi đi bộ khoảng một dặm rồi bắt đầu leo lên một dãy núi. Cuộc leo núi kéo dài khoảng ba mươi phút, men theo một lối mòn quanh co. Trên đường đi, chúng tôi bước vào khuôn viên chùa, nơi bao bọc bởi những bức tường bằng đá cao. Dưới theo tường, những cây tre hay cây chuối là những cây cột xi măng với những cái đĩa tròn phía trên cột, trông giống như những cây dù, giống như những cây dù trang trí trên các chùa.

Bên trong khuôn viên là một kho hang sâu làm bằng đá mô-sai (mosaic) rất đẹp. Một cửa thang gỗ dẫn lên chánh điện, nơi có hai phòng nhỏ cạnh nhau. Chánh điện mát mẻ, không có cửa sổ, với một sàn nhà láng bóng. Cùng phòng, tôi có thể thấy một bàn thờ với một tượng Phật uy nghiêm trong một khung cửa. Tượng được làm bằng đá trắng, và chỉ có một dãy đèn cầy treo trên đầu bàn thờ.

Tôi tràn ngập hân hoan có một ngày; cuộc đời tôi với cách là một vị thầy truyền giáo Phật giáo bắt đầu từ năm 1911. Ngôi chùa Sanchi này có một ngày đẹp trời, khi vua Ashoka, một vị Phật tử thuở trước, đã gửi con trai và con gái ông, Mahinda và Sanghamitta, làm những người truyền giáo mang Phật pháp đến Ceylon. Trước khi khởi hành, Mahinda và Sanghamitta đã nhận một vị nữ thân mẫu của họ, đang sống trong một ngôi đền Phật giáo trong khuôn viên chùa Sanchi.

Vào cuối thế kỷ thứ mười chín, những nhà khảo cổ học người Anh đã khai quật khu vực Sanchi, khám phá ra một stupa trang hoàng đẹp, dùng chứa hài cốt người chết, phần lớn là các mảnh xương tìm thấy sau khi hỏa táng. Các câu ghi khắc trên tháp cho biết đây là xá lợi của Phật và hai trong số những người đệ tử của Ngài, Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên. Năm 1941, những xá lợi này bị chính phủ Anh chiếm đoạt, đem trưng bày ở bảo tàng Victoria và Albert Luân Đôn. Khi người Anh quy tụ lại các báu vật này, các xá lợi được chia ra làm ba phần. Một phần đưa về Ceylon Burma, một phần đưa về Vidyalankara Pirivena, trung tâm Phật học mà tôi từng theo học, và phần ba cuối cùng gửi về Sanchi. Ở đây Mahabodhi đã xây thêm một ngôi chùa thờ những xá lợi linh thiêng này. Ngôi chùa sau đó hoàn thành năm 1954, và được Hedigalle Pannatissa chọn làm trụ trì ở đây.

Một năm sau, năm 1955, tôi được gửi đi phụng dưỡng tại Pannatissa Sanchi. Tôi làm thủ ký cho ông suốt năm đó, và không thể mong đợi một công việc nào tốt hơn thế.

---o0o---

Chương 11: Xá Lợi Phất và Cuộc Đời Lai Lạt Ma

Ngay khi về thăm chùa Sanchi, tôi sang thăm một vị sư tại Pannatissa. Tôi có một nhu cầu quà trao lại cho vị sư, những thứ tôi đã mang giúp cho thân mẫu của vị sư tại Ceylon và của Hai Mahabodhi. Tôi cũng trình cho vị sư xem một bản máy đánh chữ do Phật tử cúng dường, tôi có thể thấy chữ in bên phần giấy ký, đánh máy những lá thư bằng tiếng Anh cho ông.

Vị sư Pannatissa rất vui lòng, những gì ông không biết là tiếng Anh của tôi còn rất yếu và tôi chưa từng sử dụng bản máy chữ bao giờ.

Cuộc sống Sanchi rất đơn giản và bình lặng. Rất ít người có thể leo lên vị trí của chùa, vì trên núi yên tĩnh hơn nhiều so với những ngôi chùa làng mà tôi biết. Vì không có dân làng sống gần bên cúng dường cho phật, mà

h i Mahabodhi ph i m n ng i n u n cho i c Pannatissa và tôi. Còn có thêm m t ng i àn ông lo chuy n d n d p và xách n c cho chúng tôi. Anh ta ph i gánh t ng thùng n c t gi ng d i chân i.

Vì có các xá l i thiêng liêng c th Sanchi, chính quy n n ã c nhân viên c nh sát ph i túc tr c ó su t hai m i b n gi m t ngày. Nh ng ng i b o v này làm vi c theo ca, tám ti ng m t ngày. H th ng ng i ó trò chuy n v i khách vãng lai hay v i chúng tôi, khi chúng tôi có th i gian.

Vào mùa hè, Sanchi r t nóng, nóng n n i b n g n nh không th th c. Trong ngày nhi t có th lên n 120 Fahrenheit (ND: Kho ng b ng 48 Celsius). Trong ngày, tôi th ng t a thi n trong n i i n, ng i trên m t chi c kh n lông t tr i trên n n xi m ng. n b y gi chi u, tôi mang gi ng ng ra ngoài tr i. ó là m t khung gi ng b ng g n s , gi là *carpai*(ngh a en, là 'b n chân') v i nh ng s i dây an trên m t gi ng và m t t m chi u m ng tr i lên trên.

Tôi ng i hàng gi trên gi ng, to thi n trong không khí bu i chi u mát m , th c t p chánh ni m h i th , nh tôi v n th ng làm tr c khi ng k t khi tôi b t u tu thị n. R i tôi ng i ngoài tr i nh th .

i n th các xá l i phía d i chánh i n. M t cánh c a nh v phía bên ph i c a bàn th d n xu ng nh ng c u thang h p, n m t c n phòng t i, kho ng ba th c vuông. M t bên t ng có m t c a d n n m t phòng khác nh h n, gi ng nh m t ngôi m . M t t l n b ng thi c gi a phòng. T có ba ng n, m i ng n ng m t b xá l i. Bên trong các ng n t c lót v i tr ng và có nh ng n p b ng ki ng. Bên trong, các xá l i c ng trong nh ng chi c tách tròn nh b ng b c. Chi c tách ng xá l i Ph t l n h n m y chi c tách ng xá l i c a hai v t c a Ngài.

Các ng n kéo này c khoá hai l p, c ng nh là m y cánh c a i vào phòng ch a xá l i. Có ba ng i gi chìa khoá -v t ng th ký c a h i Mahabodhi, th ng c bang Bhopal, và v s tr trì chùa. Nh ng không có ai trong ba ng i này có b chìa khoá cho t t c các khoá. Do ó, có th m t t c các c a d n n n i ch a xá l i, c ba ng i này u ph i có m t. Hai viên c nh sát c ng luôn luôn có m t ó. M i n m m t l n, vào ngày Ph t n r m tháng n m, các ng n t ch a xá l i c m ra và a lên chánh i n. Nh ng oàn ng i hành h ng c phép s p hàng i ngang qua các ng n t . R t nhi u ng i nh l các xá l i.

M c d u là tr trì c a Sanchi, i c Pannatissa ch s ng ó gi a các tháng m i m t và tháng hai. Th i gian còn l i trong n m, ông s ng Ceylon, và khi ông v ng m t, tôi là ng i qu n lý ó. B n ph n c a tôi bao

g m ti p khách, hành các bu i l sáng chi u, tr ti n công th và ánh các báo cáo cho h i Mahabodhi Ceylon.

Tôi ã t h c ánh máy v i m t quy n sách d y th c hành ánh máy vi t tay mà ai ó ã cho m n. Tôi ngh là tôi khá gi i, cho n m t ngày i c Pannatissa yêu c u tôi ánh m t lá th quan tr ng g i cho th ký h i Mahabodhi. Ông c b ng ti ng Sinhala và tôi d ch sang th ti ng Anh y u kém c a mình.

V i bài d ch t k bên bàn máy, tôi ánh lá th , không c n nhìn các m t ch . Tôi còn tr và quá t tin. Tôi ánh xong lá th , v n không coi l i và a nó cho i c Pannatissa ký. Ông nhìn qua nh ng dòng ch l l m, t ng r ng nó ch a ng nh ng i u ông v a c, ký tên và lá th c g i i.

Ba tu n sau chúng tôi nh n c m t lá th t ng i th ký Colombo. Ông kèm theo lá th c a tôi mà gi khi nhìn k l i, thì nó gi ng nh v bùa c i v i tôi. “Tôi không hi u m t ch trong lá th này,” ông vi t b ng ti ng Sinhala cho i c Pannatissa. “S nh nói gì ây?”

i c Pannatissa khá gi n. Tôi m t vì x u h , r i ánh máy l i lá th , l n này c n th n t các ngón tay c a tôi vào úng các ch và c l i lá th l n cu i tr c khi g i. Sau ó tôi không còn t mẫn v kh n ng ánh máy c a mình n a, d u còn có m t l n n a s cao ng o c a tu i tr l i làm kh tôi.

V t ng th ký c a h i Mahabodhi ã n vi ng Sanchi. Hai ngày sau ó, tôi nh n c l i nh n t v hi u tr ng c a m t tr ng i h c g n ó. Rõ ràng là v t ng th ký ã vi ng th m tr ng i h c, sau khi r i Sanchi và quên l i ó m t gói . Ông nh v hi u tr ng g i tôi n l y gói và g i i Calcutta.

Tôi c m th y r t b c. T i sao tôi ph i i t n xu ng i mang gói i g i cho ng i th ký? T i sao ông hi u tr ng không t mình làm chuy n ó? Tôi gi n d vi t m t lá th g i cho v hi u tr ng. “Vi ông ta ã l i gói ch ông, sao ông không i g i?”, tôi vi t. “Có m t b u i n ch cách tr ng m t con ng. Ông n ó d h n tôi nhi u!”.

M i ngày sau v hi u tr ng l i g i cho tôi m t l i nh n khác, l p l i yêu c u c a ông. Tôi l i, và m i ngày sau n a, l i nh n th ba l i n. Cu i cùng tôi i xu ng i nh n gói , nh ng tôi c n nh n su t d c ng i. Khi g i i, tôi dành l i biên lai, mà v th ký s c n hoàn ti n tr l i tôi.

Khi gói ã n b u i n Calcutta, ng i th ký vi t th cho tôi, h i v biên lai g i . Tôi g i biên lai cho ông cùng v i nh ng dòng ch gi n d .

Cu i cùng, khi ng i th ký m gói ra, m t tháng sau khi ông ã óng gói nó, m t mùi hôi th i kh ng khi p bay ra. Gói có ch a n mà vì nh ng s ch m tr c a tôi, n ã m c r a. Gi thì t i phiên ông ta g i cho tôi m t lá th gi n d .

“S n i sâ n vì m t vi c nh mà tôi nh s làm,” ông vi t. “R i s còn g i cho tôi m t lá th trách móc. N u s mu n ti p t c làm vi c cho h i Mahabodhi, tôi khuyê n s nên ki m ch tính khí c a mình.”

Sân n là m t trong nh ng u nhi m khó i tr nh t; tôi bi t i u ó t chính kinh nghi m b n thân. Khi tôi còn là m t tu s tr Ceylon, tôi ã gi ng nhi u bài pháp v sâ n và ph ng cách ch ng nó, d u r ng s sâ n h n c a chính tôi c ng khi n tôi nhi u l n m t t ch . Tôi gi ó là s sâ n h n "c a tôi", nh ng i u ó không hoàn toàn úng, sâ n h n ch ng , l n áp tâm tôi và tôi nó làm nh th , m c d u rõ ràng nó làm tôi c m th y r t kh s . Khi gi n d , tôi c m th y au trong ng c và nóng trong bao t . M t tôi nhoè i, s suy ngh c a tôi không rõ ràng và nh ng l i c c c n thô l c th t ra t mi ng tôi.

Khi bình t nh l i, lúc nào tôi c ng có c m giác x u h , iên r . Lúc ó , tôi quán chi u nh ng l i c Ph t d y v sâ n h n: “Ta c n buông b sâ n h n, kiêu m n, và ch ng m i ki t s . Ng i không bám víu vào tâm hay thân, bi t buông x thì không th kh au. Ng i bi t ki m ch s phát sinh c a sâ n h n gi ng nh ng i ánh xe bi t ki m ch con ng a c a mình, ng i ó ta g i úng là ng i bi t c m c ng.”

Có m t câu chuy n r t n i ti ng t t ng kinh Ph t giáo minh ch ng cho ta th y s khéo léo c a c Ph t khi i phó v i sâ n h n. M t ngày, m t ng i Bà La Môn, thu c dòng quý t c và th l c, ng p c Ph t. V Bà La Môn này có m t tánh khí nóng n y và th ng cãi c v i m i ng i. Ngay chính nh khi ng i khác b h i mà không t v gi n d , ông c ng không b ng lòng. Vì th , khi ông nghe r ng c Ph t ch ng bao gi n i gi n, ông quy t nh n th Ngài.

Ng i Bà La Môn i ng p c Ph t và tuôn ra nh ng tràng ch i r a. c Ph t l ng nghe m t cách bình t nh trong im l ng. Khi ng i Bà La Môn cu i cùng ng ng ch i và ch i ph n ng c a c Ph t. Lúc ó, c Ph t bình t nh h i ông, “Ông có gia ình hay b n bè không?”

“D nhiên r i,” v Bà La Môn tr l i. “T i sao?”

“Ông có th m vi ng h th ng xuyên không?” c Ph t h i.

“Có,” ng i Bà La Môn tr l i c c n.

“Khi đi thăm ông có mang quà theo không?”

“Đương nhiên là tôi có!” và Bà La Môn đứng lên.

“Nhưng nếu ông không nhận quà của ông thì sao?” – Phật hỏi. “Ông sẽ làm gì với món quà?”

“Tôi sẽ mang nó về nhà và chia sẻ với gia đình tôi,” người Bà La Môn trả lời.

“Vâng thì,” Phật nói, “nay ông đã mang cho tôi một món quà của anh người Lisinhcginđ. Tôi không muốn nhận chúng, tôi xin trả lại cho ông. Hãy mang về nhà và chia sẻ với gia đình.”

Giá mà tôi đã có thể sống theo triết lý của anh người Lidynày lúc tôi còn trẻ.

Nhưng người hành hương thánh Sanchi rất lòng kính trọng các xá lợi và các nhìn nhận chi tiết của hoàng tráng do vua Ashoka xây dựng. Có bốn cái cột, xây dựng vào thế kỷ ba trước công nguyên. Mỗi cột có hai trụ đá, cao hơn sáu mét, và những thanh gỗ chéo qua chúng. Những cột các chuyển tín hiệu của Phật các lên các cột. Những cột cùng với các bức tranh về vị thành m t lo i ngôn ngữ của xat như tiếng Sanskrit và Pali.

Nhiều lần các đoàn hành hương và những vị thành cùng với người hành hương viên đi thích những người khác trên đất cho họ. Khi không có người hành hương, thì các vị khách yêu cầu tôi đi thích. Lúc đó tôi chỉ biết rằng là tôi không biết, rồi biết. Những đấng thần thánh hiện tại này làm tôi xấu hổ. Tôi nhận thấy rằng, dù gì, khi đi với Pannatissa và người khác, tôi là vị duy nhất đó; tôi thấy sự phi có khi trả lời các câu hỏi về những điều này.

Vì thế tôi yêu cầu một trong những người hành hương viên chấp nhận đi với tôi và ý nghĩa của những cột này. Anh ta vui vẻ nhận lời và sau đó, tôi có thể đi thích giúp các khách vắng mặt về những hình ảnh này. Đấng thần thánh, tôi vị thành m t cu n s tay h ng đ n khách n Sanchi bao gồm các vị đi thích các cột và những hình ảnh trên đó.

Thứ hai, một cảnh đi như tôi lúc Phật sinh về hoàng hậu Mahamaya, mẹ của ngài, đang làm bữa ăn đêm tại cây sala trong rừng, và những người hành hương của bà vây quanh dùng màn che che chắn cho bà, và chầu thiên nhiên cho tất cả mọi người. Một cảnh khác là lúc Phật giác ngộ, các cây xoài ra đời một gốc cây. Khi thái tử Siddhattha Gotama ngồi thiền dưới cây bồ đề, hàng chục người quỳ, cúi đầu cho những người như mình của tâm, để do ngài bồng bóng, dao, cung và tên. Một cảnh khác, Phật trở về cõi trời sau khi đã giảng pháp cho mẹ của ngài, đã chấp nhận ngay sau khi sanh ra ngài.

L i m t c nh khác di n t m t con kh và hai con voi làm l tr c c Ph t, khi ng i ang Parileyya vào mùa m a. ó là, sau khi c Ph t không th dần x p c m t cu c tranh cãi gi a hai nhóm t ng s , c Ph t vào r ng Parileyya s ng m t mình trong mùa m a ó. Theo truy n thuy t, kh ã mang n cho ngài m t ong n m i ngày và các chú voi un nóng n c trên l a ngài t m.

T t c các c nh kh c trên tr c t, d nhiên ã làm phát kh i lòng tin r ng l n n i nh ng ng i hành h ng n ây chiêm ng ng chúng.

Vào tháng 4, 1956, chúng tôi b t u lên ch ng trình cho l Ph t n Sanchi s c hành trong tháng n m. Chúng tôi quy t nh m i th t ng n , Jawarharl Nehru. i c Pannatissa và tôi i Delhi t n tay trao gi y m i. D u ã có h n qua th , khi chúng tôi n v n phòng c a ngài Nehru, n i này y các v ch c trách n c ngoài, k c các i s t nh ng n c Á châu.

Là ng i lãnh o chính tr , nh ng Nehru có v m t r t thanh t nh và c ch khoan thai. Ông cao trung bình, tóc b c, và n v n theo truy n th ng n : qu n tr ng, áo dài tay r ng rãi, v i ôi dếp dây n gi n.

Nehru chào ón chúng tôi b ng m t gi ng nói nh nhàng và c ch thân thi n. D u ông ang d ch ng trong m t bu i h p dài v i các v khách ch c ph n, ông c ng a i c Pannatissa và tôi vào v n phòng c a ông. C ba chúng tôi trao i kho ng hai m i phút. Nehru nói r ng ông xin l i, nh ng ông không th đ l vì nó trùng v i m t h i ngh chính tr s p đ i n ra Indonesia. V th t ng nói ti ng n trôi ch y, nhu n nhuy n. Tôi ph i v t v d ch nh ng l i ông nói sang ti ng Sinhala cho i c Pannatissa.

Cu i cùng, ông Nehru chúc chúng tôi nh ng i u t t p nh t và ng d y báo hi u ch m d t cu c g p g . Ông ng ch p hình v i chúng tôi, r i cúi chào t giã, hai tay ch p vào nhau.

Bên c nh l n g p g ng n ng i ó v i th t ng Nehru, tôi còn may m n c g p nh ng ng i n i ti ng khác n a. Vào tháng 11, 1956, vua x Nepal có ch ng trình n vi ng Sanchi. Tôi mu n trang hoàng l i chùa ón ti p ông, nên tôi quy t nh treo vài cây c Ph t giáo v i nh ng ng s c màu s c, mà ng i ta cho r ng ó là bi u hi n hào quang ã phát ra sau khi c Ph t giác ng . M t gi i thích khác n a là cây c bi u hi n cho thân c a c Ph t: màu tr ng bi u t ng cho x ng và r ng c a ngài, cho máu, vàng cho m t, xanh cho tóc, và vàng cam cho da c a ngài.

Tôi trèo lên các vách á d c theo t ng rào chùa c t s i dây treo c . Khi tôi kéo xi t s i dây, nó b t, khi n tôi m t th ng b ng té ng a ra. Tôi té trên

m t t y á và b gậy c tay. Khi nhà vua x Nepal n, tôi trong b nh vi n. Ông nghe k v s r i ro c a tôi, nên ã n b nh vi n th m tôi.

Không k các v vua và th t ng, cu i n m 1956, chúng tôi l i có m t v khách n i ti ng cách khác: c t Lai L t Ma. i u trùng h p là ông n vi ng th m nh m vào ngày sinh nh t c a tôi. Và tôi l i là v th y duy nh t có m t ó ó n ti p ngài.

Lúc ó c t Lai L t Ma ch m i m i chín tu i, tr h n tôi, nh ng ã là ng i c m quy n c a hoàng t c Himalaya mà g n ây ã b Trung Qu c chi m. Tôi không ng ông là m t nhân v t l i l c n th . Ông n Sanchi không báo tr c, không có lính hay ng i theo b o v quanh ông nh bầy gi . Tuy nhiên có vài v s i theo trong oàn. H r t cung kính i v i ông, coi sóc không y áo c a ông dính b i và a ông i n n i nào ông c n. Khi ông c i giày b c vào chùa, h c ng giúp ông, r i h t các râu chu i c a mình vào bên trong ôi giày tr ng c a ông, nh m t hành ng t lòng cung kính.

c t Lai L t Ma có khuôn m t tr m l ng nh ng th ng n nh ng n c i r ng r . Ông eo ki ng có g ng b ng k m nh và r t p ng i. Da m t m n màng khi n ông nhìn còn tr h n tu i.

Ông kh chào tôi, hai tay ch p l i và nói b ng ti ng Anh, “ ây là m t n i r t yên t nh, p . Khá mát m . S ây có d ch u không?”

“D có,” tôi tr l i ông, c ng vái chào áp l i. “Con r t d ch u và con vui m ng ó n ti p ngài n i thiêng liêng này.”

Ông t ra là ng i r t khiêm cung. Chúng tôi cùng i bên nhau n chánh i n, khi b t ng chúng tôi c tin th ng c c a bang Bhopal và t ng th ký c a h i Mahabodhi c ng n. Sau này tôi c bi t, h ã c báo tr c v chuy n vi ng th m Sanchi c a c t Lai L t Ma và ý mu n c vi ng th m các xá l i Ph t c a ông. H bi tr ng h ph i mang b chìa khoá c a h n chúng tôi có th m các ng n t ng xá l i trong c n phòng t i phía đ i chánh i n.

Sau khi ng i th gi tr i m t mi ng v i tr ng s ch trên sàn nhà tr c t ng Ph t, c t Lai L t Ma nh l ba l n, u ch m trên mi ng v i. R i ông t hoa lên bàn th , t ba cây nhang và ba cây èn c y. Sau ó t t c chúng tôi i xu ng l u n phòng ng các xá l i và m các ng n t . Khi c t Lai L t Ma nhìn th y các xá l i thiêng liêng này, ông l i nh l ba l n.

Riêng trao cho tôi một món quà tặng chùa: một cây đèn dầu bằng vàng, cao khoảng hai mươi lăm centimet. Chúng tôi đặt cây đèn vàng trong căn phòng để hôm cùng với các xá lị.

Ba năm sau, một Lạt Ma và một ít tùy tùng của ngài bằng qua núi chuyết sơn chỉ mong cầu ở Trung Quốc Tibet. Ông sang lưu vong phía bắc và câu chuyện buồn về Tibet bắt đầu lan truyền khắp thế giới.

Nhưng dĩ nhiên tôi chẳng bao giờ từng ra khỏi quê này, khi ông và tôi gặp nhau ở Sanchi.

---o0o---

Chương 12: Giành lấy ngôi vị

Một lần tôi rất thích sống ngôi chùa trên núi Sanchi, nhưng mà hình như lúc nào cũng có vấn đề, nhưng vấn đề khá nghiêm trọng, khi tôi đến đây thì luôn gặp rắc rối này.

Một buổi tối, ngài sư phụ của chúng tôi, Anuruddha, gọi tôi và nói, “Đức thầy Gunaratana, tôi đã hứa sẽ tặng Pannatissa một trăm rupee. Nhưng ông không có tiền, vì đức thầy đã mất tiền mất tháng rồi.”

Tôi kinh hoàng. Một tháng khi nhận được một trăm rupee tiền chi tiêu thì tôi Mahabodhi, vì trước tiên tôi làm là trả ngay cho đức thầy Pannatissa một trăm rupee tiền nung. Tôi thấy tôi chẳng bao giờ rời khỏi biên giới. Vì vì gì ỉu lủi của ngài sư phụ, đó là một sự sỉ nhục. Chúng tôi phải tin lời nói của nhau, vậy mà đức thầy Pannatissa đã không ngừng nói dối về ngài sư phụ.

Chiều hôm đó, vào giờ trà chiều, đức thầy Pannatissa và tôi gặp nhau ở nhà bếp, như thường lệ. Tôi ngồi bên ông trên một ghế gỗ, và Anuruddha ngồi trên sàn nhà, cách chúng tôi không xa, đang đun trà. Tôi quay qua đức thầy Pannatissa.

“Thầy, có đúng là sư phụ đã hứa với Anuruddha rằng con cháu thầy mất tháng rồi không? Sư phụ trả lời con đã trả rồi mà. Tại sao sư phụ lại làm cho anh ta nghĩ rằng con không chân thật? Ngay như con cháu thầy trả cho sư phụ, sư phụ nên nói với con thật. Chúng ta là những người khéo duy nhất ở đây. Chúng ta có thể trao đổi với nhau bằng chuyện gì, như là những người bình thường.”

Đức thầy Pannatissa mặt nhăn nhó trái ngược. Ông nói, á cái gì tôi đang nghĩ và vùng vằng đi ra khỏi phòng.

Tôi cũng có vấn đề về việc tôi trong những ngày này cũng như là làm việc ở chùa. Một lần nữa, tôi đang tiếp xúc với vài vị khách trong chánh điện, thì nhận ra tôi cũng phải lấy ít tiền ở khu này này. Tôi bước vào phòng mình và thấy người cũng như sắp đang lui cui nên họ cũng chúng tôi cũng thì bán sách trong tiệm sách nhà của chúng tôi.

Ngay khi người cũng như sắp về thấy tôi, ông vội rút tay ra khỏi tôi, trong tay còn nắm lấy tiền! Thật sự mà nói tôi cảm thấy xấu hổ cho ông nên là giận dỗi. Tôi không biết phải làm gì hay nói gì, vì thế tôi vội vã quay ra khỏi phòng.

Ngay khi các vị khách vắng lại rời chùa, tôi gọi gọi ý nhắn cho viên thanh tra cũng như sắp trong làng đi tìm ông gặp tôi.

Chỉ một tiếng sau, ông ta đã có mặt. Tôi kêu cho ông nghe chuyện gì xảy ra và yêu cầu ông thuyên chuyển viên cũng như sắp này khác.

Sau khi viên thanh tra cũng như sắp rời đi, người cũng như sắp thì đi vào, quỳ xuống chân tôi khóc, ông xin tôi tha thứ cho ông.

“Anh nên hãy bỏ việc chúng tôi,” tôi nói. “Về quê mà tôi thì thấy anh nên đi bán sách của chúng tôi. Tại sao anh lại làm việc đi khờ như thế?”

Ngày hôm sau, viên thanh tra cũng như sắp tên Bhopal cũng đến. Ông hỏi tôi chuyện gì xảy ra và tôi thì trả lời cho ông. Ông rồi thì nói rằng ông sẽ giúp viên cũng như sắp kia.

“Xin ông đừng làm như thế,” tôi nói. “Anh ta là một người nghèo, có ông con cái phải chăm lo. Xin ông đừng quên anh ta; chỉ chuyển nhiệm vụ của anh ta khác. Tôi không muốn thấy anh ta buồn nữa.”

Đó là những việc xảy ra khi tôi suy nghĩ về việc rời Sanchi.

Ngoài ra còn một yếu tố khác khi tôi muốn rời là việc tôi rất nóng lòng muốn đi học lại, nên khi một vị giáo sư ở thành Benares Hindi đến thăm Sanchi, tôi cảm thấy cần phải nói chuyện với ông. Ông là một vị sư trưởng của trường Saddhatissa dạy tiếng Pali truyền thống và là vị trưởng của trường Phật pháp bằng tiếng Sinhala và tiếng Anh. Năm 1956, tôi cũng nghe một bài thuyết pháp rất hay của ông vào ngày Phật đản sinh. Cá tính ôn hòa và trình độ hiểu biết Phật pháp sâu sắc của ông đã gây ấn tượng sâu sắc với tôi. Tôi nhìn ông và thấy rằng đó chính là hình ảnh mà tôi hy vọng sẽ trở thành trong vài năm tới.

Khi vị sư trưởng Saddhatissa đến thăm Sanchi, tôi đã nhờ ông giúp đỡ. Tôi thấy rằng ông rất giỏi về tiếng Anh một thời gian, nhưng rất khó tìm được người nói tiếng Anh giỏi.

“Tôi gửi cho sấm tẩm nh ph c tr ng i h c,” ông nói.

Tôi th t sung s ng. Trong khi ch i, tôi ngh là mình c n ph i chu n b , vì tôi ã b h c m t th i gian. Tôi quy t nh vi ng th m m t tr ng i h c c ng ng nh cách Sanchi kho ng m t ph n t d m tìm m t gia s . B ng cách n u ng ti n t n, tôi dành c m t ph n ti n hàng tháng c a tôi, do ó tôi có th tr ti n thuê gia s .

V hi u tr ng c a tr ng i h c c ng ng ý kèm tôi h c. Nh ng sau m t vài bu i ông b t u ch p v n ng l c khi n tôi mu n h c ti ng Anh. M t ngày kia, ông v t nói, “S là ng i tu, t i sao s mu n h c ti ng Anh?”

Gi ng ông y v m a mai, chê trách, nh mu n nói r ng, “S ngh s là ai - m t Bà La Môn giai c p th ng l u mu n có b ng i h c?” Tôi oán bi t ông ngh r ng tôi không có vi c gì ph i ngh n chuy n h c hành thành t.

“Tôi không ph i là m t trong nh ng ng i n xin n lỏa th , i lang thang cùng kh p v i khuôn m t trát y than tro, x ng t ng tên các v th n thánh n !” tôi tr l i. “Tôi là m t tu s Ph t giáo, và tu s Ph t giáo có th h c b t c môn gì mà h mu n. Tôi còn là th y truy n giáo, vì th tôi c n ph i h c ti ng Anh d y Ph t pháp nh ng x s khác. D u ông có mu n d y cho tôi n a hay không, tôi v n ti p t c h c.”

Chi u hôm ó, v hi u tr ng và phó hi u tr ng n chùa Sanchi. Tôi pha trà cho h , và chúng tôi ng i xu ng nói chuy n. V hi u tr ng xin l i ã ch trích tôi sáng nay. Ông nói r ng t nay tôi có th c kèm h c mi n phí.

Cu c thi tuy n sinh vào i h c b t u vào tháng 3, 1956. Tôi r i b nh i m s Sanchi vào tháng hai và i n Benares l n u tiên.

Benares ã là và v n là m t trong nh ng thành ph ông dân c nh t c a n . Nó c ng là m t trong nh ng n i thiêng liêng nh t. R t nhi u ng i n trong nh ng n m cu i i h ã n Benares, s ng ven b tây c a dòng sông Gange huy n bí. H t m trong dòng sông, r i u ng n c sông ó, d u nó r t d b n. H tin r ng n u h ch t ây, m t h ng v ph ng ông, h s i th ng lên thiên àng.

D c theo b sông Gange là nh ng lò ho táng ngoài tr i g i là *ghat*, n i ng i ta thiêu ng i ch t. ó là m t quá trình thô s , không gi ng chút nào v i vi c ho táng tân ti n. Tr c h t, ng i ch t c t trên m t vài thanh c i trên m t lò b ng s t. Nh ng mi ng phân bò khô, gi ng nh nh ng mi ng bánh tráng nâu, c t th ng ngay lên thân ng i ch t. Ghee (b tinh ch t c lên ng i và c i, r i t l a, công vi c này th ng do ng i con trai

trở nên công nghiệp thị trường. Khi thi đấu thiêu huân chương và lễ hội
tôn giáo, tro và nhông gì còn lại để thiêu huân chương.

Phân còn lại của Benares thì bị bỏ mặc và quên. Những con đường phố
gà thì ông nghênh tống như những chiếc xe đạp, xe máy, xe buýt, xe taxi, xe hai bánh
và xe ba bánh không mui. Bên ngoài, thiên nhiên ngoài trời thì rất sinh.
Các vị thần hành tôn giáo kìm nén, những người mà người ta cho là các vị
thánh, lũ thú dữ trong bãi rác, ca tụng tên của thần. Xin, gấm
người già và trẻ em, người nghèo và người bán tay chìa ra.

Những con chó hoang, dúi dúi, rừ rừ chực chờ ngoài đường, mấy con bò
cũng thế. Vì người ta coi bò là thánh, nó cũng do người ta nhênh ngang
khi đi đường phố. Đôi khi các chú bò này đi thong thả các hàng bán rau quả
gấm rau củ và trái cây. Chó, người đi, không có ý nghĩa gì cả ra khỏi
đường.

Ngay khi về Benares, tôi bắt đầu tìm kiếm những người học.
May mắn thay, khi đang đi trên campus (khuôn viên trường học), tôi gặp
một người bạn cũ. Ông bảo tôi có thể cùng chung đường chúng tôi về thăm
gặp nhau. Tình cờ ông cũng có cùng tên lót như tôi: Gunaratana. Ông cũng
có một thứ mà tôi coi là rất quý giá: đó là một quyển sách giáo khoa tiếng
Pali. Bất bao ngày chúng tôi đã cùng nghiên cứu quyển sách đó với nhau.
Tôi không thể tin được sự may mắn của mình.

Chỉ hai ngày trước khi cuộc thi tuyển sinh bắt đầu, anh họ kia bỗng
tuyên bố rằng ông sẽ đi chỗ khác. Duyên cớ chung với nhau thì không
nghe, tôi không còn cách nào. Quá tuyệt vọng tôi đến với phòng của
Mahabodhi Benares cũ. Về số tiền tìm cho tôi phòng ở
chùa của người Burma gần trường. Trường, chỉ bị bỏ mặc một nơi là
phòng thi.

Tôi phải thi nhiều môn: tiếng Anh, Sanskrit, Pali, lịch sử và văn
Giáo. May mắn thay tôi đã có học về Văn Giáo trong thời gian theo học
trường Phật học Vidyalandara.

Môn thi vào một ngày khác nhau. Một ngày trước ngày thi, tôi tìm gặp
người bạn cũ Gunaratana để hỏi mượn quyển sách Pali của ông trong vài tiếng
giờ.

"Sách bị mất rồi gì không?" ông hỏi. "Bất cứ gì? Thế phải gì? Sách bị mất
có vậy, vì học sinh học gì có vậy. Hơn nữa, tôi cũng đã mượn quyển sách
Pali rồi."

Ch còn vài gi n a là n gi thi, tôi r t c n quy n sách ó, nên tôi n tìm i c Sadhatissa, nh ông giúp . Ông a cho tôi m t quy n sách Pali, và nói, “Tu n r i tôi c ng a copy c a quy n sách này cho m t v c ng tên Gunaratana. Lý ra s có th h i m n ng i ó trong vài gi .”

Su t êm tôi c m cú h c quy n sách Pali ó. Sáng hôm sau, khi b c vào phòng thi, v giám kh o b o chúng tôi ph i t t c các xách tay trên bàn ngoài hành lang. Khi tôi s p tr lui ra c a, Gunaratana dúm túi xách c a ông vào tay tôi, nh tôi t nó lên bàn v i các túi xách khác.

D nhiên, ngay khi v a ra n hành lang, tôi lén nhìn vào túi xách c a Gunaratana. úng nh tôi ã nghi ng , trong ó có quy n sách Pali mà ông ã nói r ng ông không có. ó không ph i là l n u tiên hay là l n cu i cùng mà tôi khám phá ra m t huynh ã ph m gi i. Nó khi n tôi r t bu n, vì ng i tu s lý ra ph i làm g ng cho hàng c s . Ng i c s ã h t lòng tin t ng chúng ta. Chúng ta ã truy n gi i cho h , nh ng n u chính b n thân chúng ta không tuân theo các gi i lu t này, thì chúng ta là nh ng ng i o c gi .

D u ch có m t v tu s b b t g p nói d i, i u ó c ng nh h ng n lòng tin c a h i v i t ng oàn. Ng i ta b t u k t t i chung r ng có th t t c các tu s u nói d i. Vì th các v tu s chân chính ph i c g ng h n n a có c lòng tin và s tôn kính c a ng i khác.

Tôi c m th y bu n b t c khi nào tôi th y ai nói d i, vì tôi bi t r ng h s ph i gánh ch u h u qu x u t i âu. Tôi bi t i u ó b ng kinh nghi m b n thân c a mình. H i còn nh khi tôi nói d i, tôi ph i làm b t c i u gì che y s gi d i ó. Tôi nói d i i u này che gi u i u khác, r i l i d i n a che y l i nói d i sau cùng. D n d n, tôi chìm m trong s gian d i và c m th y t i l i vô cùng. Ph i m t th i gian dài, có l cho n sau khi tôi ã th i gi i, tôi m i nh n ra mình ã s ng gi d i nh th nào và ã ph i au kh bi t bao nhiêu khi s ng trong gi d i. Cu i cùng tôi m i hi u l i Ph t đ y v s gi d i, trong kinh Pháp Cú: “Ng i nói d i ã ph m lu t (c a s chân th t), ng i y t ó ph i ch u s qu trách, và không có i u x u gì mà h không th làm.”

Cu i n m ó, l n u tiên tôi ti p xúc v i m t nhóm ng i mà sau này tr thành m t ph n quan tr ng trong công vi c truy n giáo c a tôi: nh ng ng i h ti n. Nhóm ng i này t n cùng c a ch phân chia giai c p kh t khe trong xã h i n .

Ch phân chia giai c p c ng lâu i nh là n giáo, ã h n ba ngàn n m, và v n còn b n v ng. Ng i theo n giáo tin r ng m t ng i c

sanh vào một giai cấp nào đó, dù cao hay thấp, là tuân theo ý muốn của một tôn giáo. Có bốn giai cấp chính.

Bà La Môn, là giai cấp thượng đẳng, được tin là sanh ra từ miệng của một vị thần là Brahma. Bà La Môn phải giữ gìn luật pháp (Kinh thánh Bà La Môn giáo), dạy cho các Bà La Môn khác, giữ gìn đạo, hành các lễ nghi tôn giáo, phụng sự, phục vụ nhà vua cách trân trọng.

Giai cấp thứ hai, gọi là Kshatriyas (nghĩa là “những người cai trị”), được cho là sanh ra từ nách của một vị thần là Brahma. Những người Kshatriyas là các chiến sĩ và các vua vì thế họ được quy định những luật lệ và bổn phận.

Giai cấp thứ ba là Vaisyas. Họ được coi là sanh ra từ bụng của một vị thần là Brahma. Bà La Môn phải nuôi dưỡng dân chúng. Do đó họ làm những nghề nghiệp khác nhau như: nông dân, nhà buôn, người trao đổi hàng hóa. Họ cũng tham gia vào các dịch vụ thương mại như ngân hàng, cho vay và kinh doanh.

Giai cấp thứ tư là Sudras, được tin là sanh ra từ chân của một vị thần là Brahma. Họ làm những công việc thấp hèn như giúp việc nhà cho các giai cấp cao hơn hoặc làm những công việc nặng nhọc như trồng trọt hay những công việc khác.

Người Hindu thì còn định các giai cấp Sudras rất nhiều nên nhiều người không được coi là có một giai cấp. Họ bị cấm làm những công việc tay chân rất nặng nề như: dọn dẹp cống rãnh, kéo rác, dọn dẹp xác súc vật chết ngoài đường và nhốt phân bò làm nhiên liệu. Khi tôi nhìn thấy, giai cấp Hindu không được quy định, hay đi xem phim, học toán, vào công viên, vì họ có thể làm ‘lây nhiễm’ cho những người giai cấp cao hơn. Khi đi ra ngoài, họ bị cấm mang một cái chuông quanh cổ, cho người khác có thể nghe họ gần mà tránh xa họ. Những người Hindu này không được phép uống nước các giếng công cộng; nước uống của họ phải lọc các cặn bã ngoài trời.

Khi người Anh cai trị Ấn Độ, họ đưa các luật chính trị phân biệt dựa trên giai cấp này. Năm 1947, hiến pháp mới của Ấn Độ chính thức xóa bỏ chế độ phân chia giai cấp, dù vậy nó vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay. Ý tưởng phân chia giai cấp quá sâu trong tín ngưỡng của Ấn Độ giáo, liên quan đến các giai cấp thượng đẳng, nên người Ấn Độ không thể nào xóa bỏ được. Hơn nữa, người Ấn Độ các giai cấp gần như không hề biến đổi, và các nhà chính trị Hindu phải dựa vào phân chia giai cấp làm lợi cho mình.

ì u ó r t gì ng nh s phân chia màu da mà tôi ã th y M , d u không c ch p nh n m t cách chính th c, nh ng mà nó v n hi n h u m t cách vì t và r t khó bi t x ph t.

c Ph t ã ph n ì vì c phân chia giai c p m t cách quy t li t nh ta ã th y rõ trong kinh Pháp Cú:

Không ph ì vì màu tóc, không ph ì vì gia t c, không ph ì vì sinh ra âu mà ng ì ta tr thành ng ì thánh thi n. Nh ng ng ì có lòng tin và chân th t, ng ì y trong s ch, ng ì y là ng ì thánh thi n. Màu tóc c a ng ì thì có ngh a lý gì, h ì nh ng k vô minh? Qu n áo sang tr ng c a ng ì che gì u c ì u gì? Trong tâm ng ì tán lo n; thì ng ì ch làm s ch c phía bên ngoài.

Ta không g ì m t ng ì là thánh thi n b ì vì dòng t c hay b ì vì m h quy n quý. N u ng ì y y các ch ng ng ì, bám vú, thì ng ì y ch là m t ng ì cao ng o. Nh ng n u ng ì y c gi ì thoát kh ì ch ng ng ì, bám vú, thì ta g ì ó là ng ì thánh thi n.

Và trong kinh Vasala thu c t ng kinh Khuddaka, c Ph t gì ng v m t nh ngh a chính xác c a m t ng ì không c xã h ì ch p nh n, hay ng ì ã b lo ì ra kh ì ch phân chia giai c p: "*Không ph ì do sinh ra âu mà ng ì ó b ru ng b . Không ph ì do sinh ra âu mà ng ì ó là m t Bà La Môn. Nh ng do hành ng khi n h b ru ng b . Do hành ng khi n h là m t Bà La Môn.*"

Nói m t cách khác, m t Bà La Môn có th tr thành m t k h ti n và m t ng ì h ti n có th tr thành m t Bà La Môn, tu thu c vào hành ng và s bám vú c a h . Không ph ì vì do ai sanh ra mà có th quy t nh c s ph n c a chúng ta, ó là do nh ng gì chúng ta ã làm trong cu c ì. ây là m t trong nh ng quan ì m c n b n mà ng ì Ph t t có cái nhìn khác v ì ng ì n giáo.

Khi tôi n vào kho ng nh ng n m 1950, có tám m ì tri u ng ì thu c giai c p h ti n. Tháng 10 n m 1956, bác s Bhimarao Ambedka, v lãnh o xu t s c c a phong trào òi thay ì cu c s ng c a ng ì h ti n, ã c ì o thành Ph t giáo, m t tôn giáo mà ông ã khám phá, oái m thay, trong th ì gian h c t ì Anh. ì v ì Ambedkar, Ph t giáo là con ng c a lòng bi m n, là l ì thoát ra kh ì h th ng phân chia giai c p kh c nghi t mà n giáo ng h .

ì v ì nh ng ng ì h ti n, câu chuy n ì c a bác s Ambedkar là m t ngu n c m h ng tuy t v ì. Khi còn là m t c u bé, ông l ng nghe các bài gi ng bên ngoài các l p h c mà ông b c m không c vào vì giai c p c a

mình. Một ngày kia, khi không có ai trong lớp có thể giải một bài toán, người thầy giáo đã gọi Ambedkar vào lớp để giải trên bảng. Ông đã giải được bài toán, nhưng những người khác sau đó đều viết rằng người trả lời của chúng vào sự thất bại vì đã có bóng của ông in lên khi nhìn ngang qua chúng.

Cha khuyến khích, Ambedkar tiếp tục học hành. Nhưng năm học trung học, ông phải nghỉ bên ngoài để các kỳ thi. Nhưng khi thi của ông rất cao nên nhiều trường ở các bang cũng chú ý đến người thanh niên trẻ này, và giúp ông sang học tại New York, rồi sau này là London. Đó, trong một thế giới không có sự phân chia giai cấp, tài năng của Ambedkar đã nở rộ. Ông có bằng luật và hai bằng tiến sĩ về triết và kinh tế.

Tuy nhiên, lần đầu tiên khi ông bước vào tòa án theo một cách làm luật sư, thì tất cả những người trong phòng - thẩm phán, các luật sư khác, bị thẩm phán, và những người đi thỉnh - luận ra ngoài. Chỉ phân chia giai cấp vẫn còn rất mạnh mẽ.

Vì thế Ambedkar tham gia chính trị. Ông đã dành một thời gian trong cuộc đời vì tất cả những người hạ tầng bang Maharashtra để bầu cho ông. Khi được bầu, ông tuyên bố lập hiến để thay thế của Anh năm 1947, Ambedkar là chủ tịch của hội đồng pháp toán bản hiến pháp mới của Ấn Độ này. Trong đó có những người nói rằng thế giới của những người hạ tầng và những người thu nhập giai cấp thấp. Hội đồng pháp toán để cho họ học bằng các trường dạy nghề, các nhà dành cho người có thu nhập thấp, các gia đình thu và những người giúp đỡ khác về kinh tế.

Ambedkar là một người anh hùng vì những người hạ tầng. Ông là vị lãnh đạo của hội đồng pháp toán, yêu cầu sự tiến bộ, và khi ông đi vào sang Phật giáo, nhà triết học người hạ tầng cũng làm theo giáo lý ông. Đáng tiếc, hai tháng sau đó ông đã ra đi, vào tháng 12 năm 1956.

Vì tôi nói tiếng Anh, tôi thường yêu cầu người giao tiếp với những người hạ tầng đi vào sang Phật giáo, nhất là sau khi Ambedkar mất. Tháng 12 năm 1956, không lâu sau khi Ambedkar mất, một buổi sáng kia, tôi gặp Pannatissa gặp tôi lúc bình yên. Tôi cùng với ông có hai người nghèo khổ, áo quần tồi tệ. “Đây là những người hạ tầng,” tôi gặp Pannatissa báo với tôi. “Hôm nay trở lại Ambedkar sẽ mang đến Nagpur để trong nhà triết học của ông. Và hàng ngàn người hạ tầng đang chờ đợi ông quy y. Họ cần một vị tu sĩ để truyền niềm tin và quy y tam bảo cho họ. Sẽ có thể không?”

“Thưa vâng, dĩ nhiên là có rồi.” Tôi đáp, không một chút do dự.

Cu c hành trình b ng xe l a m t g n m t ngày. Chúng tôi n Nagpur vào kho ng ba gi chi u. R i chúng tôi l i l y xe buýt i kho ng sáu m i d m n a n Amarawati, m t thêm n m ti ng n a.

Khi chúng tôi n Amarawati, tôi th t kinh hoàng khi nhìn th y hàng ngàn ng i t t p trên m t cánh ng tr ng c nh bên nh ng tòa chung c cao ng t mà chính ph ã xây d ng cho ng i h ti n. Ng i ta kh p n i, ho c ng hay ng i trên m t t. Tr con, bò, chó, và gà t do i rong kh p n i.

Ngay khi h nhìn th y tôi trong y áo ng i tu, m t gi ng t ng l n b ng ti ng Marathi n i lên t ám ông: "*Bhagavan Buddhanca jayaho! ahaparinirvanprapta parama puyya baba saheb doctor. Ambedkar yanca jayaho!*" (nh l c Th Tôn! nh l v giáo s ti n s Ambedkar, ng i x ng áng c kính tr ng vô cùng và ã t c gi i thoát cu i cùng !).

Âm thanh c a m t tr m ngàn gi ng nói tán thán c Ph t và tán thán v lãnh o v a m t c a h là m t âm thanh rung ng tuy t v i, và g n nh làm i c tai ng i nghe.

Tôi leo ba b c thang lên m t sàn g nh , và m t ng i v y tay ra hi u cho ám ông im l ng.

Tôi c m l y micro, c l i quy y tam b o và truy n ng gi i cho h b ng ti ng Pali. ám ông nhi t tình h ng ng, l p l i nh ng câu kinh truy n th ng sau khi tôi ã x ng chúng. Ch a t ng có bao gi và c ng ch a t ng x y ra sau này vì c tôi ã truy n gi i cho m t ám ông ng i nh th . Th t là ph n kh i. Nh ng gi t n c m t vui m ng làm cay m t tôi.

Sau khi ã xong ph n quy y và truy n gi i, tôi c m i thuy t pháp. Vì chuy n i này quá b t thình lình, tôi ã không k p chu n b gì. Dù th , tôi v n c g ng thuy t pháp trong ba m i phút b ng ti ng n v s quan tr ng c a vi c quy y và th gi i, và v vi c tr thành m t ng i Ph t t b ng chính s t do l a ch n c a mình. Ngày hôm sau, bài nói chuy n ngay t i ch c a tôi c tóm t t và ng trong t báo h ng ngày.

Su t b n ngày sau ó, tôi luôn ph i giao ti p v i nh ng nhóm ng i h ti n t kh p n i trong vùng ó c a n . Ng i ta a tôi i t cu c h p này sang cu c h p khác, b t ut b y gi sáng và ôi khi ti p t c cho n th t khuya trong êm. Nh ng ng i h ti n này hình nh r t ói khát các món n tinh th n.

Vào ngày 24 tháng m i hai, chúng tôi n Wardha, m t thành l y c a n giáo. ây là l n u tiên m t bu i h p n i công c ng dành cho Ph t t c t ch c ây.

Vào lúc mười giờ tối hôm đó, một nhóm vì chương trình liên tục của hôm nay đã qua.

Ngay sau khi tôi vào phòng, một người đàn ông chạy vào phòng tôi, đưa cho tôi một lá thư, rồi chạy ra. Lá thư của vị trưởng ban Anh. "Tôi đã gửi thư hôm nay," lá thư nói, "nếu không gửi thì sao?"

Tôi gửi thư về nhà, và đưa cho ông xem lá thư. Ông cau mày lo lắng.

"Ai đưa cho bạn cái này?" ông hỏi.

Tôi trả lời người đàn ông đã chạy vào phòng tôi. Người đàn ông lắng nghe chăm chú, rồi kêu gọi thêm vài người đàn ông nhà cạnh phòng tôi suốt đêm.

Tôi cố gắng ngủ. Nhưng khoảng một tiếng sau, tôi nghe ào ào ngoài hành lang.

"Chúng tôi muốn thảo luận với Swamiji," tôi nghe một vài người nói cùng một lúc. Họ dùng cách ghi phồn thịnh của người bạn bày tỏ lòng cung kính và kính trọng. Nó có nghĩa là "Swamiji kính mến."

"Không, không," người đàn ông trả lời. "Tôi cảm ơn. Ông đã thuyết pháp không ngừng nghỉ suốt mấy ngày nay, nên cần nghỉ ngơi. Không ai cần ông nữa."

Họ phàn nàn, "Swamiji không phải của ông, mà của chúng tôi nữa. Hãy cho chúng tôi gặp ông."

"Không! Tôi cần nghỉ ngơi. Hãy đi đi."

"Chúng tôi sẽ không đi đâu cho đến lúc gặp ông."

Cuộc gọi kéo dài thêm một lúc nữa, rồi cuối cùng các vị khách cũng nghỉ ngơi, khi người đàn ông nhà hàng cho họ gặp tôi ngày hôm sau.

Người đàn ông xin lỗi tôi vì sự nóng giận của họ.

"Swamiji, đây là bàn của người bạn giáo," ông nói. "Có rất nhiều khách đến thăm tôn giáo và chúng tôi đây. Họ không thích việc Swamiji gửi thư. Họ rất Phật giáo. Họ còn vì quá nhiều người Hindu tin vào Phật giáo là quá nguy hiểm. Nếu ai muốn Swamiji gửi thư hôm nay, xin gửi. Không an toàn đâu."

Nhưng đã có một buổi họp đầu tiên vào ngày hôm sau lúc 4 giờ chiều, một thành phố gọi là Goregaon, cách bên mặt đường xây nhà cho người Hindu. Tôi phải làm một quy định, truyền giáo và thuyết pháp cho một đám đông khác. Khi lái xe trên đó, chúng tôi đi qua những hàng rào hàng tỉ nghìn mét vuông.

Các cửa ra vào xếp ra vì các nhân viên xô đẩy nhau, chèn ép nhau. Tôi đi đứng trong xe cho an toàn.

Cuối cùng khi mặt trời đã tắt, tôi đi vào một khách sạn và đi ngủ. Người tổ chức báo rằng đã có vài kẻ côn trùng xông vào phá cửa một-tính. Chúng đòi tôi phải đi theo chúng mà không có thuyết pháp, rồi chúng lại nhìn ngó tôi để chờ trình khi nhìn ngó tôi này thì giao tôi cho họ. Có một người bị gãy chân trong cuộc hỗn chiến, còn người bị thì đã tháo chạy.

Sau này tôi biết tôi đã thoát khỏi một vụ mưu tính bất công trong gang tấc.

---o0o---

Chương 13: Đi cây chuối

Mùa hè năm 1956 tôi sắp xếp lên kế hoạch đi thăm Sanchi. Dưới yêu thích ngôi chùa này và công tác Phật giáo tôi đi, nhưng tôi đã chán ngán cách đi xem không thể chấp nhận của Pannatissa. Tuy nhiên họ mời tôi ký ban đầu về việc Mahabodhi là năm nay, vậy là vẫn còn ba năm nữa.

Một ngày kia chùa đón tiếp một nhóm các vị khách rất đặc biệt, trong đó có vị sư Narada và vị sư K.Dhammananda. Vào lúc đó, vị sư Narada là một vị giảng sư nổi tiếng từ Ceylon, vì sự có thể giảng pháp bằng hai thứ tiếng Sinhala và tiếng Anh, và vị sư Dhammananda là một vị sư Phật giáo Malaysia.

Tôi biết vị sư Dhammananda có một ngôi chùa rất lớn ở Kuala Lumpur. Tôi ánh mắt nhìn bên ngoài và nhìn vào những gì có liên quan đến tu sĩ ở Malaysia.

“Có chớ,” Sư trưởng nói. “Nếu thích ở Malaysia, tôi sẽ giúp. Cho tôi biết khi nào sẽ sẵn sàng.”

Vài phút sau đó, vị sư Narada bỗng nhiên nói với tôi: “Gunaratana, khi nào thì các bạn về Sanchi và cách sống thích hợp các bạn sẽ thấy trên đường đi. Sư trưởng nói với người Anh, tôi có thể dẫn đường cho bạn ở Malaysia nếu muốn.”

Hai l i m i y h a h n trong n m phút –tôi th t là may m n! Tôi th a v i c hai v s r ng tôi b ràng bu c b i m t h p ng n m n m v i h i Mahabodhi, nh ng tôi s xem n u tôi có th dần x p nh th nào ó.

i u mà tôi không th a v i h là tôi c ng ã nh n c m t l i m i khác vài tháng tr c ó, khi Devapriya, T ng th ký c a h i Mahabodhi, n th m Sanchi. Sau khi tôi ch t v n i c Pannatissa v vì c không chân th t v i ng i u b p, i c ã than phi n v i Devapriya r ng ông không mu n có m t tu s nh Gunaratana trong chùa c a ông n a. Devapriya không nói gì áp l i, nh ng sáng hôm sau ông m i tôi cùng i v i ông n Bhopal. Ông mu n nói chuy n riêng v i tôi, và trên xe l a, ông nói th ng v i tôi r ng ông bi t i c Pannatissa là ng i không thành th t.

“Tôi mu n s chuy n n Calcutta hay Bodhgaya,” ông nói. “Tôi s g i cho s m t lá th b nhi m m i.”

Trong khi ch i lá th ó, tôi t vi t m t lá th g i cho v Cao y New Delhi. H chi u kh n c p c a tôi, c xu t khi tôi r i Ceylon n n , s h t h n trong m t vài tháng và c n ph i c gia h n.

n tháng 12, 1956, tôi v n ch a nh n c h i âm, và tôi b t u lo l ng. H chi u c a tôi s h t h n vào cu i tháng giêng, vì th tôi l i vi t m t lá th kh n thi t h n.

Vào ngày 5 tháng 1, v i không h n ba tu n còn l i trên h chi u c a mình, tôi nh n c th tr l i. V Cao u g i cho tôi m t lá n xin h chi u kh n c p m i và b o n u tôi n p n tr l i v i s b o lãnh c a m t bác s hay lu t s uy tín Ceylon, thì n c a tôi s c ch p thu n. M t l n n a, vì tôi không có ng nào, tôi l i c n m t ng i u.

May m n thay m t v bác s ng i Ceylon ã n th m vi ng Sanchi vài ngày sau ó. Tuy nhiên khi tôi nh ông ký giùm gi y b o lãnh, ông t ch i vì c m th y ông ch a bi t tôi . Vài ngày sau ó, l i có m t v lu t s n Sanchi. Ông m i tôi cùng i v i ông trong chuy n hành h ng th m vi ng b n thánh a Ph t giáo n . Tôi ngh r ng n u tôi i v i ng i này, ông ta có th giúp tôi, v l i tôi v n luôn mong mu n c th m vi ng nh ng n i này.

Ngày hôm sau chúng tôi lên ng, h ng n New Delhi. Bu i sáng k ti p, chúng tôi vi ng n th Taj Mahal l ng l y Agra. R i, sau khi chúng tôi n New Delhi tôi nh v lu t s ký gi y b o lãnh tôi xin h chi u kh n c p. Ông b o r t vui lòng.

Tôi nhìn vào phòng của vua Cao y, và tìm thấy những vật phẩm quý giá mà tôi nghĩ sẽ rất đáng giá.

“Thưa ông,” tôi nói, “tôi đã nghĩ cho ông một lá thư bằng vàng và ngọc. Ông có nhận được không?”

“Tôi nghĩ tôi sẽ cố gắng để có được nó,” vua Cao y nói.

“Tại sao không?” tôi hỏi.

“Tôi cảm thấy không thể trả lời câu hỏi đó.”

Tôi nhìn sâu và suy nghĩ về cuộc sống của tôi từ khi tôi lên ngôi. Tôi cảm thấy vì lẽ đó tôi là một tù nhân, nên tôi không thể nghĩ. Tôi cảm thấy vì lẽ đó tôi làm việc cho mình.

“Thưa ông, tôi đã nghĩ sáu trăm cây sừng gia súc để dâng cho ông. Ông đi nhận cho tôi những thứ này. Tôi có quy định để ông nhận những thứ này.”

Bỗng nhiên người tù nhân đứng lên nói.

“Tôi xin giúp vua này, nhưng tôi cảm thấy phải trả ông một cái gì. Ông nghĩ mình sẽ trả cho tôi cái gì?”

“Tôi không nghĩ là tôi sẽ trả cái gì,” tôi nói. “Nhưng tôi sẽ trả cho mình một cái gì.”

Người tù nhân đứng lên và nói vào tai tôi. “Tôi lo, tôi nghĩ về việc này. Vua Cao y này là người cao ngạo, đáng ghét, nhưng ông ta có quy định cho tôi không cho sự hối lộ, vì thế tôi phải kiên nhẫn với ông ta.”

Đột nhiên, người tù nhân nói đúng. Không bao giờ nên tranh cãi với người có quyền hành mà người có lợi mãi mãi vì quyền lực của mình. Tôi không nói thêm một lời nào nữa và vua Cao y, vì muốn tìm kiếm sự yên ổn, nói rằng ông sẽ gửi tôi đến Sanchi cho tôi trong ba ngày nữa. Chúng tôi rời khỏi thành phố, chào nhau, chào nhau, rồi đi.

Cuộc hành trình của chúng tôi bắt đầu ở Kushinagar, nơi Phật nhập diệt của Đức Phật. Ở đó có một ngôi chùa bằng vàng ngọc, và tôi cảm thấy sự yên ổn. Vua này rất thân thiện, dẫn chúng tôi đi cùng khắp quanh chùa. Tôi cảm thấy tràn ngập niềm vui vì điều này mà Đức Phật đã từng có mặt. Vua lão già và tôi đi tìm kiếm ở nơi Kinh Mahaparinibbana (Kinh Nhập Niết Bàn), chúng tôi nghĩ rằng đây là nơi Đức Phật đang trú ẩn khi Ngài nhập diệt: “Hãy tinh tấn tu tập để giải thoát. Đừng sao lãng việc tu tập.”

Chỉ hai câu ngắn gọn đã tóm tắt tất cả những điều mà thuyết pháp của Phật. Vì vậy Phật muốn nhắc nhở là ngài đi tu hành không cần lãng phí một giây phút nào. Chúng ta phải luôn cố gắng chánh niệm không ngừng, vì mục đích là hiểu được chân lý cuộc sống, chúng ta có thể gì để thoát khỏi khổ đau. Đây là những lời Phật thuyết giảng cho các đệ tử của ngài trong một bài kinh khác:

*Đừng suy nghĩ trong quá khứ,
hay hy vọng tương lai,
vì quá khứ đã qua
và tương lai chưa tới.
Dùng trí tuệ thực
tập ngay phút phát khởi;
hãy biết và biết rõ điều đó,
không suy chuyển, chớ nghĩ nghĩ
Phật dạy hôm nay;
ngày mai ai biết chắc, thì nên chờ đợi hay không?
Không thể trì hoãn vì thế nên,
không thể xua đuổi hay tránh né,
ai siêng năng quán tập (điều đó)
êm ngày không ngừng nghỉ
bậc hiền trí sẽ nói ngài đó
câu duyên lành theo sau.*

Sau thời gian Kushinagar, chúng tôi đi taxi đến Lâm Tế Ni, nơi Phật nhập sinh, ngay biên giới với Nepal.

Lâm Tế Ni rất xứng đáng, cảm tạ, và bắt đầu chớ y rong. Chỉ có một nền tảng nền tảng đức vua thái tử Siddhattha, hoàng hậu Mahamaya đã lâm bồn trong rừng cây. Một trăm năm trước do vua Ashoka dựng lên, bảo rằng đây là nơi thái tử Siddhattha Gotama được sinh ra. Ngài trong một túp lều chớ y rong

Lần b c vào, có m t bàn th b ng á có kh c c nh hoàng h u Mahamaya níu vào m t cành cây, trong khi các cung n gi ng màn che quanh bà. Bàn th ch t y hoa t i, ền nhang.

Chúng tôi ng i t a thi n ó m t lúc. ó là m t n i c bi t nh ng tôi c m th y bu n khi th y m t thánh a không c ai ch m sóc.

(Hi n t i, Lâm T Ni ã t t h n. X Nepal, d u qu c o là n giáo, v n cho phép các Ph t t trùng tu l i n i Ph t n sinh. M t vài qu c gia, k c Tích Lan và Burma, c ng ã có chùa ó, và “ngôi chùa hoà bình” qu c t v i ã c d ng lên).

Ngày hôm sau chúng tôi n Sarnath, mi n b c n , n i c Ph t thuy t pháp l n u tiên trong V n Nai (Deer Park) n i ti ng. Trong lúc i quanh nh ng v n cây yên t nh y xoài, i và các lo i cây nhi t i khác, tôi g p Ponnamparuma, m t ng i b n làm vi c v n phòng h i Mahabodhi vùng Sarnath.

“Huynh nh n c th ch a?” ông h i tôi ngay l p t c.

“Th a ch a,” tôi tr l i.

“Có m t lá th b o m c a i h c Benares g i n v n phòng chúng tôi. Lá th ch trao cho i c Gunaratana, vì th tôi mang lá th n cho m t tu s cùng tên Benares. Ông m th ra và nói r ng ó là th c a S , không ph i c a ông. Ông y b o s chuy n th cho s .”

Vì chúng tôi ang g n Benares, nên tôi n chùa, tìm i c Potuwila Gunaratana. ó là v t ng s mà tôi ã s ng chung m t th i gian ng n, ngay tr c k thi tuy n sinh i h c. Ông ã t ch i cho tôi m n sách và ã nói d i v i tôi. Tôi bi t ông không ph i là b n mình.

“Tôi ã chuy n th cho S lâu r i,” ông b o tôi. “Có th b u i n ã làm m t.”

Tôi nghi là ông ã nói d i, nh ng i u tôi quan tâm nh t là n i dung lá th .

“S ã m th ,” tôi nói. “V y th n ói gì?”

“Tôi không bi t, tôi không c k ,” ông tr l i. “Hình nh v n xin nh p h c c a ông. Hình nh ã b t ch i.”

Ông m a mai. Hình nh ông r t thích thú v i u ó.

Không thể hỏi thêm gì nữa, nên tôi nghe phải là Hammalawa Saddhatissa, là vị giáo sư ở Benares, nghe tôi khuyên tôi nên vào viện. Ông bảo đúng là tôi đã bắt chước, nhưng ông giúp tôi tìm ra lý do thì sao: tôi đã quên ký tên vào phía sau bức ảnh mà tôi nên phải xin phép, và thế là xin phép của tôi không có xét nữa!

Còn năm ngày nữa mới hết hạn, và vị sư Saddhatissa khuyên tôi nên nộp phạt như phép của tôi. Tôi báo cho người bạn luật sư biết tôi cần đi Benares một vài ngày và khuyên ông nên tiếp tục cuộc hành trình một mình. Rồi tôi bắt đầu bước vào viện phải chú ý đến những vấn đề nên phải làm.

Trước hết tôi phải chấp nhận và tôi đã van nài người thì nhanh chóng trả lại. Nhưng tôi không tìm ra một người xin phép nào -trên người họ cũng không còn. Có người mách rằng Potuwila Gunaratana có thể còn vài tờ, nên tôi liền cùng với Ponnampereuma, người bạn của Mahabodhi, đến phòng này. Người cha, Gunaratana nói ông không còn tờ nào nữa, nên chúng tôi quay đi.

“Ponnampereuma, thì sao ông này về với con người khác không?” và tu sĩ già về theo. Dĩ nhiên là ông ám chỉ tôi. “Nếu ông đi một mình, có thể tôi sẽ cho ông một tờ. Nhưng ông đi với người khác... thì hãy quên đi!”

Liền nữa tôi liền quay qua vị sư Saddhatissa cầu xin giúp đỡ. Cả hai chúng tôi đi khắp thành phố cho đến khi chúng tôi tìm được người có dự định trả. Lúc đó đã chín giờ rồi, đêm hôm trước ngày hết hạn nộp. Ngày hôm qua thì nhanh chóng và không còn thời gian nữa.

Tôi nghe người xin tiền. Ngay hàng đầu tiên người ta đã đòi biên lai chứng nhận rằng tôi đã nộp một trăm rupee trong lần nộp trước. Họ đòi con số trên tờ ngân phiếu mà tôi đã gửi và dĩ nhiên tôi không thể nào nhận được chi tiền đó.

Vì thế sau tất cả những cố gắng kiên cường đó, tôi đành đành bó tay. Tôi không thể nộp tiền xin họ. Lúc đó, trước khi máy vi tính trở thành thông dụng, một vị cố vấn gần như chắc chắn có thể khi người ta không thể nộp và vì thế tôi không thể vào viện.

Để giải quyết những vấn đề của mình, tôi quyết định tiếp tục cuộc hành trình. Tôi tiếp tục bắt đầu cùng với người bạn Bodhgaya.

Trong lúc đó, tôi tin rằng một Phật tử giác ngộ, khi nghe đi đi cây, tôi cảm thấy như được tái sinh. Khi nhìn thấy cây bồ đề lớn, xum xuê, trong tôi tràn ngập xúc động và hạnh phúc về tâm chí thành.

Tuy nhiên, đó không phải là cây *Ficus religiosa* mà tiên sư đã trồng vào thời Phật còn tại thế. Cây bồ đề nguyên thủy đã bị hủy diệt - đốt cháy và được tái lập bởi vua Ashoka vào thế kỷ thứ ba trước Công nguyên, vì bà ghen tị với việc chứng minh bằng quá nhiều thời gian tu viện Bodhgaya. Sau này, vua thành tín đã trồng một cây bồ đề khác tại thánh địa này. Theo truyền thuyết, Đức Phật đã yêu cầu thiếp của Ngài, tức Ananda, chỉ tay một nhánh của cây bồ đề nguyên thủy, em trai Jetavana, nơi Đức Phật thành đạo. Vì thế cây bồ đề tại Bodhgaya của vua Ashoka, tức chi nhánh của cây bồ đề của Ananda, là có nguồn gốc từ cây nguyên thủy mà vua đã hủy diệt.

Ngày nay, thánh địa này là nơi thu hút các đoàn hành hương Phật giáo. Người ta đi vòng quanh cây bồ đề nhiều lần, xưng tụng “*Sadhu, Sadhu, Sadhu*” (Lành thay, lành thay, lành thay). Không khí yên tĩnh, bao bọc bởi hàng chạng hoa, trái cây và hương thơm. Vì xà-rong quấn quanh thân cây. Các vị tu sĩ Tây Tạng úp mặt đất khi hành lễ.

Tôi cảm thấy là tôi có thể nghĩ tới những gì đã xảy ra. Tôi cảm nhận sự hiện diện của Đức Phật khi Ngài sắp hoàn thành bước nhảy cuối cùng, và đi vào giải thoát. Tôi tưởng tượng ra quá đỗi rõ ràng, trong một căn phòng cùng, thánh địa nơi con gái của nó – Tham, Sân và Si – ngự trị.

Trong bóng cây bồ đề bao la, tôi dường như nghe thấy tiếng của Đức Phật khi Ngài chạm tay vào ngón tay của một bàn tay, giải thoát nó khỏi nỗi đau của giác ngộ giải thoát của Ngài.

---o0o---

Chương 14: Hành trình trở lại nhà

Ngay khi vừa trở về sau cuộc hành hương, tôi đã gặp lại Devapriya, người thầy của tôi tại Mahabodhi, người đã hứa cho tôi chuyến đi thăm tôi có thể tới Sanchi. Khi trao đổi với nhau trước đó, ông bảo rằng có thể sẽ gặp tôi tại Calcutta hay Bodhgaya, nhưng khi về tới tôi, ông đã có mặt tại New Delhi. Hình như có một người bạn của tôi tại Bengal, có thể đến tôi. Tôi vui mừng chấp nhận nhiệm vụ và sau đó tìm kiếm một người khác thay thế tôi tại Sanchi. Tôi báo cho người bạn của tôi tại Pannatissa về việc này. Phấn khích ông nói rằng tôi đã đoán đúng: ông rất vui mừng về việc tôi vì tôi không bị thất vọng.

Chỉ duy nhất mà người bạn của tôi tại Pannatissa nói, trước khi tôi rời đi là bản thân mà tôi đã vì tôi thích về các hình ảnh khắc trên các cột đá của chùa

Sanchi. Tôi đã cố gắng tìm người giúp in quyển sách nhỏ bằng tiếng Anh đó, chúng tôi có thể tặng cho khách đến viếng chùa. Tôi do đó, vì biết chắc Pannatissa sẽ không in bản thảo mà sẽ loại nó đi hay ngay cả hủy bỏ nó, và thế là tất cả công sức của tôi sẽ tiêu tan. Tôi chắc chắn rằng đó đúng là lý do tại sao ông cần nó. Tuy nhiên, tôi biết rằng nếu tôi nói, ông sẽ không bao giờ tôi ra đi trong bình an. Vì thế tôi chỉ biết hít thở sâu vào, và trao bản thảo về tay cho ông, rồi xách duy nhất một chiếc valise, đi xuống sân ga cùng. Tôi không muốn nhìn lại.

Vào ngày 1 tháng 2 năm 1957, tôi đến New Delhi, sẵn sàng vào làm việc tại văn phòng học viện Mahabodhi trên đường Reading. Tôi sống trong ngôi chùa nhỏ với vợ sống ở Bengal, đã từng học ở Ceylon. Ông nói lưu loát tiếng Sinhala, và tôi phải nhận tôi rất ngu ngốc.

Ngay sau đó tôi viết thư cho ông Moonasinghe, thư ký của học viện Mahabodhi Ceylon. Tôi báo cho ông biết tôi đã chuyển về New Delhi và nhờ ông chuyển tin chi tiêu hàng tháng của tôi đến ông. Chỉ trong vài ngày, ông trả lời: “Ai cho phép sống chuyển đến New Delhi?” ông viết. “Trên thực tế là của học viện Mahabodhi không! Chúng tôi không thể chấp nhận sinh hoạt hàng tháng cho số tiền như số còn sống đó. Nếu còn muốn lãnh bằng mỗi 1000 rupee của chúng tôi, sẽ phải trở về Sanchi. Ngôi chùa đó mới là sự sống của chúng tôi.”

Tôi trả lời. Tôi không hề biết các học viện Mahabodhi ở Ceylon và nhận là những người bạn tách biệt. Tôi cố gắng viết cho Devapriya, “Làm sao tôi có thể sống mà không có tin sinh hoạt này?” tôi hỏi ông. “Phải chờ quanh đây một chút, tôi không thể đi khắp thế giới quanh Delhi vì ngân sách của chúng tôi rất nhỏ.”

Devapriya viết một lá thư đến Moonasinghe, gửi thích rằng ông là một người thư ký của Học viện Mahabodhi ở Ceylon và Ceylon. Về mặt cách nhận thức, ông có quy định hạn chế, lo ngại hay chuyển đi bất cứ thứ gì nào và chính ông muốn tôi đến New Delhi.

Sau đó, Devapriya theo dõi chắc rằng người ta vẫn giữ tin tức Calcutta cho tôi hàng tháng mà không có vấn đề gì.

Công việc của tôi ở New Delhi là làm việc với những người thu thập các tài liệu về Phật giáo. Một điều đáng chú ý là tôi được chọn để nghiên cứu về Phật giáo ở thành phố. Một lần đó tôi đến Beerat, là nơi người ta tin rằng Phật đã giảng bài kinh nói về Mahasatipatthana, bài kinh Tỳ Ni m X đó.

Tôi cố gắng tìm kiếm một trợ giảng cho ông, tôi hỏi các người bạn như Das Gupta, nhưng tôi có thể ghi danh học tiếng Anh và những môn học khác. Thay vì học

tr ờng, m ột ng ười r ất r ẻ và t ối bi, ã mi ền phí ti ền h ọc cho tôi. Das Gupta không th ể so sánh v ề i ều h ọc Benares v ới nhi ều m ột, nh ư ng ít nh ất tôi c ần ng ười c ầu đ ể thêm ki ến th ức và i ều ó khi n ăm tôi r ất h ết nh ục. V ới n ội đ ộc duy nh ất là, t ừ ngày đ ầu tiên tôi đ ến ch ỗ n ăm tr ờng, các sinh viên khác ã dùng l ời l ời th ỏa m ột. Tôi óán là do h ết nh ết tôi là ng ười thu ộc giai ệ p H ết ti ền vì tôi luôn có m ột các khu ực c ả ng ười H ết ti ền.

T ất c ả các tu ệ ph ục v ới cho H ết Mahabodhi đ ều c ần ng ười phép m ột hai n ăm. Lúc ó tôi ã đ ến h ết hai n ăm, vì th ết tôi đ ể i ều ki ến, hay óng ra là ã ph ết c ần ng ười phép lâu r ời. Tôi nh ết c ả th ết gia ình báo r ẻng cha tôi b ết nh ết n ăm và h ết yêu ệ u tôi v ết th ết hi ết nh ết l ết ng ười ni ết m ột u ản cho ông. Tôi ã đ ể l ết r ẻng tôi đ ể v ào ngày 20 th ết 3.

Đ ể xin ng ười phép c ả tôi nhanh chóng đ ể c ả p ết thu ết, nh ết ng ười tôi không tin r ẻng m ột th ết hoàn toàn trôi ch ết. Đ ể đ ể i ết l ết ph ết c ả tính trong k ết ng ười phép, nh ết ng ười v ết phòng H ết không g ết cho tôi v ết tàu h ết a. Khi g ết n ăm ngày 20 th ết 3, tôi v ết còn n ội nóng ch ết i ết v ết tàu. R ết b ết ng ười nh ết, tôi đ ể g ết p ết m ết v ết s ết cho b ết đ ể ông có m ết v ết tàu h ết nh ết n ăm Bombay. S ết nói r ẻng ông không c ết n ội dùng v ết, n ết ã cho m ết tu ệ khác, nh ết ng ười ng ười này c ết ng ười không có nhu ệ u s ết đ ết. Vào ngày 20, kho ết ng ười m ết gi ết r ết sáng, c ết i ết cùng tôi c ết ng ười tìm ra đ ết v ết s ết th ết hai. Ông nói r ẻng ông c ết ng ười đ ết nh ết i ết ch ết n ăm tàu ngày ó, nh ết ng ười v ết a ho ết l ết i, vì th ết ông trao tôi c ết v ết. Ch ết n ăm tàu đ ết nh ết s ết r ết sân ga đ ết n ăm Bombay lúc n ăm gi ết r ết i ết chi ết u.

Tôi v ết i ết vàng ch ết n ăm hành lý và vì tôi ch ết có ba rupee trên ng ười, tôi m ết n ăm m ết chi ết taxi ba bánh, m ết t ết lo ết i ết xe đ ết p ết có ba bánh th ết t ết to -v ết i ết ng ười i ết u khi n ết p ết xe đ ết phía tr ết c ết và hành khách ng ười phía sau - đ ết a tôi đ ết n ăm tr ết m ết xe l ết a. V ết tàu h ết nh ết n ăm Bombay cho phép tôi đ ết c ết lên xu ết ng ười nhi ết u tr ết m ết n ết u tôi mu ết n, vì th ết tôi ã tham quan m ết s ết n ết i. Trên đ ết ng ười, tôi đ ết ng ười l ết m ết s ết chùa, m ết i ết n ết i ết l ết i ết m ết t ết hay hai đ ết êm. Và tôi c ết ng ười v ết ng ười c ết nh ết ng ười hang Ph ết t ết n ết i ết t ết ng ười Ajanta và Allora. Lúc tôi đ ết n ăm Bombay thì ã đ ết u th ết 4.

Tôi b ết c ết ra kh ết i ết tàu không b ết t ết ch ết c ết mình ph ết i ết làm gì. Tôi ch ết m ết i ết i ết c ết n ết a đ ết ng ười v ết nhà mà ã h ết t ết ti ết n. May m ết n ết thay, tôi g ết p ết m ết t ết nhóm kho ết ng ười hai m ết i ết ng ười Sinhala. H ết ang ết i ết hành h ết ng ười n ết, và ang ết trên đ ết ng ười tr ết v ết nhà Ceylon. H ết nói r ẻng h ết ã gi ết ch ết c ết m ết t ết bu ết ng ười tàu h ết a, n ết n ết v ết còn đ ết ch ết cho tôi th ết áp t ết ùng theo h ết, và tôi ã làm th ết.

Đ ết êm ó, tôi đ ết túi xách đ ết i ết gi ết n ết m ết ng ười. V ết i ết c ết tr ết m ết c ết p ết trên tàu h ết a r ết t ết th ết ng ười x ết y ết ra, vì th ết tôi ph ết i ết c ết n ết th ết n. Trong túi xách ó có t ết c ết nh ết ng ười gi ết y ết t ết tùy thân c ết a tôi, k ết c ết công v ết n ết h ết chi ết u kh ết n ết c ết p ết mà khó kh ết n ết l ết m ết tôi m ết i ết xin đ ết c. Sáng hôm sau, th ết c ết đ ết y ết thì tôi th ết y ết túi xách ã b ết i ết n ết m ết t, ai ó ã rút nó ra kh ết i ết gi ết n ết m ết c ết a tôi! Tôi l ết c ết tung m ết i ết x ết x ết nh, nh ết ng ười c ết ng ười

không thể tìm được chiếc túi. Tôi biết rằng mình không thể đi qua biên giới Ấn Độ và Ceylon nếu không có công văn chính thức. Tôi cần phải xin một công văn khác, mà nơi gần nhất là Madras. Vì thế tôi trao hành lý cho một người trong những khách hành hương Sinhala mà tôi vừa quen. Tôi nhớ ông trao lịch trình này cho một người bạn trong gia đình nên tôi đi cùng. “Không,” người khách nói. “Hãy đi với chúng tôi đến Mandapam, một ki-ốt soát hộ chiếu báo lễ vì các vị quan. Họ sẽ nhận hộ chiếu cho bạn và sẽ thông tin gì thích mà vì các vị chính quyền Ceylon. Nếu họ không tin thì sẽ có thể trở về Madras xin giấy khác.”

Tôi không tin tưởng lắm về lịch trình này. Nếu đi cùng mà tôi phải rời Madras khi tôi đã đến Mandapam, thì chuyến đi của tôi sẽ còn tồi hơn nữa. Nhưng họ thuyết phục tôi.

Trong hàng chờ ki-ốt soát giấy xuất nhập cảnh Mandapam, tôi rất lo lắng. “Lý do mình phải rời Madras sớm hơn,” tôi suy nghĩ. Trong lúc chờ đợi, tôi hình ảnh khi nào tôi cảm thấy bất an, nhưng không thể xóa đi khỏi tâm trí: hình ảnh ám ảnh của cha tôi. Tôi nhìn thấy mẹ, các anh chị em tôi khóc khi họ đang quanh quẩn tài sản của cha.

Tôi cũng suy nghĩ: “Không biết tôi có phải quay trở lại gặp Cao ủy New Delhi, người đã gây khó khăn cho tôi khi tôi xin hộ chiếu lúc trước?”

Khi nhìn lại mình, tôi giờ thích việc đi quan rặng núi xá-chả-b-m-t-c-p. May mắn thay, ông ta tin chuyến đi, và lập tức trao cho tôi một lá thư giao cho vị quan của khu Ceylon. Tôi thở phào nhẹ nhõm.

Trong lúc đó, những người hành khách đi cùng tàu, đã gom góp lịch trình của tôi ít tí nữa cho tôi, vì họ cảm thấy tội nghiệp vì tôi bỏ một chiếc túi xách. Họ lên bàn tay của tôi.

5 giờ sáng hôm sau, ngày 6 tháng 4 năm 1957, tôi về đến Ceylon.

Khi tàu vào ga Kurunegala, tôi nhìn quanh tìm những khuôn mặt thân thuộc nhưng không thấy ai. Tôi cảm giác gì như lần đầu tiên xa nhà -ch có mặt mình.

Dùng tí nữa mà những người hành hương Sinhala đã gom góp cho, tôi mua một chiếc taxi. Xe chạy qua những trang trại đẹp đẽ của Maladeniya, cho tôi khi không còn nhìn thấy nữa. Tôi phải đi bộ xuống còn lại, qua những ruộng lúa mà nhiều năm trước tôi và Gunawardhena đã làm việc qua khi chúng tôi bắt đầu chuyển rẫy.

Khi tôi về đến chùa, tất cả hoàn toàn yên tĩnh. Thậm chí tôi không có chùa, nên tôi hình thành nhóm của mình. “Sớm ra ga đón thầy,” một người bạn nói với tôi.

“S ph i r i,” m t ng i khác n a nói. T t c thì th m m t cách lo âu v i nhau và li c nhìn tôi. Ch c ch n có i u gì ó không bình th ng. Cu i cùng lúc 10 gi , s ph tôi b c vào khuôn viên chùa. Tôi nh l xu ng chân s .

“S v a n th m gia ình con,” ông nói v i tôi. “Cha con v a m t t i qua.”

---o0o---

Ch ng 15: ám tang cha

Tôi i ng ng i. Tôi ã tr v Ceylon ch tr m t vài gi . Cha tôi m t tu i 79. Tôi ã không v k p th c hi n nghi l t ng ni m c u an cho cha nh tôi ã h a v i gia ình. Tôi bi t m ch c bu n l m.

Tôi m n m t chi c taxi khác, ch y v Henepola. V a nhìn th y tôi xu t hi n trong sân ngôi nhà nh , bà ã òa khóc.

“ áng lý ra con v làm l c u an cho cha,” bà s t sùi. “Nh ng b t ng ch a! Cha con ã ra i.”

N c m t tuôn tràn xu ng m t tôi.

Tr c hiên nhà, xác cha tôi m c áo chemise và xà-rong tr ng, c t n m ngay trên chi c gi ng n i ông m t ã hai ngày. che l p mùi hôi, chúng tôi t nhang và lá chanh. M y cây èn d u cháy nh p nháy u và chân gi ng. Công vi c u tiên c a chúng tôi là m i v s chùa trong làng n làm ám táng. V s này l i có th m i thêm nhi u v khác, b ng cách i t chùa này n chùa kia chuy n l i. ám táng Ceylon không c hành trong chùa, mà làm ngay t i nhà ng i ch t, n u nhà ó có sân r ng cho m i ng i n vi ng bên ngoài. N u nhà không r ng, các th y s n ngh a trang làm l , t ng kinh ngoài huy t chôn ng i ch t.

M c d u m i ng i trong làng u ã bi t vi c cha tôi m t, nh ng chúng tôi c ng ph i ích thân n t ng nhà m i m i ng i n d ám táng. Vi c này do anh tôi, Rambanda, m nhi m. Lý ra Tikiribanda, là con trai c , ph i làm chuy n này, nh ng anh ang i xa và m tôi không bi t làm sao nh n tìm anh. Anh còn không bi t r ng cha c a chúng tôi ã m t.

Theo truy n th ng Sinhala, lá tr u c dùng m i cho t t c m i tr ng h p. m i nhà, b n s c m ba lá tr u trong tay, và khi ch nhà m c a, b n s trao các lá tr u cho ng i y. Ch b ng cách nhìn s x p t c a các lá tr u, ng i ó s bi t là h c m i cho đ p nào.

i v i nh ng chuy n vui – ám c i, tân gia, t tên con- thì các lá tr u s c s p x p v i c ng tr u h ng v khách. Khi là tang l , thì uôi lá tr u s

hàng v khách. Đây là một nghi lễ quan trọng và chúng tôi không thể bỏ qua nhà nào, nếu không hãy sẵn sàng chờ đợi. Ceylon, tất cả mọi người trong làng đều nhận thức về nghi lễ này, dù họ có quen với nghi lễ hay không. Nhưng nếu coi là thất lễ khi không nhận lễ tang vì bất cứ lý do gì. Trong hai ngày trước khi chôn, nhiều người đến và hàng xóm đến nhà chúng tôi chia buồn. Vì một gia đình đang có tang chôn không nên nên các vị khách mang đến cho chúng tôi. Tất cả mọi hình và kiêng trong nhà đều được xoay mặt trở vào tang. Mọi và các chị em tôi khóc suốt.

Rambanda và tôi đi bán gạo và mua một khúc vải trắng dùng trong tang. Thứ hai, chúng tôi đi mua gạo, một công viên và một mảnh đất, nhưng chúng tôi chỉ mua tám thước.

Trong lúc đó, những người bạn của gia đình đi thu gom gạo cho cha tôi một cái hòm. Nhóm khác thì ra ngoài mua gạo, một công viên và một mảnh đất.

Ngày hôm sau, gia đình và tôi chuyển xác cha vào hòm trong lúc những người hàng xóm tập hợp ngoài sân theo đúng tục lệ. Nếu hòm chưa xong thì chúng tôi có thể nhìn mặt cha lần cuối. Dân làng chờ đợi, chờ đến khi có kho gạo bên trong thì rời khỏi.

Chiều hôm đó, có một vị tu sĩ đến nhà chúng tôi. Sau khi thăm viếng người chết, họ đứng trên những chiếc ghế mà chúng tôi đã phải đi lên. Vị sư trưởng truyền tam quy và giảng cho mọi người. Rồi Rambanda mua một vị trí mà chúng tôi đã mua ra, trao cho vị sư trưởng. Về việc này tôi chuyển nó xuống cho các vị khác, nhưng tôi có thể nhận một phần của mình.

Rồi tất cả chúng tôi tụng bài kinh truyền thống của Phật giáo vô thường. Những lời kinh tụng dường như là bằng tiếng Pali, nhưng trong tiếng Anh, chúng có nghĩa là:

Tất cả mọi vật đều vô thường, đều biến đổi.

Đã có sinh thì phải có diệt. Bất cứ cái gì cũng có sự tan rã.

Các ý niệm về vô thường và sự chết là một trong những phần khó nhất của thuyết pháp. Nhưng tôi bắt đầu khi phải nghe những người như, "Tất cả chúng ta đều đang chết, từng giây phút," hay "Tất cả đều vô thường; chúng ta không thể bám víu vào điều gì." Nhưng ý nghĩa là vì chúng ta bám víu vào những vật đang biến chuyển, nhưng chúng ta sẽ không thể tránh khỏi mất mát, vì thế mà chúng ta đau khổ.

Nhưng nếu chúng ta thức tỉnh nhìn thẳng vào vô thường, tất cả những thứ này nó có thể có mặt. Ta có thể hoàn thành công việc hoàn toàn như những người khác.

h u trong cu c s ng c a ta, chúng c ng s ph i thay i. Chúng có th tr nên t h n, nh ng c ng có th t t h n. Do vì vô th ng, chúng ta có c h i h c h i, phát tri n, tr ng thành, d y d và th c hi n nh ng s thay i tích c c khác, k c vì c tu t p theo con ng Ph t pháp. N u m i th trên th gian này u c nh, thì không có s thay i nào có th x y ra. Ng i th t h c s luôn th t h c; ng i nghèo ói s luôn nghèo ói. Chúng ta s không có c h i ch ng tham, sân, si, và nh ng h u qu tiêu c c c a chúng.

V vì c không th tránh c cái ch t, chúng ta ph i nh r ng không ch là c th ta tr nên già y u, h ho i và ch t, mà các c m giác và tr ng thái tâm c a ta c ng th . N u b n nh m m t l i ch trong m t phút, b n có th c m nh n c m t c m giác hay tình c m ã phát sinh, tr nên già c i và qua i. Nó gi ng nh m t làn sóng, tr i cao lên và r i xu ng. T ng t , nh ng suy ngh c a ta c ng tr nên c k và h ho i. T t ng c a ta, th c c a ta, c ng tr nên già c i và ch t. ó là b n ch t c a s hi n h u c a chúng ta, và i u ó x y ra t ng giây phút.

Bu il ng i n ánh d u s ra i c a cha tôi k t thúc v i s h i h ng. M , anh và các ch em tôi qu g i trên sàn nhà và ch n c trong bình ra các tách trong khi c t ng nh ng l i h i h ng truy n th ng.

Nguy n h ng công c này n các thân quy n c a chúng tôi. C u cho thân quy n c a chúng tôi c h nh phúc.

Khi h ti p t c ch n c vào tách, các v s t ng kinh c u nguy n cho cha tôi c tái sinh:

Nh nh ng con sông y n c ch y ra bi n y n c, mong r ng nh ng công c này s em l i l i ích cho ng i ra i. Nh n c ch y t trên cao nguyên xu ng d i ng b ng, mong r ng nh ng công c này s em l i l i ích cho ng i ra i. V i các công c này, mong ng i s c s ng lâu, s c kh e, tái sinh lên các cõi tr i và t c ni t bàn. Mong r ng t t c nh ng hy v ng và c mu n c a ng i u c thành t u, t t c nh ng mong c u u c th a mãn, nh là c c t nh ng viên ng c c hay m t tr ng vào ngày tr ng r m.

Nh ng l i t t p v s tái sinh cõi tr i bi u hi n m t ph n giáo lý c a c Ph t ph i c ng i ta tin theo b ng tín tâm. Thiên v n Ph t giáo t có ba m i m t hành tinh hi n h u. Có cõi c a a ng c, cõi c a qu ói, cõi thú, cõi ng i và nhi u cõi tr i. Ng i ta c sinh vào các cõi này v i nh ng m c sung s ng khác nhau tùy theo nghi p c a h . ó là do lu t nhân qu quy t nh c quá trình.

Ni m tin này có th t o nên v n trong m t giáo lý nh n m nh vào s c g ng và trách nhi m c a m i cá nhân. Nh ng s th t là chúng ta không bi t i u gì s x y ra sau khi ta ch t, vì th chúng ta ph i quy t nh xem có mu n ch p nh n nh ng l i d y c a c Ph t ch đ a trên lòng tin. ôi khi làm th là khôn ngoan. Thí d nh bác s cho b n m t toa thu c và nói r ng nó s ch a c b nh c a b n. B n không bi t r ng nó s ch a b n h t b nh hay không; nh ng b n ph i có lòng tin vào s hi u bi t và kinh nghi m c a ng i bác s .

D u v y, ng i thi u lòng tin c ng có th ngh , “Tôi không qua n tâm cho i s ng t ng lai. Tôi ch mu n bi t tôi s c gì ngay trong cu c s ng này.” Do v y, c Ph t khuyên chúng ta hãy ngh n m t kh n ng khác.

Ngài d y, ngay n u nh không có m t i s ng t ng lai, thì làm vi c thi n c ng s mang n cho b n h nh phúc và tâm thanh t nh trong ki p này. Còn n u th c s có m t i s ng t ng lai sau khi ch t, thì ng i làm vi c thi n s c th ng n hai l n: bây gi và trong ki p sau.

M t khác, thí d nh b n ch n con ng b t thi n. Ngay n u nh không có i s ng trong t ng lai, b n v n c m th y t i l i và kh au trong ki p s ng này. Còn n u nh th c s có m t i s ng t ng lai sau khi ch t, thì b n s ph i kh l n n a sau này.

Vì th , d u vi c tái sinh có là m t th c t i hay không, hãy buông b i u ác và vun tr ng i u thi n m b o cho h nh phúc c a chúng ta.

ám tang c a cha tôi, v s tr ng thuy t v nh ng i u này. Sau ó m t vài ng i b n, và thân quy n ng lên, t ng ng i m t, nói vài l i ng n ng i v cha tôi.

Cu i cùng, n l t tôi c m n m i ng i ã n. Cho n lúc ó, tôi ã có th ki m ch xúc ng c a mình. Nh ng khi b t u m l i, tôi không ki m gi c và b t khóc. ó là t t c nh ng gì tôi có th làm thay l i c m n.

Sau ám tang c a cha, tôi nán l i thêm vài ngày v i m ; r i sau ó tôi i Colombo. Tôi mu n vi ng tr ng truy n giáo Ph t giáo và n nh l lão s Vajirananda Nayaka.

M t s th t ph phàng ang ch i tôi ó!

“S ang làm gì ây?” là nh ng l i chào ón không c n ng h u c a lão s Vajirananda i v i tôi. “Chúng tôi hu n luy n cho s , r i s b r i chúng tôi và gia nh p H i Mahabodhi n ! Gi s mu n tr l i ây, n c m c a chúng tôi? S không có quy n n ây. Chúng tôi không mu n có m i liên h gì v i s n a.”

Đó là bài học thứ hai của tôi về sự chia rẽ sâu xa giữa các phân hệ Sinhala và
nền của Hệ Mahabodhi. Rồi rằng họ là những người chúng tôi nhau đã
đi và lão sư Vajirananda nói với tôi vì tôi đã cố gắng phục vụ hai.

Không chỉ là vì lão sư đã quên là tôi viết cho Sinhala, vì tôi thích lý do tôi phải
ở Sanchi, mà Sinhala cũng không muốn nghe tôi phân trần. Sinhala không hỏi tôi lý
do mà chỉ nói tình hình Sanchi mà cũng không cho tôi một cơ hội gì bày.

Khi tôi nói với ông Moonasinghe, ông này cũng giận dữ. Ông vẫn ngồi trong
ghế, mặc dù ông đã cố gắng đứng dậy chào hỏi tôi, rồi ông đi
xuống sân nhà bày tỏ lòng kính trọng. Ông không muốn tiếp chuyện với tôi
hay cố gắng nhìn tôi.

Đó là cung cách trong nền văn hoá Sinhala truyền qua bao thế hệ. Người trẻ tuổi
là không được quyền nói lên ý kiến của mình. Ngày nay nhiều người trẻ hoàn
toàn, bị chùa ra đi vì quá bức xúc vì những sự kiện như thế. Các thầy là
chỉ còn lại các vị sư lớn tuổi phải xoay sở, cố gắng duy trì cho chùa hoạt
động. Các thầy vì cách quản lý sai, không có công bằng vì các thầy
già và trẻ.

Khi còn nhỏ, chúng tôi không bao giờ có thể đi lại vì cha mẹ. Không bao
giờ. Chúng tôi phải im lặng bày tỏ lòng kính trọng vì ông già lớn. Suốt
thời thơ ấu, cha mẹ bao giờ tôi dám không nghe ý của cha tôi hay ngay cả nói to
tiếng với ông. Trẻ con cũng thế; các thầy bị tất cả mọi việc. Họ tuân theo
truyền thống, và chúng tôi không được quyền thách thức hay bàn cãi về bất cứ
gì.

Vì thế suốt thời thơ ấu, tôi im lặng một cách cam phẫn. Khi có một ngày đi
lớn, tôi hầu như không dám nói. Và vì tôi vẫn còn trẻ con, một cách
khó tin, cho đến ngày nay, bây giờ mới nói sau. Đôi khi tôi cảm thấy mình ngồi
bên cha hay quý sư, mà sự hãi không dám nói. Nhưng sự hãi đó đã bám sâu vào
trái tim của tôi.

Vào ngày 6, tháng 5, 1957, một tháng sau đám tang của cha, tôi trở lại
Ấn Độ. Tôi một tháng ở Madras, thăm với ông bà, rồi trở về New Delhi.
Đó là lần đầu tiên tôi gặp ông bà ở chùa và thầy giáo Das Gupta.

Khi Devapriya, thầy giáo Hệ Mahabodhi, nghe rằng tôi đang theo học các lớp
truyền giảng, ông đã mời tôi. Ông cố gắng thuyết phục tôi đi Bodhgaya,
thay thế vì tu sĩ đó, nhưng ông nói là đã bị “tiền xu” - một ám chỉ rằng
vị tu sĩ đó có lẽ phải mất một giờ để đi.

Đó là vào đầu tháng 7, bắt đầu mùa mưa khi các vị tu sĩ theo truyền thống
phải ở trong tu viện ba tháng, tuân theo thời gian khi các Phật tử và các nhà

Ngài th c hành an c mùa m a. Vì th tôi b o v i Devapriya tôi không th i
âu ngay l p t c.

Vào tháng m i, ngay khi mùa an c v a ch m d t, Devapriya l i qu y nhi u
tôi. Ông g i m t lá th khác, l n này ra l nh cho tôi i Bombay.

“N u S không i, chúng ta có th b m t m t trung tâm c a H i ó,” ông
vi t. “Xin vui lòng kh i hành ngay l p t c”.

Tôi c bi t, chùa ó không còn có v s nào tr trì, và các v lãnh o trong
H i Mahabodhi s r ng m t s trong hàng tri u ng i vô gia c Bombay s
đ n vào toà nhà tr ng ó, r i òi quy n c ng . Lúc ó, nh ng vi c nh th
v n th ng x y ra.

Vì th tôi i Bombay. Trung tâm ó c g i là Ananda Vihara; *vihara* là
m t thu t ng Pali th c s có ngh a là “ch n c ng c a Ph t;” ngày nay
vihara c s đ ng r ng rãi h n ch cho n i c a b t k t ng s nào,
c ng nh là chánh i n, thi n ng và t t c nh ng n i nào mà ch chung là
chùa hay trung tâm thi n Ph t giáo.

Trung tâm Ananda n m trên ng Lamington, trong khung viên c a m t
b nh vi n. M t bác s trong b nh vi n ã b kinh phí xây đ ng lên. T ng đ i
có m t th vi n. T ng trên là chánh i n, phòng t m, phòng ng và m t n i
c coi là v n phòng c a tôi.

i đi n v i v n phòng tôi là khu ph s n c a b nh vi n. Ngày hay êm b t
c khi nào ng i vào bàn làm vi c, tôi c ng có th nghe nh ng ti ng la hét, rên
r c a các s n ph . Tuy nhiên, ph n l n th i gian khi Bombay, tôi th ng ra
ngoài th m vi ng c ng ng c a nh ng ng i thu c giai c p H ti n quanh
thành ph . chùa còn có m t tu s n a, nh ng v này không nói ti ng n
hay ti ng Anh, vì th nh ng ng i H ti n thích ch n tôi. Tôi th ng th c
hi n các bu i l quy y, truy n gi i, d y ti ng Pali, t ng kinh c u an cho ng i
b nh, t ng kinh cho ám tang và d y các l p giáo lý. Tôi c ng i th m các
b nh nhân ph i n m vi n.

M i ch nh t có ít nh t n m tr m ng i n chùa đ l . ó là m t ti n b l n
cho trung tâm so v i th i gian qua, khi trung tâm ch có nh ng sinh ho t xã
h i, n i ng i ta t h i l i hút thu c, u ng r u. Chúng tôi c ng thành l p
m t th vi n và ti m sách nh . Nhân đ p gi u n m c a ti n s Ambedkar,
chúng tôi ã t ch c m t bu i l long tr ng v i s có m t c a th ng c ti u
bang Bombay.

ôi khi tôi ph c v cho nh ng ng i H ti n liên t c trong m t hay hai tu n
m t lúc, c i t làng này sang làng khác ch không tr v chùa. Nh ng

ng i này s ng trong nh ng ngôi nhà r t t i tàn - ph n l n là nh ng cái chòi m t gian v i t ng b ng bùn, mái tranh và sàn nhà làm b ng phân bò. Khi tôi b c vào nhà ai, gia ình s tr i chi u trên sàn cho tôi ng i lên. R i h ãi tôi n, v i chút ít gì mà h có. Th ng có m t ng i nào ó ng i g n tôi, phe ph y mi ng v i trong không khí u i ru i.

Bên ngoài, sân nhà y nh ng v ng n c ng, phân ng i và phân gà, nh ng chi c n i v và các th rác r i khác. Các lo i côn trùng bay kh p n i. Tôi bi t r ng th th c nh ng n i i u ki n quá m t v sinh nh th này s khi n tôi b b nh, và i u ó x y ra, l n này n l n khác. Nh ng tôi ch ng bao gi t ch i l i m i c a h ; tôi không th t ch i lòng m n khách chân thành c a nh ng ng i H ti n.

Khi s ph tôi n th m vào n m 1958, ông r t ng c nhiên khi th y tôi tr nên g y y u n v y. V i c th ng xuyên n th m vi ng các ngôi làng c a ng i H ti n ã làm nh h ng nh th ng mi n nhi m c a tôi. Tôi ngh là s ph tôi ã báo cáo v i c này l i v i h i Mahabodhi.

Vào tháng chín tôi nh n c m t lá th c a i c Dhammananda, ng i mà tôi ã g p Sanchi. Ông g i cho tôi m t n xin visa, yêu c u tôi i n vào và g i tr l i cho ông. Ông mu n tôi i Malaysia.

Vì th vào ngày 1 tháng 10, sau 18 tháng Bombay, m t l n n a tôi l i chuy n n m t ngôi chùa m i. Tr c khi ra i, tôi v i tr v th m quê chào t giã m và bà con. R i tôi lên tàu Madras. Chuy n tàu h ng n Nh t B n, nh ng trên ng s d ng l i Malaysia, là n i tôi s xu ng – và b t u m t ch ng m i trong công tác truy n giáo c a tôi.

---o0o---

Ch ng 16: Malaysia

Vào ngày 5 tháng 11, 1958, tàu đ ng Penang, thành ph l n th hai Malaysia. Malaysia v a giành c c l p t ng i Anh m t n m tr c ó, vì th nó v n còn nh ng nét c bi t c a m t thu c a. Nó s ch s và t i tân h n n nhi u. ng xá c s a sang t t p và s nghèo ói đ ng nh không có m t. Không có ng i n xin, và ng i i trên ng ph u n m c l ch s . Có r t nhi u ngôi chùa Trung Hoa tráng l v i các pho t ng Ph t v i. Nh ng ngôi chùa này luôn y các Ph t t n dâng cúng hoa qu và t nhang. khu v c ch , các b ng hi u b ng ch Trung Hoa c g n trên h u h t các t i m.

ó là m t x s p khi n tôi nh n Ceylon –v i nh ng núi, nh ng mùa m a nhi t i, ng lúa, n i n cao su và đ a - và ây c ng có h u h t các

lo i rau c i c a vùng nhi t i. Vì t ai m u m và khí h u m áp, có th tr ng c nhi u lo i hoa m u. Ngoài g o, còn có cao su và trà, ng i nông dân Malaysia c ng tr ng u , xoài, chôm chôm, s n, khoai tây, mít, và chanh.

Tôi m t tu n t i chùa Ph t giáo Mahindaram, v i t cách là khách c a lão s Kamburupitiye Gunaratana. (Ông c ng là m t trong vài tu s cùng tên Gunaratana mà tôi ã c g p g trong i. T t c chúng tôi u không có liên h gì v i nhau. Ch là vì chúng tôi c t cùng m t h Pal i lúc xu t gia. Ch có tên g i c a chúng tôi -th ng là tên làng quê c a m i ng i - là khác). Ông là m t v tr ng lão t ng, là v t kheo Ph t giáo tr ng th ng Malaysia.

M i ngày vào gi th trai, các tín ng i Trung Hoa vây quanh ngài cúng d ng cho ngài m t d a n c bi t. Khi v lão s Kamburupitiye dùng xong, ông tr n t t c nh ng th còn l i v i nhau –c m, th t, rau, trái cây và ng t. R i thì các t s p hàng c nh n m t ph n nh th c ph m ó, mà theo h ch a ng s chúc phúc c a ngài.

Vài n m sau ó khi ông m t, có ng i nói ông là m t v A-la-hán ã hoàn toàn giác ng .

Khi lão s Kamburupitiye g p tôi l n u tiên, ông có v r t thích thú. “Tôi không ngh chú nên xu t gia,” ông nói. “Chú ch a y m i tám tu i. Chú còn quá tr th gi i t kheo.”

Tôi c i. Lúc ó tôi ã ba m i tu i, nh ng trông nh là m t sadi.

Khi tôi n Kuala Lumpur, tôi c ón ti p b i v tu s n i ti ng, ng i ã m i tôi n Malaysia: th ng t a Dhammada. Ngôi chùa n i tôi n c trú g m có hai phòng ng , m t phòng n và m t nhà b p, hai phòng t m, m t chánh i n và m t gi ng ng r ng l n có th ch a n kh ang b n m i ng i.

Ngôi chùa này chánh y u là ph c v cho kho ng n m m i gia ình ng i Sinhala s ng Kuala Lumpur. Có vài Ph t t ng i Trung Hoa c ng n. Chùa th ng có nh ng bu i t ng kinh, nh ng l p h c giáo lý và nh ng bu i thuy t pháp vào ngày ch nh t.

Tôi nhanh chóng nh n ra r ng tôi c n ph i trau d i thêm ti ng Anh c a mình n u tôi mu n c tr thành m t ng i gi ng pháp h u hi u chùa. Các b c ph huynh ng i Sinhala yêu c u chúng tôi gi ng pháp cho con h b ng ti ng Sinhala, nh ng l tr l n lên Malaysia, ph n l n nói ti ng Mã Lai hay ti ng

Anh. Khi cha mẹ em chúng tôi ở chùa, chúng không cảm thấy tự nhiên khi quanh nhà và sự chỉ nói với chúng bằng tiếng Sinhala.

Vì thế tôi quy tập những gì trong phần lớn các lập pháp vào ngày chính thức bằng tiếng Anh, để làm cho các em cảm thấy dễ chịu và thoải mái nghe. Tôi bắt đầu bằng cách kể các câu chuyện Phật pháp.

Một vài người Sinhala trích tôi vì đã giảng Pháp bằng tiếng Anh, nhưng những người trí thức nghe tôi. Họ nhận thấy giá trị của việc cho con họ học Pháp bằng tiếng Anh.

Một ngày kia, một người Trung Hoa đến chỗ chúng tôi để làm đám tang cho một người quen. Trên người ông ở chùa chúng tôi có cuốn giúp gì không. Chúng tôi borrow lập pháp giáo lý ngày chính thức, học sinh ghi danh ngày càng tăng, và chúng tôi cần một ngôi nhà rộng rãi để chứa tất cả học sinh. Người đàn ông suy nghĩ một lúc, rồi anh ta cho chúng tôi biết một điều rất thú vị.

Ông borrow ông là thành viên của Hiệp hội Malaysia, và đôi khi, vì lý do gì đó, người trúng số không nhận lãnh thưởng. Khi đi xuống xổ số, tỉ lệ trúng số sẽ rất cao cho một chút tiền.

"Lần sau, tôi sẽ nghĩ về việc cúng số tiền thưởng không người nhận thưởng cho chùa của quý sư," người đàn ông nói.

Một vài tháng sau, ông ta bỗng nhiên xuất hiện với một ngân phiếu một nghìn và bốn trăm ngàn đô la Mỹ. Với số tiền đó, chúng tôi đã xây một tòa nhà mới để tiếp cho lập pháp giáo lý ngày Chính thức.

Trong một năm sau ngày tôi đến Malaysia, vào khoảng cuối tháng 9, 1959, tôi đến Ceylon để bắt đầu nhà riêng tại Colombo. Khi bắt đầu nhà mới. Ngày hôm sau tôi tổ chức một buổi lễ siêu cho ông chùa chúng tôi.

Buổi chiều hôm đó, khi mình đi bắt đầu ở chùa, chúng tôi ngồi ngoài hiên bàn luận về tài sản đó. Bỗng nhiên tôi nghe thấy ông K.A. Albert, lãnh đạo các người Sinhala ở Kuala Lumpur, đi vào hiên, trông rất giận dữ.

Ông la hét tôi vào mặt tôi bằng những ngôn ngữ thô tục. Ông tức giận vì một nhà sư Phật giáo đã ám sát Phật giáo và ông bắt đầu la hét những cảm tưởng oán.

"Thưa ngài Albert," tôi nói, "thật không công bằng khi ông kết tội tất cả các tu sĩ, chỉ vì một người phạm tội ác tu sĩ làm điều gì sai trái. Người đó có cách hành xử

là tu s . Có th ông ta ch m c áo nhà s trá hình, ông ta có th n g n Th t ng."

Không hi u vì sao nh ng l i tôi nói càng làm ngài Albert thêm t c gi n. Ông nhào n tôi, vung cú m. V i s ng i Sinhala ang ng i v i tôi ngoài hiên, nh y vào gi a ng n c n ông. Ngài Albert d n d n bình t nh l i và ra v . Ông t ch i không l i d bu i l c u siêu.

Khuya ó, ng i nhà c a ngài Albert g i báo cho tôi bi t ông phát b nh n ng, s t cao, ói m a và tiêu ch y. H yêu c u tôi n nhà t ng kinh c u an cho ông.

Tôi ã n, nh ng th y ông n m quay m t vào t ng, xoay l ng ra phía tôi. Ông không nói gì c ng không nhìn n tôi. D u v y, tôi ã t ng kinh, r i c t m t s i dây chúc phúc theo truy n th ng, quanh c tay ông. Ông không ch ng i nh ng c ng ch ng nói m t l i nào.

M t vài ngày sau ó, tình tr ng s c kho và tâm lý c a ngài Albert ã n nh h n. C m ng vì lòng t t c a tôi hay có l vì ã kh i b c n s t hành h , ông ã i n tho i m i tôi n dùng b a tr a t i nhà ông. Tôi ngh r ng ó là cách ông xin l i và c ng th xem tôi có gi n ông không. Khi tôi nh n l i m i, ông bi t r ng tôi không có gì ch ng i ông. Ông t chiêu ãi tôi b a tr a r t thân tình.

Nh ng ngày tôi chùa Kuala Lumpur khá b n r n. Tôi gi ng pháp b ng c hai th ti ng Anh và Sinhala vào m i ngày r m và m i ch nh t. Tôi c ng d y giáo lý vào ngày ch nh t cho các em nh và ph trách l p hàm th v Ph t giáo cho nh ng ai thích h c qua ng b u i n.

Khóa h c có m i hai bài cho nh ng ng i m i b t u và m i hai bài trình nâng cao, t t c là v cu c i c a c Ph t và giáo lý c a Ngài. Tôi có ng i ph tá giúp tôi g i i các th t tài li u. Công vi c in n, copy các bài gi ng r t t m n; t n thì gi ; chúng tôi t o b n in trên m t bàn máy ch ánh tay b ng cách ánh vào m t mi ng phim m ng, có sấp, xong r i dùng phim ó quay ra nh ng b ng copy nhòe nh t trên m t máy in quay b ng tay (in roneo).

M i bài h c k t thúc v i m t s câu h i h c viên làm bài tr l i. Khi bài làm c g i tr l i qua ng b u i n, tôi s ch m bài, r i g i bài tr l i cho h c viên.

Nhi u n m sau, khi qua M , tôi ã g p l i nh ng ng i có duyên c bi t n Ph t pháp l n u tiên là qua nh ng khóa h c hàm th này.

c mu n c hoàn thi n ti ng Anh v n chấ b ng trong tôi nh m t ng n l a không th t t. u tiên, tôi đ các l p h c bu i chi u m t tr ng c a n giáo, r i n m t tr ng trung h c t n i v hi u tr ng cho phép tôi c h c mi n phí. Sau này, tôi n m t tr ng t th c khác g n chùa h n, và khi n ó thì các v thí ch chùa ã h tr ti n h c cho tôi.

N m 1960, tôi quy t nh đ k thi ngo i khóa c a i h c Cambridge, do B Giáo đ c Malaysia t ch c. ó là m t ph n nh h ng c a ng i Anh còn sót l i n i này.

Có nhi u trình , t t c u b ng ti ng Anh. Trình th p nh t g i là k thi tr c nghi m t ng ng v i trình l p chín, trình k ti p, k thi Senior Cambridge, thì b ng trình l p m i. Cu i cùng k thi ch ng ch Trung h c Cambridge, thì gi ng nh k thi tuy n sinh vào i h c ngày nay, dành cho nh ng h c sinh trình l p m i hai. Ai qua c k thi ó, s c vào i h c Cambridge hay i h c Malaysia.

Tôi hy v ng c vào i h c Malaysia. Tôi ngh m t b ng c p i h c có th là t m bùa giúp tôi c kính tr ng gi a nh ng ng i thu c m i trình h c v n. Tôi ngh r ng mình càng có nhi u tri th c thì càng có nhi u ng i l ng nghe các bài thuy t pháp c a tôi.

Khi tôi ghi tên tham đ k thi tr c nghi m, thì ch c n thi ti ng Anh. R i trong lúc tôi ang chu n b , thì i u ki n thi l i thay i. T ó tr i, ph i thi luôn c môn toán n a.

Tôi ch có tám tháng chu n b , vì th tôi m n m t s sách giáo khoa v toán c a th y giáo, r i b t tay vào h c. Tôi h c v i m t thanh niên Trung Hoa n vi ng chùa và c ng s đ thi. Tôi ã v t qua c k thi ó.

N m sau, tôi đ k thi c p cao h n và c ng thành công. Hai n m sau ó, tôi l i đ k thi l y b ng Trung h c Cambridge, nh ng tôi làm bài không c t t. Tôi ph i thi l i hai l n n a m i qua c. n n m 1964, tôi ã u v i hai môn thi c i m xu t s c và hai môn i m trung bình. Tôi ngh v y là tôi c tuy n vào i h c Malaysia. Nh ng khi n p n xin h c, tôi b t ch i. Th t là m t s th t v ng nã n cho tôi.

Trong lúc ó, ngày càng có nhi u ng i Trung Hoa n chùa chúng tôi. N m 1961, i s Dhammananda m i vài v Ph t t Trung Hoa n i ti ng tham gia v i ông trong vi c thi t l p m t H i Truy n Giáo Ph t giáo. ó là cách t lòng trân tr ng i v i nhi u s óng góp c a h chùa.

Ngay sau khi H i v a c thành l p, càng có nhi u ng i Trung Hoa n chùa h n, em l i nhi u ti n cho chùa h n. i s Dhammananda b t u n

tặng sách Phật giáo phân phát khắp thế giới. Ông du hành xuyên suốt Mã Lai thuyết pháp và thành lập nhiều trường Phật giáo hiện. Ông cũng xuất bản một tạp chí gọi là Tiếng Nói của Phật giáo.

Trong cùng năm đó, chúng tôi mới thêm một trường dạy ban ngày cho các em nòng nọc chùa. Gần hai trăm học sinh ghi danh. Bên cạnh các học sinh khác, tôi bắt đầu dạy óng. Cuối năm 1961, tôi cùng một tháp tùng một vụ tu sửa khác đi qua Thái Lan. Đây là lần đầu tiên tôi đi óng, và tôi đã đi một nhà trọ, ngài R.A. Janis, đi cùng với tôi. Trên đường đi, chúng tôi dừng lại một chùa Penang, và khi đang óng, tôi bắt đầu cảm thấy đau một bên thân. Suốt mấy ngày, tôi đi tiểu ra máu và cuối cùng tôi phải nhập viện. Bác sĩ khám phá tôi bị sỏi thận nên cho uống thuốc碎石. Dù hiểu phần, nhưng tôi vẫn chưa bao giờ nghĩ đến viên sỏi óng ra khi đi óng.

Sau hai năm ở chùa tại Kuala Lumpur, tôi được phép. Hai bạn trọ chùa tặng tôi một vé tàu đi về nhà Ceylon. Vào tháng 12, năm 1962, chỉ một hay hai ngày trước sinh nhật ba mươi lăm, tôi đi Singapore, nơi tôi đã nghỉ vài ngày, thăm viếng các chùa trước khi tàu neo về quê tôi.

Vào ngày 14 tháng 12, tôi đi hành lý ra bến cảng trước hai ngày sau khi chúng tôi xuống thì đã có sỏi. Buổi chiều hôm đó, khi đang tiếp chuyện với một số người sau giờ trưa, bỗng dưng tôi cảm thấy rớt đau ngực. Tôi xin đi và đi khám. Mọi hồi vẫn rất tốt. Dần dần sỏi bắt đầu trở nên quá khổ khi phải nằm nghỉ tôi bắt đầu.

Với trường chùa tôi đang thăm viếng phải đi xe đạp. Trên đường đi bệnh viện, cảm nhận đau ngực quá sức chịu đựng của tôi. Tôi cảm giác như có một bàn tay khنگ nào đang bóp mạnh trái tim tôi. Khó thở nên tôi nghĩ là mình sẽ chết trước khi nhận được bệnh viện.

Nhưng tôi đã nhận được bệnh viện và không lâu sau đã nằm trong phòng cách ly, với một bình treo trên cửa “Không được thăm viếng”. Bác sĩ báo cho tôi đã bắt đầu nhận thấy máu cục trong tim, nhưng ông không cho tôi thuốc gì; chỉ bảo tôi hãy nằm nghỉ ngơi.

Hai ngày sau, tôi cảm thấy khỏe hơn nhiều. Buổi sáng khi tôi thức dậy, cảm nhận đau đã qua và tôi cảm thấy bình thường trở lại. Tôi nhận ra đã là ngày 16 tháng 12 và tàu sẽ ra khi đi hành lý của tôi trên đó. Tôi đi ý tá, báo cho tôi cảm nhận rời bệnh viện ngay. Ngày ý tá gọi bác sĩ.

“Sỏi thận à?” bác sĩ nói khi ông nằm bên giường tôi. “Mới hôm kia sỏi bắt đầu nhận thấy máu cục trong tim mà giờ sỏi mới ra khỏi?”

“Tôi th y kh e r i,” tôi ch ng ch . “Tôi không còn th y au, hay m t. Tôi ph i i.”

Ông nói m t cách nghiêm kh c, “Tôi không th cho S ra vi n.”

Chúng tôi ôi co qua l i vài phút. Tôi gi i thích r ng hành lý c a tôi trên chi c tàu s p ra kh i, r ng tôi ã vi t th báo tin v i thân quy n ngày tôi n Ceylon.

Cu i cùng v bác s nh ng b , nh ng ông b t tôi ký gi y nói r ng tôi t ý r i kh i b nh vi n, không theo l i khuyên c a ông. Tôi i ngay ra b n tàu, lên tàu, và b y ngày sau tôi ã n Ceylon.

Và t ó tôi không có v n gì v tim n a. M i ngày sau gi n tôi i b vài cây s . Bác s mà tôi i khám bậy gi u nói r ng tôi có trái tim c a m t ng i thanh niên.

M c d u th , có m t vi c tôi v n làm m i ngày, m t s th c hành tôi v n làm t n m hai m i tu i: quán t ng v cái ch t c a b n thân.

M i êm khi lên gi ng, ngay tr c khi ng , tôi quán t ng, “Tôi có th ch t t i nay. Tôi có th ch ng bao gi th y ngày mai.” Khi tôi i b h ng ngày, tôi quán: “Tôi có th b ng xe.” Khi i máy bay, tôi quán: “Máy bay có th g p n n.” Khi tôi lái xe, tôi quán: “Tôi có th b tai n n.”

Có th vì tôi ã có vài kinh nghi m suýt ch t u i lúc còn tr , nên trong u tôi luôn ngh v cái ch t. Nó ã có ó t lúc nào tôi không bi t, nh ng ch c ch n nó không ph i là m t ám nh en t i. Nó có nhi u m t tích c c - m t c h i, m t s nh c nh ta th c hành Pháp m t cách tinh t n.

Chúng ta ch ng bao gi bi t mình còn l i bao nhiêu th i gian.

---o0o---

Ch ng 17: L i m i n ph ng Tây

i s Dhammananda lúc u ã m i tôi n Malaysia, tôi oán vì ông m n tôi. Tuy nhiên, d n d n tình b n c a chúng tôi tr nên l t l t. Tôi không bi t ch c ch n t i vì sao.

Có th vì tôi quá kh ng kh ng trong trong vi c d y ti ng Anh. Có th do tu i tr c a tôi. Có th do nh ng l p h c ngo i khóa tôi tham d ã không cho phép tôi th ng xuyên có m t t i chùa, do ó thi u sót các b n ph n chùa.

Tôi biết tôi cũng va chạm với một số thành viên của Hi Sasana Abhiwurdhiwardhana, là Hi h và iu hành công việc chùa. Sự ngại này khó chịu vì tôi tiếp tục giảng pháp cho các em như bạn tôi Anh. Vì giai cấp trung lưu coi việc nói tiếng Anh là thể diện và tốn kém, nên những người như này đã không nghe tiếng Anh nữa. Riêng trên radio, truyền hình, ai cũng nói tiếng Anh. Những phụ huynh học sinh muốn chúng tôi, các thầy chùa nói tiếng Sinhala với con cái họ.

Tôi biết tất nhiên là nên sử dụng tiếng Anh, ngôn ngữ mà những người như này cảm thấy dễ hiểu. Các thầy trong giáo lý đã khó cho các em hiểu, cũng thêm, nếu tôi dạy bằng ngôn ngữ mà chúng không hiểu rõ, chúng sợ hãi và không muốn đến chùa chút nào.

Tôi đã trao đổi với các bậc phụ huynh và các vị này.

“Chúng tôi dựa vào Sự giúp chúng tôi bỏ dần ngôn ngữ và văn hóa,” họ nói. “Chúng tôi đã mời Sư này dạy con em chúng tôi tiếng Sinhala. Thay vì làm thế, Sư luôn dạy chúng bạn tiếng Anh.”

“Tôi hiểu không đúng,” tôi đáp lại. “Tôi thuyết pháp bằng cả hai tiếng Sinhala và tiếng Anh. Tôi cũng đã tìm những người tình nguyện dạy tiếng Sinhala trong các lớp giáo lý ngày chủ nhật. Những người giảng Pháp bằng tiếng Anh. Đó là cách tất nhiên.”

Tất nhiên, tôi không thuyết pháp bằng các vị phụ huynh này.

Trong lúc đó, các quan di trú của Malaysia đã báo cho tôi biết họ không thể gia hạn visa của tôi nữa. Họ đã gia hạn cho tôi chín năm liên tiếp, miễn tôi nộp tiền. Những người khác đã vượt giới hạn của họ. Họ cảnh báo với tôi rằng họ không thể gia hạn lần nữa. Tôi sẽ phải rời đi vào cuối năm 1968.

Vì thế tôi bắt đầu suy nghĩ về những chỗ khác của mình. Tôi đã nghĩ đến những ngôi chùa ở Hồng Kông, Đài Hàn, Indonesia, và Canada. Phụ huynh và học sinh, vì những lý do mà tôi nêu trên và dĩ nhiên. Văn phòng của tôi vẫn còn là chỗ khác của tôi vì tôi muốn kiếm tiền.

Năm 1967 tôi đã thực hiện một chuyến du hành thứ tư qua tất cả các lục địa, nhờ sự giúp đỡ của Hi Sasana Abhiwurdhiwardhana. Trong thời gian sáu tháng, tôi đã viếng Campuchia, Lào, Việt Nam, Đài Hàn, Nhật, Đài Loan, Phi Luật Tân, và Indonesia, cũng như Hồng Kông. Chuyến là một chuyến viếng thăm để nghiên cứu về văn minh và thể thống là các “nghệ thuật” và tôn giáo mà tôi học hỏi. Tôi không phải đi lập pháp nào hay học hành gì. Tôi chỉ đi thăm các chùa và viếng thăm những người danh tôn giáo bất cứ nơi nào tôi đến.

c bi t là Vi t Nam, r t thú v . M c d u là th i i m chi n tranh ang b t u sôi b ng trong n c, ng i Vi t Nam r t t t v i tôi. H d n tôi i th m vi ng các n chùa và t ch c nh ng bu i di n thuy t cho tôi kh p m i n i mà tôi n. H ng tr m ng i n l ng nghe, và luôn có ng i d ch các bài gi ng c a tôi t ti ng Anh sang ti ng Vi t.

m t thành ph c a Vi t Nam, là à N ng, c vài phút, bom B52 c a M l i d i xu ng vùng DMZ (vùng t do oanh t c). C tòa nhà n i tôi ang l u trú rung chuy n v i t ng trái bom d i xu ng.

Lào, tôi th m vi ng các thành ph c a Luong Prabang và Vientiane. Vì không có máy bay t nhân nào, m t v i s Lào danh ti ng ã thu x p tôi có th i b ng máy bay quân s . T t c nh ng ng i ng hành v i tôi u là lính.

Campuchia, tôi ã leo lên nh ng b c thang d c ng b ng á c a Angkor Wat, m t ki n trúc các dãy chùa n i ti ng c a th k th 12, kéo dài h ng cây s xuyên qua r ng.

Nh t, tôi g p m t v s ng i Sinhala khác, i c Ratmalane Sivali, ng i c ng ang du hành qua ông Nam Á. Tôi k v i S r ng visa c a tôi Malaysia s p h t h n. S cho tôi bi t có m t ngôi chùa Sinhala ã c thành l p Washington D.C., m t trong nh ng ngôi chùa Sinhala u tiên M . Chùa này ang tìm m t v tu s có th nói ti ng Anh v i kinh nghi m truy n giáo giúp s tr trì ó. i c Ratmalane Sivali cho tôi a ch c a chùa và tên v tr trì. S khuyên tôi c ng nên vi t th n cho H i Sasanasevaka Ceylon, bày t ý mu n n Washington.

Cu i chuy n du hành sáu tháng châu Á, tôi tr v nhà Ceylon.

Tôi ó kho ng m t tháng, th m vi ng t t c thân quy n c a tôi. Tôi c ng n vi ng Th ng t a Madihe Pannasiha Nayaka, ng i u c a H i Sasanasevaka, ng i ã tr l i th c a tôi v công vi c Washington. Sau m t cu c ph ng v n ng n, S nói r ng s báo l i v i các thành viên trong H i v tôi và h s cho tôi bi t quy t nh sau.

M t ngày kia vào kho ng g n cu i th i gian tôi Ceylon, tôi ã th trai xong nhà anh tôi, Rambanda. R i tôi n chùa Yakkala, cách làng Henepola c a tôi kho ng b y m i d m. Ngày hôm sau, em gái tôi ã nh n tin.

L i nh n r ng, “Rambanda ã m t. S ph i v ngay.” Cái gì? Không th nào. Anh v n còn kh e m nh lúc dùng b a tr a hôm qua v i tôi. Rambanda còn tr , ch m i b n m i l m và hoàn toàn kh e m nh.

Tôi đã đem nh gi y báo tin cho chị Candajoti. “Chị ch c là m t s nh m l n,” tôi nói. “Hay là m t s trên ùa ác c nào ó.”

“Không,” S tr l i. “Tôi không ngh ó là trò ùa. T th n có th n vi ng b t c ai vào b t c lúc nào. T t nh t s nên v .”

Tôi m n m t chi c taxi ch y n nhà anh tôi. C nhà ang ó, than khóc.

Tôi c bi t r ng êm hôm tr c, ch vài gi sau khi tôi ra v , Rambanda ã d n con trai l n nh t c a mình i hái mít cho m y con trâu n c n. Anh ã d n con trai d i t và r ng anh s th i m y trái mít to xu ng cho nó. Rambanda trèo cao lên cây, có th là m i l m mét. Khi anh th i trái mít u tiên, nhánh cây mà anh ang ng và ang t a tay vào, c hai u gãy. Anh té nhào xu ng t, gãy c . Anh ch t ngay l p t c.

Sáng hôm sau tôi i n Galagedara v i vài ng i thân quy n mua x p v i tr ng và nh ng th khác mà chúng tôi c n dùng cho ám táng anh trai tôi. Tôi tê tái ng i. Nh ng ngày sau ó ch là nh ng ký c nh t nhòe.

Sau ám tang là lúc tôi ph i tr l i Malaysia. Tôi lên máy bay Colombo. Khi ng i xu ng trong máy bay, tìm tôi au nhói, nh th ng anh. Lúc còn nh , chúng tôi r t thân nhau, luôn gây ra l m chuy n và c ng có nhi u i u k thú. K ni m tràn ng p u óc tôi.

Và r i tôi ngh n, l n nào khi tôi r i Ceylon, Rambanda c ng là ng i a t i n tôi n sân ga hay b n tàu. L n này, anh không có ó.

Tôi b t u khóc.

Sau khi tr l i Malaysia không lâu, tôi nh n c lá th quy t nh m t ch ng m i trong cu c i tôi. ó là lá th c a H i Sasanasevaka chính th c m i tôi n Washington D.C, tr thành v gi ng s l u trú chùa h . Vi c thuyên chuy n c a tôi b t u vào n m sau, 1968.

Tôi ã b n m i tu i. Cu i cùng tôi s c làm nh ng gì mà tôi luôn mong mu n – c gi ng pháp b ng ti ng Anh, trong th ô c a x s có nhi u ng i nói ti ng Anh nh t trên th gi i.

Tôi s p s a i M .

---o0o---

Chương 18: n M

Năm 1968, tôi đi hành hương tới các thánh địa Ceylon. Tôi sắp bị cấm chân năm tới xa xôi: Mỹ, Úc, và không ai biết khi nào tôi có thể trở lại quê hương nữa. Vì thế tôi ưu tiên là tôi phải đi viếng thăm những nơi linh thiêng nhất Ceylon trước khi rời quê hương.

Đó là một chuyến đi tuy tốn kém. Họ hút thân quyến của tôi và một vài người bạn thân cùng đi. Chúng tôi mua một chiếc xe buýt. Tôi cũng mong là một tôi có thể đi cùng, nhưng lúc đó bà bà tôi nói rằng bà không thể cùng đi được vì chuyến đi dài. Vì thế tôi hành hương như những thánh địa Ceylon thì cũng giống như picnic các quốc gia khác. Người ta mua xe buýt hay những chiếc xe nhỏ, trang hoàng xe với hoa quả. Họ ca hát trên xe buýt và thỉnh thoảng cho xe dừng lại ra ngoài, ngồi dưới bóng cây, dùng bữa với thức ăn mang theo. Đó là thú vui giản dị và vui vẻ.

Nhóm của chúng tôi viếng thăm một vài tu viện cổ xưa và các di tích chùa. Chúng tôi đi viếng cây bồ đề cổ xưa và thăm cung điện trên núi của vua Kassapa thứ năm, nơi có những bức họa các vị thần. Những bông hoa sen tô điểm trên những bức tường. Kandy, chúng tôi viếng chùa Răng, nơi mà xá lợi của Phật được tôn thờ, được coi là một trong những nơi linh thiêng nhất quê hương tôi. Tích xá lợi răng khi hoàng tử Danta Kumara và em gái của ngài, là Hemamala, mang xá lợi về. Bà công chúa thắt tóc mình lại thành bím và giấu răng xá lợi trong đó không ai có thể đánh cắp. Một ngôi chùa lớn đã được xây dựng để thờ phụng xá lợi này.

Theo lịch sử Tích Lan, mẹ vua Phật tử người Bồ Đào Nha ngôi chùa Răng, nhưng ngài có một niềm duy trì ngôi đền. Nếu nhà vua nào không tôn trọng xá lợi, ông sẽ bị lật đổ. Nhờ thế ngôi chùa này luôn được bảo vệ. Ngay chính công chúa Anh cũng tôn trọng ngôi chùa Răng này khi hoàng tử Tích Lan và bị biến nó thành một thủ tục là Ceylon.

Ngày nay, các nhà chính trị cũng thờ phụng chùa Răng bày tỏ lòng kính trọng sau khi được bầu. Và hàng năm họ có một cuộc diễu hành lớn Kandy tôn vinh xá lợi.

Tới đây thay, ngôi chùa đã bị bom tấn vào năm 1998, một trong những tấn công ác liệt nhất của cuộc chiến kéo dài của chúng tôi. Phẫn nộ, tôi tuy tốn kém để ngôi chùa đã tàn phá đổ nát trong vụ nổ. Suốt nhiều năm, người ta kéo những hàng rào dây thép gai quanh chùa để ngăn cấm bất cứ ai lái xe vào, nhưng vào năm 2002, chúng tôi tháo gỡ xung quanh một bãi biển của thị trấn chỉ khi vì cần thiết cho hòa bình giữa chính phủ và những kẻ thù, người Tamil đã đi ra.

Trên đường trở về nhà, tôi cũng ghé thăm tòa sứ M Colombo xin visa. Viên chức cư trú dành cho tôi hai cuộc phỏng vấn vào hai ngày khác nhau. Rồi sau đó tôi cũng yêu cầu đi khám sức khỏe. Về bác sĩ nhìn ra tôi thì nghĩ đến nhà cha mẹ ông khốn khổ, khi tôi còn là một chú tiểu như chùa Vidyasekhara Pirivena Gampaha. Ông rất ngạc nhiên khi gặp tôi lần này và chúc tôi may mắn trong cuộc hành trình.

Vào những ngày đó vì các ghi vé máy bay dường như là hiếm hoi. Không biết phải khi nào vé, không phải trả thêm khi đăng ký bắt chuyến nào. Bạn có thể chọn bất cứ tuyến nào bạn thích vì nhiều người đăng chân theo ý muốn, miễn là cuộc cùng bạn sẽ an toàn.

Vì chuyến đi quá dài, tôi quyết định biến nó thành một cuộc phiêu lưu, đăng ký nhiều người trên đường, vì nghĩ rằng nếu tôi chấp nhận tất cả chi phí. Tôi liệt kê các quốc gia tôi muốn ghé thăm, rồi viết thư gửi tòa sứ của các nước này Ceylon, nhờ họ tìm giùm chỗ cho tôi tá túc một vài ngày.

Đây là những nơi tôi đăng chân: Ấn Độ, Pakistan, Afghanistan, Iran, Iraq, Thái Lan, Ai Cập, Hy Lạp, Ý, Pháp, Đức, Thổ Nhĩ Kỳ, Bỉ, Hà Lan và Anh Quốc.

Rome, tôi cũng đi đến các tòa sứ Ceylon ở tất cả phi trường. Anh ta đưa tôi đến một khách sạn langley, và ngay khi về khách sạn, tôi đã báo với nhân viên tiếp tân khách sạn tôi muốn tham gia tour đi Vatican. Ngay lúc đó có một tour sắp bắt đầu, vì thế tôi mang hành lý vào phòng, rồi vội vã đi ngay lên xe buýt với một số du khách khác. Chúng tôi cũng chia thành nhóm tùy theo ngôn ngữ mà chúng tôi sống. Tôi gia nhập nhóm du khách nói tiếng Anh. Khi nghe hướng dẫn viên nhận vé, tôi không tìm ra vé của mình, dù tôi nhớ nhân viên tiếp tân có đưa vé cho tôi. Nghe hướng dẫn viên nói: "Thưa ông, không sao, tôi biết ông đang khách sạn. Chỗ này cho tôi tên khách sạn ông đang trú."

Tôi ngần ngại. Tôi không phải ghi tên khách sạn nơi tôi đang trú. Tôi cũng nghĩ ta cần nó, nên không ý kiến. Tôi cũng không mang theo mình biên lai hay gì gì.

Dù vậy, nghe hướng dẫn viên vẫn đi một mình.

"Thưa ông, đừng lo lắng. Hãy đi thăm Vatican cho vui vẻ, xe buýt sẽ trở lại ở ông lúc 5 giờ chiều. Hãy vui lòng là từ lúc đó ông sẽ nhận ra tên khách sạn của mình."

Tour về Vatican thật thú vị, những sự kiện thú vị, tôi báo lại, cảm ơn cho các tên khách sạn của mình. Sự thật đáng ngạc nhiên của tôi trong việc này

n m t i u n gi n nh tên khách s n ã c p i c a t o i c h i c s ng trong giây phút hi n t i, th c s chiêm ng ng v p c a Vatican.

Khi xe buýt tr l i lúc 5 gi chi u, t o i v n không th bi t mình khách s n nào. T o i th t x u h . T o i b o ng i h ng d n viên r ng có th khách s n c a t o i g n tòa i s Ceylon.

"Tòa i s Ceylon. Nó âu v y?" anh ta h i.

T o i hoàn toàn mù t t.

Gi thì ng i h ng d n viên không còn bình t nh n a. ã qua gi n t i. Anh ta b o r ng ã h t ngày làm vi c c a anh; anh ph i v nhà. Anh ta r t ti c nh ng ph i t o i xu ng gi a ng, và t o i ph i t mình tìm ng n khách s n hay tòa i s .

H ng gi , t o i i lang thang kh p các n o ng c a Rome. ó là m t t i tr i m a l nh. T o i h i t t c m i ng i mà t o i g p tòa i s Ceylon âu. Nh ng t o i ch c tr l i b ng nh ng cái nhìn ng ngác. T o i i vào b t c c a hàng, câu l c b , quán bar nào có ng i.

Cu i cùng kho ng 10g30 t i, t o i n m t cây x ng, h i xem ng i bán x ng có bi t tòa i s Ceylon không. Th t k đi u, anh ta hi u t o i ngay.

Và còn đi u k h n n a, khi anh ta vào v n phòng, r i tr ra ít phút sau v i lá th a ch và s i n tho i c a tòa i s Ceylon. Cây x ng có lá th ó vì chính ph Ý mi n ti n thu cho tòa i s khi h mua x ng.

Và i u k đi u cu i cùng là có ng i tr l i i n tho i vào gi ó tòa i s ! T o i th phào khi c ch tr l i khách s n m t ti ng ng h sau ó.

T o i v n không bi t tên c a khách s n.

Brussels, t o i không quen ai, và c ng không có tòa i s Ceylon ó. phi tr ng, t o i tr m i ng ô l y visa, r i t o i ón taxi vào thành ph . T o i xem trong quy n danh b i n tho i, tìm tên ng i Sinhala, r i g i s i n tho i. Gia ình ó ã n r c t o i. T o i v i h vài ngày, chúng t o i i th m vi ng m t s i m du l ch a ph ng, k c Waterloo, chi n tr ng n i ti ng n i Nã Phá Luân (Napoleon) ph i thu n th eo s ph n.

Luân ôn, t o i chùa Ph t giáo Luân ôn. M t ngày kia t o i n vi ng Stratford-upon-Avon, quê h ng c a Shakespeare. Trong lúc t o i ang ó, m t c p v ch ng ng i M b t chuy n v i t o i. T o i b o v i h t o i là m t v tu s Ph t giáo, ang trên ng n s ng M .

Ngài chững nói: “Khi đến Mỹ, ông phải thay đổi phong cách sống.”

“Không, đâu cần phải vậy,” ngài đáp. “Ông ấy là tu sĩ Phật giáo. Mặc áo cà sa ngài là tu sĩ Phật giáo. Tại sao lại phải biến đổi? Đó mới chính là vấn đề về các linh mục của chúng ta ngày nay. Không có dấu hiệu gì bên ngoài cho biết họ là ngài. Mình không thể nhận ra họ. Không thể tìm kiếm ai làm lễ sám hối. Chúng ta phải nhìn vào lòng can đảm duy trì truyền thống của các vị tu sĩ Phật giáo.”

Thật ra, mặc chiếc áo tu không phải chỉ là truyền thống, hay ngài khác có thể nhận ra chúng tôi. Đúng hơn là chúng tôi tự nhận mình là ai, phải làm gì, và phải đi xa vì ngài khác như thế nào. Nó giúp chúng tôi cẩn trọng trong lời nói, tránh quá độ, và nhún nhường hòa nhã với ngài xung quanh.

Mặc chiếc áo tu khi đi du lịch khi đến chúng tôi tự ý thức về mình một cách tích cực. Chúng tôi luôn tự vấn: “Mình có làm gì xúc phạm đến ngài khác không?” “Mình có làm gì tổn hại cho ai không? Mình có tiêu biểu tốt cho truyền thống không?”

Tất cả những sự quan sát này đều là những niềm nháo vàng nên ghi nhớ.

Tại Amsterdam, tôi bay qua thành phố New York. Đó là chuyến đi cùng các bạn cùng hành trình dài, và là nét charm phá cách cùng trong bức tranh tôi đã phác thảo trong buổi họp báo trước, khi tôi mang quyển sách Anh ngữ đầu tiên của mình. Tôi rất phấn khởi.

Vào lúc 2 giờ chiều ngày 18 tháng 9 năm 1968, tôi bắt đầu chuyến phi trình John F. Kennedy. Tôi không biết phải đi đâu, nên đi theo những người hành khách khác rời khỏi máy bay. Sau khi qua cửa hải quan và sơ di trú, tôi mang hành lý của mình vào sảnh chờ to lớn. Không có ai chào tôi.

Tôi phải chờ đợi, trong một xã hội trở thành quê hương mới của tôi.

---o0o---

Chương 19: Nghỉ ngơi và lao động

Tôi đến New York và tìm kiếm một nhà thờ và một ngôi chùa Trung Hoa ở Bronx, mà buổi họp báo trước ở Malaysia, một vị sư đã cho tôi, và mới tôi nhận thấy họ không có bao giờ tôi đến Mỹ.

Tôi lang thang quanh phi trường Kennedy cho đến khi tôi thấy một máy bay đến theo lịch công cộng.

Tôi bước lên, cảm nghe lên và quay con số chùa trên tấm danh thiếp. Tôi thấyלביתןxu trên in tho nhng lúc ó tôi không biết ó là gì. Mà nếu nh có biết, tôi cũng ch a có ng xu M nào, ch có tí n gì y.

Trong suốt ít nh t c ng là b n m i l m phút, tôi quay i, quay l i s i n tho i mà c ng ch ng c gì. Tôi không hi u t i sao l i không có gì x y ra. Và tôi cũng không th hi u l i h ng d n ã ghi âm s n trong máy b o tôi ph i b m i xu vào.

Cu i cùng tôi b cu c. Tôi th y m t ph n tr ng i m t n i gi ng nh bàn h ng d n. Tôi tỉ n n và c g ng phát âm tí ng Anh v i h t kh n ng c a mình, h i cô cách s d ng i n tho i.

Cô ta không tr l i. Cô ch tr m t nhìn tôi. Tôi l p l i câu h i c a mình. Cô ta nhìn tôi nh th b h p h n. Tôi ngh có th cô ta không hi u tôi. Hay cách tôi phát âm tí ng Anh quá n ng.

R i tôi ch t hi u ra: Cô gái tr này ch a bao gi th y ai gi ng nh tôi. M t ng i àn ông nh thó v i cái u tr c, mình l i qu n y vàng. Có th cô ta ã ngh tôi là m t lo i hippy tâm th n, m c y ph c c a ng i n -d u gì ấy c ng là th i k c a nh ng n m sáu m i.

Chán n n, tôi quay i, kéo lê hai chi c va-li n ng n c a mình. Tôi c m th y m t m i và bu n ng . Cho t i lúc này, tôi ã lang thang trong phi tr ng ít nh t là m t gi . Trong tuy t v ng, tôi b t u h i b t c ai i ngang th xem h có biết ng n chùa Trung Hoa Bronx. Tôi ch n b t c ai l i, t t c m i ng i.

Đ nhiên, sau này tôi m i biết, ó là i u mà b n không nên làm Que ens.

Ng i ta nhìn tôi nh th tôi iên. Họ c h ch ph t l i tôi, l t qua mà ch ng ý n câu h i c a tôi.

Cu i cùng, có ng i c m th y t i nghi p cho tôi. Ông ta b o tôi ra c a phi tr ng, l y taxi v Bronx.

Tôi làm theo l i ông, r i ch ng bao lâu sau tôi ng i trong m t hàng dài v i các hành khách khác, tr m taxi. Khi n phiên tôi, vì lý do gì ó, ng i tài x taxi t ch i không ch tôi. Chi c k tí p và k tí p n a c ng v y. Không ai mu n ch tôi.

Tôi hoàn toàn b i r i. V b ngoài c a tôi áng s n th sao? Tôi có th nói tí ng Anh, tôi cũng có tí n tr h mà. Nh ng không ai mu n ch tôi.

Cu i cùng, m t bác tài ng ý cho tôi lên xe. Ông có v ch ng thích thú gì khi ông v t hành lý tôi vào thùng xe. Khi xe v a tách kh i l ng, ông h i tôi mu n i âu.

“Chùa Ph t giáo Trung Hoa Bronx,” tôi tr l i.

Bác tài l p t c t p l i bên ng và th ng m nh. Ông ta nh y ra kh i xe.

“Ra kh i xe i,” ông ra l nh. “Tôi không i Bronx.”

Chán n n và hoang mang, tôi kéo hành lý tr l i s p hàng ch taxi khác. L n n a, c ng c nh chán n n ó tái di n: Khi tôi cu i cùng n c u hàng, thì ng i tài x này n ng i tài x khác ut ch i ch tôi.

Lúc ó tr i ã t i và ã khuya l m r i. Tôi b t u ho ng s . Tôi s làm sao qua êm n u không có bác tài nào ch u cho tôi lên xe? Tôi ã t ng M là m t n i thân thi n, c i m , nh ng gi ây tôi ã b i x v i s nghi ng , thô l .

(D nhiên, mãi sau này, tôi m i hi u r ng i n Bronx vào êm khuya nh th không an toàn. C ng thêm v i v b ngoài l lũng c a tôi, có l ã khi n cho các bác tài x taxi ph i lo s .)

Mãi n h n 10 gi 30 t i, khi hành khách ã th a i, các bác tài m i ch u i xa m t chút, cu i cùng m t ng i b ng lòng ch tôi n Bronx. Tôi th t s hoàn h n.

Khi n n i, chúng tôi th y chùa t i en nh ng khi tôi nh n chuông, èn ngoài hiên b t sáng. Tôi t gi i thi u mình và sau ó c a m , l ra g ng m t c a m t tu s ng i Trung hoa. Ông không nói ti ng Anh, nh ng nh n th y tôi m c y áo, nên tôi vào. Ông mang cho tôi m t ly trà xanh n gút khói và a vào m t c n phòng m áp ng . Cu i cùng th t là tuy t v i có m t ch ng l ng.

Sáng hôm sau, sau b a i m tâm, m t ph n M tr xu t hi n. Cô có mái tóc en, c t ng n và mang kính g ng s ng. Cô t gi i thi u là Martha Sentnor, m t Ph t T chùa này.

Khi tôi nói r ng tôi n M s ng chùa Ph t Giáo Washington, cô n r ng n c i.

“Tôi là m t thành viên c a chùa,” cô nói.” Tôi ã n ó nhi u l n r i.”

Tôi k l i nh ng phi n ph c mà tôi g p phi tr ng cho cô nghe.

“ , Bhante,” cô nói, dùng thu t ng g i m t cách thân m t, có ngh a là th a i c, ” ó là chuy n bình th ng trong m t thành ph l n nh New York. Ng i ta có th r t b t l ch s . S có th coi nh may m n là ã không b *mugged* (tr n l t).”

Cô ph i gi i thích cho tôi nghe t *mugged* ngh a là gì.

Nh ng ngày sau ó, Martha t t ch tôi i quanh th m các i m du l ch Manhattan: T ng n th n t do, tòa Empire State, c ng N u c. Không gian, s h i h và ti ng n c a thành ph choáng ng p tôi. Tôi ch a bao gi kinh nghi m th gì gi ng nh v y. T ng ch ng nh ây là m t th gi i khác v i th gi i c a ngôi làng nh bé c a tôi Henepola.

M t tu n l sau, tôi bay t N u c n Washington, ch ng cu i cùng c a cu c hành trình c a tôi. Tôi t chân n phi tr ng National vào ngày 26 tháng 9. Có hai ng i ch ón tôi ó: i c Dickwela Piyananda và Michael Roehm, m t thanh niên M , Ph t t chùa Ph t giáo Washington.

N i trú ng m i c a tôi là m t ngôi nhà b ng g ch, ba t ng ã xu ng c p, n m trên ng s 16 Tây B c. M t bên chùa là nhà th C c Hy L p, bên kia là m t nhà t nhân. Cu i ng là tòa i s Nga và Canada.

Chùa Ph t giáo Washington là chùa Ph t Giáo Nguyên th y u tiên M , do h i Sasanasevaka Ceylon thành l p.

N m 1965 m t tu s tr ng i Sinhala, tên là i c Bope Vinita sang M h c tr ng Harvard Divinity nh vào h c b ng c a Qu Tà Tr Á châu. Trong khi s ng và h c Boston, i c Vinita th y r ng ng i M r t thích nghiên c u v các tôn giáo ph ng ông. ó là kho ng th i gian c a Jack Kerouac, các nhà th tr ng phái Beat, Alan Watts và Thi n, và Richard Alpert t là Ram Dass.

Khi i c Vinita tr v Ceylon, ông trình l i i u này v i i s Madihe Pannasiha Mahanayaka, h i tr ng H i Sasanasevaka. M t n m sau ó, n m 1966, i s Pannashiha t thân hành n M , và ã i th m vi ng nhi u thành ph . Ông c ng th y có nhi u ng i r t thích tìm hi u Ph t Giáo. Khi tr l i Ceylon, i s thuy t ph c H i quyên t n xây chùa M .

V i s t n \$16,500 ô trong tay, i c Vinita tr l i M vào u n m 1967, và tham kh o ý ki n c a Oliver Weerasinghe, i s c a Ceylon M lúc ó.

“T i sao không xây d ng ngôi chùa m i ó ngay t i ây Washington?” Weerasinghe ngh . Sau ó hai ng i tìm c m t tòa nhà thích h p tr c kia là tòa i s c a Thái, ang c n bán. Trong lúc h ang th ng l ng v i chính ph Thái mua ngôi nhà, thì m t tu s ng i Sinhala khác c ng n

M, i c Dickwela Piyananda. Ông và i c Vinita sống chung trong một căn phòng nhỏ bé trên đường Harvard Washington.

Cuộc thanh lý đồ đạc diễn ra vào tháng. Cùng lúc này việc ngã giá bán mua gần hoàn tất, chính phủ Thái cho phép i c Piyananda dọn vào tòa nhà, dự định sẽ mua bán chẵn ký xong. i c Vinita làm việc phòng thuê.

Ngày khoảng thời gian đó, vào mùa thu năm 1968 tôi đến.

Ngay buổi đầu tiên của tôi ở chùa, i c Piyananda bảo tôi, “Tôi là một người già rồi. Nhưng vẫn còn trẻ, ý nghĩa tinh thần và có nhiều kinh nghiệm. Nhiệm vụ này rất nhiều việc, và tôi muốn đảm nhận trách nhiệm công việc này. Tôi sẽ là người chỉ đạo này, các bạn sẽ khi nào sẽ cần giúp đỡ. Nhưng tôi muốn đảm nhận trách nhiệm các công việc.”

i c Piyananda không già lắm, còn chưa sáu mươi, nhưng tôi nghĩ ông không quen với công việc chân tay. Ý định phá dỡ tái tạo lại tòa nhà đã xuống cấp này khi ông ái ngại. Vì thế, ông rất mong các bạn có thể giúp đỡ góp tay.

Vì thế tôi bắt đầu làm việc một mình. (i c Vinita đã trở lại Ceylon ngay khi tôi về đến Mỹ).

Tòa nhà rong rinh đổ nát: Tám phòng ngủ, bốn nhà tắm, một tầng hầm và một căn gác. Tòa nhà Thái đã chia các sinh viên ở hai căn, mà những sinh viên này có thể đã không nắm tay với tòa nhà. Các cửa sổ, cửa ra vào đều hỏng. Nhiều phòng, giấy dán tường loang lổ. Trần nhà các căn hầm vỡ vụn. Nhiều cửa không có khóa. Mái nhà cũng xuống cấp. Vấn đề thì gì nghĩ một khu rừng rậm.

Máy nước nóng bị hỏng, toilet cũng vậy. Trong một phòng tắm, vòi sen tắm bị hỏng nên chúng tôi phải đi vào. Khi vào vòi, nước sẽ chảy lên trần nhà, vì thế chúng tôi đã đem một miếng kính trên đó để đỡ nước. Một căn phòng tắm vòi sen, nhưng bồn có thể gì như thế, tôi phải đi đến vòi nước chảy ngược lại.

Nói về việc tu sửa, tôi cũng không biết tôi đang làm gì? Tôi không có kinh nghiệm xây dựng gì cả, vì thế tôi chỉ đem tiền mua gia dụng gần như tất cả, cách chùa không mua đồ đạc và bắt đầu bằng nhiều câu hỏi. Vì vậy những công trình tu sửa lại, tôi phải đi tìm kiếm khi có tiền cúng dường trả cho vật liệu xây dựng. Sau đó, tôi phải kiêng việc vật liệu nào tôi mua, kể cả gỗ.

Sau một thời gian tôi cũng làm vài người Thái đến chùa giúp đỡ. Rồi đến dần, một số gia đình người Burma, Việt Nam cũng đến giúp đỡ. Chúng tôi

p t ng t ng d i ra, ghép m y phòng nh thành m t phòng l n, dùng làm chánh i n. R i chúng tôi b t tay vào s a sang phòng ng có th c.

Tôi óng inh, mài d a, d ng c t, th c các ng thông h i -làm t t c mà không eo m t n . Tôi ngh t t c nh ng b i b m và m nh v n mà tôi hít th trong nh ng tháng ngày này ã khi n tôi phát sinh b nh d ng, mà v n còn cho n ngày nay.

Tôi c ng ph trách luôn các vi c th ng nh t chùa – i ch , d n d p, c t c , công vi c v n phòng, thâu ti n cúng d ng, và d y các l p giáo lý. kêu g i thêm nhi u thành viên, tôi ã quy t nh in m t t tin hàng tháng. Tôi làm báo trên m t máy in quay b ng tay. S u tiên r t n gi n: tôi vì t v hành trình n Washington c a tôi và công vi c trùng tu s a Chùa. Tôi c ng kêu g i s h tr v tài chánh tr n ti n mua l i tòa nhà.

Ph n l n th i gian, tôi m t nhồi. Ngày c a tôi b t u t 5 gi sáng n 11 gi êm, v i nh ng công vi c không d ng d t. Và n u có khách n th m Chùa, tôi ph i b t t c công vi c ang làm ti p h .

D nhiên vì ang M , chúng tôi không th i kh t th c. Kh t th c c a nhà ng i có th khi n chúng tôi ph i i tù. M t vài gia ình là t chùa mang n n nh là m t hành ng c a *dana*, hay cúng d ng, nh ng vi c ó ch c ch n không th x y ra m i ngày. Vì th tôi ph i t h c n u n.

Là m t t ng s Á châu, tôi luôn c ph c v . Ch a bao gi tôi ngh là khi n M tôi ph i lao ng chân tay, làm u b p, th s a nhà.

Thú th t, tôi khá mu n phi n.

Nh ng d nhiên là tôi không th quay v , tr l i Á châu. Không có n i nào tr v , và tôi ã d nh là l i M luôn. May m n thay, s v n ng tay chân và các n l c trong vi c s a ch a chùa ã giúp tôi th t s “gi i t a” s sâ h n c a mình.

D n d n, tôi b t u yêu thích công vi c mình làm. H c c nhi u k n ng c ng thú. Và cu i cùng tôi nh n ra r ng sâ h n không có gì h n là m t s lãng phí n ng l ng – n ng l ng mà tôi r t c n dán gi y lên t ng!

Tu n th 3 c a tháng m i, ch a y m t tháng sau khi tôi n, S Piyananda v Ceylon ngh phép hai tháng. Gi thì tôi th t s qu n lý, và tôi ch có m t mình.

Vào m t ngày cu i tháng 10 kho ng gi n t i, chuông c a vang lên.

Tôi mặc áo khoác ra và thay mặt ám trang ó, mang nhúng mặt nạ s. Nhúng chú quỳ nh, ma cà-rong, và phù thủy ang trang m t nhìn tôi. ấy có thể là m t trong nh ng “k c p” mà Martha Sentnor ã nói v i tôi ch ng?

"Các cháu là ai?" tôi h i m t cách lo l ng.

“ TRICK OR TREAT!”, l tr la lên.

“Xin l i?” tôi h i. Tôi hoàn toàn không hi u t i sao l tr la hét v i tôi.

M t trong nh ng a l n, tròn m t lên gi i thích là chúng mu n k o. N u tôi không cho chúng, chúng s li ng tr ng vào nhà chúng tôi.

Tôi v n không hi u, nh ng tôi ngh t t h n h t là làm v a lòng nh ng a tr này. Tôi vào nhà b p và tìm th y m t vài h p bánh do các t Chùa l i. Tôi tr ra c a tr c, chia cho m i a tr m t cái bánh. Tôi th phào, khi ám tr nh n bánh r i ch y i.

Vài phút sau ó, chuông c a l i vang lên. Tôi không th tin c: L i thêm nhi u a tr n a, l i òi k o! L n n a tôi l i mang bánh ra cho chúng.

C nh th s u t b u i t i. Ngày hôm sau tôi k chuy n l i v i m t thành viên ng i M c a Chùa. Tôi ngh ông s không tin câu chuy n khó t ng t ng c a tôi. Nh ng ông ng i xu ng và gi i thích v i tôi v l Halloween. Chúng tôi c m t b a c i no b ng. (ND: L Halloween c a M r i vào ngày cu i tháng 10, khi tr con hóa trang i t nhà xin k o bánh).

Tháng 12, vào ngày sinh nh t th 41 c a tôi, vi c mua tòa nhà cu i cùng ã k t thúc. Ngôi chùa Ph t giáo Washington, v i giá bán là \$33,000, chính th c thu c v chúng tôi.

---o0o---

Ch ng 20: B l m là ph n

Trong nh ng n m u chùa, chúng tôi lúc nào c ng ch có v a t i n tr cho các th . T i n nhà là m t tr m b y m i hai ng m t tháng. Và các chi phí khác - i n th ai, i n, gas- t ng c ng chi phí n \$500 hay \$600 ô m t tháng. D nhiên, t t c u t t i n cúng đ ng c a Ph t t .

M i l n n vi ng chùa, các Ph t t s b m t hay hai ng vào thùng ph c x ng. Khi chúng tôi n nhà t ng kinh, h th ng cúng đ ng m t s t i n nh , có thể là m i hay m i l m ô. M i tháng chúng tôi c kh ang \$600 hay \$700 ô.

Không biết sao, bao giờ chúng tôi cũng đi chút ít. Ch chút ít.

Chúng tôi bắt đầu thu nhận những người làm thành viên chính thức của chùa. Chúng tôi lập ra ba loại thành viên - sư sãi, hàng đệ tử và sinh viên - rồi in ra các thẻ thành viên. Tin người khác tới tiếp tục lôi cuốn thêm nhiều thành viên, nhờ thế chùa phát triển dần dần. Chúng tôi đã có thể hoàn thành những công việc trùng tu lớn cho chùa chỉ trong một vài năm.

Một tuần ba buổi tối, tôi hướng dẫn lập tu thân. Chỉ ưu tiên dành cho các nghi lễ tụng kinh. Chúng tôi in một quyển sách nhỏ về các bài kinh tụng tiếng Pali, gọi là Vandana, Phật tử có thể đọc theo trong các buổi lễ.

Vào những ngày lễ Phật giáo, chúng tôi sẽ có những nghi lễ long trọng, theo truyền thống Sinhala. Vào ngày lễ Vesak, chúng tôi tổ chức lễ Phật đản, Phật thành đạo và Phật Nhập diệt. Mọi sự kiện rơi vào ngày rằm trong tháng năm của Visakh, khoảng tháng tư hay tháng năm. Chuẩn bị cho lễ Vesak, người ta dọn dẹp, và trang hoàng Chùa, làm lễ dâng bông nhài, nến tre và giấy màu, và nưọt nhai thức ăn - thức ăn là món chay. Vào ngày lễ, các Phật tử tụm tụm màu trang nghiêm, vào chùa suốt ngày, gõ chuông, chuyêng trò, nưòng và lắng nghe quý sư tụng kinh. Đó thật là một ngày lễ hội Phật giáo nhộn nhịp nhất trong năm.

Kathina, một nghi lễ quen thuộc khác, đánh dấu sự khởi đầu của 'mùa an cư' truyền thống. Trong ba tháng (từ giữa tháng Bảy đến giữa tháng Mười), quý sư ở trong chùa, không đi ra ngoài. Truyền thống này bắt đầu từ thời Phật còn tại thế, khi ngài và các đệ tử thực hành ba tháng an cư 'mùa mưa' trong năm, suốt thời gian đó tông đoàn không đi ra ngoài, mà một chỗ cho những tháng mưa.

Hiện nay, lễ Kathina được tổ chức vào tháng mười. Trong thời gian đó các sư dâng cúng y áo mới và các vật dụng cần thiết cho tu sĩ. Những chiếc quà tặng trong chánh điện có bàn chải đánh răng, thuốc súc miệng, thuốc xoa râu, xà bông và giấy vệ sinh.

Những món quà quý nhất trong tất cả, là y Kathina. Một mảnh vải vàng may bằng tay khéo léo, bọc trong bao plastic, rồi được dâng cúng một cách trang trọng cho cộng đồng. Các sư quy tụ nhau lại là người bất cứ khi nào nhận được món quà này. Đôi khi đó là vật phẩm tu thân, hay những y áo bị rách nhai nhut. Hay một vài sự vật mà Phật giáo hộ pháp nên có thể không có các sư cúng dường y áo.

Suốt trong những năm ở chùa Washington, tôi phải hít thở vào hơi nóng M, và nóng M cũng hít thở theo tôi.

Tôi khá nh ng i, ch cao kho ng m t th c r i, qu n y, u c o nh n. Vào nh ng n m sáu m i, hình nh ó th t quá s c t ng t ng i v i ng i dân M .

Nhi u l n, khi tôi h i nhà v sinh công c ng, ng i ta ch vào phòng dành cho ph n .

M t ngày kia trên ng i ch v , tay tôi ôm y gi b , và tôi i ngang qua m t ng i àn ông ang r a xe trong sân nhà. Con chó nhà ông ch y theo tôi s a. Anh ta la chó: “ ng có làm phi n bà y!”

Ngay c ng i g p tôi hàng ngày c ng l m t ng tôi là ph n . Trong su t hai m i n m tôi s ng Washington, m i ngày ng i phát th vui tính bao gi c ng chào tôi: “ ây là th c a bàø, th a bà”.

Vào m t bu i chi u tháng hai, n m 1969, m t ng i àn ông nh n chuông chùa và l phép xin c s d ng th vì n c a chúng tôi. Tôi r t vui vì có ng i thích tìm hi u v Ph t giáo, vì th , d nhiên là tôi ng ý.

Sau ó, ng i này n g n nh m i ngày, b ng m t em bé và mang theo m t cái nôi nh . Khi con ng , ông ng i c sách v Ph t giáo. Ông g n nh không trao i gì v i tôi, nên tôi c ng không phi n n ông.

Vào tháng 5, khi chúng tôi t ch c l Vesak, ng i àn ông nh p vào v i m t nhóm nh các c s áo tr ng và l i chùa su t ngày hôm ó tu bát quan trai và t a thi n.

Michael Roehm, m t trong nh ng thành viên ng i M chùa, th y ông.

“Ti n s Rodier làm gì ây v y?” anh ta h i tôi.

“Ai là ti n s Rodier?” tôi h i.

Michael b o v i tôi là ng i àn ông ó tên là David Rodier, và ông là giáo s tri t i h c American, ch cách chùa vài d m.

Ngày hôm sau tôi nôn nóng ch ti n s Rodier n th vì n vào bu i chi u nh th ng l . Khi ông n, tôi ti n l i g n ông.

“Th a, ông có ph i là giáo s i h c American?” tôi h i.

Ông g t u, m m c i.

Tôi th a v i ông r ng tôi r t mu n c ti p t c vì c h c c a mình. Tôi k v i ông v nh ng tr ng tôi ã h c Ceylon và n , c g ng ch p vá vi c

h c c a mình. Tôi c ng k v i ông v vi c tôi ã u k thi ng ai khóa c a Cambridge, nh ng không vào c i h c Malaysia.

Ông Rodier khuyên tôi b o i h c Cambridge g i i m thi c a tôi n tr ng i h c American.

Rodier c ng ngh tôi d thính l p c a ông có th th c t p ti ng Anh.

Hàng tháng tr i, m i ngày ti n s Rodier u n chùa ch tôi n tr ng i h c, tôi có th d thính l p tri th c c a ông. c i h c tr l i, th t là m t c m giác tuy t v i!

Kho ng th i gian ó, tôi b t u c m th y au l i th n trái. D n d n tôi ph i i bác s , và c chuy n qua bác s n i ti t. V này gi ng nh v bác s Malaysia, c ng b o tôi b s i th n nh ng l n này ph i gi i ph u.

May m n thay, i c Piyananda và tôi u c b o hi m qua ch ng trình b o hi m t p th tòa i s Ceylon. Tôi n m trong b nh vi n m i ngày. B o hi m tr 80 ph n tr m vi n phí và Michael Roehm, v i tâm r ng l ng, ã tr ph n còn l i cho tôi.

N m 1971, tu i b n m i ba, tôi c nh n vào tr ng i h c American làm sinh viên n m th nh t. Michael Roehm tr h c phí cho tôi, l i còn cúng d ng ti n cho tôi mua sách v . Bên c nh ó, tôi c ng dành d m c chút ít t s ti n n m t tr m ng hàng tháng mà chính ph Ceylon cung c p trang tr i cho chi phí h c t p.

Vì các Ph t s chùa, m i khóa h c, tôi ch có th i gian h c hai l p. Nh ng n m sau ó, tôi v a qu n lý chùa, v a là sinh viên i h c, và c ng n các i h c khác thuy t gi ng v Ph t giáo. Tôi i kh p n i, t Miami n Saint John, Newfoundland. M t s n i bi t tôi qua tr ng i h c American; các n i khác thì qua m u qu ng cáo nh c a chúng tôi ng trên t Washington Post, v các ho t ng c a chùa, c ng nh các l p giáo lý.

N m 1972 tôi b t u h ng d n m t l p thi n i h c American. H n hai m i sinh viên ghi danh h c. V tuyên úy tr ng i h c dành cho chúng tôi m t phòng r ng trong nhà nguy n. Chúng tôi trang b phòng v i nh ng chi c t a c êm ái.

Kho ng m t tu n sau khi l p h c khai gi ng, m t ngày kia tôi n l p s m h n th ng l , thì th y ai ó ã dùng dao r ch nát các t a c . Bông g o tr ng trong t a c vung v y kh p trên sàn nhà nh là tuy t. Tôi th t th t v ng! V tuyên úy s m l i cho chúng tôi nh ng t a c khác, nh ng chúng tôi ã nh n ra m t thông i p qua hành ng trên: có ai ó mu n ph n i vi c chúng tôi làm.

Có kho ng th i gian ó, chùa c n m t s gi y v n phòng có in tên chùa. Tôi n m t nhà in, a cho h coi m u huy hi u chùa c a chúng tôi t hàng. Tu n sau, khi tôi n nh n hàng, m t ng i khác ang làm vi c trong phòng in -là ch ti m in.

" i ngay!" ông ta hét lên, ngay khi tôi v a nói tên chùa. "Tôi không nh n b t c n hàng nào có ch *Buddhist (Ph t giáo)* trong ó."

ó là m t s kinh nghi m u tiên c a tôi v v n phân bi t tôn giáo, theo ki u M . Tr c ó, tôi ã có m t cái nhìn r t sách v v Hi p ch ng qu c nh là m t m nh t t do c thành l p nên b i nh ng ng i yêu n c can m, mu n em l i t do cho t t c m i ng i. Tôi ã c c v George Washington và Abraham Lincoln. Tôi bi t r ng l ch s M là l ch s c a cu c chi n u cho s bình ng. Tôi ã ngh r ng là ây, b t c ai c ng c t do tin theo b t c tôn giáo nào mà h ch n l a.

Nh ng v n không n gi n nh th .

N m 1973 i h c American c tôi làm v tuyên úy Ph t giáo t i tr ng, m t ch c v m i c t o ra vì tôi. Tr ng ã có các v tuyên úy thu c các tôn giáo khác, nh ng ch a bao gi có tuyên úy Ph t giáo. úng ra, tôi ngh ó là tr ng i h c u tiên M ã ch nh m t v tuyên úy Ph t giáo. Tin ó c ng trên t báo tr ng. L p t c có ng i vì t th n vi n tr ng tr ng, òi ph i c gi i thích t i sao ông l i ch n m t k 'ngo i o' làm tuyên úy.

Có kho ng th i gian ôi ba n m, c m i tháng m t l n tôi u n m t n i trong vùng ngo i ô c a N u c, g i là Trung tâm H ng d n Truy n giáo. H m i tôi n thuy t gi ng v Ph t giáo. Tôi th ng i cùng v i Richard Stoneham, m t thành viên c a chùa, s ng N u c.

M i khi thuy t gi ng ó, tôi c n th n không so sánh Ph t v i b t c m t v lãnh o tâm linh c a tôn giáo nào. Tôi mu n t s tôn tr ng i v i các tôn giáo khác. Tuy nhiên, m t ngày kia sau bu i gi ng c a tôi, khi m t ph n tr phát bi u: "Th t tuy t v i! Tr c ây tôi không bi t tí gì v c Ph t."

M t v m c s l n tu i trong hàng thính gi lên ti ng. "Tuy nhiên, Chúa Jesus v n cao siêu h n c Ph t," ông nói m t cách ch c n ch.

"Trên ph ng di n nào?" Richard h i.

V m c s ng lên.

"Tôi ã s ng Thái Lan tám n m," ông tuyên b . "Tôi ã nhìn th y c Ph t này ch ng i x p chân trong các c n phòng c trang hoàng p , không

làm gì hết. Tôi đã thấy những người đàn ông mặc áo vàng đi xin tiền ngoài đường. Họ không làm gì cho thế giới. Chúa Jesus đã hy sinh chết cho nhân loại."

Richard và vợ mặc sơ bô bước vào một cuộc tranh cãi qua loa. Tôi chim lén. Cuộc cãi vã, người phụ nữ bật khóc. Cô nói: "Chúng ta đi về tận quê nhà này ở Washington này để gì cho chúng ta bị tẩy chay khỏi giáo hội, tôn giáo mà ông tin tưởng. Đây có phải là cách chúng ta tiếp khách không?"

Khi bài giảng buổi chiều kết thúc, vợ giám đốc trung tâm nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên. Tôi biết không có gì, mọi việc đều tốt đẹp. Rồi tôi hỏi vợ về phía vợ mặc sơ bô nói chuyện với ông.

"Thưa ông, ông đã bỏ rơi các Phật tử trong các phòng trang hoàng đẹp mà không làm gì cả. Nhưng ông nghĩ là các hình tượng của các Phật, không phải là vật Phật bằng xương thịt. Các Phật xa kia rất nặng nề. Ngài đã hy sinh ngài vàng, vàng quỳ, tài sản, và gia đình - chúng sinh một cuộc sống ngắn ngủi. Ngay cả sau khi đã đạt giác ngộ, ngài chỉ sống hai mươi mốt ngày. Ngài bắt đầu thuyết pháp cho chúng sinh. Vì chúng sinh Ngài đã làm việc hai mươi mốt ngày, trong bốn mươi lăm năm, cho đến khi ngài tịch diệt."

Còn những người mặc áo vàng khi họ thấy là các tu sĩ đã nguy hiểm cho người dân, theo những Phật. Họ không phải là người xin tiền như ông nghĩ; họ là những người khác kính trọng vì cuộc sống tâm linh mà họ đã cống hiến. Các cốc cúng dường thức phẩm, y áo, nến và thuốc men. Áp dụng, các vị tu sĩ này ban cho họ những gì họ cần tinh thần. Các vị tu sĩ này chỉ nhận một ít thức phẩm từ mình nhà. Như thế, họ không là gánh nặng cho ai."

Có lẽ tôi không thể thuyết phục được ông, nhưng có thể tôi đã giúp ích một số điều cho ông.

Vào những năm cuối thập niên 70 là thời kỳ của chiến tranh Việt Nam, thời kỳ của 'những đứa trẻ hoa' (flower children), và những người phụ nữ chiến đấu.

Nhiều lần khi tôi nói về những trách nhiệm và trách nhiệm của họ, sinh viên sinh họ, Phật giáo quan niệm về việc này rất rõ ràng, vì họ đã nghe tin tức về các nhà sư Việt Nam từ thiện chiến đấu chiến tranh.

Tôi luôn tự hỏi rằng không có chỗ nào trong giáo lý của các Phật. Chúng ra các Phật hoàn toàn chúng ta. Giới luật thì ba của Patimokkha, các giới luật dành cho người tu, dạy rằng bất cứ vị tu sĩ nào phạm tội hay tham gia vào việc mưu sát, giết người, trộm cắp, lừa dối, tà dâm.

oàn. Tất cả chúng tôi nghĩ rằng chúng sinh nào khác, chúng tôi coi là một trong những người khác. Nhưng khi nghĩ về chúng trong hoàn cảnh bản thân áp tôn giáo hay áp bức trong xã hội, họ phải vượt qua những gì liên quan đến tôn giáo.

Những người đang cảm thấy bị tổn thương vì Phật giáo quy định những cách hành xử quá nặng nề. Phần lớn Phật tử chính quy theo Thiên Chúa giáo của ông Ngô Đình Diệm rất tàn nhẫn. Người Phật tử không quy định về những buổi nói chuyện công chúng hay những nghi lễ tôn giáo, và bản thân là Công giáo, chính phủ Mỹ cũng ủng hộ. Công giáo là ông Diệm đã đi đầu trong sự ủng hộ Công giáo chính quy theo Mặt trận áp Phật giáo Việt Nam. Đó là một chỉ định tinh vi nhưng khá phức tạp.

Vì quá tuyệt vọng, các nhà sư Việt Nam đã phải thiêu nói cho thấy gì về bất kỳ những gì đang xảy ra trên quê hương họ. Hành động của họ không liên quan gì đến Phật giáo, mà chỉ là những hành động yêu nước.

Để làm rõ, tôi cố gắng giúp các sinh viên hiểu ý nghĩa thực sự của Phật giáo. Phật giáo, tôi biết rõ, là một tôn giáo hòa bình.

---o0o---

Chương 21: Viên chức Bhante G.

Nhiệm vụ của tôi là làm Chùa -cetera, nhưng, sự vắng mặt, ông kinh - là những việc mà quý thầy theo truyền thống không làm. Cuộc sống của chúng tôi phải là một cuộc sống yên tĩnh, giản dị. Nhưng Mặt là một thế giới mới, và tôi bắt buộc phải tìm kiếm một vai trò mới.

Đến đây, tôi còn phải học lái xe!

Một ngày kia, một phần M và bạn trai của cô đến Chùa. Họ là những vị khách thực sự xuyên biên giới Chùa. Tôi nhớ họ chỉ giúp đỡ một phần bán gia đình. Đây không phải là lần đầu tiên tôi nhớ họ. Bất cứ khi nào có ai đến Chùa, tôi thường xin quá giang để đi thăm, tìm kiếm, và đi gặp -bất cứ nơi nào tôi cần.

Điều đó khiến tôi khó chịu, vì các tu sĩ dường như không có vì lợi ích riêng của mình mà chỉ các công việc chuyên nghiệp. Điều đó cũng xem như là quá tham, quá bám víu.

“Bhante,” người phụ nữ nói, “vấn đề là không công bằng. Chúng tôi đến Chùa để thiền, đọc sách và hành thiền. Nhưng vì chúng tôi đã chân vào, sự khác biệt giữa chúng tôi chỉ là sự khác biệt.”

Tôi m t vì gi n.

“À, v y tôi ph i làm vi c nh nô l cô có th n ây th giãn, t a thi n tho i mái sao? Tôi ch nh cô giúp . B ng không, tôi không th làm nh ng vi c l t v t này.”

Cô ta ngh ng i h i lâu r i nói.

“N u chúng tôi d y s lái xe thì sao? Nh th thì s có th i b t c n i nào mà s c n i, b t c lúc nào.”

Tôi c m th y th t tuy t v ng.

“Làm sao tôi làm c chuy n ó? Tôi không có xe. Và h n th n a, là tu s , tôi không th nh ng i khác d y lái xe.”

“S âu có nh ,” cô phân tr n. “Tôi t nguy n mà.”

Th là ngày hôm sau ó, ng i b n trai c a cô lái m t chi c Dodge to vào chùa. Chi c xe Dodge ó là c a cô gái, nh ng cô ã nh b n trai t p cho tôi lái. Tôi ch a bao gi ng i sau tay lái, nên r t ph n kh i nh p cu c.

Sau vài h ng d n c a anh, tôi b t u lái xe ra ng, và t p c ng khá t t. R i chúng tôi i vào ng s 16, m t con ng khá nh n nh p. Ng i d y lái xe nh a tôi qua m t con ng nh h n d c theo công viên Rod Creek, n i tôi có th th c t p mà không ph i lo l u l ng xe nhi u. Chúng tôi n ngã t c a ng s 16 và i l Colorado, c t chéo qua ng s 16. Ông th y b o tôi r trái, nh ng tôi ang quá chú tâm vào vi c lái xe nên c lao t i.

“Ch m l i!” ông th y la lên. “Ch m l i!”

Nh ng ã quá tr . Tôi tông vào m t chi c Saab xanh ang d ng gi a ngã t .

Tôi nh y ra kh i xe và ch y l i bên chi c Saab. Th t hú h n, ng i lái xe, m t ph n tr , hình nh không h h n gì.

Tuy nhiên, xe c a cô thì b h h ng n ng. Cú tông vào phía tr c xe khi n èn, b ng xe, m i th u h h i. Và đ i cái mui xe nh n nhúm, bình n c xe ang x t n c ra.

Tôi r i rít xin l i cô gái, r ng tôi ch là ng i ang h c lái xe. Cô ta m m c i.

“Xin ông ng lo,” cô nói. “Chuy n này có th x y ra cho b t c ai.”

Tuy nhiên khi c nh sát n, tôi b ph t 25 ô. Tôi ngh là tôi ã thoát n n m t cách d dàng, vì k ra tôi không có n m t gi y phép h c lái xe.

Tr v chùa, tôi g i ng i ph n , ch c a chi c Dodge. Tôi r t áy náy v chi c xe c a cô.

“Xin s ng lo l ng,” cô tr n an tôi. “Tôi có b o hi m, và cha m tôi s lo chuy n ó. Không có gì quan tr ng âu.”

May m n thay, ông th y d y lái xe không n n chí vì tôi. Nh ng tu n l sau ó, anh ta n chùa b t k khi nào có th i gian, và tôi t p lái b ng xe c a anh. Anh r t kiên nh n v i tôi.

Sau m t bu i h c thêm chính th c tr ng lái xe, tôi s n sàng xin gi y phép lái xe. L n u tiên, tôi r t bài thi lái xe. Tôi ã v t qua m t chi c xe t i ang ng ng m t ng n èn xanh. Ng i coi thi cho r ng èn th c ra ã chuy n sang , nh ng tôi không th th y vì tôi quá th p và chi c xe t i ã c n t m nhìn c a tôi.

L n thi th hai, tôi c n th n h n, và ã v t c k thi. Tôi th t hãnh di n c có b ng lái xe M !

Nh ng d nhiên là chúng tôi không ti n mua xe cho chùa, vì th tôi v n còn ph i luôn nh v ng i khác. Trong nh ng tr ng h p kh n c p, tôi m n xe c a tòa i s Ceylon. Cho n ngày nay, tôi r t ít lái xe, m c d u tôi bi t lái –ít nh t là tôi ngh tôi bi t!

M t ngày vào tháng 5 n m 1975, v tr ng ban truy n giáo i h c American báo r ng có ng i c a State Department (c quan hành chính ti u bang) ã g i tìm tôi. Khi tôi g i áp l i, ng i ó h i tôi có mu n giúp m t s ng i Vi t Nam di t n v a n M . C quan này c n m t nhà truy n giáo

Ph t giáo trông coi m t trong nh ng tr i t n n ã c thi t l p t i ti u bang Florida.

Tôi hoàn toàn không có kinh nghi m làm vi c v i ng i di t n, mà c ng không nói c ti ng Vi t hay ti ng Pháp, nh ng tôi ã ng ý.

Sau ó tôi g i cho m t ng i b n c a tôi, John Garges, m t trong nh ng thành viên ng i M c a chùa. John ã có kinh nghi m làm vi c v i ng i di t n và anh nói c m t ít ti ng Pháp. Vì th anh tình nguy n i theo tôi làm thông d ch, khi c n.

Hôm sau chúng tôi nên c n c không quân Andrews theo l i d n. Chúng tôi ph i i n m t s gi y t , r i m t s viên ch c ph ng v n chúng tôi. Sau ó h b o chúng tôi i chích ng a, r i hôm sau quay tr l i.

Chúng tôi v n ch a bi t là nhi m v này s kéo dài bao lâu, n i ch n nào. Tôi không bi t gì h i nh ng i u nh th .

Hôm sau ó, m t chi c ph n l c trong c n c chuy n chúng tôi n c n c không quân Eglin g n Pensacola, Florida. Chúng tôi là hai hành khách duy nh t.

Ng i ta dành cho chúng tôi m t c n phòng ti n nghi , r i gi i thích rõ nhi m v c a tôi ây. C n b n, là tôi ó an i m i ngàn ng i Vi t Nam đi t n v a b t u n. Ng i ta b o tôi ph i th m vi ng h m i ngày, th c hi n các nghi l tôn giáo, và h tr h v i b t c nh ng s an i tâm linh nào mà h c n n. C ng có các tu s Ky-tô giáo và Tin lành tr i giúp nh ng ng i t n n v a chuy n theo các o này.

Bu i tr a u tiên, kho ng hai gi sau khi chúng tôi n tr i, m t chi c phi c ch y ng i t n n ã n. John và tôi ra ón h . Già tr , nam n , c . a s b c ra kh i máy bay trong nh ng b qu n áo c rách, mang theo ít hành lý ho c là không có gì c . H có v b s c, nhi u ng i ã khóc, nh t l à tr em. M t s rõ ràng là b b nh hay b th ng; s khác có v b kh ng ho ng tinh th n. Nhi u ng i ã ph i xa lia ng i thân -cha m , anh em, v ch ng. Có ng i bám ch t vào tay c a nh ng ng i hoàn toàn xa l .

Khi nhìn th y tôi trong b y vàng, nhi u ng i m m c i. Có ng i b t khóc và vái chào tôi không ngh .

M i ngày chúng tôi u th y hàng oàn máy bay ch y ng i t n n, và m i ngày nh ng hình nh ó l i tái di n. Hình nh thân quen c a m t nhà s Ph t giáo d ng nh là cái phao c a s s ng i v i nhi u ng i t n n ã quá au th ng vì chi n tranh, gi l i t chân n m t x s hoàn toàn xa l .

Sau hai tu n, John ph i tr v v i công vi c c a anh Washington, và m t l n n a, tôi l i n c và không có xe. Vì th tôi h i ng i ch u trách nhi m V n phòng Ti u Bang xem có ai có th ch tôi m i ngày t ch trú ng n tr i t n n. Sáng hôm sau m t chi c taxi c a không l c n u tr c c a phòng, và ng i lái xe b c ra, y v b i r i.

“Tôi n r c viên ch c Bhante G.,” anh ta nói, tr m t nhìn chi c y vàng c a tôi.

“Chính tôi,” tôi tr l i.

“Nhất thì tôi không thể đi ông đi,” anh ta nói. “Dân số không thể đi trong xe này. Nó chỉ dành cho các viên chức.”

Sau đó, tôi được giao nhiệm vụ chỉ dẫn xe của Văn phòng Tiểu bang và tải. Tôi cũng gặp vấn đề khi lần đầu tiên vào nhà trong câu lạc bộ quan. Là nhân viên chức, tôi đi vào đó, dù tôi không trong quân đội. Nhưng “đang phở” của tôi khi nhìn thấy người dòm ngó. Tuy nhiên, đến ngày đi trong trình bày trước mặt anh ta và chỉ dẫn của tôi.

Công việc giúp người tốt nên của tôi rất có kết quả. Tôi cảm thấy mình đã mang ơn cho những người khác mà họ cần một thứ gì đó mà rất khó khăn trong cuộc sống. Đó là phần đáng của công việc.

Phần khó khăn là hòa hợp với một số các vụ truy vấn khác nhau. Một số coi đây là một cách lý tưởng kêu gọi người khác vào của mình: đây có hàng ngàn linh hồn cần cứu rỗi.

Các buổi theo nghi thức tôn giáo được diễn ra trong một căn lều, và các tôn giáo thay phiên nhau hành lễ. Khi hành lễ, tôi thấy người của Phở trên bàn thờ. Khi người Ky-tô giáo hay Tin lành hành lễ, thì họ sẽ hát thánh giá trên bàn thờ.

Căn lều hành lễ cũng bên một căn lều nhỏ hơn, là văn phòng làm việc của tôi. Một ngày kia, trong lúc đang làm việc, tôi thấy một người đàn ông bước vào trong căn lều. Đó là các em đi tìm tôi. Một trong những vị mục sư Tin lành, một người rất gan dạ, đi với chúng. Tôi nghe ông bước lên giêng kính chào tôi.

Tôi vội vã qua đó, gặp các buổi.

“Joseph, ông làm vậy là không đúng,” tôi nói. “Tôi đã thấy ông đi khắp nơi, thuy t phục cha mẹ chúng cho chúng vào đó.”

Công việc và tôi bị trình bày lần các em này rất đáng theo họ Ky-tô giáo thôi. Tất cả mọi thứ của tôn giáo bắt đầu từ người tốt nên là Ky-tô giáo. Cùng khi chúng rời đi rồi, chúng bắt đầu đi nhà thờ Ky-tô giáo thôi. Nhưng ít nhất, tôi ước mong xảy ra sau này. Tôi nghĩ rằng vì có một người vào ngay trước khi họ rời đi là không đúng.

“Nhưng người tốt nên này gì nên ông đang chờ đợi,” tôi hỏi ông ta. “Họ sẽ phải nhận biết đi ông bỏ họ, vì họ chỉ muốn rời đi rồi thôi. Ông có thấy tôi cũng nghĩ thuy t phục người tốt nên Ky-tô giáo nào có đi sang Phở giáo không?”

Tôi r t b c mình. Tôi i ngay n v n phòng c a State Department trong tr i, và báo cáo l i s vi c. Tôi b o v i v s quan r ng nh ng vi c d d c i o nh th , ch làm mang ti ng cho t t c m i ho t ng giúp ng i t n n. Ngày hôm sau, trong t tin c a tr i t n n, có m t bài báo a ra nh ng lu t l nghiêm c m không ai c kêu g i ng i t n n c i o c a h .

C ng may là ph n l n các nhà truy n o khác r t tôn tr ng nhau. M t ngày kia, tôi trao i v i hai th y tu Ky-tô giáo, m t ng i Vi t Nam và m t là M . Th y tu ng i M eo hai xâu chu i trên c , m t v i thánh giá và m t v i t ng Ph t nh . Ông nói r ng sáng ó hai xâu chu i dính vào nhau, ông khó lòng g chúng ra.

“Nh v y là không nên thánh giá và t ng Ph t g n nhau,” th y tu ng i Vi t Nam nói.

“Không, không ph i v y,” tôi nói. “ ó là chúa Jesus và c Ph t r t th ng yêu nhau n n i ta không th tách bi t h ”.

Khi m i n tr i, tôi d nh dùng nh ng quy n kinh t ng b ng ti ng Pali trong các nghi l Ph t giáo. Tôi ngh r ng ph n ông Ph t t Vi t Nam r t quen thu c v i ti ng Pali. R t ti c, không ph i th .

M t ngày kia khi tôi i vòng quanh tr i, m t c u bé chào tôi b ng nh ng l i: “Namo ayidafat.” (ND: Nam Mô A Di à Ph t)

“Con nói gì,” tôi h i c u bé.

C u ta l p l i: “Namo ayidafat.”

Tôi h i c u câu ó ngh a là gì.

“Con không bi t,” c u bé tr l i. “Ch bi t là khi g p quý th y, chúng con u chào th .”

Khi c u bé cho bi t cha m c u có quy n sách v i nh ng l i nh th vi t trong ó, tôi yêu c u c u d n tôi n g p h . Khi tôi n l u c a h , h m i tôi ng i. Tôi h i n u tôi có th m n quy n sách kinh b ng ti ng Vi t c a h ? H r t hoan h cho tôi m n. Tôi mang quy n sách n phòng in trong tr i và nh làm hai ngàn b n copy. Trong vòng m t ôi ngày, tôi ã có c nh ng quy n sách nh , và các nghi l c a chúng tôi b t u c th c hi n b ng ti ng Vi t Nam thay vì ti ng Pali. Tôi yêu c u m t c s Vi t Nam cao tu i h ng d n x ng t ng và tôi l n theo v i t t c s c g ng c a mình, vì tôi không h bi t ngôn ó. R i tôi gi ng Pháp b ng ti ng Anh, và v c s ó d ch sang ti ng Vi t. Tôi có th th y trên g ng m tr ng r c a nh ng ng i t n n là h r t c m kích vi c làm này c a chúng tôi.

Tôi cũng dạy các lớp tiếng Anh và vui vẻ cho tôi cũng như cho các em học sinh. Lúc nào tôi cũng ông ưc.

Một phần khác trong công việc của tôi là giúp tìm kiếm người bố mẹ - các gia đình hay cá nhân bằng lòng nhận nuôi vài đứa trẻ cần người chăm sóc, và giúp người trẻ tìm nhà và công việc làm. Tôi cũng ban quyền lý trí giao cho một ít tiền thoả mà tôi có thể nghĩ người có khả năng bố trí tốt nhất nào trên thế giới.

Chúng tôi phải xác minh lý lịch của những người bố mẹ, nhưng đôi khi cũng có người vì ý xấu vượt qua được. Một ngày kia, có ba người đàn ông đến trẻ và chọn ba cô gái nhỏ tuổi mà tôi biết năm tám. Những người này nói rằng họ muốn bố mẹ các cô gái. Họ đã ký những giấy tờ cần thiết và đem về các khoản tiền cùng với các cô gái.

Ngay khi về nhà, tôi liền chọn hai. Những cô gái này không trẻ trẻ mà không có cha mẹ họ cùng, tôi nói. Nếu không có cha mẹ này, thì họ phải bố mẹ cùng với những người Việt Nam lớn tuổi khác chịu trách nhiệm cho họ.

Đương nhiên là tôi không thể chấp nhận, nhưng tôi nghĩ là có thể tôi sẽ cứu những cô gái này khỏi cuộc sống của những cô gái bán thân hay tệ nạn.

Một lần khác, có một phần sống trẻ, đã nghĩ bố mẹ trẻ thanh niên Việt Nam, những bà mẹ em anh ta trẻ trẻ, nói rằng họ không muốn gì anh ta. Bà mẹ bố mẹ anh ta cũng thất vọng.

“Tôi tưởng anh ta là một con chiên ngoan,” bà ta nói, mỉm cười.

“Anh ta không phải là một người Ky-tô giáo sao?” tôi hỏi.

“Không, không phải như thế nào,” bà ta trả lời. Rõ ràng là rất thất vọng.

“Vậy anh ta theo đạo gì?”

“Anh ta theo đạo Phật,” bà sống ngạc nhiên. “Tôi mới vừa khám phá ra”.

“À, vậy thì điều gì đã làm cho bà nghĩ anh ta là một con chiên của Chúa?”, tôi hỏi.

“Vì anh ta có vẻ tốt và lễ phép. Anh ta rất kiên nhẫn và luôn đi xa vì tôi một cách kính trọng.”

Tôi cũng thấy ngạc nhiên vì sự phân biệt như thế. Thật vậy, không lâu sau khi tôi nhận trẻ, một bài biên tập viên nghĩ rằng tôi sẽ thông báo xuất hiện trên

m t t báo a ph ng. Sao chính ph M có th dùng ti n thu c a dân em m t k ngo i o n ây hòng giúp ng i t n n Vi t Nam tr i? N u nh ng k t n n kh n kh ó không tr thành con chiên c a Chúa, ng i vi t tuyên b , v y thì hãy h xu ng a ng c. ng dùng ti n óng thu c a chúng tôi d y cho h m t tôn giáo c a satan (ma qu).

Ph n ng c a tôi i v i nh ng s phân bi t i x này th ng r t n gi n: áp l i b ng tâm t , hay metta. ó là m t trong b n ba la m t hay nh ng tình c m t i th ng ã c c Ph t mô t . ó là m t c mu n trong s ch, không v l i, vì l i ích cho ng i, m t tình th ng không bám víu hay mong i áp tr , c th c hành m t cách vô i u ki n. ó là m t nguyên t c c n b n tuy t i h tr cho t t c m i ý ngh , l i nói và hành ng thi n.

Lòng t bi phá v m i ng n cách v tôn giáo, v n hóa, a lý, ngôn ng , và qu c t ch. Nó là m t nh lu t v tr , truy n th ng, ã n i k t t t c chúng ta l i v i nhau. Chúng ta c n có tâm t s ng và làm vi c v i nhau m t cách hòa h p. Nh t là vì nh ng s khác bi t c a chúng ta, chúng ta còn c n tâm t nhi u h n n a. Và khi chúng ta tr i r ng tình c m này n ng i khác, t nhiên nó c ng khi n cho cu c s ng c a chúng ta h nh phúc và an t nh h n. Trong tr i t n n ó, m i ngày tôi u s d ng n ngl c c a tâm t . Ng i t n n c n nó hàn g n v t th ng tâm lý, tình c m c a h . Tôi c ng c n n nó, có th gi v ng tinh th n làm vi c v i h trong nh ng hoàn c nh khó kh n này. Và nh ng ng i ch ng i công vi c tôi ang làm – úng ra, h c ng c n n nó n a.

M t ngày kia có m t ám c i theo o Ky-tô giáo tr i t n n, do hai v tu s Ky-tô giáo Vi t Nam c hành. Ch ng lâu sau ó, m t ôi b n tr khác ã tìm n tôi và yêu c u tôi th c hi n ám c i theo nghi l Ph t giáo cho h . Tôi b o v i h r ng ng i tu s Ph t giáo không c phép làm l cho ám c i, nh ng n u h có th tìm m t v cao niên th c hi n các nghi th c thì

tôi s làm l chúc phúc, c u an cho h . Th c ra, chúc phúc, c u an cho ám c i thì c ng gi ng nh cho nh ng d p khác – c ng là nh ngl i mà v tu s s t ng l tân gia, l m ng có em bé, sinh nh t hay b t c tr ng h p áng nh nào. L c u an bao g m Kinh H nh Phúc (Mangala Sutta) (“Kinh Ph c Báu –Blessing Sutta”, li t kê ba m i tám lo i ph c báu); Kinh Ratana (“Kinh Tam B o,” li t kê nh ng c tính áng ng ng m c a Tam B o); Kinh Karaniyametta (“Kinh T Bi,” cao nh ng c tính c a tâm t bi); và Jayamangala Atthagatha (“Bát i Thi v s Chi n th ng vinh quanh,” phác h a l i nh ng giai o n trong cu c i c Ph t khi Ngài chi n th ng k thù b ng nh ng c tính nh l ng, trí tu , kiên nh n, chân th t, vân vân).

Sau khi c xong các kinh này l c i, v tu s s v y n c lên ôi v ch ng, và c t m t s i dây vàng ‘chúc phúc’ quanh c tay c a h .

Vì thế, khi các ôi v ch ng ng i t n n nh tôi th c hi n các nghi l ám c i cho h , tôi bi t là tôi có th m nh n ph n chúc phúc. Nh ng th r c r i khác, tôi cho bà Longacre, m t ph n tình nguy n th ng n làm vi c trong tr i. Bà vui v lo áo c i cho cô dâu, b veston cho chú r , nh n, bánh và n c ng t cho m t bu i l nh . ôi v ch ng t ng ch c có m t bu i l theo ki u M , ã r t vui m ng vì vi c này.

Sau ó, d ng nh có c n s t ám c i tràn kh p tr i, và tôi là v tu s Ph t giáo duy nh t ó. Nên có ngày tôi ph i làm l cho n ba ám c i!

G n nh m i ngày, tôi u g i i n cho Washington ch c ch n r ng m i vi c u suôn s chùa. i c Piyananda nói chuy n v i tôi, nh ng m t cách mi n c ng. Ông tr l i ng n ng i và c l c. Tôi óán là ông gi n vì tôi ã i Florida và ông l i lo t t c công vi c trong chùa. Nh ng ông ch ng bao gi nói th ng i u ó ra, ông ch nung n u s phi n hà trong im l ng.

M t l n khi tôi g i, cháu c a tôi, Upali, tr l i i n tho i.

“S Piyanada th nào?” tôi h i cháu.

“S ang chu n b tr v Ceylon,” cháu tr l i.

“Cái gì? Cho S nói chuy n v i ông y.”

i c Piyananda b t i n tho i.

“Th a S , có úng th không? S s p tr l i Ceylon?”

“ úng v y,” ông tr l i.

“Khi nào S i?”

“Ngày mai.”

Tôi không th tin c.

“S là v tu s duy nh t chùa,” tôi nói. “S không th i. S có th i n khi tôi tr v không?”

“Không,” ông g n gi ng tr l i. “Tôi ph i i ngay bây gi .”

“Sao s làm v y?” tôi van nài. “T i sao s chùa không có ng i tu nào?”

Ông không nói gì. Tôi c m i n tho i, ch i, nh ng ch có s i m l ng. Cu i cùng tôi gác máy. Sau ó tôi c bi t r ng có m t v s ng i Sinhala, i c Piyadassi, ang vi ng th m chùa Washington. Tôi g i Michael Roehm

và nh anh gia h n l i m i v s ó có th l i lâu h n là d nh, cho n khi tôi tr l i. Tôi c ng g i n các tr i t n n khác, và h i xem n u có v tu s Ph t giáo nào trong nh ng ng i t n n. tr i Chaffee, ti u bang Arkansas, có m t v tu s ng i Vi t Nam, ã gia nh p t ng oàn khi l n tu i, sau khi ã có gia ình và con cái. Th t may, v này nói ti ng Anh khá gi i. Vì th tôi h i n u ông mu n n Washington, s ng chùa. Ông ta b ng lòng.

S dần x p ch p vá ó c ng t m n cho n ngày tôi tr l i chùa.

Vào tháng tám, V n Phòng Ti u Bang yêu c u chúng tôi kh n tr ng tìm ng i b o tr cho nh ng ng i t n n còn l i. H mu n gi i th tr i Eglin tr c khi mùa m a bão b t u.

Vì th cu i tháng tám, ph n l n m i ngàn ng i t n n ã c chuy n i, ho c n nhà ng i b o tr , hay n các tr i t n n khác không n m trong tâm bão.

Tôi ã xa chùa h n b n tháng. Và khi tr l i, bao r c r i ang ch tôi ó.

---o0o---

Ch ng 22: G p m l n cu i

M t cu c chi n tranh nh ang âm chùa Ph t giáo Washington. Ngay khi tôi v a v n nhà, m t s thành viên trong ban ch p hành t n công tôi: “S ã b r i chùa,” h nói. “Chúng tôi m i S n M làm vi c cho chúng tôi, nh ng gi thì S b h t th i gian giúp m y ng i Vi t Nam ó. Chúng tôi không u tiên h n h sao?”

“Tôi ph ng s Ph t, Pháp và T ng,” tôi tr l i. “Là ng i tu s , tôi ph ng s t t c m i chúng sanh, tôi không th phân bi t ng i Sinhala hay ng i Vi t Nam. Nh ng ng i t n n ó ang au kh , nên tôi c n giúp h .”

M c d u h không than phi n n a, tôi bi t ó không ph i là l n cu i cùng tôi ph i nghe v nh ng i u này.

Tôi tr v chùa u tháng chín, v á úng lúc cho khóa m i t i i h c American. Tôi c m t h c b ng toàn ph n b t u vi c chu n b cho b ng th c s v l ch s tôn giáo - th t là m t món quà tuy t v i!

Sau khi h c c vài tháng, tôi nh n c th em gái, báo t in m c a chúng tôi không c kh e, bà không còn n c gì n a. Kèm theo bên trong lá th là m t m nh gi y do m tôi vi t. Ch m t vài dòng, nh ng cu i th , bà b o ã ph i m t g n m t tu n vi t. Bà ã quá y u n n i không th vi t m t hay hai ch cùng m t lúc. C m c vi t c ng ã khó r i. Nh ng bà

quyết định vì tôi cho tôi. Có lẽ bà biết rằng đó là lá thư cuối cùng bà viết cho tôi. “Mình mong có thể gặp con,” bà viết.

“Anh nên trả lời,” em tôi viết trong thư. “Mình có thể không sống lâu nữa.”

Đó là cuối mùa thu năm 1976. Tôi thông báo cho ban chấp hành của chùa rằng mình có thể sống sót, và tôi cần vượt qua gia đình. Họ đồng ý mua vé cho tôi đi.

Vào tháng mười hai, tôi lên chiếc Pan Am 747 và hàng tháng về nhà Tích Lan. (Năm 1972, chính phủ Ceylon chính thức đổi tên quốc gia này từ cái tên truyền thống Sinhala, Tích Lan, có nghĩa là ‘phần đất đai và rừng’ trong tiếng Phạn). Tôi nghĩ về gia đình, nhớ tôi vẫn đang làm. Máy bay trực tiếp đến Honolulu, rồi Guam và Singapore.

Khoảng một tiếng rưỡi sau khi chúng tôi rời Honolulu, tôi nhìn ra cửa sổ, thấy bảng lên tốp trong buồng máy. Tôi đã nghĩ đó có thể là do dự của nhân viên.

Nhưng không phải thế.

Một vài giây sau, phi hành gia thông báo rằng chúng tôi phải rời Hawaii vì một trong những buồng máy bị cháy. Rồi các tiếp viên hàng không hàng đầu chúng tôi cách thoát ra khỏi máy bay sau khi áp xuống. Cửa thang thoát hiểm bung ra, vì thế chúng tôi có thể rời khỏi máy bay nhanh chóng. Rõ ràng là mình nghĩ sẽ có một vụ tai nạn có thể xảy ra.

Họ cho nhân viên có con nhỏ ra trước. Rồi là phụ nữ có thai và người già, sau cùng là nhân viên khách còn lại. Họ bắt đầu thực hiện lý trên máy bay.

Tôi thấy một vài hành khách làm dấu thánh giá trên ngực. Người khác thì khóc lóc hay cắn móng tay, hay thậm chí vì người khác bên. Tôi nhìn thấy một vài cuốn kinh thánh nằm rải rác trên sàn.

“Ồi,” tôi nghĩ, “tôi đã làm tất cả những gì có thể trong cuộc đời. Tôi đã nghĩ pháp cho người khác, và tôi đã cống hiến. Tôi đang trên người gặp mình. Dù có chuyện gì, tôi cũng sẽ cảm thấy tái sinh tốt đẹp.”

Tôi thậm chí không cảm thấy sợ hãi. Tôi nghĩ rằng nếu máy bay có rơi xuống, thì dù gì tất cả chúng tôi sẽ sống sót nhờ các khi chèo mạt sát. Chuyện thực sự đáng ngạc nhiên phải ghi.

Rồi tôi bắt đầu nghĩ về những lời Phê đê v s hãi. S hãi, ngài nói, phát sinh từ sự bám víu vào niềm tin – thân, tâm, ý, hành và thức.

Chúng ta bám víu vào nh ng th này mà ta coi nh là ‘cái tôi’. Chúng ta không mu n ánh m t ‘cái ngã’ này, vì th chúng ta tr nên s hã i v i ng i e d a d i b t c hình th c nào.

“Phi n não phát sinh t ái d c,” m t o n trong kinh Pháp Cú ã nói th . “S hã i phát sinh t ái d c. S không còn có phi n não hay s hã i i v i ng i không còn ái d c”.

Khi máy bay chú i u xu ng t trên không, tôi bi t n u tôi có th quán t ng n Tam B o, tôi s c bình an. Tâm y u nhi m b s hã i, lo âu, c ng th ng và b c xúc ch ng . Nh ng tâm y nh ng ý t ng h ng v Ph t, Pháp và T ng thì tràn y thanh t nh.

T i Honolulu, máy bay h xu ng s c gi t m nh. ã có nh ng chi c xe c u h a u s n trên ng b ng và ngay khi chúng tôi v a ch m m t t, nh ng chi c xe này b t u th i khói quanh máy bay.

M i ng i nh y lên, ch y n c a thoát hi m. Chúng tôi không bi t máy bay s phát h a b t c phút giây nào.

Tôi ngh có l tôi là ng i duy nh t trên c chuy n bay này là ch a bao gi tr t c u tu t lúc còn bé. Ôi th t k c c, d nhiên, v i chi c y phùng lên quanh tôi, nh ng tôi ph i nh n r ng nó c ng vui m t chút! Khi xu ng n m t t, tôi nh y ra và ch y th t nhanh. êm ó chúng tôi l i khách s n Hawaii sang tr ng, do Pan Am ài th .

Ngày hôm sau, tôi ti p t c n Singapore. Khi áp xu ng ó, tôi ng c nhiên khi g p m t s ng i t chùa Ph t giáo Tích Lan, m t chùa Sinhala. H m i tôi l i chùa h m t thág. Tôi b o v i h , tôi ang i th m m b nh, nh ng tôi có th g i i n báo cho em tôi h i tình tr ng m tôi nh th nào, có th tôi không c n ph i v g p rút nh th .

Ngày hôm sau, em tôi nh n tin tr l i. Cô y cho bi t m chúng tôi c ng không y u l m ngay bây gi , nên tôi l i Singapore m t tu n. R i tôi i Malaysia, ó m t tu n n a. Th i gian r ng rãi ó th t t t, vì nó cho phép tôi s p t mang l i m t ng c nhiên thú v cho m .

M t vài ng i b n Malaysia ã cúng d ng m t máy chi u phim slide, và tôi c ng ki m c m t radio FM v i m t microphone không dây. Tôi có kho ng n m tr m nh slide màu c a nh ng n i tôi ã th m vi ng kh p trên th gi i. Có chùa chi n, nhà ch c tr i, khung c nh thiên nhiên, thú v t và các l h i. Tôi mu n cho m th y nh ng n i tôi ã t ng có m t su t nh ng n m qua, khi tôi không v i gia ình.

Khi nhìn Tích Lan, chúng tôi đã có buổi chi u slide nhà ch tôi. Vì không có
i n ó, chúng tôi ph i m n đây n i t nhà hàng xóm. M tôi ng i, hoàn
toàn b thu hút khi bà xem nh ng t m nh slide và l ng nghe nh ng l i gi i
thi u c a tôi. M t bà sáng lên.

Chúng tôi b t u buổi chi u lúc 10 gi t i và kéo dài cho n hai gi sáng,
nh ng m tôi hình nh không bi t m t. Khi buổi chi u ã k t thúc, bà h i
còn thêm slide nào n a không. ó là l n cu i chúng tôi vui v bên nhau.

Ngày hôm sau tôi g i bác s c a m h i v tình tr ng s c kh e c a bà. Ông
b o r ng trái tim m tôi ã y u. Bà ã tám m i sáu tu i, bà có th r a i b t
c lúc nào. R ng tôi nên cho bà vào nhà đ ng lão, n i bà có th c ch m
sóc m t cách chu áo.

Vì th ch tôi, cháu tôi và tôi quy t nh chuy n bà vào m t nhà đ ng lão
Kandy. R i tôi chào t giã m , i Colombo. Khi tôi ra i, h c ng trên ng
chuy n m tôi n nhà đ ng lão. Ngày hôm sau, tôi nh n c i n tho i
c a cháu tôi. Nó khóc.

Nhà đ ng lão quy t nh tr m tôi v , sau khi ã ti p nh n bà vào c m t
êm. Không nói lý do; có th h ngh r ng n u bà m t ngay sau khi n ó s
là i u không t t cho vi c kinh doanh c a h . Lúc ó, tình tr ng s c kh e c a
m tôi ã t i t h n, có l vì ph i di chuy n ng xa n c nhà đ ng
lão. Ch và cháu tôi bi t r ng ph i a m i b nh vi n, nên h quay tr l i
nhà đ ng lão ón bà - ó không có xe c u th ng.

Bà nh t quy t mu n ng i thay vì n m xu ng b ng sau. H k r ng bà ã
rên au su t chuy n i. Khi n c b nh vi n, bà ã im l ng.

Bà ã ra i trong dáng ng i th ng, b ng gh sau xe.

Tôi nh v nh ng l n m b ng bó v t th ng cho tôi ngày tôi còn bé, làm sao
mà bà luôn bi t chính xác ph i làm gì tôi c m th y đ ch u h n. Tôi nh l i
c m giác c m ôm vào lòng nh th nào. Tôi ngh n lá th cu i cùng m
ã vi t cho tôi, ch vài dòng, m t cách khó kh n.

Tôi c m th y bu n vì bà ã ra i trong au n và h i h n r ng tôi không có
m t ó bên bà.

c Ph t ã nói: “Ph i xa cách ng i mình yêu th ng là au kh .” M c d u
tôi ã tr i qua nhi u n m gi ng Pháp v au kh và phi n não, ã hành bao
nghỉ l ám táng và an i ng i ta sau s ra i c a ng i thân, tôi không
ngh tôi hoàn toàn hi u nh ng l i đ y c a Ph t, cho n khi tôi kinh nghi m
s ra i c a m tôi. Khi m m t, n i au kh c a tôi quá sâu m n n i tôi

c m th y trái tim tôi nh ã b châm chích b i nh ng m i thu c ng cay, nh c nh i.

V i công phu tu hành c a tôi cho n th i i m ó, tôi luôn c g ng làm v a lòng m . Tôi mu n cho bà, h n t t c b t c ng i nào trên th gi i, c sung s ng. M tôi ã r t h nh phúc vì tôi xu t gia và tôi i ho ng pháp kh p c th gi i. Vì th m i l n làm c i u gì m i, hay i u gì t t, tôi u vi t cho m bi t. Không ph i khoe khoang, nh ng tôi bi t r ng chúng s mang l i cho m tôi bao h nh phúc.

Gi bà ã ra i, tôi còn c g ng làm vui cho ai?

Tôi c m th y r ng s au kh ó th c s làm b n lo n tâm tôi. S b ám v iu c a tôi i v i m là m t k t s l n nh t c a tôi. Khi m t m , trong ch c lát tôi ã quên h t nh ng l i Ph t đ y v cái ch t và vô th ng. Tôi ch hoàn toàn b chìm m trong kh au.

C hai ng i anh l n c a tôi u ã ra i, v i c tang ma cho m , tôi ph i gánh vác vì là ng i con trai duy nh t còn s ng. Các ch em tôi quy t nh h a táng m . Bu i l n gi n, v i các v s t ng kinh bên c nh giàn h a thiêu c a m ngh a trang. C ng gi ng nh tôi ã làm ám tang cha, tôi c ng nói vài l i c m n t t c m i ng i ã n. Ch là l n này, i u ó khó làm h n. R t khó h n.

Cho n ngày nay, tôi v n còn c m th y r t trân quý nh ng k ni m v m .

Vào n m 1979 hay 1980, tôi có bu i nói chuy n m t h i ngh v các tôn giáo Dallas, Texas. Vì th i gian ó g n l Thanksgiving, ng i ta yêu c u tôi nói v lòng bi t n. Vì th , tôi quy t nh nói v m tôi.

Nh ng khi tôi ng b c gi ng, c g ng nói nh ng l i u tiên c a bài di n v n, b ng nhiên tôi b t u khóc. Th t là x u h . Tôi t c t i khóc n n i không th nói c i u gì. Thính gi ch ng i ó nhìn tôi. Ph i r t lâu sau, tôi m i l y l i c bình t nh.

T t c nh ng gì tôi mu n nói v i h là tôi s không bao gi quên m tôi, và tôi r t mang n tình th ng vô gi i h n c a bà. L lòng thay, khi ng ó khóc tr c m t khán phòng y ng i, tôi l i b t u hi u m t trong nh ng l i Ph t đ y v cái ch t và s kh au. Ngài ã nói r ng n c m t mà chúng ta ã xu ng vì s m t mát nh ng bà m trên th gian, trong luân h i – nh ng n c m t y còn nhi u h n n c t t c i đ ng.

Chương 23: Ông có phải là ngài Gunaratana?

Sau đám tang mẹ, tôi đi Tích Lan khoảng một tháng.

Ngày sau ngày Mẹ mất, theo truyền thống chúng tôi tổ chức một nghi lễ cầu siêu cho bà. Mẹ sống ở nhà chúng tôi ở tầng ni m cho mẹ tôi, rồi thì trai do chúng tôi cúng dường hàng ngày cho mẹ. Đêm trước đó, thì có một vụ sấm nhà, thuyết pháp riêng cho chúng tôi.

Sau đó tôi bước ra khỏi vài tu viện ở vùng biển và các chùa nơi tôi đã từng sống trước đây.

Trên đường trở lại Mẹ, tôi đã có thêm khá nhiều con đường trên khắp các châu lục. Tôi đến chân núi Himalaya, Nepal, Liên bang Xô Viết, Hy Lạp, Ý, Pháp, Đức, Bỉ, và Anh.

Trong tất cả các quốc gia này, Nga có lẽ là nơi thú vị nhất. Đó là chuyến viếng thăm Nga đầu tiên của tôi.

Phi trình Moscow, Stanley Liyanapatirana, một người Sinhala làm việc tòa đại sứ Tích Lan đón tôi. Ông là người đã giúp tôi lấy visa vào Liên bang Xô Viết.

Hôm sau tôi đến phòng du lịch trong khách sạn, hỏi thăm cách lấy tour đến Leningrad. Người phụ nữ sau bàn giấy yêu cầu tôi đi hỏi chi tiết và báo tôi hôm sau trở lại.

Hôm sau khi tôi trở lại nhà hàng, cô trợ lý chi tiết cho tôi, rồi báo tôi đón taxi nào đó bên ngoài khách sạn. Cô đưa cho tôi một số xe taxi. Tôi tìm kiếm chi tiết taxi, nhưng không có bác tài nào đó. Vì thế tôi leo lên người vào buổi sáng sau, nhờ người tôi sẽ đi bác tài.

Bỗng nhiên một người đàn ông to lớn, nhìn mạnh mẽ của xe. Trước khi tôi có thể nói gì, ông đã chồm vào buổi sáng sau, tóm lấy dây đeo máy chụp hình của tôi. Không kịp suy nghĩ gì, chỉ phụ nữ theo bên người, tôi giật cái dây lại và giật đứt nó.

"Không! Không!" tôi la lên.

Anh ta không nói gì, chỉ tiếp tục đi lấy túi xách của tôi. Anh ta to lớn hơn tôi nhiều và tôi bị bắt trước sau lưng anh ta cũng thế, nhưng tôi không làm một điều gì đó.

Vấn không thể chi c túi ng máy nh ra, tôi gi cùi ch lên, dùng h t s c l c t ng th ng vào m i anh ta. Tôi ngh là m c tiêu c a tôi r t chính xác, anh ta la oái, buông tay, ch y i.

Vâng, rõ ràng là tôi ã ph m m t trong 227 gi i lu t c a ng i tu s ngày hôm ó. M t tu s không bao gi c dùng v l c trong b t c tr ng h p nào, d u là t v . Lý ra tôi ph i buông tay cho anh ta l y chi c máy nh, nh ng tôi quá bám víu vào nó, khi n tôi hành ng không chánh ni m. Có phim trong máy, nh ng b c nh tôi ã ch p kh p châu Âu. Tôi ch mu n cho b n bè xem chúng, và ó là t t c nh ng gì tôi ngh n khi tôi ph n ng m t cách b n n ng.

Và nh t t c chúng ta u bi t, khi b n n ng làm ch , chánh ni m b y lù.

Khi tôi ang hoàn h n t vi c v a x y ra, bác tài x taxi xu t hi n.

"Ông là ngài Gunaratana?" anh ta h i.

"Vâng," tôi tr l i.

Anh ta b c lên xe, không nói thêm m t l i nào n a, ch tôi ra ga. Ngay khi tôi v a ra kh i taxi ga xe l a, m t ng i àn ông xu t hi n trên v a hè, n c nh tôi.

"Ông là ngài Gunaratana?" ông ta h i.

"Vâng," tôi tr l i.

"Xin vui lòng i theo tôi."

Ông ta a tôi n c a xe l a, chào l phép r i bi n m t.

"Ông là ngài Gunaratana?" ng i soát vé tàu h i.

"Vâng,"

"Xin vui lòng theo tôi."

Anh ta đ n tôi n m t toa xe có gi ng n m. D nhiên, vi c b chuy n tay t ng i này n ng i khác, mà t t c u không m m c i, là i u khá bu n c i, nh ng tôi bi t trong chi n tranh l nh - th i k Liên Bang Xô Vi t, t t h n là không nên khôi hài v chuy n ó.

Sáng hôm sau, chúng tôi n Leningrad. Khi tôi v a ra kh i toa xe, m t ph n tr ang i.

"Ông là ngài Gunaratana?"

"Vâng."

"Xin vui lòng theo tôi."

Cô giúp tôi xuống tàu và đưa tôi đến tìm phòng ở. Cô đưa tôi đến một bàn ăn sáng, kéo ghế mời tôi ngồi.

Khi ngồi ở bàn ăn, anh ta cười hỏi: "Ông là ngài Gunaratana?"

"Vâng."

Anh ta mang đến cho tôi bữa ăn sáng gồm có hai cái trứng, bánh mì nướng, bơ, mật và trà. Tôi ăn một mình và khi tôi dùng xong bữa, lim-tông mời anh ông khác đến ăn cùng tôi.

"Ông là ngài Gunaratana?"

"Vâng."

"Xin mời theo tôi."

Ngồi ở bàn ông đưa tôi đến tìm chiếc xe buýt chở tour sang chỗ bên ngoài tìm ăn. Tôi lên xe và ngồi lái xe buýt hỏi: "Ông là ngài Gunaratana?"

"Vâng."

Và thế là cuối cùng tôi được tham dự tour đi Leningrad.

Sau khi trở về chùa Washington mùa xuân năm 1977, tôi lại theo học các lớp tiếng Anh của American. Tôi đang học năm thứ hai chương trình Thạc sĩ. Tiến sĩ Rodier, cố vấn của tôi trong nhiệm vụ, đã nói rõ rằng ông muốn tôi tiếp tục nghiên cứu về Triết học. Tôi cảm thấy rất phấn khởi và tự hào. Vì thế tôi nộp đơn xin một học bổng khác nữa và được chấp nhận ngay. Còn học hành và việc của tôi, bắt đầu từ nhiệm vụ trợ giảng ở một làng vùng quê Henepola đã mang tôi lên nên những trình độ học vấn cao nhất trong hệ thống giáo dục của Mỹ. Tôi thật khó lòng tin điều đó.

Trong lúc đó, chùa chúng tôi cũng phát triển lên. Gần mười năm kể từ lúc tôi đến đó, con số hội viên đã nhân lên hàng trăm lần. Những buổi lễ cầu nguyện và những lễ phước thiện rất nhiều và có hai: tiếng Mễ và tiếng Sinhala tham dự. Tôi được yêu cầu đứng đầu lễ phước thiện hai lần cho nhân viên Ngân hàng Thế giới (World Bank).

Tôi c ng b t u nh n c ngày càng nhi u nh ng l i m i n d y các khóa an c tu thi n kh p n c M . ó là vào cu i nh ng n m 1970, khi các trung tâm d y thi n b t u m c lên kh p n i. M t n i, New Mexico, ã m i tôi n l n u tiên vào n m 1976. Tôi ch a bao gi n ó và c ng không bi t nh ng ng i t ch c, nh ng tôi ch p nh n l i m i c a h .

N i ó th t tuy t p, cao trên núi. Ng i ta dành cho tôi m t cabin nh , riêng bi t , mà ph i leo d c m i lên t i; và h i xa nh ng tòa nhà khác. D ng nh tôi c tha h ng m v p c a m t h n c c nh bên, nhà v sinh c a cabin tôi n m phía ngoài, và không có gì ng n che. Tôi h i do d tr c s s p t này, nh ng vì cabin c a tôi khá tách bi t, tôi ã ngh ch c s không có v n gì.

Sáng hôm sau, trong lúc ang tr l i ti ng g i c a thiên nhiên, tôi b s c khi th y ba ph n tr b ng nhiên xu t hi n xu ng h t m. H cách tôi kho ng ch ng m i l m th c, ngay trong t m nhìn c a tôi. Tuy nhiên, hình nh h không th y tôi.

H c i b y ph c m t cách t nhiên, r i ng trên m t hòn á s i m tr c khi nh y vào h . Tôi th t x u h , kinh hoàng. Tôi ã là m t tu s c thân t n m m i hai tu i và ch a t ng bao gi th y m t ph n kh a thân trong i!

Ngay sau khi i toilet xong, tôi v i v ã tìm v qu n lý c a trung tâm.

"Th t không thích h p chút nào," tôi nói. "Tôi c n ph i d i kh i cabin ó ngay l p t c."

Ông ta xin l i r i rít. Tôi c d i n m t cabin khác, có nhà t m riêng bi t.

N m sau, khi tôi l i v trung tâm ó h ng d n m t khóa tu thi n m i ngày khác. Cabin tôi có phòng t m bên ngoài. Trên mái có nh ng ng d n màu en cu n tròn, dùng ánh n ng m t tr i làm nhi t và m t t m màn treo l i vào. Ng ng ngừng vì s ki n nhà v sinh n m tr c, ng i qu n lý l n này ã bi t c n th n gi cho tôi c kín áo. Ông ta h i m i ngày tôi i t m lúc m y gi và ông treo m t t m gi y trên t ng phòng t m, nói r ng: "Bhante G. t m vào bu i tr a. Xin vui lòng không làm phi n."

Ngày hôm sau, tôi ang trong phòng t m lúc 12 gi , b ng nhiên m t ph n tr b c vào, trên ng i không m nh v i. Cô ta nói r ng cô mu n h i tôi m t câu v Pháp.

Tôi gi n iên lên. Tôi la lên, "Cô có th h i lúc tôi gi ng Pháp t i nay! Không ph i ây!"

Cô ta đứng ra, mặt bưng.

Tôi hy vọng nó là lần cuối cùng tôi phải đi phỏng vấn các cô gái trẻ khỏa thân. Nhưng nó là thích cả tình yêu cho không.

Năm sau nữa, khi tôi trở lại trung tâm, viên quản lý tiếp nhận đã dành cho tôi một chiếc cabin riêng biệt nhất trong khuôn viên. Trung tâm phải đi mất vài phút mới đến. Sẽ không còn ai làm phiền nữa, ông ta trấn an tôi.

Mấy hôm sau đó, khi tôi trở về cabin lúc 10 giờ đêm, sau thi khóa tu thì ncu i cùng cả buổi tối. Trong phòng tôi trong khu vực nghỉ ngơi, tôi có thể thấy ánh sáng chiếu rọi các phòng cabin của tôi.

"Thật tốt," tôi nghĩ. "Chỉ cần nhân viên nào đó đã quên tôi không phải ở nhà trong bóng tối."

Khi bước vào bên trong cabin, tôi đã gặp người tên. Mặt phẫn nộ trong gương của tôi. Cô ta rớt rớt, rớt và rớt trên giường.

"Ra ngay!" tôi lập bập.

Cô ta không nói một lời nào, chỉ nhìn nó mà thôi. Rõ ràng cô nghĩ rằng tôi đang đùa.

"Tôi không đùa," tôi nói. "Nếu cô không đi ra ngay lập tức, tôi sẽ gọi người quản lý." Tôi quay lưng nhìn bà bà đi.

Tôi nghĩ lúc đó cô nhún nhún: Tôi không phải là một trong "những" loại guru (thầy) đó. Cô ta nhún nhún, khóc và túm lấy quần áo chực ra khỏi cửa.

Trong một tình huống như trên, bạn có thể nghĩ rằng tôi hoàn toàn bị chế ngự bởi lòng ham muốn, hay ít nhất cũng cảm thấy một chút tình dục bất kỳ. Nhưng tôi có thể chân thành nói rằng tôi rất ngạc nhiên, và rất giận dữ; và hai cảm giác này hoàn toàn chế ngự tâm tôi.

Đi với tôi, bất cứ người nào cũng nghĩ rằng tôi là đã không tôn trọng tôi với cách là người tu và là người thầy. Đó là cái tát vào trán tôi 2500 năm và mặt sự sinh viên đi vào trong lòng tôi. Có thể nghe khó tin, nhưng tôi không cảm thấy nguy hiểm gì cả. Là người tu, đó là sự lạc lõng của tôi sống như thế. Đó là cách sống của tôi khi còn là một cậu bé trai. Vì thế tôi sẽ không bao giờ nghĩ đến chuyện sống lại nó.

Năm 1980, tôi tốt nghiệp cử nhân sinh viên Tri thức. Vào ngày ra trường, tôi rất ngạc nhiên thấy khoa học hai môn tiếng Sinhala trong đám khán giả. "Bhante," một người trong họ nói, "làm sao sẽ tìm ra một thế giới lý tưởng sinh viên?"

Tôi cười vì câu hỏi này của anh thật thú vị. Khi người ta viếng chùa, họ thường thấy tôi cười, thuyết pháp hay là sách của nhà cha. Tôi làm việc suốt ngày.

Nhưng tôi còn một công việc khác nữa, và lúc nào cũng thế, là làm người sinh viên. Tôi không bao giờ nghĩ người ta có thể 'hoàn tất' sự học của mình, chỉ vì họ đã học những gì. Tôi nghĩ rằng sự học của chúng ta vẫn còn tiếp tục và tiếp tục mãi, nếu chúng ta ý thức điều đó. Tất cả chúng ta đều là những người học hỏi cho đến khi ta mất đi giấc ngủ.

Thật ra, khi so sánh với những cấp bậc cao siêu trong các trường tâm linh mà Phật đã đi đến, thì chúng ta, những học giả "thực tế" không xứng đáng gì là học giả. Đúng ra, chúng ta còn đang trình bày giáo.

Một học giả thực sự, theo Phật, là người đã tận tâm nghiên cứu qua Dhamma. Cái gì là "dòng chảy"? Bất cứ ai đã tìm hiểu chút ít về Phật giáo, đều biết về Bát Chánh Đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mệnh, chánh tinh tấn, chánh niệm, và chánh định.

Bát Chánh Đạo là nền tảng cho việc tu tập theo con đường tâm linh của Phật, những điều mà mà chúng ta đều có thể thực hành mỗi ngày. Nhưng nó chỉ là sự bắt đầu, vì không thể chúng ta đã thực tập tinh tấn thì nào hoàn thiện các loại thiền này, chúng ta vẫn còn tâm nghi ngờ. Chúng ta có thể thực hành tâm từ bi, lòng từ ái, và lòng chân thật. Chúng ta có thể nói những lời và dịu dàng. Chúng ta có thể chánh niệm và chánh định. Nhưng tất cả đều như những gì của vô thường – tâm nghi ngờ có thể len lỏi vào khi chúng ta đang bận rộn với công việc hay vào bất cứ lúc nào khác.

Một cấp bậc cao hơn của việc thực tập là gì là Bát Chánh Đạo siêu việt. Đây là "dòng chảy" chính yếu trong câu nói về quả Dhamma. Đó là cấp bậc niềm tin nghi ngờ được chuyển thành niềm tin vào chân lý của Tam Bảo. Khi niềm tin của quả Dhamma, hành giả bắt đầu chuyển đổi theo một con đường, họ sẽ lên một cấp bậc cao hơn, và cao hơn nữa. Khi hành giả cùng bước vào niềm tin vào một cái ngã thì họ đang, là họ thực sự quả Dhamma. Bất cứ khi nào nói rằng họ đã vượt qua một kỳ thi vào Bát Chánh Đạo siêu việt. Họ sẽ, họ sẽ mất đi giấc ngủ trong kiếp này, hay họ sẽ tái sinh không còn bất kỳ lý do, trên thế giới này họ sẽ cõi trời.

Sau khi tâm nghi ng ã c buông b , các ki t s khác c n c buông b ti p theo là lòng sân h n và s bám víu vào các đ c l c -nói m t cách khác, là sân và tham. Sau khi hành gi ã chỉ n th ng c nh ng u nhi m này, h s c g i là Nh t lai, là ng i s tái sinh ch m t l n n a. Khi ch ng ng i th hai ã c buông b , ng i y s tr thành m t v b t hoàn.

Ngay nh th , giai o n ch ng ng t t cùng này, v n còn n m ki t s khác c n c ch ng . ó là lòng c mu n c hi n h u trong s c gi i, lòng c mu n c hi n h u trong cõi vô s c gi i, m n, tr o c và vô minh. V B t hoàn ã t n m t t ng cao trong Bát chánh o siêu vi t, nh ng v n ch a hoàn toàn t c ti n s tâm linh, s thành t u r t ráo.

S ch ng ng x y ra khi n m ki t s cu i cùng b tan rã. Vào th i i m ó, hành gi cu i cùng t c qu c a con ng o: tr thành m t v *A la hán*, m t chúng sinh hoàn toàn giác ng .

Lúc ó và ch lúc ó thì s h c h i m i c coi là viên mãn.

Sau khi v a t c b ng ti n s “th t c”, tôi càng c nhi u n i yêu c u n gi ng d y. M t vài i h c m i tôi vào ban gi ng hu n: nh Georgetown, Maryland, American, và Bucknell. Tôi không nh n l i b t c n i nào vì trách nhi m u tiên c a tôi là v i chùa, nh ng th nh tho ng tôi v n d y nh ng l p v Ph t giáo ph n l n các i h c này trong m i n m nh th .

B t u t cu i nh ng n m 1970, m t s s ng i Sinhala n s ng chùa Washington và ngôi nhà l n trên ng s M i Sáu tr thành m t n i r n r p, n ào. Lúc ó thì chúng tôi ã có g n ba ngàn thành viên bao g m nh ng ng i M và Á châu nh : Sinhala, Thái, Burma, Campuchia, Lào, và ôi khi ng i i Hàn n a. Nh ng l p h c hàng tu n và các khóa l u y, v à Ph t t m i ngày ghé vào chùa b t c lúc nào thi n hay vi ng chùa. Chuông i n tho i luôn reo không ng ng.

Vào kho ng th i gian ó, có m t thanh niên tr nhi t tình tên Matthew Flickstein b t u n chùa th ng xuyên. Anh ta là m t nhà t v n tâm lý Maryland, có m t v và hai con. Anh c ng r t nghiêm ch nh trong v n h c thi n. Anh th ng h i tôi r t nhi u câu h i. Nh ng vì công vi c chùa ng p u nên tôi khó dành c th i gian tr n v n, không b qu y r y giúp Matt. Vì th Matt b t u ch tôi n các nhà ngh , nh m t cách chúng tôi có c nh ng th i gian nh th . Anh th ng m n m t phòng chúng tôi có th ó vài gi , t a thi n và trao i v các kinh nghi m hành thi n. Chúng tôi b t u v i ph ng pháp *anapanasati*, hay quán ni m h i th .

M i l n chúng tôi th vào hay th ra, tôi b o v i Matt, chúng ta có th kinh nghi m c s vô th ng. Tr c h t, chúng ta b t u c m nh n nhu c u th

vào. M t s c ng th ng nh nhàn trong l ng ng c t ng lên d n khi l ng oxy c y ra sâu h n và sâu h n n a cho n khi chúng ta b t bu c ph i th vào. R i gi h i th l i. Nh ng không duy trì c lâu. Vì không lâu sau s khó ch u gây ra do l ng ng c c ng y s khi n chúng ta ph i th ra. Ngay trong m t chu k c a h i th vào ra, ã bao trùm c kh au và h nh phúc. Chúng ta hoàn toàn không th làm ch nó.

Nh n ra c s chuy n i không ng ng này là t m vé a ta n gi i thoát. Chúng ta s n sàng ch p nh n h nh phúc hay au kh , b t c i u gì phát sinh. Khi h nh phúc thay i -không th tránh kh i, ta không b s c vì ta bi t r ng ó là vô th ng. Và khi au kh phát sinh, ta không n n lòng vì ta bi t r ng i u ó c ng vô th ng. Ta có th ch p nh n c hai, mà không th nào làm ch c ta.

Tôi r t thích th i gian tu t p v i Matt, m t s x h i kh i chùa t nh ng bu i h c không nh tr c này và anh ta c ng r t thích c h ng d n riêng. M t tình b n ã n y n gi a chúng tôi.

M t ngày vào n m 1979, tôi nói v i anh, "Matt, s mu n xây m t trung tâm thi n. m t n i nào ó t nh l ng, ng quê. M t lâm t vi n."

Anh ta nhìn tôi m t sáng lên.

"Th t ch ? S nói th t ch ?"

"Th t. S không à. V n duy nh t là, s không có ti n hay ng i h tr m t n i nh th ."

"Con có th giúp," Matt nói ngay.

Sau ó, chúng tôi không nói gì thêm v vi c này. Tôi ngh c hai u bi t r ng ó là m t gi c m ng l n và c n ph i có th i gian a n k t qu . Chúng tôi c n ph i suy t v nó nhi u h n m t chút. Nh ng Matt là m t ng i r t n ng ng, ng i luôn mu n m i vi c x y ra ngay bây gi h n là sau này. Anh ta không th i lâu nh th .

Vài tháng sau, m t bu i chi u kia, anh lái xe a tôi i âu ó và anh b ng nói: "Bhante, ngôi lâm t vi n ó th nào r i? S v n còn ngh n nó ch ?"

"D nhiên r i," tôi tr l i.

"V y thì t i sao S không ti n hành i?"

"Vì tr c m t, chúng ta v n ch a có nh ng i u ki n t i thi u. Chúng ta không có ti n hay nhân s , mà chúng ta c ng ch a có ch nào c ."

"Bhante," Matt nói, giọng y non nóng, "giờ chính là thời điểm ó. Cuộc đi quá ngắn ngủi, chúng ta phải bắt tay vào việc ngay."

Một nửa giờ ranh mãnh khỏe mẽ anh.

"Nếu không sẵn sàng xây trung tâm ó, con phải tìm một vị thí n s khác thôi," anh nói.

Tôi mỉm cười.

"OK. Hãy bắt đầu."

---o0o---

Chương 24: Ra riêng

Khi Matt và tôi bắt đầu tìm kiếm, tôi có \$50,000 trong ngân hàng. Tôi đã dành ít nhất mười năm nay. Đó là số tiền mà Văn phòng Tài u bang (State Department) đã trả cho tôi khi làm việc ở Florida, công việc tìm kiếm các tài liệu di sản, các lập trình viên các trường học - bắt đầu từ tôi đã tìm kiếm, bên ngoài công việc của tôi ở chùa Phật giáo Washington.

Matt và tôi bắt đầu lái xe vòng quanh Virginia, tìm kiếm nhà bán đất. Một ngày kia vào năm 1983, chúng tôi tìm được một kho hàng trống với diện tích 189 mẫu Anh (hay 75 mẫu ta) và mười hai dãy nhà trên đó. Giá bán là một triệu rưỡi. Cả hai chúng tôi đều đồng ý là mình sẽ thanh toán hoàn toàn. Matt, là một người nói chuyện khôn khéo, đã nói rằng mình chỉ cần còn \$700,000. Chúng tôi đã đưa cho họ một ngân phiếu \$2000 ngay tại chỗ, như một "làm tin", họ không quăng cáo bán trên thị trường nữa. Trong vòng ba tháng, chúng tôi phải có \$100,000 tiền mặt.

Trên xe, tôi nói: "Chúng ta thì thật là iên. Làm sao chúng ta có thể sống được với số tiền này trong ba tháng."

Matt có vẻ không hề suy chuy n.

"Tôi biết một người gây quỹ," anh nói, "người này sẽ giúp chúng ta có \$100,000 ó."

Vài ngày sau, chúng tôi nghiên cứu bí ẩn mà người gây quỹ đã phác họa cho chúng tôi. Đó là một dạng gây quỹ theo hình kim tự tháp. Những người đi đầu sẽ xây tháp sống mãi mãi. Con số người này rất nhiều. Khi lên đến mức

b c tháp sau ó, nh ng ng i cúng d ng s ít h n, nh ng ti n cúng s nhi u h n: hai m i, n m m i, m t tr m ô.

Khi c ng t t c l i, chúng tôi s có c h n l tri u.

"Bi u này trông r t h p d n," tôi nói v i Matt. "Nh ng ng i này âu có giúp chúng ta có c s ti n này mi n phí. Anh ta òi \$5000 ô m i tháng. S ti n \$5000 u tiên s tìm âu ra? Và n u anh ta ch gây qu c có \$5000 thì sao? Chúng ta s tiêu ti n ra nhanh h n ti n anh ta gây qu c."

Matt có th th y tôi lo l ng th nào. Anh bi t tôi không thích vi c mua tr góp hay vay m n, vì làm th chúng tôi b t bu c ph i tr lãi.

Vì th anh ngh m t chuy n i gây qu . "Hãy lên xe con," anh nói, "hãy n vi ng nh ng ng i S bi t và nh ng ng i con bi t. Hãy h i xem h giúp c gì mình không?"

Tháng sau ó, chúng tôi i ngang d c mi n ông b c n c M trong chi c Toyota Cressida c a Matt. Chúng tôi n N u c, New Jersey, Rhode Island, New Hampshire và Massachusetts. Chúng tôi b ng qua biên gi i Canada, n th m nh ng ng i Montreal, Ottawa và Toronto. Chúng tôi còn lên n c Newfoundland và Nova Scotia.

ôi khi chúng tôi lái m i b n ti ng m t ngày. Có khi chúng tôi n nhà ng i quen lúc gi a khuya. Có ng i ng h chúng tôi m i, m i l m hay hai m i ô, tôi ngh , ôi khi ch là cho chúng tôi i khu t m t. ôi khi h c m th y t i nghi p chúng tôi và m i chúng tôi l i qua êm.

Nhi u ng i khá r ng rãi. Có ng i vi t cho chúng tôi ngân phi u \$500 ô. Ng i khác bi u \$1000 ô canada. Phong cách y thuy t ph c c a Matt ã khi n cho nhi u ng i tin t ng.

"Chúng tôi làm vi c này là vì l i ích c a nhi u ng i," anh s nói k hi ng i bàn n c a ai ó. "Hãy giúp chúng tôi n u b n có kh n ng."

Cu i chuy n i, xe c a Matt ã ghi thêm h n 5000 d m (h n b y ngàn kilo mét) ng dài. Và chúng tôi c ng quyên góp c \$5000 USD.

"Có v khá y ch ," tôi nói v i anh.

Chúng tôi m m t tài kho n d i tên công ty m i c a chúng tôi: H i Bhavana. (T Bhavana -vun tr ng tâm linh- có v tóm t t c ý nh c a chúng tôi v ngôi lâm t vi n.)

Nhưng rõ ràng là chúng tôi không thể nào kiếm được \$95,000 đó trong hai tháng nữa. Chúng tôi phải hủy bỏ kế hoạch mua đất Virginia và chum tiền \$2000 để làm tin.

Trong lúc đó tôi đã báo với các vị tu sĩ chùa và ban chấp hành rằng chúng tôi đang gây quỹ cho một trung tâm thiền mới ở xa Washington. Tôi chưa bao giờ nói trung tâm thiền đó sẽ thu được quyên của chùa Phật giáo Washington, nhưng đó là điều hiển nhiên.

Sau này, khi chúng tôi đã quyên góp được tiền mua một miếng đất, thì hình thức tôi nhận được địa điểm này có thể thu được chùa không.

"Không," tôi trả lời.

"Tại sao không?" hỏi tôi tiếp.

"Vì đó không phải là điều tôi muốn," tôi nói.

Thực tế là, tôi đã quá chán những chuyện chính trị chùa. Về sáng lập ra chùa Phật giáo Washington thuộc phái Amarapura của Phật giáo Nguyên thủy. Tôi lại thuộc về một phái khác, phái Siyam. Nhưng thay vì điều đó đã gây ra nhiều xung đột sự kiện qua.

Một vấn đề, các chuyện ở chùa năm 1980, không thích tôi. Ông nói vì tôi thuộc phái Siyam Nikaya, tôi không quan hệ gì với ngôi chùa do phái Amarapura đứng lên. Ông cũng nghĩ rằng ông sẽ xích mích các vị sư khác cùng với tôi.

Nhưng khi gần năm 1980, tôi đã quá mệt mỏi vì những sự kiện này. Tôi cảm thấy rằng các vị tu sĩ ở đây không biết thực sự vì sao tôi đã làm sự kiện này phát triển chùa. Năm 1985 tôi thì nhận được từ phái Amarapura Nikaya Thích Lan ở chùa gì đó quyên tiền ủng hộ sự kiện này. Ông ấy nói, nhưng chúng tôi không kết quả. Ông ta chỉ muốn thêm vì ông bà con và có một kế hoạch phép nguyện.

Tôi bắt đầu nghĩ về việc rời khỏi chùa ngày càng nhiều hơn, về việc sống một nơi yên tĩnh, thanh bình mà tôi có thể thực hiện việc gì đó Pháp mà không lo lắng gì về những chuyện chính trị trong việc quản lý một ngôi chùa.

Năm tháng nữa, năm 1984, chúng tôi có được khoảng \$18,000 trong tài khoản của Hi Bhavana. Tôi nghĩ về Matt nên bắt đầu suy nghĩ về một địa điểm khác. Hãy tìm kiếm một nơi hay một ngôi nhà ở Anh, tôi bàn với Matt. Hãy thử tìm kiếm miền Tây Virginia. Đó là hướng đi.

Matt hẹn với một chuyên viên nhà đất gặp nhau quán cà-phê trên L s 50, trong vùng núi phía đông của West Virginia. Khi chúng tôi có mặt vào ngày hôm nay, nhà đất không xuất hiện. Matt hỏi thăm nhà đất có mặt trong quán cà-phê xem có ai gặp người đó không. Mặt trong nhà đất khách đó hỏi chúng tôi đang cần bao nhiêu tiền.

"Khoảng một triệu năm trăm đô Anh," Matt trả lời.

"Tôi có một triệu ba trăm đô," người đàn ông nói. "Giá tôi bán \$18,000. Anh bạn có mua không?"

Matt và tôi lái xe ra vùng Back Creek, một con đường nhỏ nhàn hạ, đi coi đất. Chúng tôi rất vui, mà giá đất rẻ và đúng với khả năng của chúng tôi. Chúng tôi trao cho người bán tiền ngân phiếu \$8000 và ký hợp đồng ngay hôm đó.

Tháng 7, chúng tôi tổ chức một nhóm người đi nghỉ hè hành hương đến thăm miếu Phật giáo. Tất cả những người đã đóng góp cho trung tâm thiền miếu này đều được mời tham dự. Chúng tôi rời Washington đi một vòng 10 xe. Có hai vợ chồng cùng đi theo tôi. Có người mang theo một tấm bảng chúng tôi có thể cầm lên miếu Phật. Tấm bảng "Ngôi làng Pháp," cái tên mà chúng tôi đã quy định đặt cho chùa miếu này.

Giữa mùa hè, nơi này nhìn rất đẹp. Cây bóng cây phật và một dòng suối nhỏ chảy qua đó. Chúng tôi ngồi xuống đất và ngắm người bày tỏ lòng biết ơn đi về nơi này. Hai vợ chồng kia và tôi tặng kính chúc mừng.

Ngay khi có tin chúng tôi đã mua được miếu Phật, một vài thành viên của chùa Washington lên tiếng phản đối. Sự khác biệt không đáng kể; có người còn không chào hỏi tôi. Những buổi họp bí mật tổ chức và tôi không cảm thấy.

Vì tôi đã hình thành một số nhóm tu thiền Washington và tôi cũng có một số trách nhiệm giảng dạy tại chùa, tôi nhấn mạnh tính chất của chùa, khi miếu Phật West Virginia đang phát triển. Vì thế, một nhóm rời đi trôi qua mà Ngôi Làng Pháp cũng không có nhu cầu gì. Có người bối rối là tôi đã sai lầm.

"Bhante, tại sao S l i mua đất cách Washington trung tâm?" hỏi tôi. "Ai sẽ đi xa nhất nếu người đó? Ai sẽ hỗ trợ S? Thiền là phí tiền."

Nhiều đêm tôi không ngủ, tôi hỏi không biết tôi có đúng không? Thiền là chán nản.

Cu i n m 1984, tôi quy t nh tr v th m Tích Lan. G n chín n m r i tôi không tr l i ó, và gia ình yêu c u tôi v d l cúng h i h ng cho m tôi. C ng có m t s n c m i tôi n thuy t gi ng, nên tôi nh s gom t t c l i trong m t chuy n i.

C ng có nhi u chuy n b t ng thú v trong chuy n i ó. Th y i n, tôi khánh thành m t chùa Ph t giáo v a xây d ng xong. Pháp, tôi trú t i m t chùa Sinhala, n i mà, m t êm kia, khi cu c n i chi n b t u nóng b ng Tích Lan, nó c ng ã tràn sang c nh ng con ng d th ng c a Paris. T t c các xe u tr c chùa Tích Lan u b âm b bánh, có l ph n l n là do ng i n Tamil bi t có ng i Sinhala vi ng chùa.

Malawi, tôi c ng giúp khánh thành m t chùa Ph t giáo m i, ngay c nh bên m t chùa c a ng i Sikh. Nairobi, tôi i th m các lo i thú khu b o t n ng v t hoang dã Masai Mara. Và Úc, tôi c g p m t th n ng v Ph t giáo.

Tôi ã nghe v a tr này nhi u n m tr c ó, khi có ai ó bí m t m t b ng cassette trên bàn làm vi c c a tôi chùa Washington. Qua cu n b ng, tôi nghe c m t gi ng thánh thót, rõ ràng c a m t a tr c t ng các kinh ti ng Pali, phát âm r t chu n. Tôi ã tìm hi u thêm và ã bi t a bé ó là ai. Vào th i i m ng i ta thu b ng, em ch m i b n tu i. Em s ng Tích Lan. Ng i ta nói a bé này ã t ng các kinh m t cách trôi ch y không có s d n d t hay nh c nh t m t ng i l n nào.

Vì th khi tôi v nhà n m 1984, m t vài n m sau khi tôi l n u c nghe cu n b ng t ng c r t n t ng, tôi quy t nh tìm g p a bé. Có ng i cho tôi a ch em Kandy, nh ng tôi không tìm ra c ngôi nhà, dù tôi ã ba l n i tìm.

Sau khi r i Tích Lan, tôi i Malaysia, Singapore, Thailand, và Úc. Úc, tôi gi ng Pháp Canberra, Perth và Sidney. ga xe l a Sidney, m t ph n tr tên Elizabeth Gorski ã ón ch tôi n m t chùa Thái, n i tôi s t m trú. Trong xe c a cô có m t c u bé tóc en, tu i m i m y. Cô gi i thi u c u bé là Ruwan.

Ngày hôm sau cô n chùa ch tôi i âu ó. C u bé c ng ng i b ng gh sau, gi ng nh ngày hôm tr c.

"Elizabeth," tôi nói, "cô có nghe v m t c u bé Tích Lan có th t ng kinh b ng ti ng Pali?"

"Bhante, nó ang ng i ngay c nh S ó," cô ta tr l i.

Tôi sống ở t. Tôi đã tìm được bé Sinhala n i ti ng t n Úc. Elizabeth gi i thích r ng cô ã g p c u bé tên là Ruwan Seneviratne, Tích Lan và hoàn toàn b chinh ph c b i gi ng t ng c c a em. Vì th m i mùa hè khi c u bé ngh h c, cô cho c u bé sang Úc ch i v i cô, v i s cho phép c a cha k c a em.

"Con ã h c t ng kinh b ng cách nào?" tôi h i Ruwan. "Có ai d y cho con không?"

"Th a không, Bhante," c u bé tr l i. "Khi còn r t nh , m i sáng con th ng ng i trên gh và c kinh. Gi ng nh là con ang c ra t trong trí nh ."

Elizabeth yêu c u tôi ng có nói v i ai là tôi ã g p Ruwan. N u tin t c n ra là c u bé ang ây, thì m i ng i s xô n nhà cô nghe c u bé t ng kinh. D a vào l i k c a chính c u bé, nhi u ng i tin r ng trong m t ki p tr c vào th k th 5 sau Công nguyên, c u bé là ph tá cho m t v h c gi n i ti ng Buddhaghosa, và ó là lý do t i sao em có th t ng ti ng Pali m t cách rõ ràng, l u loát nh th .

Ngày nay b t c khi nào i Tích Lan, tôi u th m Ruwan. C u ã l p gia ình, có hai con và là m t Ph t t thu n thành. Th t ra, c u c ng mu n thành l p m t trung tâm thi n.

Khi tôi tr l i Washington vào tháng 5 n m 1985, không khí chùa l nh l o. Trong khi tôi i v ng, ng i ta ã b t u nói này n v trung tâm thi n m i c a chúng tôi West Virginia. Ng i ta n là Matt và tôi ang b t tay kinh doanh m t th gí ó.

Ban giám c yêu c u tôi ph i g p h ngay. Tôi còn ch a quen v i gi gi c thay ình ng tôi ng ý ng i l i v i h . úng ra ó là m t cu c th m v n, h n là m t cu c h p. Bao nhiêu câu h i ch a vào tôi nh nh ng m i tên.

T i sao S thành l p h i Bhavana?

Ai tài tr ?

Ai s là ng i i u khi n?

T i sao s ph i i xa nh v y gi ng Pháp?

Tôi ã tr l i t ng câu h i c a h v i h t kh n ng c a mình. "Này," tôi nói, "không ph i là tôi ang xây m t nhà th , m t ti m r u hay m t ch ánh bài. ó s là m t trung tâm thi n. T i sao quý v c m th y c ng th ng nh th ?

Sau đó, thì họ nói lên nguyên nhân chính của vấn đề: "Tại sao S không liên kết chính trị với Giáo hội Washington?"

"Vì tôi muốn nó là một trung tâm thì cần thiết," tôi nói, "không phải là một trung tâm văn hóa. Và tôi không muốn những chuyện chính trị Tích Lan chen vào. Tôi muốn nó hoàn toàn công lập."

Nhưng khuôn mặt họ nhìn tôi.

Sau đó, mọi thứ càng trở nên tồi tệ hơn. Một đêm ngủ yên tĩnh trong ban công hành lang tôi bỗng nhiên có một cuộc họp Giáo hội và tôi phải đi.

Có khoảng hai mươi người tham dự. Ngay khi chúng tôi vào phòng họp, một người Sinhala đứng dậy và bắt đầu nói về tôi.

"Sẽ có bao nhiêu người làm gì cho tôi đây," ông ta nói. "Sẽ có người lo hành chính. Con dân trong nhà thờ của tôi không quan tâm. Sẽ có người mang bà con thân quyến Tích Lan này tìm việc cho họ, nhưng không tìm cho ai khác nữa. Sẽ phải đi dạy cho con em chúng tôi tiếng Sinhala, nhưng sẽ dành hết thời gian này để dạy họ pháp luật cho người Tây phương mà họ không phải là Công giáo."

Tôi kinh hoàng. Về mặt bình thường thì bình thường, tôi thấy và tôi đã coi ông là một người bạn.

Tôi biết rằng ông đã biết những người muốn đưa tôi ra khỏi Giáo hội này. Và tôi biết rằng mọi người đang chờ đợi tôi trong lúc này sẽ xem xét đánh giá. Vì thế tôi không thể làm gì được nữa. Thay vào đó, tôi chỉ bắt đầu truy vấn mọi người và nghe họ nói cho tôi nghe, một người nói về tôi bình thường mà tôi có thể có.

Một buổi họp sau đó của ban công hành lang, họ yêu cầu Matt Flickstein và một người bạn khác của tôi, Albert Cambarta, rút tên ra khỏi Giáo hội. Khi đi vào phòng họp, tôi biết rằng họ sẽ không thể có.

Nhưng chúng tôi chỉ xây dựng các dãy nhà nào trên miền Tây Virginia. Nếu tôi đi ra khỏi Giáo hội luôn, tôi sẽ không có nơi nào tá túc. Tôi cần Giáo hội Washington ít nhất cho đến khi chúng tôi có thể có một chỗ ở tạm thời.

Cùng lúc này, tôi đã phải chịu đựng những lời nói hèn hạ của họ, nhưng không phải để dằn vặt. Chúng tôi tiếp tục gây quỹ cho họ ở Bhavana, riêng biệt với Giáo hội Washington. Tôi nghĩ rằng họ không khí căng thẳng, họ sẽ không.

Cu i cùng ban giám đ c cho tôi ba l a ch n. Tôi có th rút kh i ch c ch t ch c a chùa Ph t giáo Washington. Tôi có th rút tên ra kh i ban ch p hành c a h i Bhavana hay là tôi ph i cho h i Bhavana sát nh p v i chùa.

Tôi cho h câu tr l i ngay l p t c: "Tôi s rút lui kh i chùa," tôi nói. Tôi có th th y t v kinh hoàng trên g ng m t h r ng h ch ng bao gi ngh là tôi có th ra i. Tôi ã ó hai m i n m, trong khi nhi m v c a tôi đ t ính ch là n m n m. Tôi là ng i ã ch n t t c h vào ban ch p hành. Có l h ngh r ng tôi quá bám víu vào a v c a mình, n n i tôi không th nào ra i.

Th t ra ó là m t s l a ch n n gi n. N u h ã có can m yêu c u tôi rút lui, thì t i sao tôi ph i l i ó? H n n a tôi r t ph n kh i ngh t i vi c tôi có th n s ng Làng Pháp (Dhamma Village), đ u chúng tôi ch m i làm c cái khung c a dẫy nhà u tiên.

Ngay sau ó, tôi g i th t ch c n v h i tr ng c a phái Amarapura Nikaya Tích Lan. Tôi yêu c u ông cho phép i c Maharagama Dhammasiri, m t v khách t ng chùa, thay th tôi. Th tr l i ng ý. Vì th tôi giúp i c Maharagama Dhammasiri xin visa th ng trú. V s này ã nh n c th xanh M vào ngày 26 tháng 5, 1988.

Ngày hôm sau, tôi trao cho i c Dhammasiri xâu chìa khóa c a tôi, có t t c các chìa khóa trong chùa. Tôi báo v i s tài kho n chùa ngân hàng nào và còn có bao nhiêu ti n trong ó. Tôi c ng ch cho s n i c t gi t t c nh ng gi y t quan tr ng c a chùa.

R i tôi lên xe, m t mình, và lái i.

Tôi không c m th y gì ngoài c m giác c gi i thoát, m t s gi i thoát m nh m , tràn y.

---o0o---

Ch ng 25: Xây tu vi n

Lúc tôi chuy n n a i m m i, chúng tôi ã ào c gi ng n c và ã có i n. Nh ng ch có khung s n c a m t tòa nhà dài, h p n i lên gi a r ng.

Lúc u, m i th u trong m t tòa nhà: nhà b p, ba phòng ng và vài cái nhà t m. Chúng tôi bi n m t trong nh ng phòng ng tr thành chánh i n, có th ch a kho ng m i hay m i hai ng i. Phòng n, m t n i r ng rãi c nh bên nhà b p, ng th i c ng là thi n ng.

Nhà bếp có một bếp gas với hai lò nấu. Nó cũng, chúng tôi kéo tay ghế hay tay ghế phía trên của vùng đất. Nhà vệ sinh chúng tôi mang của Port-o-Let (ND: Nhà vệ sinh di chuyển, chỗ đi vệ sinh tạm thời).

Không cần nghĩ đến chuyện, tôi rất hạnh phúc. Tôi cảm thấy như tôi có thể thoát khỏi sự sợ hãi. Phật pháp của tôi, không bao giờ có hành chánh, chính trị chùa Phật và tất cả những gì khác. Khi tôi đi đến chùa Washington. Đây, trong thung lũng núi hoang vắng này, tôi có thể thở thoải mái mà nghĩ rằng chúng ta có thể yên tâm yên ổn.

Tôi không làm việc này vì tiền, tôi kéo tay ghế hay thu gom tiền bạc. Nhưng tôi muốn biết về các tầng và thị trấn sinh sống trên những con đường sâu thẳm trong thị trấn và quán trọ Phật pháp. Tôi hy vọng rằng điều đó sẽ có nghĩa là những cây trong rừng kia!

Người bạn duy nhất của tôi trong những ngày đầu này là người bạn Yogavacara Rahula, một vị sư thầy, người đã lang thang khắp châu Á và đã xuất gia vào gia đình năm 1970 Tích Lan. Người bạn Rahula đã nghe về chương trình xây dựng một tu viện trong rừng của chúng tôi và đã viết thư cho tôi chùa Washington, xin phép gia nhập với chúng tôi. Người bạn đã đến tu viện này vào tháng 4, 1987, khi tôi vẫn còn ở chùa Washington. Người bạn đã sống trong khu nhà còn xây dựng. Bhante La Hulla đã ghé qua bao nhiêu tháng là cánh tay của tôi và là vị sư thầy của tôi, và đáng tin cậy như tôi đã gặp.

Một trong những công trình đầu tiên mà Bhante Rahula đã làm là dọn sạch một kho hàng trong vườn rau. Khi làm việc, ông đã phải làm việc không biết bao nhiêu lần ra khỏi núi này. Một lần khi tôi đến thăm, ông chỉ nói một câu. Hai tuần sau, khi tôi trở lại, ông đã dùng những viên đá này làm một bức tường chắn tuyết. Tôi đã nghĩ: đây là loại lao động của tôi mà chúng tôi rất cần biết để này thành hiện thực.

Matthew Flickstein cũng là người bạn trung thành của tôi. Cuối năm 1987, Matt đã mua một chiếc xe Anh, cũng như chúng tôi, và cũng dành nó cho tôi. John Hitchings, một nhà báo khác, sau đó mua một chiếc xe hai bánh, mang đi hai phần tư kia và cũng dành nó cho tôi. Nhờ thế tôi có một chiếc xe hai bánh để đi làm.

Trên đó, ngay trước khi tôi đến nhà của tôi, chúng tôi đã giao hàng về việc xây dựng nhà ở. Rõ ràng là chúng tôi có thể nghĩ về nó, chúng tôi sẽ trả cho ông ông xây thêm một ít trên khu nhà đầu tiên.

May mắn thay, ông ta không có vẻ phi n hà gì về công việc lúc có, lúc không này.

Nhưng tòa nhà ưu tiên các qua ba giai đoạn, tùy thuộc vào việc gây quỹ của chúng tôi. Khung nhà và tầng c ng xây dựng theo cách đó. Khi phải làm mái nhà, người xây dựng nghĩ chúng tôi làm giàn kèo thì tốt hơn. Ông ta bảo chúng tôi sẽ cần bản vẽ mái kèo loa i th ng và bản vẽ loa i hình cái kéo. Chúng tôi có thể óng nh ng loa i th ng, còn loa i hình cái kéo thì phức tạp hơn, vì thế ông sẽ trả hàng. Rồi ông vạch cho chúng tôi cách làm các loa i kèo th ng.

Thì là chúng tôi bắt đầu kêu gọi tình nguyện viên, yêu cầu họ mua các dụng cụ cần thiết và mua gỗ, v.v. Chúng tôi hoàn thành bản vẽ cái kèo th ng đó trong ch m t cu i tu n. Tất nhiên, chúng không gặp nhau. Người xây dựng phải sắp xếp lại nhi u cái.

Khi mái nhà đã hoàn thành vì nh ng l p ván p màu m, r t p, viên giám sát nhà trong h t n ánh giá ch t l ng. Ông ta nhìn r i l c u.

"Ch m t mùa tuyết là cần cái mái nhà này sẽ xu ng," ông ta nói.

"Về ý chúng tôi phải làm gì?" tôi hỏi.

"Ông phải đi xu ng và làm lại," ông ta nói.

Tôi chắc rằng ông nhìn thấy vết ho ng trên g ng m t tôi.

"Chúng tôi là m t h i nghèo," tôi nói. "Chúng tôi làm gì có tiền làm tr l i."

"Thôi c," viên giám sát nói. "Tôi sẽ cho ông m t ch n l a khác. Đây là làm m t cái khung hình ch A, kích cỡ kho ng 2x10x22, rồi óng lên các kèo. Nh ng tr c h t, ông phải bỏ m là khung kèo b ng ph ng, phải k p chúng l i b ng loa i g dán."

Đ nhiên, chúng tôi phải i n lúc quyết định mua gỗ s a ch a. Rồi l i ph i m t thêm vài tháng nữa chúng tôi mới tìm c ng i có kinh nghiệm làm nh ng khung hình ch A.

Trong lúc đó, chùa Washington, tôi nhận c m t lá th c a Russell LaFollette, m t trong nh ng ng i hàng xóm c a chúng tôi West Virginia g i. Ông nói rằng ông ý th y chúng tôi ch a nhi u g trong tòa nhà chánh trên t c a chúng tôi mà không có khóa hay ng i b o v . "Nh v y không an toàn", ông viết. "N u s mu n, tôi sẽ trông ch ng c c a S , giá ba ô m t ngày." Chúng tôi ng ý.

Nhưng ngôi hàng xóm khác không thể nhỡ vậy. Có ngôi không gì u s t c b c, cho rằng chúng tôi đã xâm lấn lãnh địa của họ.

Ngay sau khi mua đất, chúng tôi đã tiến hành thi u mình vì ngôi hàng xóm gần như thế. Chúng tôi đứng bên phần đất của mình. Anh ta đứng bên kia.

"Đây là Bhante Gunaratana," Matt tiến hành thi u. "Chúng tôi mua mảnh đất này và chúng tôi sẽ xây một trung tâm thiền ở đây."

Nghe thấy ông không nói một lời. Anh ta chỉ đứng nhìn chúng tôi, nhìn lòng và bề d c.

"Thưa ông, khi nào ông có thời gian, chúng tôi xin mời ông đến tham dự buổi thi u vì chúng tôi," tôi nói.

"Ông muốn làm chuyện gì thì làm," nghe thấy ông nói. "Còn tôi, tôi là một tín đồ Thiên Chúa ngoan đạo."

Một lần chúng tôi vẽ ra dự định một thung lũng trên đất, thì nó bắt đầu sụp đổ. Thưa, thung lũng này thì đất là một cấu trúc công qua bao năm tháng. Nó đã bắt đầu nứt vỡ, bắt đầu bằng keo dính đất, bắt đầu phân rã và bắt đầu sụp đổ. Lúc đó, chúng tôi đã phải thay đổi nhiều hay sáu thung lũng khác.

Chúng tôi cố gắng lên một biển báo cũ kỹ, vì một mặt tên và những chữ "Làng Phật Pháp (Dhamma Village)". Trong một hay hai ngày sau, những chữ đã bắt đầu mờ nhạt và biến mất thành "Làng Qu (Dam Village)" (Sau này, chúng tôi quyết định không dùng tên đó nữa mà chỉ gọi là H i Bhavana.)

Ngay trước khi xây dựng các dãy nhà trên mảnh đất, chúng tôi đã bắt đầu chôn những khóa tu thiền ở đó. Lúc đầu là những khóa tu một ngày. Chúng tôi sống ở ngoài trời dưới gốc cây. Sau này, chúng tôi yêu cầu người ta mang theo lều bạt đi qua đêm.

Trong những ngày đầu tiên khi các thiền sinh bắt đầu hành thiền, chúng tôi đã bắt đầu ngôi hàng xóm của nhà quý tộc. Nghe nói là nghe thấy ông đã đón chào chúng tôi bằng những lời không thân thiện, vợ ông ta và hai đứa con trai. Họ thì đứng nhìn lên trời, chỉ ra tất cả và chế nhạo không ngừng. Nghe thấy tiếng nói trong sân, những người hát thánh ca. Còn hai đứa con trai của họ hình như lúc nào cũng tập đánh trống vào thời khóa tu thiền buổi tối của chúng tôi.

Chúng tôi chỉ mong bao giờ than phiền vì không muốn mối liên hệ với họ xấu hổ. Nhưng những ngôi hàng xóm khác đôi khi ghé thăm sát giùm chúng tôi. Khi cần sát hại, thì nghe thấy tiếng nói của họ lúc -nhưng chỉ một lúc.

Ng ỉ n u b p cho chúng tôi m t th ỉ gian ó, là m t ng ỉ M ỉ g c Phi châu. M ỉ l n anh b ỉ c ra ngoài, nh ng ng ỉ hàng xóm th y anh, thì h ỉ s la to: "Cút ỉ, m ỉ en!"

Chúng tôi c ng có m t n tu ng ỉ c s ng tu vi n m t th ỉ gian. Cô trong m t th t khá g n t c a gia ình kia. M t bu ỉ chỉ u khi cô ang ng ỉ ngoài hiên, m t viên n c a lo ỉ súng BB bay vút qua u cô, xuyên qua c a s và d ỉnh vào t ng.

S qu y nhi u ti p t c su t sáu hay b y n m tr ỉ cho n khi ôi v ch ng kia ly d và ng ỉ àn ông d n ỉ. Nh ng a tr lúc ó ã tr ng thành. Vì th ch còn ng ỉ v l ỉ ó. C ng l , ch vài n m sau ó, m t trong hai ng ỉ con trai c a gia ình tr l ỉ th m nhà. Anh ỉ qua khu t c a chúng tôi, chào h ỉ ỉ c Rahula.

"Tôi xa nhà, theo h ỉ quân," anh ta nói, "và tôi ã n m t s qu c gia theo Ph t giáo. Vì th gi tôi hi u t t c nh ng vi c này. Tôi xin l ỉ vì ã làm khó d cho các ông. Chúng tôi ch làm theo l ỉ c a cha chúng tôi. Cha ã b o các ông là nh ng ng ỉ x u."

Ng ỉ hàng xóm khác c a chúng tôi là Bernard và Aveline Denise, lúc nào c ng thân thi n. H ỉ s ng phía sau chúng tôi, r ỉ d n d n n n m 1991, h bán luôn cho chúng tôi b y m u t c a h . Ngôi nhà c a h tr thành khu n ỉ ỉ n cho các t ng.

Vào ngày 2 tháng 10 n m 1988, chúng tôi chính th c khánh thành tòa nhà chánh. Ngoài ra c ng có ba th t b ng g , làm theo khuôn m u c a nh ng th t m t phòng các tu vi n bên châu Á. T ỉ lúc ó, chúng tôi ã có ỉ n, h th ng ng n c. Trung tâm ã hoàn t t, s n sàng m ỉ sinh ho t.

M t tháng sau l khánh thành, Matt n tìm tôi và b o r ng anh mu n n Thái Lan hay Tích Lan xu t gia làm tu s .

" ó là m t ý ngh khá l l ụng," tôi nói.

"T ỉ sao?" anh ta h ỉ.

"Vì s có th làm l xu t gia cho anh ngay t ỉ ây."

"Nh ng con t ng s ã nói là s s không làm l xu t gia cho con," anh ta nói.

" ó là m ỉ n m v tr c," tôi tr l ỉ. "Con c a anh lúc ó còn nh . Chúng c n anh h n. Lúc ó ỉ u quan tr ng là anh ph ỉ nhà v ỉ chúng. Gi chúng

ã l n r i, và n u anh c s ng ý c a v thì s s r t s n sàng làm l xu t gia cho anh t i ây. Anh có th là tu s trong m t hay hai tháng."

Matt r t vui m ng.

Ý ngh tr thành m t tu s 't m th i' (ND: gieo duyên) không l lũng nh ta tho t nghe. m t s qu c gia theo Ph t giáo, thanh niên ph i tr i qua m t th i gian, ôi khi là m t n m, s ng trong t ng oàn. Sau ó, h hoàn t c, tr l i i s ng c s. ôi khi nh ng ng i l n tu i ã l p gia ình s xu t gia trong m t hay hai tháng trong mùa m a hay có th ch m t vài tu n, h i h ng cho cha m quá c c a mình.

Nh ng tr c khi có th làm l xu t gia cho Matt hay b t c ai khác, chúng tôi ph i thành l p m t *sima* h i Bhavana. Sima là m t khu thiêng liêng, dành cho các nghi l c bi t tu vi n. Nó có th là m t ngôi nhà, m t chi c thuy n, m t hang ng hay ch là m t kho ng không gian m c ánh d u b ng nh ng l n ranh. Trong ti ng Pali, *sima* có ngh a là ranh gi i. Các t ng ni th ng h p l i trong sima, hai l n m i tháng sám h i và trì t ng các gi i lu t trong tu vi n. Các c s không th đ các bu i h p này. Vào nh ng đ p khác, nh là l xu t gia, c s c m i vào sima ch ng ki n nh ng gi ang di n ra.

Sima ôi khi còn thiêng liêng h n c i n th . Thi t l p m t sima m i là m t nghi l linh thiêng n n i b t c v t ng nào c m i n đ c ng không th t ch i. N u n tr , thì v y không c phép tham gia nghi l và ph i i bên ngoài.

M t sima lúc nào c ng c bao b c b i tám hòn á. Có y nh ng l i h ng đ n trong vi c ch n kích c á c ng nh cách x p t chúng.

Matt em tôi n m t m á, và tôi b o ng i c t á chúng tôi c n nh ng gì: tám hòn á, m i hòn kích th c ngang 12 inches*, cao hai feet* r i và dày ba inches*.

Vì chúng tôi không có kh n ng xây m t tòa nhà làm sima, chúng tôi quy t nh thi t l p nó trong ngôi th t nh c a tôi, ã c xây u n m ó, do Matt cúng đ ng.

Tôi nh n u chúng tôi thi t l p c sima và làm l xu t gia cho Matt trong cùng m t ngày, thì th t là duyên lành. Chúng tôi nh ngày ó là 22 tháng 7, n m 1989.

Trong lúc ó, có hai ng i khác n a c ng n trung tâm chúng tôi xin xu t gia: Misha Cowen, m t ph n tr California, ng i ã m th y c tr thành m t n tu s, và Tom West, Vancouver, Canada c ng mu n th

nguyên làm t kheo. Sau khi quán sát c hai trong vài tháng, tôi th y r ng h ã s n sàng cho cu c s ng không nhà. Tôi s xu t gia cho h trong cùng bu i l v i Matt.

Chúng tôi mu n có càng nhi u các tu s tham d bu i l quan tr ng này càng t t. Vì th chúng tôi m i ba m i l m t ng s phái Nguyên th y kh p n i trên n c M g m: ng i Sinhala, Thái, Lào, Campuchia, Vi t Nam và Burma, c ng nh m t tu s i th a Nh t B n và hai v ni theo i th a.

Vào bu i sáng ti n hành bu i l , t t c chúng tôi h p l i trên sàn g dán mà chúng tôi ã d ng lên ch sima. M t phóng viên nh c a vi n Smithsonian có m t ghi l i phóng s cho c ngày hôm ó. Tôi yêu c u ba ng i -Matt, John Hitchens và Daniel Cory –chính th c trình gi y t c a ba mi ng t mà chúng tôi s h u. R i sau ó là th i gian dành cho sima.

Tám hòn á ã c t c n th n thành vòng tròn quanh sima. M i hòn á có m t v t ng ng c nh.

V i s tr nh tr ng, v t ng cao niên nh t, hòa th ng ti n s Havenpola Ratanasara Mahathera, i t hòn á này n hòn á khác, b t u t h ng ông. Khi i m t v i v t ng ng m i hòn á, v t ng y s nói: " ây là hòn á c a ph ng ông, th a Th ng t a." Hay " ây là hòn á c a ông nam, th a Th ng t a."

Sau khi i hai vòng qua các hòn á, v s tr ng s d ng l i và x ng lên m t cách tr nh tr ng, " ây là gi i h n c a sima này."

Sau ó tôi tuyên b r ng nghi l xu t gia s di n ra sau gi th trai, lúc 2 gi chi u.

Trong lúc th trai, v tu s ng i Nh t B n ti n l i phía tôi và yêu c u tôi xu t gia cho ông n a. Ông mu n tr thành m t tu s theo phái Nguyên th y và tôi nh n l i.

Vì th ngày hôm ó, chúng tôi xu t gia cho ba ng i nam và m t n . Tôi t danh hi u cho Matt là Sumati, có ngh a là "Chánh Giác." Tom West tr thành Sona, hay "Vàng" -là tên c a m t tu s c vua Ashoka x a kia gi i i làm nhà truy n giáo Ph t giáo. Và ng i ph n tr California có tên là Sister Sama, ngh a là "An Bình."

Sumati và Sona, c hai u th gi i sadi và gi i tr ng trong m t ngày và v t ng s ng i Nh t, vì ông ang là tu s nên ch th gi i tr ng. Tuy nhiên Sister Suma xu t gia ch làm sadi ni.

Truyện về Phật giáo đời hiện tại có ít nhất năm vụ s ch ng ki n bu i l xu t gia. Khi ni chúng Nguyên th y tan rã vào th k th 10 sau công nguyên, do thi u s ng h , không còn có ng i n tu s nào ã th y gi i làm ch ng cho l xu t gia c a các n tu tr . ó là m t b c xúc i v i ph n ngày nay n u h mu n xu t gia tu theo Nguyên th y. Mãi n g n ây, h v n ph i b ng lòng m t v trí l ng ch ng, ch là th c xoa th m i gi i. ó ã là nguyên nhân gây b t hòa trong c ng ng Ph t giáo Nguyên th y nhi u n m nay.

Tôi bi t r ng v n ó s c t ra khi chúng tôi b t u th gi i cho nhi u ng i h i Bhavana. Ng i n s mu n tr thành nh ng n tu s th gi i. Tôi ph i quy t nh mình s làm gì.

c Ph t ã ra nh ng h ng d n chi ti t v v i c xu t gia cho ng i n , nh ng ngài ch ng bao gi nói r ng ch có n tu s m i có th th c hi n l xu t gia cho n c s . Ngài c ng không bao gi nói r ng n u các ni oàn có b tan rã, h s không c thi t l p l i ni oàn khác. T ó tôi k t lu n r ng không có lý do gì t ng s không th làm l th gi i cho ng i n .

Ngoài ra tôi c bi t hòa th ng Havenpola Ratanasara Mahathera, v t kheo ng i Sinhala r t c kính tr ng, ng i ã khánh thành sima cho chúng tôi, ã truy n gi i xu t gia cho m t ng i ph n Thái California.

Vì th khi Misha Cowen n h i Bhavana h i xem cô có th tr thành m t n tu s không, tôi ã b ng lòng. Tuy nhiên vì cô m i bi t Ph t pháp, tôi b o cô tr c h t ph i làm th c xoa. Tôi bi t r ng mình không th làm l th i gi i cho cô mà không có s ng h c a t ng oàn, nh ng tôi hy v ng r ng t i lúc cô ã s n sàng th y gi i, thì ã có các t kheo ni v i y gi i, lúc y tôi có th g i cô n ó.

M t vài t ng s bi t chuy n tôi ang d nh làm, h yêu c u tôi ng xu t gia cho cô. Tôi l phép tr l i r ng ý tôi ã quy t, vì th cô ã tr thành Sister Sama bu i l xu t gia u tiên t i H i Bhavana.

T lúc ó n nay, tôi ã làm l xu t gia cho n m ph n khác n a. T t c h u c nh n vào làm th c xoa. M t s ng i c ng ch mu n xu t gia gieo duyên trong th i gian ng n, vì th sau ó h r i kh i H i Bhavana. Trong nh ng ng i này, có m t ph n ng i c, ã tr thành Sister Sucinta, ti p t c tu lên th i gi i vào n m 1997 Bodhgaya, n . Cô ã tham d m t bu i l th gi i ông o v i hàng ch c các v th c xoa khác. Có các t ng s phái i th a và Nguyên th y u tham d bu i l truy n gi i ó.

Tr c l xu t gia u tiên c a chúng tôi Bhavana vào tháng 7, n m 1989, tôi ch làm l xu t gia cho m t ng i khác, m t c u bé m i l m tu i chùa

Phật giáo Washington, ngài đi mua nước xuất gia trong một thị gian ngắn.
Tôi chia bao giờ thì cần nghỉ lúc xuất gia khi tôi ở Á châu.

Vì thế đó là một ngày trống rỗng cho tất cả chúng tôi. Hỉ Bhavana đã đem
cả sima và cả ngài đã thân nhận các vị tu sĩ và ngài ưu tiên cả Hỉ.

Giấc mơ của tôi về một tu viện trong rừng đã thành hình. Tôi thật vui mừng
không thể diễn tả nên lời.

---o0o---

Chương 26: Vô giá

Đào cư sĩ nhập gia năm 1980 và sư huynh nhập gia năm 1990, là chị họ pháp của tôi
đầy đức. Tôi cảm thấy thuyết giảng khắp nơi ở Mỹ, Canada, Nam Mỹ, Scandinavia, Âu châu, Úc và Á châu. Tôi nghĩ về việc giảng dạy các loại
mật ngữ của tôi - càng đi xa càng tốt. Tôi rất thích du lịch.

Nhiều người, sau có ngài thông dịch các bài thuyết pháp của tôi. Các quốc
gia khác, thì phần ông thỉnh giảng nói tiếng Anh, nên tôi có thể giảng Pháp
bằng ngôn ngữ này.

Sau một khóa tu hay một buổi thuyết pháp, ngài đi ta thẩn ngắm tôi
cảm nhận. Đôi khi nắm tay tôi, hay ôm tôi. Dĩ nhiên, phần ông là
phần của tôi, luôn tỏ ra sự khó xử cho tôi. Các tiếng Nguyên thủy
không cảm nhận được phần này.

Tôi thỉnh thoảng hai tay nắm lấy nhau, nắm chặt, và nói: "Xin lỗi. Không phải
tôi vô lễ nhé đây là cách chúng tôi, ngài tu sĩ Phật giáo chào nhau hoặc
tạm lòng biết ơn."

Trong lúc này khi có ngài đi, ngài thì nắm tay. Sự khác biệt cảm thấy như
bức xúc phạm, quay đi không nói một lời nào. Ngài luôn khi nào tôi cảm thấy
buồn.

Tôi biết nhiều người nghĩ rằng các vị tu sĩ Phật giáo không cảm nhận
phần này vì họ không 'sợ'. Tôi đã từng coi là một người kỳ quái tính,
kiêu mạn, lạnh lùng, ẻo lả. Không có gì đáng nói.

Tôi tránh cảm nhận phần này không phải vì tôi nghĩ họ là những sinh vật gồ
ghề, xa lạ. Trái lại, phần này là những sinh vật đẹp nhất trên thế giới. Và đó
mới chính là vấn đề.

Có một câu chuyện về một Phật tử thích đi u ó r t r ò r à n g . Có l ì n k h i
th ị c a c Ph ậ t là ngài Ananda h ị Ph ậ t, "B ị ch Th ậ t ò n , n g ị t u s
chúng ta ph ị i x th ậ n à o ị v ị ph ậ n ?"

" N g n h ì n h , " là câu Ph ậ t tr ậ l ị .

"N h ị g ị ô i k h i chúng ta không th ậ tránh nhìn h , " Ananda nói. "R ị ta ph ị
l à m s a o ?"

" N g n ó i chuy ậ n v ị h . "

"N u ho à n c n h b ậ t b u c ta ph ị t ị p chuy ậ n v ị h th ậ làm s a o , b ị ch Th ậ
t ò n ?" ngài Ananda t ị p t c h ị .

"Ch ị n ó i v n t t , m t c á c h ậ ch á n h n i m , " c Ph ậ t tr ậ l ị .

c Ph ậ t là m t n g ị n a m , m t n g ị à n ô n g b n g x n g th t . Ng à i h i u
r t r ò r n g không có hình n h n à o có th ậ chi m n g t â m n g ị à n ô n g b n g
h ì n h n h c a m t n g ị ph ậ n . Không có l ị n ó i n à o , không có h n g n à o ,
không có v n à o . Không có s t n g t n g n à o có th ậ chi m n g t â m c a
n g ị à n ô n g g ị n g n h là ý n g h v m t ph ậ n , h không còn có th ậ n g h
n th ậ g ị k h á c .

K h i n g ị n n h ì n m t n g ị n a m h th ậ c n g g ị n g n h th .

ó là lý do t ị s a o c Ph ậ t ã r a n h n g g ị i l u t k h t k h e c h o c t n g v à
n i . M t t n g s không c n g c h m n ph ậ n v à n t u s c n g không
c n g c h m n n g ị n a m .

K h i h x u t g i a , g ị i l u t c a n g ị t u s Ph ậ t g i á o N g u y ê n th y là ph ị
n g u y n s n g ị c th â n . L ị n g u y n ó k h á k h ó g ị , n h n g n u b n b t u
n g c h m n n g ị k h á c g ị i , th ậ g n n h không th ậ n à o g ị c . M t c á i
ô m h a y m t n h ò n n h c n g có th ậ á n h th c l ò n g h a m m u n , s q u y n
l u y n . M à ó c h ì n h là n h n g ị u mà chúng t ô i c g n g c h n g k h i chúng t ô i
ã c h n ị t h e o c o n n g c a Ph ậ t .

h ị B h a v a n a , chúng t ô i r t c o i t r n g c á c g ị i l u t t u v i n . K h á c v ậ n g l a i
v à c á c c s c h ù a c y ê u c u p h ị g ị t á m g ị i l u t , b a o g m n g g ị i
c n g th ậ m t s g ị i c h ù a n a là : không n s a u g ị n g , không có n h n g
h o t n g t ì n h d c , không có n h n g g ị i t r ậ n h x e m t r u y n h ì n h a y n h y
m ú a .

C á c g ị i l u t n à y n h m b o v h n là h n c h chúng ta . Chúng b o v chúng
ta b n g c á c h l o i b n h i u h o t n g k h i n chúng ta x a o l ậ n g v i c t u th ậ n
m t c á c h n g h i ê m c h n h .

Tôi luôn cảm thấy rằng chúng tôi không cần phải đi tìm kiếm các gì để thu hút thêm những người trung tâm của mình. Nhưng cảm thấy gì để đi tìm kiếm khác, không muốn thì họ không cần, như thế cũng không sao. Vì có người khác cần. Người ta luôn có lòng tôn kính các gì để đi tìm kiếm. Khi họ thấy chúng tôi sống như thế nào, họ rất cảm kích. Họ sắp xếp những các gì để đi tìm kiếm một cách vui vẻ, dù cho đó là một khóa tu cụ thể hay dài lâu.

Hàng ngàn tán thán vì chúng tôi đi vào hành thiền Bhavana chỉ dựa vào *dana* (tín cúng dường), thay vì bất kỳ phí tổn gì. Không có lệ phí nào cho các hoạt động như thuyết pháp, các khóa tu hay các lễ lạy. Chỉ có một thùng phở sữa trong phòng ăn, và một hộp bao thuốc nhai bên. Các vị khách muốn cúng dường bao nhiêu, tùy họ.

Đây là một truyền thống lâu đời trong giáo lý của Phật. *Dana* được theo dõi trong Pali có nghĩa là "ràng buộc". Phật Pháp luôn luôn coi là vô giá, vì thế không thể áp đặt cái giá nào lên nó; nó chỉ có thể được ban tặng, không tính toán.

Một điều hiển nhiên, cái gì cũng có giá. Suy cho cùng đây là một nền kinh tế tài chính. Người bán sẽ cho bạn biết sản phẩm của họ giá bao nhiêu, và bạn, là người tiêu dùng phải quyết định sẽ trả bao nhiêu tiền để mua sản phẩm đó. *Dana*, trái lại, có nghĩa là ràng buộc, người tiêu dùng phải quyết định rằng mình sẵn sàng trả giá bao nhiêu. Bạn tự xét mình muốn trả bao nhiêu, chỉ hy vọng là bạn đã công bằng.

Trong nền văn minh hóa Mỹ, *dana* là một thông điệp mạnh mẽ. Lần đầu tiên nghe về nó, người ta thường nghĩ rằng nó là một sự lừa dối. Họ khó tin rằng toàn thể tu viện và trung tâm thiền này được xây dựng dựa trên lòng tin và sự ràng buộc của con người. Sự thật là chúng tôi vào *dana*, lòng tin rằng chúng tôi sẽ được hỗ trợ khi cần, là điều hiển nhiên. Mọi người đều nhận ra rằng nó đã mang lại cảm giác an tâm và trí tuệ cho mọi người. Tôi nghĩ rằng họ tin tưởng chúng tôi hơn vì rõ ràng chúng tôi không có ý lợi dụng gì cả. Thay vào đó, chúng tôi ban tặng cho họ một điều gì đó.

Trong lúc ban đầu, tôi cảm thấy rằng quy tắc không phải là Bhavana mang đến niềm cảm hứng văn minh nào. Tôi không muốn trung tâm này được coi là một ngôi chùa Sinhala, hay một trung tâm tu thiền Mahayana hay một thiền viện Phật giáo. Tôi muốn nó là một nơi mà mọi người đều có thể truy cập, và mọi người đều có thể đến, người nghèo cũng như người giàu, người trẻ cũng như người già, người có thể đi thiền hành, tất cả.

Đôi khi tôi ước mong rằng các vị khách của chúng tôi phải được khuyến khích. Phật giáo Á châu theo truyền thống không ghi danh cho các Phật tử chùa. Họ ghé thăm bất kỳ khi nào họ muốn cúng dường, cần tham vấn một vấn đề gì đó, hay cần làm lễ cầu an cho một em bé sắp sinh. Họ luôn luôn đi vào

nh ngày r m. i v i h , chùa là m t n i r t tuy t v i th giã n v i gia ình và bè b n.

Ng i M , trái l i, òi h i m t không khí có quy c h n. H luôn h n tr c khi n trung tâm. Và v a n n i là h tham kh o xem th i khóa bi u chùa có gì, vì th h bi t rõ ràng h ph i làm gì t ng gi trong ngày. H mu n tìm chùa m t không khí t nh l ng và tr m ngâm.

Th i gian m i u h i Bhavana, khi ch có m t cánh c a duy nh t ng n chia thi n ng và nhà b p, th ng có nh ng s xung t v n hóa x y ra. Ng i Tây ph ng thì im l ng, ng i nh m m t trên chi u thi n trong thi n ng. phòng bên c nh, m t nhóm ng i Sinhala và Thái trò chuy n l n ti ng trong lúc chu n b b a n th nh so n cho các v t ng ni.

Gi thì t t c chúng tôi u h c s ng hòa h p v i nh ng s khác bi t c a nhau m t cách d dàng h n, và tôi ngh ó là m t i u t t. Ng i Á châu b t u ng ng m s tinh t n th c t p thi n quán c a ng i Tây ph ng, và ng i Tây ph ng c ng thán ph c tâm chân th t, t t p, r ng rãi c a các v khách ng i Á châu. Bu n thay, lòng tôn tr ng l n nhau quá hi m hoi trên th gi i này.

N m 1983, cu c n i chi n ã bùng n Tích Lan. S xung t ã âm t khi t n c giành c c l p t ng i Anh vào n m 1948. Hai nhóm thi u s m nh nh t -ng i Sinhala (mà a s là Ph t t) và ng i Tamil (a s theo n giáo) -l p t c b t u t n công nhau.

Ng i Sinhala cho r ng ng i Anh ã dành nhi u quy n l i cho nhóm ng i Tamil b ng cách xây d ng cho h tr ng t t, cho h nh ng công vi c l ng cao. Vì th , ng i Sinhala òi c n bù. Vào n m 1956, m t ng i Sinhala, tên là Bandaranaike, ã th ng cu c tranh c qu c h i. V a vào c qu c h i, ông v n ng tuyên truy n s bi n ti ng Sinhala thành ngôn ng chính th c Tích Lan.

i u ó khi n cho ng i Tamil n i gi n và làm cho h c m th y b b r i. M t phong trào ch ng chính ph bí m t n i lên trong nhóm ng i Tamil. M t thanh niên tr háo chi n tên là Prabhakaran, kêu g i nh ng ng i tr tu i tình nguy n ánh bom t sát. Anh ta tiêu di t nh ng ng i lãnh o Tamil khác mà anh ta coi là k thù c a mình. N m 1983, nhóm “Nh ng Con H ” Tamil c a Prabhakaran b t u cu c t n công u tiên c a h , gi t h i m i ba ng i lính. áp tr , bi u tình n i lên kh p n i trong x .

K t ó ã có m t cu c chi n tranh m máu gi a ng i Sinhala và ng i Tamil. Su t g n hai m i n m c a cu c n i chi n, 65.000 ng i ã ch t.

Cu c b o ng này ã làm tôi r t bu n, và tôi c g ng không ng phe nào. Nh ng n m 1983, tôi c bi t v 500.000 ng i t n n, nhi u nh t là ng i Tamil, b k t các tr i t n n mi n B c Tích Lan. Lúc ó tôi v n còn chùa Ph t giáo Washington. Tôi li ng i m t lá th n t t c thành viên c a chùa kêu g i h óng góp cho qu c u tr nh ng ng i t n n. R t nhi u ng i công kích tôi vì ã ng h ng i Tamil.

Tôi tr l i r ng, tôi không c n bi t h là ng i Sinhala hay ng i Tamil – nh ng h là nh ng chúng sinh ang au kh . Ch vì lý do ó, tôi mu n giúp h .

M t l n khác, tôi ang gi ng Pháp cho m t nhóm ng i Sinhala Ottawa. Có ng i h i v ng gi i. V gi i u tiên, c m sát sinh, tôi nói ó là m t gi i lu t vô i u ki n. Có ngh a là không c gi t h i trong b t c hoàn c nh nào.

Gi i th ba (c m tà dâm) và gi i th n m (c m r u và nh ng ch t gây ghi n) là nh ng gi i lu t có i u ki n, tôi nói. Nh ng gi i lu t này có th c uy n chuy n phù h p v i m t vài hoàn c nh nào ó. Thí d , v hay ch ng có th hành d c v i ng i hôn ph i c a mình. Ho c ng i ta có th dùng các lo i thu c có ch a r u hay u ng chút ít r u n u i u ó không nh h ng n chánh ni m.

Nh ng i v i gi i th nh t, c m sát sinh, không có i u ki n. Ngay c khi chúng ta gi t h i b o v b n thân, gia ình mình hay qu c gia mình c ng không úng. Tôi có th th y m t vài khuôn m t cau mày, t v ph n i khi tôi nói nh th .

Sau ó, m t ng i n nói v i tôi, "Bhante, n u S gi ng nh th Tích Lan, s s không s ng c n ngày mai. Kêu g i b t b o ng là vi c không nên làm lúc này ó."

Tuy nhiên, M , không ph i là quan i m chính tr gây cho tôi nh ng khó kh n, mà ôi khi chính là chi c y tôi m c.

M t l n tôi n vi ng m t v bác s ng i Sinhala giàu có, s ng St. Louis. Ngoài tôi, v bác s còn m i b n t ng s khác n a, th c hi n m t nghi l c bi t cho ông. Tr c khi bu i l b t u, chúng tôi i vòng quanh công viên phía bên kia ng. Không lâu sau, m t chi c xe c nh sát u t p vào l c nh chúng tôi. Viên c nh sát b c ra kh i xe, h i chúng tôi ang làm gì.

"Chúng tôi ang i b ," tôi nói. "Chúng tôi ã làm gì sai à?"

V c nh sát nói r ng g n ây có m t s v tr m c p trong khu v c. Và m t ng i dân c ng trong vùng ã g i c nh sát báo r ng có ba k l m t lu n

qu n trong công viên. Sau ó viên c nh sát b t u th m v n tôi m t cách c n k , m t cu c th m v n mà tôi ch a bao gi ph i tr i qua nh sau:

Tôi t âu n? Tôi làm gì St. Louis? Tôi ang âu? ã t ng ph m t i gì ch a? Tên cha? Tên m ? Cha m tôi làm ngh gì? Tôi ã l p gia ình ch a? Có con cái không? Ai ã m i tôi n ây? T i sao?

R i anh ta h i thêm tôi cao bao nhiêu, n ng bao nhiêu và có d u v t gì c bi t trên ng i không. Sau ó anh ta còn h i s an sinh xã h i c ng nh xét visa c a tôi.

Tôi tr l i t t c m i câu h i c a anh, nh ng th c s i u tôi mu n làm là ch h i anh ta m t câu n gi n: Ông ã bi t bao nhiêu k tr m c p mà l i qu n mình trong nh ng chi c áo vàng r c r , r i l i r o b c trong công viên trong m t bu i sáng nh th này?

ôi khi tôi c ng thu hút s chú ý c a các nhân viên b o v an ninh phi tr ng. Suy cho cùng, ch c h n là vì màu da en và y ph c khác th ng c a tôi. Y c a tôi có r t nhi u ng n, trong ó tôi có th gi u ma túy hay v khí.

M t l n Denver, tôi b m t nhân viên b o v trì kéo vì cô ta không tin ng mu i nh tôi mang trong túi th c s là mu i. "Tôi dùng súc mi ng. C tôi b viêm," tôi gi i thích.

Cô ta nh t quy t g i c nh sát phi tr ng và m t chuyên viên v ma túy. K t qu là tôi tr chuy n bay i Vancouver và ph i i tám ti ng ch chuy n bay k ti p.

M t l n khác n a, tr v nhà n phi tr ng Dulles sau chuy n i ho ng pháp Âu châu, tôi g p m t ng i b n M . Khi ông i qua c a h i quan cùng v i tôi. Các nhân viên h i quan nh y s vào chúng tôi. B n tôi b o v i h , tôi là m t tu s Ph t giáo trên ng v nhà sau m t khoá tu thi n, nh ng h c oan ch c là tôi tàng tr cocaine. Chúng tôi ph i gi i thích r t lâu m i có th i qua c.

Trong nh ng tr ng h p nh th , tr c ây tôi th ng gi im l ng, nh ng gi thì tôi c ng r n h n. Tôi nói v i các nhân viên h i quan r ng h không có quy n làm khó d tôi, khi mà tôi r t s n sàng h p tác và ng ý m tuí xách c a mình ra.

"Tôi không có gì che gi u," tôi luôn nói v y. R i tôi t ng cho các viên ch c kia m t n c i th t t i và tr i lòng t bi n h .

Chương 27: Trở lại ngôi đền Nayaka ở Bắc Mỹ

Khi tôi đến Tích Lan năm 1985, một hình ảnh cảm động nhất tôi đã gặp là ngôi đền này. Tôi nhớ một cách đặc biệt danh từ trong tông phái của tôi: danh từ của ngôi đền là ngôi đền Nayaka ở Bắc Mỹ.

Nói một cách ngắn gọn, danh từ này có nghĩa là "trở lại ngôi đền và tôi". Tôi nghĩ rằng vì chúng tôi đã gặp nhau bên Thiên Chúa giáo. Nó có nghĩa là về mặt tinh thần và cao nhất trong tông phái của bạn, một vùng nào đó (trong trường hợp của tôi là Mỹ và Canada). Và đó là một trải nghiệm cho đến tận bây giờ.

Tôi cũng có suy nghĩ về việc này, nhưng cho rằng danh từ này không thích hợp cho tôi. Tôi không nghĩ rằng mình đã có đóng góp gì to lớn xứng đáng cho danh từ này. Vì vậy, còn có một vấn đề trong tông phái của chúng tôi, thu nhập hàng triệu đô của tôi, sống ở California, nhưng mà tôi nghĩ rằng xứng đáng vì danh từ này là tôi. Vì thế tôi đã từ chối.

Tháng 3 năm 1996, lúc tôi đang ở Norway thì người bạn tôi đã gọi tôi về nhà. Chúng tôi đã nói chuyện với nhau về việc này, nhưng lòng chấp nhận lại không. Tôi từ chối. Vì vậy tôi đã tái di chuyển khi tôi đến trung tâm nghiên cứu trên chuyến đi của mình: khi tôi thấy mình, hãy đi, gia đình tôi, và tôi từ chối.

Khi tôi ở Pháp, tôi có một tin báo cho tôi: "Xin hãy suy nghĩ lại," báo chí tin báo ghi. Tôi không trả lời báo chí.

Khi khóa tu kết thúc, tôi trở lại với Bhavana. Có một vị khách từ Tích Lan đang chờ đợi. Ông đã cố gắng trao tay tôi lá thư của cái y ban quốc gia quy tụ tôi trở thành ngôi đền Nayaka.

Tôi nghĩ có thể sẽ như vậy. Tôi biết thân quen và bạn bè của tôi sẽ rất hạnh phúc. Vì thế tôi xuôi lòng.

Tôi đã dành nhiều giờ ở Úc hàng tuần mùa hè năm đó. Tôi đã dành nhiều giờ ở Tích Lan, trên đường đi, nhưng không danh từ. Tôi không nghĩ đó là một sự kiện lớn lao gì, nên đã tính sơ sơ một ngày.

Tôi đến Tích Lan lúc 1:30 sáng, ngày mùng 4 tháng 7, 1996. Nghỉ qua đêm phòng chờ tại Vidyalankara Pirivena, trường Phật học mà tôi đã ra trường năm 1952.

Sáng hôm sau tôi đã đến Kandy, vào phòng thiền của tông phái Siyam Nikaya của Phật giáo Nguyên thủy Tích Lan. Khi đến nơi, tôi kinh ngạc thấy một đám đông khoảng hai trăm người chờ đợi tôi - tất cả

u là hàng hay bán bèc. Tôi đã viết thư cho một vài thành viên trong gia đình báo với họ rằng tôi sẽ ghé thăm, nhưng Thằng tạt tử Vajira, người tổ chức công trình, đã viết thư báo cho những người khác.

Tôi bước ra khỏi xe và nhìn ra những khuôn mặt tôi đã không gặp bao nhiêu năm nay. Những người tôi còn không nhìn ra cho đến khi họ xưng tên. Em gái tôi, Sita đã sắp đặt một bữa tiệc trưa cho tôi và những người khác đến thăm tôi. Tích Lan đã đưa tôi về đây.

Sau bữa trưa, lúc tôi đang cố gắng tiếp xúc với khách cồng tồng, thì một vị tu sĩ nhìn thấy tôi báo rằng người ta đang chờ tôi ở chùa Pahamune, ngôi chùa của thầy cô giáo tôi. Ồ, tôi cảm thấy lạ và cố gắng tìm kiếm vàng miếng trong đống này.

Không lâu sau đó một người nhìn thấy tôi báo rằng đã sẵn sàng tiến hành âm mưu. "Âm mưu gì?" tôi nghĩ. Tôi hoàn toàn không ngờ rằng những người lạ đang đứng trước mặt tôi; tò mò, tôi bước ra ngoài.

Có một hàng dài khoanh vai trên đường. Tôi hoàn toàn không biết họ là ai, tất cả đều nhìn tôi. Tôi cố gắng nhìn họ ám mưu, chỉ sau một buổi nói chuyện ngắn thì họ nói: "Chào mừng và trở lại ngôi đền tôn giáo phái Nakya". Sau lưng tôi là các nhạc công, kèn trống, người thổi sáo, người thổi kèn, và các âm thanh màu sắc. Mọi người đều trong trạng thái phấn khích và cảm thấy vui vẻ, tôi cũng như những người khác. Tôi là một thành viên chính quy trong dàn nhạc, kể cả ở Bộ phận phòng.

Âm mưu dài hạn của thầy cô, và họ đưa chúng tôi đến chùa Malwatta. Ồ, tôi sẽ cố gắng nhìn những mâm quả khoanh hai mặt và ca tụng đức tôn giáo phái Siyam Nikaya, gần gũi với những gì tôi đã làm vào ngày thứ hai của tôi bốn mươi chín năm trước. Giờ đây, chúng tôi ở phòng công nghiệp kín đáo và im lặng, dây thừng xung quanh phòng được chia sẻ và tu sửa. Trời nóng nồm, tôi tuôn đổ mồ hôi. Tôi liếm lưỡi và ăn một ít bánh mì. Mùi hoa nở trên bàn thờ, cùng với khói nhang dày đặc khiến cho không khí thật ngột ngạt. Tôi hy vọng rằng mình không gặp ngay lúc đó.

Thằng tạt tử Vajira trao cho tôi chiếc mâm đầu tiên, báo tôi mang dâng cho vị Lão Sư của tôn giáo phái, người đang ngồi trên bậc, phía bên phải lối đi.

Tôi cảm thấy tâm linh với Lão Sư và quá khứ của ông. Ông nói vài lời như lòng biết ơn của ông dành cho những công việc của tôi.

Sau đó, Thính tá Vajira đưa cho tôi tờ giấy cầm tay, tôi mang nó cho mẹ tôi chín tờ còn lại, ngi phía bên trái theo hướng tuấn tác. Các thầy của tôi đã mất, chỉ còn một vị, ngài đã có một ngày hôm đó -Thính tá Parawahera Pannananda Nayaka Mahathera. Ông đã tám mươi tám tuổi, ở Colombo này chúng tôi vẫn còn danh dự này.

Khi cúi chào và dâng giấy cầm tay lên cho ông, tôi thấy một ông già. Mẹ tôi cũng già.

Sau khi tôi ngi xuống, thầy thầy ký một tờ giấy màu trắng và lấy ra một cuốn sách nhỏ với tên tôi là Thính tá Thính tá Nakyā. Ông chỉ nói hai từ tiếng Sinhala và tiếng Anh, rồi yêu cầu tôi bước ra phía trước nhà lãnh đạo ở tay trái Lão Sĩ.

Vài tờ giấy đi xuống tiếng Sinhala. Vị thầy thầy quỳ phòng cũng nói vài lời khi các vị thầy ông hướng ra đi. Và rồi bắt đầu thức.

Đám ông bao quanh tôi chúc tụng. Mười phút sau, tôi bước ra xe và chui vào chiếc Răng, nơi chúng tôi sẽ hành một nghi lễ bí mật. Tôi được phép chiêm ngắm xá lợi Phật trước khi dâng cúng lên Phật một mâm bánh hoa trái.

Nhiệm vụ của tôi cùng trong ngày đó của tôi là nhìn nhận vị thầy già của một tông phái khác thuộc tông phái chúng tôi. Ông cũng bày tỏ sự vui mừng vì tôi vẫn còn danh dự này, và tôi cũng dâng ông một chiếc yếm.

Rõ ràng là tôi phải đi Tích Lan hôm nay, vì thế tôi hòa mình chung vui với bạn bè, gia quyến, và các huynh đệ đồng tu. Ngày hôm sau, những cuộc tiếp đón khác lại diễn ra, mỗi lần một nơi khác. Trong bốn ngày, có nhiều buổi lễ, tôi cũng phải đi nơi này nơi khác, bắt đầu mà nghĩ ta của tôi.

Một trong những buổi diễn ra ở Vidyalankara Pirivena, ngôi trường của tôi, gần Colombo. Đó, chúng tôi sẽ đón tiếp một ban nhạc nổi tiếng từ các buổi lễ của tiểu bang. Thứ hai, Bà Sirimavo Bandaranaike, trao cho tôi bằng khen.

Một buổi khác diễn ra ở chùa nơi tôi lớn lên ở gia đình. Đó cũng có một đám rước dành cho tôi. Vị thầy giáo thì xa làng Maladeniya cũng có một vị ông già rất lớn tuổi, ông bắt tôi từ khi tôi còn là chú tiểu. Ông đã đi bộ suốt khoảng đường đi hành, chỉ bên cạnh xe tôi đi, vào xe và nói chuyện với tôi qua cửa sổ. Tôi mời ông lên xe ngồi với tôi, nhưng ông từ chối. Sau đó tôi nói, tôi sẽ xuống đi bộ với ông, nhưng ông cũng không nghe.

M t êm ng i ta t ch c l t ng kinh su t êm cho tôi, m t chùa ngo i ô Kandy. Tôi không tham d ; mà ch l ng nghe. M i hai v t ng t ng kinh c u an cho tôi. Tôi ã t ng nh ng bài kinh này quá nhi u l n trong i, c u an cho ng i khác, gi tôi là ng i c c u nguy n cho, tôi không kh i có c m giác b ng .

Su t n m ngày l h i, tôi r t c m ng khi có nhi u ng i t lòng trân tr ng công vi c tôi làm, d u ph n l n các công vi c ó không x y ra Tích Lan. Su t b n m i l m n m, tôi ã d c h t s c l c c a mình ho ng pháp nh ng x s xa l , không ph i quê h ng c a tôi. Nh ng tôi ã nghe nhi u v tr ng lão t ng khuy n khích các t tr c a h noi theo g ng tôi, h c sinh ng có th i ho ng pháp n c ngoài, em l i danh d cho Ph t giáo và Tích Lan.

Tuy nhiên t hào là m t vi c nguy hi m. ó là m t s bám víu m nh m và khó ch ng . chi n th ng nó, tôi luôn nh c nh mình r ng trong su t nh ng n m qua, tôi ch c g ng s ng theo Pháp và gi ng Pháp cho ng i khác, càng nhi u càng t t. Vì th , th t ra không có gì tôi ph i t măn.

Bu i ti p ón cu i cùng là làng quê c a tôi, Henepola. c t ch c trong gi ng ng c a chùa.

Ng i v góa c a anh Rambanda c ng có m t, v i b n a con. M t trong nh ng ng i c u c a tôi c ng n, cùng v i các cháu n i ngo i c a ông.

Ba ch em gái c a tôi, Bisomanike, Bandaramenike và Sita Ekanayaka và con cái c a h c ng ã n Kandy ch ng ki n bu i l hoành tráng n i tôi ch p nh n danh hi u Tr ng T ng oàn Nayaka. Nh ng tôi ngh bu i h p m t n gi n ngay t i làng quê c a chúng tôi mang nhi u ý ngh a h n i v i t t c chúng tôi.

M t v bô lão Henepola ng lên chào ón khách và tôi ph i khó kh n l m m i nh n ra ông. Ông tám m i ba tu i, tên là Puncibanda, trùng h p m t cách ng u nhiên v i tên cha tôi.

"Tôi nh l i khi gi ng ng này c xây lên," ông nói, gi ng t quăng vì xúc ng. "Chính là cha c a Bhante Gunaratana ã xây nó. Không ai có d ng c máy móc vào nh ng ngày ó, mà c ng không có n i nào mua g t t. Chúng tôi ch có nh ng viên g ch thô s , t làm t i nhà."

N c m t l n dài trên g ng m t v bô lão.

"Nh ng chùa c n m t gi ng ng. Chúng tôi không có n i nào trong làng m i ng i có th t h p, vì th ông Puncibanda ã xây d ng n i này cho chúng tôi. Ông y ã xây khéo n n i cho t i ngày nay, b y m i l m n m

sau, nó vẫn còn trẻ và trẻ. Và hôm nay chúng ta danh danh có một cây
ón típ con ông y, ngài đã xuất gia, ngài đi xa truy n bá Ph t Pháp,
và đã giành được danh d l n lao này."

Các chị em gái của tôi lúc đó đều khóc. Tôi cũng cảm thấy mình
ngào trào dâng trong lòng, nhưng tôi cũng không khóc. Dĩ nhiên, ngài tu s
cũng có thể và cũng khóc. Ngài Ananda, vị thầy của ngài Ph t, đã khóc
khi sắp rời ngài đi. Chính tôi cũng đã khóc mấy ngày trước đó, khi
dâng chiếc mâm b c lên vị thầy già yếu của mình. Tôi cũng đã khóc
tàng của cha mẹ tôi, và ngay cả, như tôi đã kể, khi ngài đi n v n nói về
tôi.

Tuy nhiên lần này, tôi là Trưởng Tôn Hoàn Nayaka. Chị em nói lên danh
hiệu của ngài trong lòng ngài và ngài kính trọng, và đó là một danh hi u
tôi sẽ giữ cho đến cuối đời.

Tôi muốn sống cho xứng đáng với ngày ngài đi đó và cũng trên ngài
nhưng ngài đã dành cho tôi vinh dự này. Tôi muốn nâng niu sự cảm nh và s
hoàn mỹ của một truy n th ng 2,500 năm tu i.

Dù vậy, một tôi cũng muốn. Tôi không thể không mình.

Suy cho cùng, tôi cũng chỉ là một đứa con.

Một đứa con đã trở về quê hương Henepola.

---o0o---

L i c u i

Năm nay tôi đón sinh nhật thứ bảy mươi lăm của mình. Khi nhìn lại quãng
đời mình đã trải qua, tôi bàng hoàng. Bảy mươi năm trước, tôi là một cậu bé
đi chân không, sống trong một ngôi làng r m r p cây, trên một hòn o n

Đúng. Cậu bé đó thì ngài đi tranh đấu cát b ng m t que cây. Hôm
nay tôi là một tu sĩ có trình độ học vấn sau tiến sĩ, với hàng ngàn đ m ng
bay đã tích lũy và một chiếc máy vi tính xách tay G4 lo i m nh, x p
trong hành lý xách tay của mình.

Tôi có bốn bề và tất cả khắp nơi trên thế giới và là cả duy nhất mà tôi
chưa đến là vùng Nam Cực. Quyển sách đầu tiên của tôi, *Chánh Ni m C B n*
(*Mindfulness In Plain English*), đã được dịch sang tiếng Trung Hoa, tiếng Hàn,
Tiếng Ban Nha, Ý, Đức và Pháp. (ND: S Gunaratana chưa biết là quyển sách

ý ã c d ch sang c ti ng Vi t Nam, t a là *Chánh Ni m-Th c T p Thi n Quán*, d ch gi Nguy n Duy Nhiên).

Tôi nói i u này không ph i khoe khoang, nh ng ch ng minh r ng ng i ta có th t n nh ng m c tiêu cao xa, khi h c trang b v i lòng quy t tâm và nghi p lành. Và tôi th c s tin r ng r t nhi u cu c hành trình và nhi u s thành t u c a tôi có c là do nghi p qu t nhi u i tr c c a tôi.

Nh ng tôi c ng luôn t thôi thúc hoàn thi n mình h n. Nhìn l i cu c i mình, tôi c m th y gi ng nh , lúc u tôi là m t ng i i ng khó kh n. R i ng i này c g ng m t cách ch m rãi, kh n kh b c vài b c t i. D n d n khi ã v ng vàng h n trên ôi chân, anh ng c nhìn lên và th y m t ng n i cao ba, b n ch c mét tr c m t. Vì th anh c trèo lên. R i anh ta l i th y m t ng n i khác cao h n chút n a, sáu ch c mét. Anh c ng ã trèo lên ng n i ó n a.

Còn nhi u ng n i n a ti p theo sau. M i ng n l i cao h n ng n tr c ó, và anh ti p t c leo lên t t c , t ng cái m t. D n d n anh th y ng n núi cao nh t ch a t ng th y tr c ó -v i, hùng v. Anh hít th th t sâu vào, t chân này tr c chân kia, r i l n b c t i.

Khi n trên nh núi, anh nhìn quanh và th y nh ng nh núi khác n a. Cu i cùng, anh nh n ra r ng, mình ã không còn s c ti p t c trèo lên n a.

Gi khi ã t n th p k th tám c a mình, tôi ngh r ng tôi s ngh ng i chút nh. Tôi có th i n ki p sau trèo lên nh ng ng n núi còn l i.

D nhiên, tôi v n còn ph i v t qua ng n núi cao nh t. T t c nh ng gì tôi ã v t qua u không áng k , so v i ng n núi phía tr c m t, nh núi vô cùng t n -s giác ng viên mãn, toàn di n, siêu vi t.

Còn trong lúc này ây, cu c s ng v n còn y th thách. M t trong nh ng b n ph n c a tôi là ph i gi gi i lu t c a m t ng i tu khi còn s ng trong th gi i phàm t c. Khi tôi du hành, ng i ta dành cho tôi nh ng ti n nghi v t b c. Tôi trong nh ng khách s n n m sao hay nh ng bi t th sang tr ng có h t m c xây ngay trong i s nh. Nh ng ng i giàu sang lái xe a tôi i trong nh ng chi c Bentley hay Porsche c a h . Có l n tôi còn c ón trong m t chi c Rolls-Royce màu tr ng, mui tr n, và m t l n khác, trong m t chi c tr c th ng c a t nhân.

D u ng i ta c g ng dành cho tôi nhi u vin h d , nh ng tôi c m th y r t b c xúc khi th h ng t t c nh ng s sang c này. Ng i tu s ph i s ng i n gi n. Không r m rà, không òi h i gì h n nh ng nhu c u t i thi u. V y mà

Đôi khi tôi ph i n m trên nh ng chi c gi ng quá m êm n n i tôi ph i bí m t l y m n, tr i ra trên th m ng , v i hy v ng r ng các v ch nhà không bao gi khám phá ra c i u y.

Nhi u b n bè, thân quy n c a tôi v n còn s ng Tích Lan. H v n còn ph i i trên nh ng sàn nhà làm b ng phân bò, gi ng nh tôi ã t ng tr i qua trong th i th u. Tôi ngh v h khi ng i trên nh ng chi c gh h ng nh t êm ái trên các chuy n bay, và tôi không c m c n c m t.

M c d u tôi ã c g ng gi m b t các chuy n du hành nh ng n m g n ây, nh ng nh ng l i m i n d y và h ng d n các khóa tu thi n v n n t kh p các n c trên th gi i. Nh ng n i nh - Canada, Brazil, Malaysia, Singapore, Úc, Scandinavia, Âu châu- tôi i g n nh hàng n m. D u thông hành n các n c c óng y trong h chi u tôi t r t lâu r i.

N m 1977, tôi tr thành công dân n c M , vì th M gi ã tr thành quê h ng. Tôi ã thỏa m n c nguy n c gi ng Pháp b ng th ngôn ng c s d ng nhi u nh t trên th gi i. (ND: ti ng Anh).

H i Bhavana, c ng nh các trung tâm thi n khác, c ng có nh ng khó kh n riêng c a nó: s cúng d ng không u n, nh ng xung t n i b , nh ng k lang thang ghé qua, xin l i, r i ra i v i s ti t ki m c a chùa hay chi c xe c a c ng ng.

Nh ng nh ng ng i trong ban i u hành c a H i v n r t hài lòng v i nh ng thành t u mà H i ã t c. N m 1997, chúng tôi ã xây c m t thi n ng th t khang trang, nh vào s cúng d ng óng góp g n \$150.000 ô c a các nhà b o tr ng i Thái M và Thái Lan.

Thi n ng là m t công trình ki n trúc th t p m t, g n gi ng các v ng cung thánh ng v i nh ng cây xà b ng g thông vàng trông nh b s n c a m t chú cá voi. M t t ng Ph t s , n ng h n ba tr m ký, ng i trên tòa cao d i m t c a s b ng kính kh c h a. Các c a s u c kh c hình lá B , g i nh n lo i cây ã che ch cho c Ph t khi Ngài ng i thi n nh trong êm Ngài t c giác ng . Tôi hy v ng r ng i u này s mang n nhi u c m h ng cho nh ng ai n ây tu hành.

Thi n ng c ng có nh ng ti n nghi v t ch t khác: Ngay c trong nh ng mùa ông kh c nghi t c a West Virginia, các thi n sinh c ng c s i m b ng nh ng ng d n n c nóng d i sàn nhà.

Tôi ã th c hi n nhi u l xu t gia h i Bhavana cho c nam và n c s . M t s là Á châu; còn l i ph n ông là ng i Tây ph ng. M t s v n s ng i tu s ; s khác ã hoàn t c.

Có kho ng hai m i th t r i rác trong r ng trên t c a chúng tôi, và chúng tôi ã xây c ng nh làm m i l i n i i n các thi n sinh có th l i, t ng c ng là chín tòa nhà. Có th ch a n sáu m i khách l i qua êm.

Tôi c m th y cu i cùng tôi ã th c hi n c cách s ng mà tôi ã phác h a ra cho nh ng n m cu i i mình. Tôi không còn ph i s a ch a các ng n c b nhi u, làm m t ng, hay c t c . Tôi không ph i lái xe hay ph i cân b ng s sách. Có ng i quanh tôi làm các chuy n ó.

T t c tác quy n t các sách c a tôi, và ti n cúng d ng c a thi n sinh trong các khóa tu thi n, tôi u b c vào tài kho n ngân hàng c a h i Bhavana. Vào ngày sinh nh t tôi và các ngày l , tôi th ng nh n c các ngân phi u cúng d ng t bè b n và thân quy n.

"Bhante, hãy dùng ti n này cho riêng s ," h nói. " ng b vào qu h i Bhavana."

Tôi ch m m c i, c m n h , r i b t t c vào tài kho n c a h i Bhavana. ó là vi c ph i làm. Tôi là tu s ; tôi không có tài s n. Tôi s ra i nh tôi ã n trong th gi i này -không có s h u. Tài s n mà ta th c s s h u chính là nghi p c a mình.

Tôi không th t ng t ng ra m t cu c s ng nào khác cho mình h n là cu c s ng nh th này c a m t tu s , và c ho ng Pháp. Tôi c sinh ra làm Ph t s ó, và tôi c m th y r t hàm ân vì có duyên lành làm th . Tôi ã c ti p xúc v i nh ng ng i nghèo nh t trong các ng i nghèo, c ng nh giàu nh t trong các ng i giàu, nh ng ng i n i ti ng, nh ng k h ti n, nh ng ng i thánh thi n và nh ng k ác c.

Qua t t c , tôi ã nh n th c c r ng không có gì quan tr ng b ng vi c có th nhìn th y c T thánh trong t t c m i th quanh ta. Tham, sân và si ch ng cu c s ng c a con ng i. Chúng ta ph i c g ng tu hành tinh t n ch ng c nh ng u nhi m này n u chúng ta mu n ch m d t kh au.

Pháp Ph t luôn che ch cho tôi, là cánh dù trong nh ng c n bão t . ó là ch n ng t a mà chúng ta lúc nào c ng có th quay v , n u chúng ta nh c th .

Tôi mong r ng b n c ng s tìm c ch n ng che cho cu c i c a mình gi ng nh th .

---o0o---

Chú Thích

Trong sách này, S. Gunaratana sử dụng các đơn vị đo lường của Anh. Xin ghi chú để chỉ ra đơn vị chuyển đổi:

-Inch/Inches = 2.54 cm

-Foot/Feet = .3048 m

-Yard = .9144 m

-Acre = 4046.86 m²

-Gallon = 3.7858 lít

---o0o---

H t

¹.Ceylon: Tên gọi của Sri Lanka trước đây

².Sinhalese: Ngôn ngữ của người Sinhala, một trong hai dân tộc chính ở Sri Lanka, chiếm 68% dân số, hầu hết theo đạo Phật. Dân tộc lớn thứ hai ở Sri Lanka là Tamil (14%), phần lớn theo đạo Ấn Độ.